

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Những số liệu, tư liệu đưa ra trong luận án là trung thực và nội dung của luận án chưa từng được ai công bố trong các công trình nghiên cứu khoa học nào khác.

Người cam đoan

Nguyễn Huy Tranh

MỤC LỤC

TRANG PHỤ BÌA	
LỜI CAM ĐOAN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG, BIỂU	vi
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI	12
1.1. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	12
1.1.1. Đơn vị dự toán quân đội	12
1.1.2. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	14
1.2. Tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội	24
1.2.1. Khái niệm tài chính hoạt động có thu	24
1.2.2. Nội dung của tài chính hoạt động có thu	25
1.3. Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	32
1.3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	32
1.3.2. Mục tiêu và tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	34
1.3.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu	37
1.3.4. Bộ máy quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	41
1.3.5. Nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	42
1.3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	53
1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu	56
1.4.1. Quản lý nhà nước hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp	56
1.4.2. Kinh nghiệm quốc tế quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	60
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	64
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN	65
2.1. Khái quát về nội dung nghiên cứu của luận án	65
2.2. Phương pháp nghiên cứu chung của luận án	67

2.3. Phương pháp thu thập tài liệu	68
2.3.1. Mục đích thu thập tài liệu	68
2.3.2. Phân loại tài liệu nghiên cứu	68
2.4. Phương pháp thu thập số liệu	70
2.5. Phương pháp nghiên cứu tình huống	76
2.6. Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính	76
2.7. Phương pháp thông kê mô tả	78
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	80
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI	82
3.1. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội qua các thời kỳ	82
3.1.1. Giai đoạn trước khi Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập	82
3.1.2. Thời kỳ đầu thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam	84
3.2. Kết quả tài chính hoạt động có thu các đơn vị dự toán quân đội	86
3.2.1. Kết quả tài chính hoạt động có thu của toàn quân giai đoạn 2005 - 2009	86
3.2.2. Kết quả tài chính hoạt động có thu của một số đơn vị giai đoạn 2005 - 2009	88
3.2.3. Kết quả khảo sát bằng hình thức phỏng vấn và phiếu điều tra	93
3.2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị dự toán quân đội.....	96
3.2.5. Phân tích tổng hợp qua số liệu thống kê tài chính hoạt động có thu	98
3.3. Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	113
3.3.1. Định hướng hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.....	113
3.3.2. Xây dựng hoàn thiện chính sách chế độ và văn bản pháp luật về quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	114
3.3.3. Hướng dẫn lập và quyết định kế hoạch tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội.....	118
3.3.4. Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu.....	121
3.3.5. Kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.....	127
3.4. Đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội	130
3.4.1. Đánh giá kết quả trong việc thực hiện mục tiêu	130
3.4.2. Đánh giá việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.....	135
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	147

CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI GIAI ĐOẠN (2011 – 2020) ..	150
4.1. Định hướng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	152
4.1.1. Những quan điểm chỉ đạo quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	152
4.1.2. Yêu cầu hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	157
4.2. Giải pháp hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	160
4.2.1. Định hướng chiến lược quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	160
4.2.2. Bổ sung hoàn thiện chính sách, chế độ và văn bản pháp luật	162
4.2.3. Chỉ đạo lập và quyết định kế hoạch tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán	167
4.2.4. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	170
4.2.5. Kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	176
4.2.6. Áp dụng thử nghiệm nội dung quản lý tài chính mới cho một số loại hình	177
4.3. Điều kiện chủ yếu để thực hiện các giải pháp quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	180
4.3.1. Thể chế hoá các quy định về tài chính trong hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội	180
4.3.2. Tuân thủ các nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu	183
4.3.3. Nâng cao trình độ cán bộ và tăng cường đưa công nghệ thông tin vào quản lý	185
4.3.4. Công khai minh bạch về cơ chế chính sách trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu	187
4.3.5. Thực hiện tiết kiệm, phòng chống tham nhũng	189
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	191
KẾT LUẬN	193
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	196

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

BQP	Bộ Quốc phòng
ĐUQSTU'	Đảng ủy Quân sự Trung ương
DVĐT	Dịch vụ đào tạo
DVKH	Dịch vụ khoa học
DVYT	Dịch vụ y tế
HĐCS	Hoạch định chính sách
HĐND	Hội đồng nhân dân
KTNN	Kiểm toán Nhà nước
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NĐ- CP	Nghị định Chính phủ
NLH	Nhiều loại hình
NSNN	Ngân sách nhà nước
QĐ	Quyết định
QĐNDVN	Quân đội nhân dân Việt Nam
QK	Quân khu
QP-AN	Quốc phòng - An ninh
SPSS	Statistical Package for the Social Sciences
TCKT	Tổng cục Kỹ thuật
TTCS	Thực thi chính sách
UBKTĐU	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
QLNN	Quản lý nhà nước

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG, BIỂU ĐỒ

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình lập ngân sách theo kết quả đầu ra	57
Sơ đồ 2.1. Những nội dung nghiên cứu của luận án	65
Sơ đồ 2.2. Quy trình giải quyết vấn đề	67

BẢNG

Bảng 2.1: Các bên có liên quan đến hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội	71
Bảng 3.1: Số liệu tổng hợp từ kết quả hoạt động có thu toàn quân.....	87
Bảng 3.2: Số liệu tổng hợp phân phối kết quả hoạt động có thu toàn quân	87
Bảng 3.3: Số chi phí cho hoạt động có thu đã được quyết toán với ngân sách.....	87
Bảng 3.4: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật.....	89
Bảng 3.5: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị TCKT.....	89
Bảng 3.6: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	90
Bảng 3.7: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	90
Bảng 3.8: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự.....	91
Bảng 3.9: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	91
Bảng 3.10: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự....	92
Bảng 3.11: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự	92
Bảng 3.12: Tổng hợp các chỉ số từ phân tích hồi quy.....	109
Bảng 3.13: Nộp ngân sách quốc phòng và nộp cấp trên từ hoạt động có thu.....	123
Bảng 3.14: Nguồn bổ sung kinh phí và nguồn trích quỹ đơn vị từ hoạt động có thu ...	125

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Tổng thu của toàn quân.....	98
Biểu đồ 3.2: Chênh lệch thu chi của toàn quân	99
Biểu đồ 3.3: Chênh lệch thu - chi /Tổng thu (toàn quân)	101
Biểu đồ 3.4: Tổng thu - Tổng cục Kỹ thuật	103
Biểu đồ 3.5: Tổng thu - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	104
Biểu đồ 3.6: Tổng thu - Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	105
Biểu đồ 3.7: Tổng thu - Học viện Kỹ thuật Quân sự.....	107
Biểu đồ 3.8: Tổng chi phí so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009	110
Biểu đồ 3.9: Chênh lệch thu - chi so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009	110
Biểu đồ 3.10: Tổng số chưa phân phối so với chênh lệch (thu - chi) năm 2005 đến năm 2009	110

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng. Đó là sự vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong mấy chục năm qua, cũng là sự vận động của quy luật “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc Việt Nam trong mấy nghìn năm lịch sử.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011- 2015: “Mục tiêu tổng quát năm năm tới là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. [44]

Nhiệm vụ bảo vệ đất nước ta hiện nay không chỉ chống chiến tranh xâm lược, chống chiến tranh “diễn biến hoà bình” chống bạo loạn và lật đổ, bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ chủ quyền quốc gia, chủ quyền biển, đảo, mà còn gắn liền bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân, bảo vệ công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh quốc gia trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ, văn hoá - xã hội.

Trong nhiệm vụ xây dựng của Quân đội hiện nay là chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng độc lập, tự chủ trong tổng thể nền công nghiệp nước nhà, tiến tới xây dựng nền công nghiệp quốc phòng đủ mạnh, đủ khả năng duy trì sửa chữa, sản xuất, từng bước hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tác chiến của lực lượng vũ trang trong tình hình mới. Hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần, tài chính phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao khả năng cơ động của các lực lượng vũ trang, đảm bảo đầy đủ, kịp thời nhu cầu mọi mặt cho huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Trên lĩnh vực

kinh tế, tham gia tích cực có hiệu quả các chương trình, dự án kinh tế xã hội, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trên địa bàn đóng quân, tham gia xoá đói giảm nghèo, xây dựng các vùng kinh tế mới, chống gian lận thương mại, vận chuyển chất ma tuý qua biên giới, ngăn chặn những hiện tượng xâm cư xâm canh, tham gia trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc...

Quân đội nhân dân Việt Nam ngay từ đầu thành lập, đã là đội quân cách mạng, đội quân do nhân dân mà ra, vì nhân dân chiến đấu. Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành luôn phát huy tinh thần tự lực, tự cường, bản chất quý giá đó ngày càng được phát huy đậm nét, vừa huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống bộ đội, vừa hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, tận dụng cơ sở vật chất và công năng nhân rồi tham gia hoạt động làm kinh tế, tạo thêm của cải, sản phẩm dịch vụ phục vụ xã hội, tạo nguồn thu cho quân đội, góp phần cân đối ngân sách quốc phòng, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội, đó chính là nội dung hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội.

Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội đã mang lại nguồn thu quan trọng, vừa góp phần quản lý bộ đội, đảm bảo cân đối ngân sách, bổ sung nguồn kinh phí hoạt động cho các đơn vị trong khi ngân sách được cấp còn nhiều eo hẹp, ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng chưa kịp thời. Nguồn thu này có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế, chính trị, xã hội và góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức chính trị cho cán bộ chiến sĩ quân đội.

Những năm vừa qua hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh, chưa xứng tầm với cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có và sự đầu tư mới hàng năm của Nhà nước và Quân đội. Quản lý nhà nước về tài chính trong quân đội còn một số mặt tính thích ứng, sự phù hợp với hoạt động kinh tế chưa cao; chưa khuyến khích đơn vị phát huy tiềm năng, thế mạnh trong triển khai các loại hình hoạt động có thu. Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội từng bước đáp ứng những yêu cầu trong quản lý nhưng còn có một số nội dung chưa chặt chẽ: khâu lập dự toán; quản lý chi phí; khâu thanh quyết toán.

Một số nguyên nhân chính của những hạn chế nêu trên: nội dung quản lý nhà

nước về tài chính hoạt động có thu chưa rành mạch, đổi mới chậm; trong quá trình tổ chức triển khai hoạt động có thu, những nội dung quản lý tài chính còn có những điểm bất cập: chưa tính hết chi phí đầu vào; chưa hạch toán đầy đủ chi phí nhất là chi phí nhân công và tính khấu hao tài sản; quản lý tài chính chưa khép kín; sự vận dụng trích nộp còn tùy tiện ở nhiều đơn vị dự toán trong toàn quân.

Nghiên cứu toàn diện các nội dung, các khâu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội là cần thiết. Những nội dung nghiên cứu của luận án đi từ thực tiễn hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội gắn với các quyết định, chế tài Bộ Quốc phòng ban hành và lý luận quản lý nhà nước về tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu ở nước ta áp dụng trong quân đội. Mục đích nghiên cứu hướng tới giải pháp là không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu, nâng cao chất lượng quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, minh bạch hoá nguồn thu. Hy vọng kết quả của luận án đóng góp một phần trong chiến lược xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng phát triển đất nước.

Do vậy, tác giả lựa chọn nội dung nghiên cứu “Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội”, làm luận án tiến sĩ có ý nghĩa về mặt khoa học, kinh tế, chính trị, xã hội. Với mục tiêu thông qua nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ thêm lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; minh giải các vấn đề thực tiễn tổ chức thực hiện còn vướng mắc cần giải đáp; góp phần làm rõ quan điểm xung quanh quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội và việc quân đội tham gia làm kinh tế hiện nay, đề xuất kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính.

2. Tình hình nghiên cứu có liên quan

Cho đến nay đã có một số đề tài, luận án, bài viết nghiên cứu liên quan đến hoạt động có thu, quản lý tài chính hoạt động có thu đơn vị dự toán trong quân đội dưới nhiều góc độ khác nhau. Tác giả xin viện dẫn một số công trình như sau:

Trên phương diện đề tài khoa học, có đề tài khoa học về: “*Quản lý tài chính trong nhượng bán vũ khí, vật tư, trang bị*”, năm 2008 của Cục Tài chính - Bộ Quốc

phòng, (vật tư, trang bị nêu trên là các loại đã giảm chất lượng, xuống cấp, lạc hậu không phù hợp và đáp ứng cho các nhiệm vụ quốc phòng, hiện các đơn vị trong quân đội đang nắm giữ và quản lý, được cấp trên cho phép thanh xử lý, nhượng bán tận thu tạo nguồn ngân sách cho quốc phòng). Đề tài đã trình bày cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng tình hình nhượng bán vũ khí, vật tư, trang bị trong quân đội, đi sâu nghiên cứu tại Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật từ năm 2003 đến năm 2007. Đề tài đã tập trung đánh giá thực trạng từ khâu lập kế hoạch, tổ chức quy trình nhượng bán, quản lý tài chính, kiểm tra tình hình kết quả nhượng bán, những thuận lợi, khó khăn khi triển khai và đề xuất quy trình quản lý, theo dõi và xử lý việc nhượng bán, thanh lý vũ khí, vật tư, trang thiết bị tại các đơn vị, đề xuất quy trình quản lý. Tuy nhiên, như tên đề tài đã xác định rõ quản lý tài chính trong nhượng bán vũ khí, vật tư, trang thiết bị, một trong những nội dung nhằm huy động nguồn thu, tận thu nguồn thu, trong nhiệm vụ quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Trên phương diện luận văn, luận án: Luận văn thạc sỹ kinh tế *“Hoàn thiện công tác quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán thuộc Trung tâm Khoa học Kỹ thuật - Công nghệ Quân sự”*, của tác giả Nhân Thái Trung; Học viện Hậu cần, năm 2008. Luận văn đã làm sáng tỏ một số lý luận trong công tác quản lý tài chính hoạt động có thu thuộc Trung tâm Khoa học Kỹ thuật - Công nghệ Quân sự, trên cơ sở phân tích tìm ra những ưu điểm, nhược điểm của công tác quản lý hoạt động có thu tại các viện nghiên cứu thuộc Trung tâm Khoa học Kỹ thuật - Công nghệ Quân sự và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với hoạt động có thu của các viện nghiên cứu thuộc trung tâm trong giai đoạn hiện nay. Tuy vậy một số đánh giá và đề xuất giải pháp chưa có căn cứ khoa học thỏa đáng, chỉ từ những tồn tại trong thực tiễn quản lý tài chính hoạt động có thu mà đưa ra các kiến nghị là chưa có tính thuyết phục, chưa nghiên cứu sâu về bản chất sự việc trong quản lý tài chính dẫn đến những bất cập.

Luận án tiến sỹ kinh tế: *“Đầu tư phát triển các khu kinh tế - Quốc phòng ở Việt Nam hiện nay”*, của tác giả Đỗ Mạnh Hùng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2008. Luận án hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về đầu tư phát triển khu kinh tế quốc phòng, xây dựng hệ thống tiêu thức đánh giá hiệu quả

đầu tư phát triển khu kinh tế quốc phòng. Xác định hiệu quả theo các mục tiêu chính của đầu tư vào khu kinh tế quốc phòng, đó là hiệu quả xóa đói giảm nghèo và hiệu quả an ninh quốc phòng. Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vào khu kinh tế quốc phòng. Các giải pháp này được áp dụng cho hoạt động đầu tư vào khu kinh tế quốc phòng và được cụ thể hóa bằng các biện pháp cụ thể cho từng giai đoạn đầu tư: tiền đầu tư, đầu tư và vận hành các kết quả đầu tư.

Luận án tiến sỹ quân sự: *“Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3”*, của tác giả Phạm Tiến Luật, Học viện Hậu cần, năm 2004. Luận án đã phân tích cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3. Đề xuất một số giải pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3, nhằm chuẩn bị tốt hơn tiềm lực hậu cần cho quân khu.

Dưới góc độ các bài báo khoa học có một số bài như: *“Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tài chính, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm”*, của Đại tướng Phùng Quang Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính quân đội, số 1(69) 1/2008. [87] Một trong các nội dung quan trọng được đề cập đó là: Việc quản lý sử dụng nguồn thu, quản lý hiện vật, đất đai, công sản vẫn chưa được quan tâm đúng mức, một số đơn vị quản lý các hoạt động làm kinh tế, hoạt động liên doanh liên kết còn lỏng lẻo, gây thất thoát ngân sách, tài sản của nhà nước, quân đội. *“Nâng cao chất lượng điều hành ngân sách, đáp ứng yêu cầu hoàn thành các nhiệm vụ của quân đội”*, của Thượng tướng Nguyễn Văn Đước - Ủy viên Trung ương Đảng - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính quân đội, số 5 (73) 10/2008. [51] Nội dung thứ nhất công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2008 được đề cập đó là: Cơ quan tài chính phát huy vai trò kiểm tra đôn đốc, tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quản lý sử dụng nguồn thu tại các đơn vị. Các chỉ tiêu thu nộp phải được thực hiện kịp thời; việc xin cấp lại để sử dụng nhất thiết phải có nội dung, dự án cụ thể, được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt mới thực hiện. *“Khai thác đa dạng các nguồn lực tài chính, xây dựng và đảm bảo dự toán ngân sách năm 2009 hiệu quả, tích cực”*, của Thiếu tướng Phạm Quang Phiếu - Cục trưởng Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính quân đội số 4 (72) 8/2008.

[76] Trong đó có giải pháp khai thác, đa dạng hoá, tập trung cao, huy động tối đa các nguồn lực tài chính để đảm bảo cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được giao. Khả năng đảm bảo ngân sách của nhà nước là rất quan trọng, tuy nhiên chưa đáp ứng hết yêu cầu cấp thiết của quốc phòng. Vì vậy cần đa dạng hoá nguồn thu, tích cực xây dựng dự toán thu trên cơ sở tính toán chặt chẽ khoa học, toàn diện, bao quát hết các chính sách, chế độ thu đã ban hành, xác định các yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến thu ngân sách. *“Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng đơn vị quản lý tài chính tốt hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự”*, của Trung tướng Phạm Quang Phiếu - Cục trưởng Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính quân đội, số 2 (95) 3/2010. [77] Trước yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý và điều hành theo Luật Ngân sách Nhà nước, hướng tới Hội nghị “Đơn vị quản lý tài chính tốt” với nội dung chính sau: đề cao vai trò, trách nhiệm của người chỉ huy đối với công tác đảm bảo và quản lý tài chính, thực hiện tốt Quy chế lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tài chính và tăng cường thực hiện dân chủ công khai. Nâng cao chất lượng lập, chấp hành và quyết toán ngân sách, tăng cường quản lý vật tư tài sản. Tích cực tạo nguồn và quản lý chặt chẽ mọi nguồn thu, chú trọng số thu về khai thác sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế; đẩy mạnh tăng gia, lao động sản xuất, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ. *“Những lưu ý trong hạch toán hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội”*, của Đại tá Thạc sĩ Nguyễn Văn Tuấn; Tạp chí Tài chính quân đội số 6 (74) 11/2008. [100] *“Một số ý kiến trao đổi về quản lý hoạt động có thu”*, của Nguyễn Huy Tranh; Tạp chí Tài chính quân đội số 2 (95) 3/2010. [95] Các bài báo khái quát được thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, những tồn tại trong tổ chức thực hiện những năm gần đây; đề xuất một số giải pháp về chỉ đạo tổ chức thực hiện cũng như định hướng về chính sách, cơ chế quản lý: tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các văn bản pháp quy để hoàn thiện chế độ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, trong đó cần đưa ra tiêu chí để phân loại hoạt động có thu, thống nhất về quy trình quản lý và tổ chức thực hiện trong toàn quân.

Về loại hình hoạt động có thu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ, khám chữa bệnh, loại hình hoạt động có tính chất đặc thù; sử dụng lao động nhiều, cơ sở vật chất và trang thiết bị quân đội đang quản lý, khó phân định rõ chi phí thực

hiện nhiệm vụ chính trị với chi phí làm dịch vụ, doanh thu từ hoạt động sản xuất làm kinh tế lớn, cần được nghiên cứu và có mô hình mới áp dụng cho phù hợp.

Những đề tài, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, bài báo khoa học này cho thấy được bức tranh chung đề cập đến tập trung nguồn thu, quản lý nguồn thu, các đơn vị quân đội tham gia làm kinh tế (đơn vị dự toán), công tác hạch toán kế toán hoạt động có thu; nhiều nội dung được đề cập trong các đề tài là nguồn tài liệu phong phú cho tác giả tiếp tục nghiên cứu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu những nội dung lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, hoạch định chính sách chế độ, thiết lập trật tự quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, đề xuất các giải pháp phù hợp vẫn chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống.

Tác giả nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, với các nội dung chủ yếu đó là: nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp trong quản lý tài chính, các nội dung lý luận và thực tiễn cấp thiết trong việc hoạch định chính sách chế độ, hướng dẫn chỉ đạo áp dụng vào đơn vị dự toán quân đội hiện nay. Nghiên cứu nguồn tài chính hình thành từ hoạt động có thu và nguồn ngân sách có liên quan đến hoạt động có thu, về xác định, phân loại loại hình hoạt động có thu, việc quy định chế độ thu nộp và bổ sung kinh phí, đề xuất nội dung quản lý mới phù hợp với thực tiễn và xu thế quản lý chi tiêu công hiện đại. Các nội dung trên gắn với nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội và không trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã công bố.

3. Mục đích nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Phân tích làm rõ những nội dung liên quan đến lý luận và thực tiễn trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội. Đề xuất giải pháp, có cơ sở khoa học nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Nhiệm vụ: Luận giải nội dung chủ yếu thuộc lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, hệ thống hoá những lý luận cơ bản mang tính chủ đạo áp

dụng trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu áp dụng tại đơn vị dự toán quân đội.

Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội thông qua phân tích số liệu tài chính và thông tin phản hồi từ kết quả điều tra khảo sát.

Góp phần làm sáng tỏ các quan điểm, định hướng liên quan đến đơn vị dự toán quân đội tham gia làm kinh tế. Đề xuất và kiến nghị giải pháp có căn cứ khoa học, giúp cho cơ quan hoạch định, xây dựng chính sách chế độ của Nhà nước trong việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tất cả đơn vị dự toán trong toàn quân triển khai hoạt động có thu và cơ quan chức năng quản lý nhà nước về tài chính trong quân đội ở những mức độ khác nhau.

Các đơn vị dự toán quân đội triển khai hoạt động có thu với nhiều loại hình phong phú, đa dạng. Để có số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các khâu của quá trình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, với cách tiếp cận nghiên cứu vừa có tính bao quát, toàn diện, vừa chuyên sâu về một loại hình hoạt động có thu. Từ cách tiếp cận nghiên cứu đó, tác giả tổng hợp số liệu kết quả báo cáo về tài chính hoạt động có thu thông qua báo cáo quyết toán ngân sách và tổng kết công tác tài chính năm của các đơn vị dự toán có quan hệ trực tiếp với Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng với vai trò là đơn vị dự toán cấp 1. Đi sâu tổng hợp phân tích số liệu tài chính hoạt động có thu thông qua báo cáo tài chính một số đơn vị: Tổng cục Kỹ thuật, với đặc trưng là có nhiều đơn vị đóng quân trên diện rộng thuộc nhiều tỉnh và thành phố trong cả nước, có các đơn vị dự toán là cơ quan các cục chuyên ngành, có đơn vị là viện nghiên cứu, các trường đào tạo, trung tâm huấn luyện, các kho, các xưởng sửa chữa, nhà khách, xưởng in... (đơn vị dự toán có nhiều loại hình hoạt động có thu). Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là dịch vụ y tế, khám chữa bệnh. Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự, với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là làm dịch vụ khoa học. Học viện Kỹ thuật Quân sự, với loại hình hoạt động chủ yếu là hoạt động từ liên kết đào tạo, giảng dạy.

Phạm vi nghiên cứu của luận án là quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán trong toàn quân bao gồm: đặc điểm của từng loại nguồn hình thành liên quan quản lý tài chính từ hoạt động có thu; nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; loại hình hoạt động có thu, phương pháp quản lý. Lấy số liệu liên quan đến hoạt động trong thời gian 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009) để phân tích, đánh giá quá trình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, trong đó loại trừ phạm vi quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu thuộc lĩnh vực: nhượng bán vũ khí, nhà và đất quốc phòng, các nguồn thu từ viện trợ, ủng hộ của các chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Phạm vi điều tra đối tượng là các cán bộ tham gia hoạch định chính sách chế độ trong quân đội (tập trung điều tra tại Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng, Cục Kinh tế /Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và Đầu tư /Bộ Quốc phòng); đối tượng là cán bộ thực thi chính sách là các trưởng phòng, ban tài chính, kế toán tại các đơn vị dự toán trong toàn quân (tập trung điều tra nhiều tại các đơn vị dự toán có triển khai hoạt động làm kinh tế). Phạm vi phỏng vấn là các cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia làm kinh tế tại 4 đơn vị: Tổng cục Kỹ thuật; Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự; Học viện Kỹ thuật Quân sự.

5. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin; phương pháp thu thập tài liệu; phương pháp nghiên cứu tình huống; phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính; phương pháp thống kê mô tả; phương pháp phân tích so sánh (được làm rõ ở chương 2 của luận án).

- Các phương pháp nghiên cứu mang tính đặc thù trong quản lý tài chính hoạt động có thu; vận dụng đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng vào thực tiễn nghiên cứu của luận án.

6. Những đóng góp mới của luận án

** Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận*

Luận án phát triển cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, đáp ứng tiêu chí và quan điểm chỉ đạo

chiến lược của Bộ Quốc phòng, theo đó đơn vị dự toán duy trì quy mô và phạm vi hoạt động có thu, chỉ tận dụng năng lực dôi dư, hoàn trả nộp ngân sách nhà nước và ngân sách quốc phòng đủ các khoản chi phí có nguồn gốc từ ngân sách.

Luận án đưa ra quan điểm chủ đạo QLNN về tài chính hoạt động có thu đó là hoạt động có thu không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính và không làm giảm khả năng chiến đấu của đơn vị dự toán, ngược lại cho phép đáp ứng nhu cầu hội nhập và xu hướng từng bước áp dụng quản lý chi tiêu công hiện đại.

Luận án xây dựng tiêu chí tổng quát đánh giá QLNN về hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội trên các nội dung liên quan đến tính hiệu lực, tính hiệu quả, tính phù hợp, tính bền vững; gắn kết và phù hợp với các tiêu chí cụ thể trong QLNN về tài chính hoạt động có thu. Luận án cũng đưa ra tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính, với mức thu nhập thuần từ hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội phải đóng góp cho ngân sách quốc phòng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia quản lý, chỉ đạo.

Luận án chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, bao gồm các yếu tố bên ngoài (trình độ phát triển của đất nước và quân đội; xu hướng phát triển của quân đội các nước trên thế giới; quan điểm của các nhà lãnh đạo cấp cao), các yếu tố bên trong (bộ máy QLNN về tài chính hoạt động có thu; năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý; văn bản pháp quy của nhà nước và quân đội).

**** Những phát hiện, đề xuất mới rút ra từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án***

Trên cơ sở đánh giá nguyên tắc phân bổ nguồn thu, quản lý nguồn thu, luận án nêu được bản chất của khoản chênh lệch (thu - chi) được Bộ Quốc phòng quy định bổ sung kinh phí và khẳng định việc chưa tính đúng, tính đủ các khoản trong chi phí của hoạt động có thu. Theo Bộ Quốc phòng quy định, bổ sung kinh phí chi tiêu cho nhiệm vụ quốc phòng chưa hẳn là toàn bộ phần thu nhập thuần từ hoạt động có thu được bổ sung cho nhiệm vụ của quốc phòng.

Luận án phân tích quá trình phân bổ ngân sách bảo đảm hiện nay được Bộ Quốc phòng giao phân cấp theo nhu cầu và nhiệm vụ, và chỉ ra nguồn thu trong hoạt động có thu

từ nguồn ngân sách quốc phòng là nội dung cần hoàn thiện trong quản lý phân bổ ngân sách quốc phòng hiện nay.

Luận án đề xuất 4 nhóm giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; đề xuất việc áp dụng thí điểm nội dung quản lý mới cho một số đơn vị triển khai hoạt động có thu: gắn với loại hình liên kết giáo dục và đào tạo (Trường Trung cấp kỹ thuật Xe Máy - Tổng cục Kỹ thuật), loại hình dịch vụ y tế khám chữa bệnh (Viện Quân y 7 - Quân khu 3) và loại hình nghiên cứu khoa học và dịch vụ kỹ thuật (Viện hóa Vật liệu - Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự).

7. Ý nghĩa của luận án

Nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội đề xuất các giải pháp mang tính đột phá, khi việc nghiên cứu của các cơ quan chức năng của nhà nước với việc ban hành các chính sách, chế độ chưa kịp thời, những giải pháp chưa áp dụng ngay trong thực tế; tác giả cũng hy vọng nội dung nghiên cứu sẽ tác động thay đổi về nhận thức, góc nhìn quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của nhà hoạch định chính sách, người thực thi chính sách, người tham gia trực tiếp vào hoạt động có thu khi quan tâm đến kết quả nghiên cứu của luận án.

Luận án là tài liệu tham khảo cần thiết, có giá trị cho cơ quan quản lý, hoạch định chính sách của nhà nước ở các cấp, của các đơn vị dự toán trong việc quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính hoạt động có thu.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, các bảng biểu, sơ đồ, các phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu luận án.

Chương 3: Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Chương 4: Định hướng và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội giai đoạn (2011 - 2020).

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI

1.1. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

1.1.1. Đơn vị dự toán quân đội

Quân đội với chức năng, nhiệm vụ của mình, được Nhà nước cung cấp kinh phí hoạt động hàng năm. Bên cạnh nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, các đơn vị quân đội cũng tham gia lao động sản xuất làm kinh tế, tạo nguồn thu tài chính để cải thiện, nâng cao đời sống của bộ đội và bổ sung kinh phí hoạt động khi ngân sách nhà nước, ngân sách quốc phòng chưa đáp ứng được kịp thời.

Đơn vị dự toán quân đội là các cơ quan, đơn vị, nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu là do ngân sách nhà nước bảo đảm. Nguyên tắc cấp phát tài chính đơn vị dự toán thực hiện phương pháp cấp phát không hoàn trả trực tiếp, bảo đảm nhu cầu đơn vị, không phụ thuộc vào việc các hoạt động của đơn vị có mang lại các khoản thu cho ngân sách nhà nước hay không.

Theo Bộ Tài chính quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách, đơn vị dự toán là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, theo đó các cấp đơn vị dự toán như sau:

- Đơn vị dự toán cấp 1 là đơn vị trực tiếp nhận dự toán ngân sách hàng năm do Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao, thực hiện phân bổ giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Đơn vị dự toán cấp 2 là đơn vị cấp dưới đơn vị dự toán cấp 1, được đơn vị dự toán cấp 1 giao dự toán và phân bổ dự toán, đơn vị dự toán cấp 2 được giao và phân bổ dự toán cho đơn vị dự toán cấp 3 trong trường hợp được ủy quyền của đơn vị dự toán cấp 1.

- Đơn vị dự toán cấp 3 là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước), được đơn vị dự toán cấp 1 hoặc cấp 2 giao dự toán ngân sách.

- Đơn vị cấp dưới của đơn vị dự toán cấp 3 được nhận kinh phí để thực hiện phần công việc cụ thể, khi chi tiêu phải thực hiện công tác kế toán và quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy định về mã số các đơn vị có quan hệ với ngân sách” thì đơn vị dự toán là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. [30]

Đơn vị dự toán quân đội là những đơn vị quân đội mà nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu do ngân sách nhà nước đảm bảo, thực hiện chi tiêu ngân sách nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao, thực hiện công tác kế toán và quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng.

Như vậy theo trình bày ở trên nếu là đơn vị dự toán, trước hết là đơn vị được thụ hưởng ngân sách của Nhà nước; sau đó theo quy định về phân cấp ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên sẽ giao dự toán ngân sách cho đơn vị cấp dưới trực thuộc. Đơn vị dự toán có chức năng và được giao nhiệm vụ cụ thể, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ hàng năm đơn vị xây dựng dự toán ngân sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với khả năng bảo đảm ngân sách của Nhà nước.

Quân đội, với chức năng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hàng năm được Nhà nước giao dự toán ngân sách (qua Bộ Tài chính cấp kinh phí hoạt động). Bên cạnh nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, các đơn vị quân đội cũng tham gia lao động sản xuất làm kinh tế, tạo nguồn thu tài chính cải thiện, nâng cao đời sống của bộ đội và bổ sung kinh phí hoạt động.

Đơn vị dự toán quân đội được tổ chức như sau:

- Bộ Quốc phòng quan hệ trực tiếp với ngân sách nhà nước, được gọi là đơn vị dự toán cấp 1 (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là chủ tài khoản).

- Các quân khu, quân đoàn, các tổng cục, các quân, binh chủng và tương đương là đơn vị dự toán cấp 2, trực tiếp nhận phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Quốc phòng, phân bổ dự toán ngân sách cho đơn vị dự toán cấp 3 và cấp 4 trực thuộc, chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng về tổ chức, thực hiện công tác kế toán, quyết toán ngân sách của cấp mình và công tác kế toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc; xét duyệt báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách cấp 3 và cấp 4 trực thuộc.

- Sư đoàn và tương đương là đơn vị dự toán cấp 3, trực tiếp nhận phân bổ dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp 2, phân bổ dự toán ngân sách cho đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc, chịu trách nhiệm trước đơn vị dự toán cấp 2 về tổ chức thực hiện công tác kế toán, quyết toán ngân sách của cấp mình và công tác kế toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc; xét duyệt báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách cấp 4 trực thuộc.

Các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng là đơn vị dự toán cấp 3 trực tiếp quan hệ với Bộ Quốc phòng về ngân sách.

- Lữ đoàn và trung đoàn là đơn vị dự toán cấp 4, trực tiếp nhận phân bổ dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp 3 hoặc cấp 2; chịu trách nhiệm trước đơn vị dự toán cấp 3 hoặc cấp 2 về tổ chức, thực hiện công tác kế toán, quyết toán ngân sách của đơn vị mình.

- Các tiểu đoàn, đại đội không có ngân sách độc lập, là cấp dự toán chi tiêu và thanh quyết toán với cấp trên.

- Đối với cơ quan quân sự địa phương các cấp:

Cơ quan quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quan hệ với ngân sách địa phương cấp mình là đơn vị dự toán cấp 1, nhưng trong quan hệ ngân sách với Bộ Quốc phòng là đơn vị dự toán cấp 3. Cơ quan quân sự quận, huyện trong quan hệ với ngân sách địa phương cấp mình là đơn vị dự toán cấp 1, nhưng trong quan hệ ngân sách với Bộ Quốc phòng chỉ là tài chính cấp phân đội (cấp đại đội, tiểu đoàn).

1.1.2. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

1.1.2.1. Hoạt động có thu và các loại hình hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Các hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán chủ yếu là khai thác các tiềm năng sẵn có về lao động, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật nên các hoạt động này thường gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị. Trên cơ sở tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị mà kết hợp khai thác về lao động phổ thông, lao động kỹ thuật, tận dụng trang thiết bị, phương tiện hay tài sản... (trong điều kiện cho phép) tổ chức các loại hình hoạt động có thu thích hợp, nhằm tạo nguồn cân đối tài chính. Mặt khác, do có sự khác nhau về tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, địa bàn đóng quân,... nên việc tiến hành các hoạt động có thu ở các đơn vị dự toán cũng khác nhau về nội dung, loại hình hoạt động, sự khác nhau đó có thể diễn ra ngay trong phạm vi một đơn vị ở những thời điểm khác nhau. [23]

Tham gia lao động sản xuất và làm kinh tế kết hợp với quốc phòng là một nhiệm vụ của quân đội. Quân đội tham gia vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế ngày càng có hiệu quả, phục vụ tốt sự nghiệp quốc phòng, nâng cao sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, từng bước bố trí lực lượng và tạo thế chủ

động trên các địa bàn chiến lược, đồng thời cải thiện và nâng cao đời sống bộ đội. Ngoài ra còn giữ vững và phát triển năng lực sản xuất, góp phần cân đối ngân sách hàng năm chi cho nhiệm vụ quốc phòng, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ giáo dục - huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và chính sách hậu phương quân đội.

Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội triển khai thực hiện dựa trên cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn có vai trò làm giảm gánh nặng của ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng. Đồng thời hoạt động làm kinh tế của quân đội cũng phù hợp đáp ứng được nhiệm vụ kết hợp kinh tế với việc thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị quốc gia và toàn vẹn của đất nước.

Như vậy, hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội là hoạt động khai thác tiềm năng thế mạnh, phần dôi dư của cơ sở vật chất và nhân lực, được Bộ Quốc phòng cho phép triển khai, nhằm mục đích nâng cao đời sống cho cán bộ chiến sỹ, giảm gánh nặng cho ngân sách trên cơ sở hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Các loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội bao gồm:

1. Các hoạt động có thu của các cơ sở lao động sản xuất và làm kinh tế (kể cả các hoạt động liên doanh, liên kết) của các đơn vị được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập, nhưng chưa đủ điều kiện để đăng ký thành lập doanh nghiệp và không gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị.

2. Các hoạt động có thu của các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, học viện, trường, tận dụng khả năng chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật để làm dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm và giảng dạy; các trung tâm dịch vụ việc làm; trung tâm giáo dục quốc phòng được thành lập và hoạt động đào tạo nghề, tổ chức sản xuất, dịch vụ việc làm theo quyết định của Bộ Tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng.

3. Các hoạt động có thu ở nhà khách, nhà nghỉ, đoàn an điều dưỡng trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ phục vụ quân đội, tận dụng năng lực dôi dư làm dịch vụ nhà nghỉ, hội thảo, hội nghị để góp phần duy tu và nâng cấp cơ sở vật chất, phần hoạt động dịch vụ phải đăng ký và chịu sự quản lý của địa phương.

4. Các hoạt động có thu ở trạm, xưởng, xí nghiệp, xưởng in không thuộc diện đăng ký doanh nghiệp, được tận dụng năng lực dư thừa để sản xuất hoặc làm dịch vụ theo ngành nghề chuyên môn.

5. Các bệnh viện trên cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ khám chữa bệnh cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội và các đối tượng chính sách theo phân cấp, được làm dịch vụ y tế khám, chữa bệnh cho nhân dân.

6. Các hoạt động biên diễn văn nghệ, thi đấu thể thao và các hoạt động văn hóa, thể thao khác của các đoàn nghệ thuật, trung tâm thể thao, thư viện, bảo tàng, quảng cáo trên báo, tạp chí, xuất bản sách, làm phim.

7. Các hoạt động có thu phí như: án phí, lệ phí tòa án, phí kiểm định, phí kiểm định mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị y tế, phí kiểm định phương tiện vận tải.

8. Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ không thường xuyên, mà theo từng công việc do tận dụng thời gian ngoài thời gian huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, như: trông rừng, làm thủy lợi.

9. Các hoạt động thu có tính đặc thù, như: bảo vệ dầu khí, dịch vụ hàng không, đo đạc, khảo sát, can vẽ bản đồ, rà phá bom mìn.

10. Các khoản thu khuyến mại hoặc tiền thưởng mang tính khuyến mại khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

11. Các khoản thu khác như: dịch vụ trông giữ ô tô xe máy, liên kết trồng hoa cây cảnh, dịch vụ bán căng tin...

1.1.2.2. Đặc trưng hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Những tổ chức thực hiện các hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán không phải là đơn vị kinh tế độc lập. Khác với các đơn vị làm kinh tế chuyên nghiệp, các đơn vị dự toán chủ yếu làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Ngoài ra còn tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Các hoạt động này về cơ bản gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị, nên việc tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lý thường gọn nhẹ, không hoàn chỉnh, không đồng bộ, quy mô sản xuất kinh doanh không lớn, ít loại sản phẩm. Về quản lý tài chính, các đơn vị này chưa đủ điều kiện cần thiết để đăng ký thành lập doanh nghiệp hay nói cách khác không phải là đơn vị kinh tế độc lập. [23]

Mặc dù không phải là đơn vị kinh tế độc lập, nhưng khi tổ chức các hoạt động có thu các đơn vị cần phải quan tâm đến hiệu quả kinh tế, xác định trên cơ sở lấy thu bù chi và có lãi. Muốn vậy đòi hỏi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, các đơn vị phải tính đủ, đúng, trung thực các chi phí cho quá trình hoạt động; cần phân biệt những yếu tố chi phí cho sản xuất kinh doanh dịch vụ và những chi phí cho thực hiện các nhiệm vụ chính của đơn vị, nghiêm cấm lấy kinh phí chi cho hoạt động nhiệm vụ chính trị để làm kinh tế và xin quyết toán với ngân sách. Làm như vậy vừa vi phạm kỷ luật tài chính, vừa dẫn tới tình trạng “lãi giả, lỗ thật” và đây cũng là kẽ hở trong quản lý tài chính để các hiện tượng tiêu cực nảy sinh. Đồng thời phải thực hiện đúng quy chế quản lý lao động làm kinh tế của quân đội, quy định về đăng ký kinh doanh, nộp thuế theo quy định.

Chỉ huy đơn vị cơ quan khi tổ chức hoạt động có thu cần tính toán chính xác, cụ thể, xem xét và cân nhắc kỹ lưỡng các tiềm năng sẵn có, đặc điểm nhiệm vụ của đơn vị để có thể quyết định tổ chức hoạt động thích hợp, vừa đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chủ yếu, nhiệm vụ chính trị của đơn vị, vừa phát huy tính chủ động trong tổ chức hoạt động có thu, khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có; đồng thời phải nắm vững đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng nội dung, loại hình hoạt động để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.1.2.3. Phân biệt hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội và hoạt động của đơn vị sự nghiệp

(i) Những nét đặc trưng của đơn vị sự nghiệp và đơn vị dự toán quân đội

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2002/NĐ-CP về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu. Mục tiêu và nội dung cơ bản của Nghị định 10/2002/NĐ-CP là thực hiện việc trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức công việc, sử dụng lao động và các nguồn lực tài chính của các đơn vị. Nội dung tự chủ tài chính thể hiện rõ là giao cho thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có thu đó là: Thủ trưởng đơn vị được quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ cao hơn mức chi do Nhà nước quy định tùy theo nội dung và hiệu quả công việc trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng (Điều 10 Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002). Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ:

Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Tại điểm 2 Điều 1 của Nghị định 43/2006/NĐ-CP; phạm vi và đối tượng điều chỉnh nêu rõ: Đối với Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp có quy trình hoạt động đặc thù và các đơn vị trực thuộc: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị - xã hội được áp dụng theo quy định tại nghị định này. Căn cứ trên Nghị định 10 và Nghị định 43 quy định về đơn vị sự nghiệp có thu và cơ chế tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị sự nghiệp, có thể thấy sự khác biệt giữa hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp và hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội:

Về đơn vị sự nghiệp: Do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, trong đó chủ yếu là do cơ quan hành chính nhà nước thành lập. Căn cứ vào vị trí và phạm vi hoạt động, đơn vị sự nghiệp có thu có thể do Thủ tướng Chính phủ, hoặc Bộ trưởng Bộ quản lý ngành hoặc Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực tiếp ra quyết định thành lập. Đó là những tổ chức được thành lập để thực hiện các hoạt động sự nghiệp, những hoạt động này nhằm duy trì và đảm bảo sự hoạt động bình thường của xã hội, mang tính chất phục vụ là chủ yếu, không đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên. Những đơn vị sự nghiệp trong quá trình hoạt động được phép thu phí để bù đắp một phần hay toàn bộ chi phí hoạt động được gọi là đơn vị sự nghiệp có thu. Đơn vị sự nghiệp được nhà nước cho phép thu các loại như học phí, viện phí, phí cầu, phí đường..., để bù đắp một phần hay toàn bộ chi phí hoạt động.

Đơn vị sự nghiệp có thu là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Các đơn vị sự nghiệp có thu đáp ứng đầy đủ 4 tiêu chí: (1) được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận; (2) có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; (3) có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; (4) nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập. [80]

Đơn vị dự toán quân đội: Là những đơn vị quân đội tổ chức thực hiện các hoạt động có thu, nguồn vốn chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp, nhưng không phải là đơn vị kinh tế độc lập. Khác với các đơn vị làm kinh tế chuyên nghiệp, các đơn vị dự

toán chủ yếu làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên giao (nhiệm vụ chính), ngoài ra còn tiến hành các hoạt động tăng gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ... (gọi chung là hoạt động có thu).

Như vậy, sự khác nhau cơ bản giữa đơn vị sự nghiệp có thu và đơn vị dự toán quân đội đó là:

- Đơn vị sự nghiệp có thu là một đơn vị độc lập, có tư cách pháp nhân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Trong khi đó, đơn vị dự toán thường không phải là đơn vị có tư cách pháp nhân, nếu có tư cách pháp nhân cũng chưa được là pháp nhân đầy đủ khi ký kết với đối tác trong mối quan hệ kinh tế, và không phải là đơn vị kinh tế độc lập (ở góc độ quan hệ kinh tế).

- Khi tham gia hoạt động kinh tế, đơn vị sự nghiệp có thu được phép thu lệ phí để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí; tuy nhiên đây không phải là quan hệ thị trường đầy đủ. Trong khi đó, hoạt động có thu của đơn vị dự toán thường là theo quan hệ thị trường đầy đủ, tức là các sản phẩm từ hoạt động có thu thường được trao đổi theo giá cả thị trường, ngay cả trong trường hợp các sản phẩm này được cung cấp cho các đơn vị quân đội khác (ngoại trừ các mối quan hệ đồng chí, đồng đội).

- Các tài sản của đơn vị sự nghiệp sử dụng cho hoạt động có thu thường là những tài sản chỉ sử dụng cho mục đích tạo ra sản phẩm để thu (góc độ sử dụng tài sản). Trong khi đó, trong các đơn vị dự toán quân đội, tài sản và nhân lực dùng cho hoạt động có thu không hẳn như đơn vị sự nghiệp có thu, vẫn sử dụng vào mục đích quốc phòng của đơn vị. Hoạt động có thu trong đơn vị dự toán quân đội chủ yếu mang yếu tố tận dụng năng lực dôi dư của đơn vị để tạo nguồn thu, nâng cao đời sống cho cán bộ chiến sĩ.

(ii) Đặc điểm hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp có thu và đơn vị dự toán quân đội

Hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp có những đặc điểm:

- Quá trình hoạt động được Nhà nước cho phép thu các loại phí để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí hoạt động, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và bổ sung kinh phí chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị.

- Cung cấp dịch vụ công cho xã hội (thực hiện hoạt động sự nghiệp được Nhà

nước ủy quyền) không gắn với mục đích sinh lợi, dịch vụ công là những hoạt động vì lợi ích chung; dịch vụ công đó có những đặc điểm cơ bản sau:

+ Là những hoạt động phục vụ lợi ích cần thiết cho xã hội, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người, đảm bảo cuộc sống bình thường và an toàn.

+ Những hoạt động này về cơ bản do các tổ chức được Nhà nước ủy quyền thực hiện (có thể Nhà nước hoặc tư nhân), song Nhà nước vẫn chịu trách nhiệm cuối cùng về những hoạt động này. Xuất phát từ vai trò là người đảm bảo công bằng xã hội, Nhà nước phải có trách nhiệm duy trì mục tiêu chính của dịch vụ công.

+ Mọi đối tượng thụ hưởng dịch vụ công đều có điều kiện và bình đẳng như nhau, không phân biệt hoàn cảnh cụ thể về xã hội, chính trị hay kinh tế.

+ Về nguyên tắc, dịch vụ công không phải là dịch vụ thương mại, do đó không tồn tại trong môi trường cạnh tranh và cũng không vì mục tiêu lợi nhuận, hay nói cách khác, việc trao đổi dịch vụ công không thông qua quan hệ thị trường đầy đủ.

Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội có đặc điểm:

- Các hoạt động này về cơ bản gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị, nên việc tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lý thường gọn nhẹ, không hoàn chỉnh, không đồng bộ, quy mô sản xuất kinh doanh không lớn, ít loại sản phẩm. Về quản lý tài chính, các đơn vị này chưa đủ điều kiện cần thiết để đăng ký thành lập doanh nghiệp hay nói cách khác không phải là đơn vị kinh tế độc lập.

- Loại hình hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, đó là sử dụng lao động nhân rỗi của bộ đội triển khai tăng gia quanh bếp, quanh vườn, trên đất đai Nhà nước giao cho quân đội quản lý và sử dụng.

- Đơn vị có nguồn thu từ việc nhượng bán thanh lý tài sản quân đội được cấp có thẩm quyền cho phép; đơn vị có nguồn thu từ cho thuê nhà, xưởng, bến bãi, rà phá bom mìn, dịch vụ hàng không, dịch vụ bảo vệ dầu khí...

(iii) Loại hình hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp và đơn vị dự toán quân đội

Dựa trên tiêu thức về lĩnh vực hoạt động, đơn vị sự nghiệp có thu bao gồm: đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo; đơn vị sự nghiệp y tế; đơn vị sự nghiệp văn hoá, thông tin; đơn vị sự nghiệp phát thanh, truyền hình; đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao; đơn vị sự nghiệp kinh tế; đơn vị sự nghiệp

có thu khác.

Dựa trên tiêu thức về khả năng thu kinh phí của đơn vị; đơn vị sự nghiệp có thu, được phân làm hai loại: đơn vị có thu tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; ngân sách nhà nước không phải cấp kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên cho đơn vị. Đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, ngân sách nhà nước cấp một phần kinh phí hoạt động thường xuyên cho đơn vị.

Ngoài ra căn cứ vào vị trí đơn vị sự nghiệp có thu, được phân loại là đơn vị sự nghiệp có thu ở trung ương và đơn vị sự nghiệp có thu ở địa phương.

Căn cứ vào chủ thể thành lập đơn vị sự nghiệp có thu được phân loại đơn vị sự nghiệp có thu công lập; đơn vị sự nghiệp có thu ngoài công lập; đơn vị có thu của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội do các các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội thành lập; ...

Như vậy, nếu so sánh các loại hình hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội (đã trình bày ở trên) và các đơn vị sự nghiệp có thu theo lĩnh vực hoạt động ta thấy có sự tương đồng, như: hoạt động giáo dục đào tạo, hoạt động y tế, hoạt động khoa học... Đối với những loại hình này nội dung quản lý tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu có thể được sử dụng cho các đơn vị dự toán quân đội. Cụ thể tác giả đưa ra các giải pháp và kiến nghị trong chương 4 của luận án.

(iv) Chế độ pháp lý về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu

Để tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp tăng thu, đảm bảo trang trải kinh phí hoạt động, quản lý thống nhất nguồn thu, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng kinh phí thuộc ngân sách nhà nước cấp, các đơn vị sự nghiệp có thu được tự chủ về tài chính. Đây là một nội dung rất mới của pháp luật tài chính, thể hiện sự thay đổi về chất trong nhận thức về vấn đề quản lý và sử dụng tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu.

Ở góc độ pháp lý quyền tự chủ về tài chính thường được thể hiện trên hai phương diện cơ bản:

Thứ nhất, những đơn vị sự nghiệp có thu ở nước ta hiện nay tài sản vẫn thuộc sở hữu nhà nước là chủ yếu, xác lập và bảo đảm quyền sở hữu của đơn vị sự nghiệp có thu đối với toàn bộ nguồn lực tài chính do ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật như viện trợ, vay

vốn, quà tặng, ... đây là vấn đề cơ bản cốt lõi khi đề cập đến quyền tự chủ về tài chính của bất cứ một chủ thể nào. Đơn vị sự nghiệp thực hiện quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt các nguồn lực tài chính hoặc với tư cách là chủ sở hữu hoặc với tư cách là một chủ thể được Nhà nước ủy quyền. Khi những đơn vị này được thực hiện quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt với tư cách là một chủ thể được Nhà nước ủy quyền thì thực hiện quyền định đoạt phù hợp với ý chí và lợi ích của chủ sở hữu và tự chịu trách nhiệm trước chủ thể ủy quyền khi thực hiện các quyền hạn này.

Thứ hai, xác lập và bảo đảm quyền chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính, như được chủ động bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động sự nghiệp, được xây dựng quỹ tiền lương, tiền công; được lập dự toán thu, chi nội bộ; xây dựng các quy chế chi tiêu nội bộ; được điều chỉnh dự toán thu, chi; kinh phí hoạt động thường xuyên và khoản thu sự nghiệp cuối năm chưa chi hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng; được trích lập và sử dụng các quỹ như quỹ dự phòng bình ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu không chỉ bó hẹp ở quyền sở hữu về các nguồn lực theo quy định của pháp luật và quyền chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính, đơn vị sự nghiệp có thu được cơ chế bảo đảm và hỗ trợ khác để thực hiện quyền tự chủ tài chính như: được vay tín dụng ngân hàng hoặc quỹ hỗ trợ phát triển để mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ. Đối với tài sản cố định sử dụng vào sản xuất, cung ứng dịch vụ đơn vị trích khấu hao thu hồi vốn theo chế độ áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước, số tiền trích khấu hao tài sản cố định và tiền thu do thanh lý tài sản thuộc ngân sách nhà nước được để lại tăng cường cơ sở vật chất đổi mới trang thiết bị của đơn vị. Đơn vị sự nghiệp có thu được mở Tài khoản Tiền gửi ở Ngân hàng hoặc tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu chi của hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ; mở tài khoản tại kho bạc nhà nước để phản ánh các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị sự nghiệp có thu được sử dụng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, sắp xếp và quản lý lao động phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị và tinh giản biên chế theo chủ trương của Nhà nước; thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động phù hợp với khối lượng công việc và khả năng tài chính của đơn vị, các chế độ tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

chế độ đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn đối với người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cùng với việc xác lập và đảm bảo quyền tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp có thu, pháp luật đồng thời cũng mở rộng quyền hạn và nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp. Cụ thể trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước, thủ trưởng đơn vị quyết định chi quản lý hành chính, chi nghiệp vụ thường xuyên cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do Nhà nước quy định trong phạm vi nguồn thu được sử dụng.

Như vậy, từ việc xem xét đơn vị sự nghiệp có thu, đặc điểm hoạt động có thu, loại hình hoạt động có thu, và chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu, so sánh với đơn vị dự toán quân đội có thể rút ra một số điểm chính sau:

1. Từ việc xem xét khái niệm về đơn vị sự nghiệp có thu; đơn vị sự nghiệp có thu và đơn vị dự toán quân đội có những đặc điểm tương đồng: đều là những đơn vị có chức năng, nhiệm vụ riêng và thực hiện hoạt động có thu mục đích chủ yếu không phải sinh lợi. Đối với đơn vị sự nghiệp có thu bên cạnh việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ là cung cấp dịch vụ công cho xã hội, hoạt động có thu nhằm mục đích tăng thu nhập cho cán bộ. Đối với đơn vị dự toán quân đội, bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, hoạt động có thu nhằm mục đích tận dụng những năng lực dôi dư. Tài sản của đơn vị sự nghiệp có thu và đơn vị dự toán quân đội cơ bản đều là các tài sản của nhà nước.

2. Bộ Quốc phòng có các quy định riêng về quản lý tài chính và tài sản quân đội. Các đơn vị này không vận dụng chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu. Nghiên cứu chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu sẽ rút ra kinh nghiệm cho quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu cho một số loại hình như hoạt động y tế khám chữa bệnh tại một số bệnh viện quân đội; hoạt động liên doanh, liên kết giáo dục và đào tạo tại một số nhà trường trong quân đội; hoạt động nghiên cứu dịch vụ khoa học kỹ thuật tại các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu quân đội...

3. Nghiên cứu lý luận về đơn vị sự nghiệp có thu, rút ra nhận xét về đơn vị sự nghiệp có thu có liên quan đến đơn vị dự toán quân đội: trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, Bộ Quốc phòng áp dụng được nội dung và hình thức tổ chức quản lý nhà nước về tài chính đơn vị sự nghiệp có thu

đối với một số đơn vị dự toán quân đội có triển khai hoạt động có thu ở một số loại hình như: hoạt động y tế khám chữa bệnh tại các bệnh viện; hoạt động đào tạo tại các trường nghề quân đội; hoạt động nghiên cứu tại các viện và trung tâm nghiên cứu quân đội; hoạt động xuất bản ở một mức độ nhất định. Phân định những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế, phí và lệ phí với Nhà nước ở một số loại hình hoạt động có thu trong quân đội. Ngoài ra, nghiên cứu chế độ pháp lý về tự chủ tài chính có thể không áp dụng toàn bộ cho tất cả các đơn vị dự toán quân đội, nhưng hoàn toàn có thể áp dụng cho hoạt động có thu của một số đơn vị dự toán quân đội như: tách biệt nguồn vốn được sử dụng vào hoạt động có thu, hạch toán riêng chi phí liên quan đến hoạt động có thu, hạch toán rõ ràng doanh thu, kết quả từ hoạt động có thu, để đánh giá hiệu quả của hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán, tránh tình trạng lạm dụng tài sản và vốn của quân đội khi làm kinh tế tại các đơn vị. Những vấn đề khác liên quan đến đơn vị sự nghiệp có thu như: lý luận cơ bản về pháp luật thuế, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cũng có thể áp dụng đối với quản lý tài chính tại một số đơn vị dự toán quân đội.

4. Nghiên cứu đơn vị sự nghiệp có thu góp phần làm rõ phạm vi hoạt động, việc tận dụng năng lực dồi dư tại các đơn vị dự toán đến mức nào, để khi đơn vị dự toán quân đội triển khai làm kinh tế không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho Quân đội.

1.2. Tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội

1.2.1. Khái niệm tài chính hoạt động có thu

Tài chính được đặc trưng bằng sự vận động độc lập tương đối của tiền tệ chủ yếu với chức năng phương tiện thanh toán và phương tiện cất trữ trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ đại diện cho những sức mua nhất định ở các chủ thể kinh tế - xã hội. Tài chính phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn lực tài chính thông qua việc tạo lập hay sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội. [97]

- Biểu hiện bên ngoài của tài chính là sự vận động độc lập tương đối của các nguồn tài chính gắn liền với việc tạo lập và sử dụng những quỹ tiền tệ nhất định.

- Nội dung kinh tế - xã hội của tài chính là các mối quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị trong phân phối của cải xã hội dưới hình thức phân phối các nguồn tài chính, để đáp ứng những nhu cầu khác nhau, thỏa mãn lợi ích khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Hoạt động tài chính luôn gắn liền với việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định. Nói cách khác, việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ là phương thức phân phối đặc thù của tài chính.

Khái niệm tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội:

Tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội là tổng thể các mối quan hệ kinh tế diễn ra dưới hình thức giá trị, phát sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ của đơn vị dự toán quân đội gắn liền với hoạt động có thu.

Thực chất tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội là quá trình huy động, khai thác, phân bổ, sử dụng các nguồn vốn cho hoạt động có thu và phân phối kết quả đạt được.

Hoạt động tài chính hoạt động có thu nếu được duy trì và phát triển một cách ổn định là cơ sở góp phần tạo tiềm lực vững chắc cho hoạt động có thu cũng như mọi hoạt động khác của đơn vị dự toán quân đội thêm thuận lợi.

1.2.2. Nội dung của tài chính hoạt động có thu

1.2.2.1. Nguồn vốn, chi phí, thu nhập và phân phối

(i) Nguồn vốn cho hoạt động có thu

Theo quy định của Điều lệ công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam về “Quản lý tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ”, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ tại các đơn vị dự toán gồm:

- Trong thực tiễn ở các đơn vị dự toán có thể sử dụng các cơ sở vật chất dôi dư hoặc nhàn rỗi, chưa sử dụng, như: nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện,... (nguồn vốn được phát huy từ tận dụng năng lực dôi dư tại đơn vị).

- Nguồn vốn từ quỹ đơn vị là nguồn vốn tích lũy được trong hoạt động có thu, dùng để mua sắm nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư hàng hóa...

- Nguồn vốn liên doanh, liên kết là phần vốn của các đơn vị, tổ chức hay cá nhân tham gia liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh dịch vụ với đơn vị.

- Nguồn vốn vay là nguồn vốn đi vay của ngân hàng, đơn vị cấp trên, các đơn vị tổ chức khác và của cá nhân, theo nguyên tắc phải chịu trách nhiệm hoàn trả đầy đủ. [22]

(ii) Chi phí tài chính cho hoạt động có thu

Chi phí tài chính cho hoạt động có thu là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí lao động sống và lao động vật hóa để tiến hành hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương;
- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Các chi phí khác bằng tiền.

(iii) Thu nhập tài chính từ hoạt động có thu

Thu nhập tài chính từ hoạt động có thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cước vận chuyển, tiền hoa hồng, tiền dịch vụ, tiền thu về các loại phí, lệ phí... từ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã được khách hàng chấp nhận thanh toán; bao gồm:

- Tiền bán sản phẩm, nửa thành phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu;
- Tiền xây dựng các công trình, hạng mục công trình, tiền thu từ khảo sát, thiết kế;
- Tiền bán hàng từ hoạt động cung cấp dịch vụ;
- Tiền khám chữa bệnh đối với loại hình khám chữa bệnh;
- Tiền học phí thu từ hoạt động đào tạo;
- Tiền thu phí, lệ phí.

(iv) Phân phối thu nhập tài chính từ hoạt động có thu (phần chênh lệch thu - chi)

Theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng, thu nhập tài chính từ hoạt động có thu được phân phối như sau:

- Bù đắp chi phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ;
- Nộp thuế cho Nhà nước;
- Nộp ngân sách quốc phòng;
- Chia lãi cho các đối tác góp vốn liên doanh liên kết;
- Nộp đơn vị cấp trên;
- Bỏ sung kinh phí;
- Trích quỹ đơn vị.

1.2.2.2. Thu tài chính hoạt động có thu theo loại hình chủ yếu

Quản lý tài chính đó là sự tác động liên tục, có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định về tài chính trong điều kiện môi trường biến động. Thực chất của quản lý tài chính là sử dụng các phương pháp, các công cụ tác động tới đối tượng quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu tài chính nhất định của chủ thể quản lý. Quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội bao gồm các nội dung:

(i) Thu từ hoạt động của các cơ sở lao động sản xuất, làm kinh tế tập trung

Đối với các hoạt động này, các cơ quan, đơn vị phải hạch toán đầy đủ các chi phí như đối với doanh nghiệp, kể cả các chi phí về phương tiện, vật tư, tài sản có nguồn gốc từ ngân sách và các chi phí tiền lương, phụ cấp đã quyết toán đầy đủ với ngân sách (nếu có); phải tính được lỗ, lãi đối với từng hoạt động.

Thu nhập từ các hoạt động trên được phân phối và sử dụng như sau:

- Nộp ngân sách nhà nước các loại thuế theo quy định.
- Bù đắp chi phí, trong đó nộp ngân sách quốc phòng:
 - + Các chi phí sử dụng phương tiện, vật tư, tài sản có nguồn gốc từ ngân sách.
 - + Chi phí tiền lương, phụ cấp đối với những người đã được ngân sách trả lương.

Đối với hoạt động liên doanh, liên kết thực hiện như sau:

- Nếu là liên doanh dưới hình thức hợp đồng kinh doanh thì thu nhập từ hoạt động liên doanh, liên kết được phân phối, sử dụng như quy định tại ý 1 đã trình bày ở trên.

- Nếu là liên doanh, liên kết dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh riêng thì việc quản lý tài chính đối với hoạt động liên doanh thực hiện như quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về hoạt động liên doanh, liên kết.

(ii) Thu từ hoạt động làm dịch vụ khoa học, công nghệ và giảng dạy của các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ; các học viện, trường

Đối với các hoạt động thu làm dịch vụ khoa học, công nghệ của các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ phải hạch toán đầy đủ các khoản chi phí bỏ ra, như: chi phí nhân công thuê ngoài, nguyên liệu, vật tư và các khoản chi phí khác (nếu có); nộp các loại thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, tính được chênh lệch thu, chi đối với từng hợp đồng dịch vụ khoa học, công nghệ.

Đối với các trung tâm dịch vụ việc làm, trung tâm giáo dục quốc phòng được thành lập theo Quyết định của Bộ Tổng Tham mưu, nhưng không nằm trong hệ thống nhà trường quân sự (như trung tâm dịch vụ việc làm của quân khu, quân chủng), được ngân sách hỗ trợ trang bị ban đầu và được thu học phí trong quá trình hoạt động, quản lý thu, chi được thực hiện như sau: Các khoản thu từ kết quả hoạt động, bao gồm: thu học phí, phí dịch vụ; thu từ đặt hàng của Nhà nước, của các đơn vị, cá nhân; thu từ kết quả thực hành tay nghề, tổ chức sản xuất dịch vụ và các khoản thu hợp pháp khác được sử dụng để bù đắp hoạt động thường xuyên, kể cả tiền lương, phụ cấp và các chi phí cho bộ máy hoạt động. Các khoản chi của trung tâm phải được thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn và dự toán chi được duyệt theo quy định hiện hành.

Nộp ngân sách quốc phòng: tiền lương, phụ cấp và các chi phí quản lý (nếu có) đã được ngân sách bảo đảm.

Trường hợp các khoản thu không đủ bù đắp chi phí, thì ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí lương, phụ cấp và thực hiện chính sách xã hội đối với quân số biên chế được duyệt.

Đối với các học viện, nhà trường trong quân đội tham gia đào tạo nhân lực theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo nhà nước giao quy định như sau:

Học phí ở các học viện, trường tham gia đào tạo nhân lực theo chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục- đào tạo của Nhà nước là khoản đóng góp của học sinh, sinh viên (gọi tắt là học viên) để cùng với nhà nước bảo đảm các hoạt động giáo dục đào tạo.

Đối tượng thu học phí là học viên đang học tại các học viện, trường quân đội thuộc phương thức đào tạo chính quy, không chính quy, được nhà nước giao chỉ tiêu đào tạo hàng năm (gọi là đào tạo dân sự) trừ một số đối tượng được miễn giảm (theo quy định của Nhà nước). Mức học phí năm trong khung học phí do Chính phủ quy định, được cơ quan thẩm quyền công bố công khai vào đầu năm học.

Không thu thêm khoản thu bắt buộc nào khác về giáo dục đào tạo. Tiền thu về học phí không trừ vào chỉ tiêu kế hoạch ngân sách được Nhà nước cấp hàng năm về đào tạo dân sự của các học viện, nhà trường.

Thực hiện quy chế dân chủ công khai trong thu học phí, sử dụng quỹ học phí bảo đảm cho hoạt động giáo dục đào tạo; phải báo cáo quyết toán thu chi quỹ học phí, chấp hành đầy đủ chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Tổ chức thu và quản lý học phí:

Các tổ chức học viện, nhà trường có trách nhiệm tổ chức thu học phí, quản lý nguồn thu này và sử dụng theo quy định, toàn bộ số học phí thu được dùng để chi cho nội dung sau:

- Chi cho bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học (như sửa chữa, cải tạo, bổ sung trang thiết bị học tập, bảo quản các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, thuê mướn về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, quản lý chuyên môn và các công việc khác có liên quan; tỷ lệ chi cho nội dung này tối thiểu là 45% tổng thu.

- Chi cho các hoạt động chuyên môn gồm các nội dung giảng dạy, học tập, phục vụ học tập, tập huấn hội nghị, hội thảo (gọi chung các khoản chi thường xuyên thuộc nội dung chi hoạt động sự nghiệp giáo dục đào tạo, kể cả thi tốt nghiệp ở các học viện, nhà trường và chi quản lý quỹ học phí tại cơ sở). Chi hỗ trợ cho hoạt động trực tiếp giảng dạy, phục vụ giảng dạy, bao gồm: chi thù lao giáo viên giảng dạy, mời giảng và chi tiền lương cho lao động hợp đồng. Chi đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên, giáo viên nhà trường, tỷ lệ chi cho nội dung này không quá 35% tổng thu.

- Chi cho công tác quản lý, thanh toán các dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, vệ sinh môi trường...); chi hỗ trợ nghiên cứu khoa học, tài liệu thư viện; chi khen thưởng, phúc lợi cho học viện, nhà trường và chi điều tiết học trợ cho các nhiệm vụ khác của nhà trường; tỷ lệ chi cho nội dung này không quá 20% tổng thu.

Quản lý quỹ học phí:

Tổ chức quản lý thu, chi quỹ học phí ở các học viện, nhà trường được tập chung thực hiện tại cơ quan tài chính. Bảo đảm đúng nội dung cho các hoạt động giáo dục đào tạo của học viện, nhà trường. Quản lý thống nhất mọi khoản thu chi đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức hiện hành. Tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký ghi chép đầy đủ, đúng quy định kịp thời mọi khoản thu chi và sử dụng hóa đơn, chứng từ khi mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành. Nghiêm cấm để ngoài sổ sách kế toán quỹ học phí.

Hàng năm cùng với việc lập dự toán thu chi từ nguồn ngân sách nhà nước, các học viện, nhà trường tham gia đào tạo nhân lực theo chỉ tiêu nhà nước giao phải lập dự toán thu, chi quỹ học phí và báo cáo lên cấp trên trực tiếp phê duyệt.

Cuối năm các học viện, nhà trường phải báo cáo quyết toán thu, chi quỹ học phí

và chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo tài chính theo quy định. Quyết toán thu chi quỹ học phí phải tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách nhà nước về sự nghiệp giáo dục hàng năm và báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan quản lý giáo dục đào tạo cấp trên trực tiếp theo quy định về quản lý tài chính.

(iii) Thu từ các hoạt động dịch vụ của các nhà khách, nhà nghỉ, đoàn an điều dưỡng quân đội

- Các nhà khách: các nhà khách hoạt động chủ yếu theo nhiệm vụ được giao hàng năm của Bộ Quốc phòng (như nhà khách Cục Đối ngoại), nếu còn năng lực dôi dư được phép của Bộ Quốc phòng mới được cho thuê phòng ngủ, hội thảo, hội họp. Các đơn vị phải tổ chức hạch toán, tính toán đầy đủ các chi phí (bao gồm chi phí về khấu hao tài sản cố định, chi phí về vật tư, nguyên liệu, tiền điện, chi phí về tiền lương cho lao động hợp đồng để làm dịch vụ, chi phí bảo vệ, điện thoại, chi phí giao dịch đối ngoại), tính được doanh thu của từng loại hoạt động.

Thu từ hoạt động được phân phối, sử dụng như sau:

- + Nộp ngân sách nhà nước các loại thuế theo quy định của pháp luật.
- + Bù đắp chi phí, trong đó nộp ngân sách quốc phòng:
- + Chi phí về khấu hao tài sản cố định có nguồn gốc từ ngân sách (tính cho thời gian làm dịch vụ).
- + Các chi phí về vật tư, các chi phí khác có nguồn gốc từ ngân sách đưa ra sử dụng làm dịch vụ (nếu có).
- + Trường hợp đơn vị được thu phí phục vụ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các nhà khách của các đơn vị như: nhà khách của quân khu, quân chủng, quân đoàn hoạt động chủ yếu phục vụ cán bộ đến công tác theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao, nếu còn năng lực dôi dư và được phép của Bộ Quốc phòng làm dịch vụ: hội thảo, hội họp thì các đơn vị phải tổ chức hạch toán và tính đầy đủ các chi phí (về vật tư, nguyên liệu, tiền điện, tiền lương cho lao động hợp đồng dịch vụ, bảo vệ, điện thoại).

Thu từ hoạt động này được phân phối, sử dụng như sau: Bù đắp chi phí, trong đó: nộp ngân sách quốc phòng các khoản chi phí có nguồn gốc từ ngân sách đưa ra sử dụng làm dịch vụ.

- Các đoàn an điều dưỡng do các đơn vị quản lý, ngoài nhiệm vụ phục vụ an dưỡng, điều dưỡng hàng năm, được làm nhiệm vụ hội thảo, hội họp theo quy định của Bộ Quốc phòng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế các đoàn an điều dưỡng quân đội và chế độ an dưỡng, bồi dưỡng đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng. [4]

(iv) Thu từ hoạt động sản xuất làm dịch vụ do tận dụng năng lực dôi dư của các trạm xưởng, xí nghiệp, xưởng in không thuộc diện đăng ký kinh doanh; đối với hoạt động này, các đơn vị phải tổ chức hạch toán đầy đủ các chi phí (khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu, tiền điện, nước, chi phí nhân công,...), xác định được doanh thu đối với từng hoạt động; phải đăng ký và nộp đủ các loại thuế cho cơ quan thuế theo quy định của Nhà nước.

(v) Thu từ dịch vụ y tế khám, chữa bệnh của các bệnh viện

Các bệnh viện trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ khám và chữa bệnh cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội theo phân cấp và cho các đối tượng chính sách, được làm dịch vụ y tế khám, chữa bệnh cho nhân dân thu một phần viện phí theo quy định của Nhà nước. Mức thu thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Khoản thu một phần viện phí, cả phần viện phí do cơ quan Bảo hiểm y tế trả cho người bệnh là cán bộ quân đội nghỉ hưu, cán bộ nhân viên có thẻ bảo hiểm y tế, thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện thu, phân phối, sử dụng tiền viện phí đối với các Bệnh viện quân đội. [2]

(vi) Thu từ các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao và các hoạt động văn hóa, thể thao

Các đoàn văn nghệ, quân nhạc, trung tâm thể thao, bảo tàng; quảng cáo trên các báo, tạp chí, xuất bản, phát hành sách, tạp chí, tài liệu, làm phim được dùng để bù đắp chi phí của các hoạt động này, kể cả tiền bồi dưỡng cho các vận động viên, diễn viên.

Nếu xuất bản sách, tài liệu huấn luyện thông qua nhà xuất bản bằng nguồn ngân sách quốc phòng (không bao gồm mẫu biểu phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ) tại các nhà in trong và ngoài quân đội và lưu hành trong nội bộ quân đội được tính phát hành phí không quá 8% vào chi phí xuất bản. Các đơn vị phải tổ chức hạch toán và quản lý chặt chẽ đối với từng hoạt động.

(vii) Đối với các hoạt động có thu các loại phí, lệ phí

Các đơn vị có thu các loại phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước như (án phí, lệ phí toà án, phí kiểm định) thực hiện theo Pháp Lệnh phí và lệ phí và các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước.

(viii) Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ không thường xuyên

Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ không thường xuyên mà theo từng công việc do tận dụng thời gian ngoài thời gian huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu nếu được phép của cấp có thẩm quyền. Đối với hoạt động này, các đơn vị phải tổ chức theo dõi và tính toán được các chi phí đối với từng hoạt động cụ thể.

(ix) Các khoản thu có tính đặc thù

Đối với thu về bảo vệ dầu khí, dịch vụ hàng không, các đơn vị trực thuộc Bộ (Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân), có trách nhiệm quản lý và sử dụng phù hợp với đặc thù của từng đơn vị và chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng.

Đối với tất cả các loại hình hoạt động có thu, thu nhập khác còn lại, đơn vị tuân thủ các quy định về phân phối theo quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội.

Khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ, lao vụ, thu phí, lệ phí cho khách hàng các đơn vị phải sử dụng hoá đơn bán hàng, cung cấp dịch vụ, biên lai thu tiền, vé do Bộ Tài chính phát hành hay được sự cho phép của Bộ Tài chính cho in và sử dụng.

Thu nhập từ các hoạt động có thu phải được theo dõi chi tiết cho từng loại hình hoạt động. Trong từng loại thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ, phí, lệ phí... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động theo yêu cầu quản lý tài chính và báo cáo tài chính theo quy định.

1.3. Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

1.3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Các đơn vị dự toán quân đội hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ của mình gắn với nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao, đây là

nhiệm vụ chính của đơn vị dự toán. Ngoài nhiệm vụ chính, được Nhà nước cho phép các đơn vị dự toán quân đội tận dụng năng lực dồi dư triển khai hoạt động có thu. Hoạt động có thu mang lại thu nhập trên cơ sở sử dụng các nguồn lực dồi dư từ việc triển khai các hoạt động theo khả năng và lợi thế ở từng đơn vị.

Quản lý nói chung, quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội là cần thiết và đây là đối tượng nghiên cứu của luận án. Trên cơ sở các khái niệm về quản lý, khái niệm về quản lý nhà nước về tài chính, tác giả đưa ra khái niệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội như sau:

Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là quá trình sử dụng công cụ và phương pháp, thực hiện các nội dung quản lý: hoạch định, tổ chức, chỉ đạo, thanh, kiểm tra tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội nhằm khai thác có hiệu quả một phần nguồn lực dồi dư của đơn vị góp phần thực hiện nhiệm vụ chính, cải thiện đời sống bộ đội và hỗ trợ ngân sách quốc phòng.

Chủ thể quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội là các cơ quan nhà nước được phân cấp. Luận án tập trung nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, vai trò chủ thể là Bộ Quốc phòng với cơ quan chức năng ngành là Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng.

Quản lý nhà nước về tài chính là một nội dung quan trọng của quản lý nhà nước về kinh tế. Trong phạm vi luận án, xét theo quá trình quản lý, *quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu đơn vị dự toán quân đội là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra của nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Đó là việc xây dựng văn bản quản lý tài chính, xây dựng kế hoạch tài chính, tổ chức bộ máy quản lý tài chính, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính, kiểm tra giám sát các khâu của hoạt động tài chính nhằm thực hiện công khai minh bạch nguồn thu, duy trì trật tự kỷ cương về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.*

Thực chất quản lý tài chính hoạt động có thu giúp cho đơn vị dự toán quân đội thực hiện các mục tiêu huy động, khai thác vốn, cũng như phân bổ và sử dụng các nguồn vốn một cách hợp lý và hiệu quả.

1.3.2. Mục tiêu và tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

1.3.2.1. Mục tiêu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, người chỉ huy, lãnh đạo và cơ quan tài chính các cấp phải nắm được, giám sát và chỉ đạo đơn vị có triển khai hoạt động có thu, với việc kết hợp khai thác về lao động phổ thông, lao động kỹ thuật, tận dụng trang thiết bị, phương tiện hay tài sản... (trong điều kiện cho phép) tổ chức các loại hình hoạt động có thu thích hợp, nhằm tạo nguồn thu cho đơn vị góp phần cân đối ngân sách. Các mục tiêu cần đạt được của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu bao gồm:

(i) Nâng cao đời sống cán bộ, chiến sĩ. Hoạt động có thu tận dụng mọi năng lực dôi dư của Quân đội vào làm kinh tế nhằm nâng cao đời sống cán bộ, chiến sĩ, trên cơ sở hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Xây dựng nội dung quản lý nhà nước về tài chính phù hợp với loại hình hoạt động, tính đặc thù của hoạt động kinh tế trong Quân đội, phải khuyến khích được các đơn vị dự toán tận dụng được năng lực dôi dư của mình vào làm kinh tế ở mức độ phù hợp và cho phép.

Các đơn vị dự toán chủ yếu làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu; cho nên mục tiêu quản lý tài chính các hoạt động có thu là phải góp phần nâng cao đời sống cán bộ, tăng cường thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị và góp phần làm giảm gánh nặng ngân sách cho quốc phòng nhưng không ảnh hưởng tới nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao cho Quân đội.

(ii) Duy trì trật tự, kỷ cương tài chính trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động có thu. Đưa hoạt động có thu tại quân đội đi vào quy củ, thực hiện đúng các quy định về tài chính. Đảm bảo việc quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị thực hiện theo đúng các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của Quân đội ban hành.

Quản lý quá trình huy động nguồn lực tài chính, phân bổ và sử dụng kết quả hoạt động có thu, tập trung vào các khâu: quản lý vật tư, tài sản, phương tiện và các nguồn vốn tham gia sử dụng vào hoạt động làm kinh tế tại các đơn vị dự toán.

(iii) *Nâng cao hiệu quả tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị.* Mặc dù đặc thù của hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán là tận dụng năng lực dôi dư để làm kinh tế, nhưng các hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội vẫn phải đảm bảo hiệu quả về kinh tế trên cơ sở bù đắp được chi phí và có lãi. Để thực hiện điều này, quản lý nhà nước về tài chính phải bảo đảm: có hàng lang pháp lý hoàn thiện cho hoạt động có thu, thực hiện kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát về tài chính hoạt động có thu. Các nguồn vốn, nhân công, máy móc thiết bị, ... được sử dụng cho hoạt động có thu phải được tính toán đầy đủ, để phần lợi nhuận từ hoạt động có thu phản ánh chính xác hiệu quả tài chính của hoạt động có thu, tránh tình trạng lãi giả, lỗ thật và hiện tượng lạm dụng tài sản của quốc phòng để tạo lập nguồn thu cho đơn vị của mình, trong đó có các cá nhân.

1.3.2.2. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

** Các tiêu chí tổng quát:*

(i) *Tiêu chí hiệu lực:* Tiêu chí quan trọng đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu là hiệu lực của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Hiệu lực quản lý được hiểu là khả năng ảnh hưởng đến các đối tượng và việc chấp hành nghiêm chỉnh của đối tượng đối với các quy định, các quy chế, các văn bản quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

Hiệu lực thể hiện sức mạnh và năng suất làm việc của bộ máy QLNN về tài chính hoạt động có thu. Biểu hiện của hiệu lực là hiệu năng của các quyết định hành chính, các văn bản của Nhà nước và Quân đội, sự tuân thủ và chấp hành mệnh lệnh cấp trên, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong hệ thống. Hiệu lực thể hiện được uy quyền của Nhà nước và sự ủng hộ của cấp dưới trong hệ thống tài chính quân đội và các đơn vị dự toán quân đội với tư cách là đối tượng của quản lý.

(ii) *Tiêu chí hiệu quả:* Tiêu chí cơ bản nhất để đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội chính là hiệu quả kinh tế, hiệu quả tài chính của hoạt động có thu của đơn vị dự toán. Một đặc điểm cơ bản của đơn vị dự toán đó nhiệm vụ chính là nhiệm vụ chính trị chứ không phải làm kinh tế, cho nên, khi đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả tài chính của hoạt động có thu phải tính đến và gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các đơn vị này.

Hiệu quả của quản lý nhà nước nói chung phản ánh năng suất lao động, hiệu suất sử dụng kinh phí của bộ máy. Hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu được đánh giá thông qua hoạt động quản lý nhà nước hoàn thành các mục tiêu với chi phí thấp nhất. Hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu cũng được thể hiện thông qua hiệu quả tài chính của hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội.

(iii) *Tiêu chí phù hợp*: Sự phù hợp của các yếu tố của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu như: Các quy định tài chính quân đội, bộ máy quản lý tài chính quân đội, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực quản lý tài chính, mục tiêu quản lý nhà nước về tài chính,... có phù hợp không? Xem xét tính phù hợp của các nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu với thực trạng diễn ra hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

(iv) *Tiêu chí bền vững*: Tính bền vững của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu thể hiện: (i) Hiệu quả tài chính của hoạt động có thu, (ii) Nâng cao đời sống cán bộ chiến sĩ, (iii) Giảm gánh nặng ngân sách quốc phòng trên cơ sở đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, (iv) Đảm bảo sự bình đẳng giữa các đơn vị dự toán có thu và các đơn vị không có thu trong quân đội, và giữa các đơn vị dự toán quân đội và các đơn vị ngoài quân đội có sử dụng ngân sách nhà nước.

* *Các tiêu chí cụ thể*: Để đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội theo mục tiêu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu đã nêu là góp phần thực hiện mục tiêu chính, cải thiện đời sống cán bộ chiến sĩ và tạo nguồn thu hỗ trợ ngân sách quốc phòng. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu là tăng thu nhập từ hoạt động có thu, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính, cải thiện đời sống bộ đội và tạo nguồn hỗ trợ ngân sách, phân phối nguồn thu. Ở góc độ xem xét trên ta có tiêu chí cụ thể, chủ yếu, để đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán quân đội:

(i) *Mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính*: Nguồn lực được cấp phát cho các đơn vị dự toán thực hiện nhiệm vụ chính, đây là chỉ tiêu có tính pháp lệnh của đơn vị dự toán quân đội. Sự hình thành và phát triển của các đơn vị dự toán quân đội xuất phát từ nhiệm vụ này, không chỉ vì chạy theo thu nhập tài chính hoạt động có thu mà các đơn vị dự toán quân đội

sao lãng chỉ lệnh nhiệm vụ có tính bản chất, đây là điểm khác biệt cơ bản đánh giá quản lý tài chính hoạt động có thu và quản lý tài chính tại các doanh nghiệp quân đội.

(ii) Thu nhập thuần từ hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội: Chỉ tiêu này được tính toán tới từng đơn vị dự toán hàng năm, và tổng hợp của toàn quân. Thu nhập thuần là thu nhập còn lại sau khi phải hoàn trả cho ngân sách như khấu hao tài sản, chi phí điện nước, tiền lương; các khoản này đã được quyết toán với ngân sách quốc phòng thì phải hoàn trả lại cho ngân sách quốc phòng.

(iii) Phần thu nhập thuần để lại cho đơn vị dự toán, phản ánh lợi ích của đơn vị có triển khai hoạt động có thu. Chỉ tiêu này tạo động lực cho đơn vị dự toán quân đội và cũng là một mục tiêu của hoạt động có thu là góp phần cải thiện đời sống bộ đội và phục vụ nhiệm vụ chính. Trong cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu cần quan tâm đến chỉ tiêu này, sao cho hài hoà giữa lợi ích của đơn vị dự toán và lợi ích nhà nước.

(iv) Phần thu nhập thuần đóng góp cho ngân sách quốc phòng: Chỉ tiêu này phản ánh lợi ích của nhà nước, hỗ trợ cho ngân sách quốc phòng, cũng có nghĩa là giảm bớt gánh nặng chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ quốc phòng trong điều kiện có thể.

1.3.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Để thực hiện các mục tiêu, quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội trước hết phải tuân thủ pháp luật về quản lý tài chính, không ảnh hưởng đến hoạt động chính của đơn vị. Hoạt động có thu phải hạch toán đầy đủ, chính xác, hoàn trả các khoản chi phí có nguồn gốc từ ngân sách hoặc các nội dung chi phí được ngân sách đã bỏ ra; đảm bảo tính tự chủ về tài chính hoạt động có thu trong khuôn khổ pháp luật; đảm bảo tính công bằng và thống nhất giữa các đơn vị dự toán quân đội.

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính của quân đội và các đơn vị cần phải tuân thủ các nguyên tắc quản lý. Đó là các ràng buộc, các tiêu chuẩn khách quan và khoa học mà cơ quan quản lý nhà nước cần phải tuân thủ trong quá trình hoạt động của mình.

Hệ thống nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu phải phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước nói chung, phải hướng tới việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra, phải tuân thủ các quy luật khách quan liên quan đến hoạt động có

thu và tài chính hoạt động có thu, đồng thời phải phù hợp với thực trạng hoạt động có thu và đặc thù hoạt động có thu trong quân đội.

1.3.3.1. Nguyên tắc tuân thủ quy định tài chính của nhà nước và quân đội

Hoạt động có thu trong quân đội có những đặc điểm là tận dụng năng lực dồi dào để nâng cao đời sống cán bộ chiến sĩ trên cơ sở hoàn thành các nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Nhưng không phải vì đặc điểm này của hoạt động trong quân đội mà các đơn vị dự toán tổ chức hoạt động có thu tùy tiện. Hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán phải dựa trên hành lang pháp lý nhất định. Khi thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, các cơ quan nhà nước cũng phải thực hiện trên cơ sở hành lang pháp lý này. Cụ thể, việc xây dựng các văn bản, các quy định tài chính đối với hoạt động có thu phải phù hợp với các quy định tài chính của nhà nước và quân đội; quá trình thực hiện hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội và quản lý tài chính tại đơn vị phải tuân theo các quy định này; việc kiểm tra, kiểm soát của nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán cũng phải thực hiện đúng pháp luật, tránh buông lỏng quản lý hoặc gây những nhiễu đối với các đơn vị.

- Đơn vị phải tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động có thu; bảo đảm mọi khoản thu, chi đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; phải tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký, ghi chép đầy đủ, đúng quy định, kịp thời mọi khoản thu, chi đối với từng hoạt động có thu; phải sử dụng hóa đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành. Chỉ huy và tài chính đơn vị có triển khai hoạt động có thu phải quản lý chặt chẽ mọi khoản thu, chi phí, tính đúng, tính đủ các chi phí; tính toán và phân phối kịp thời, đầy đủ các khoản chi, vào sổ kế toán, mọi khoản trích nộp, phân phối phải kịp thời đúng quy định của Bộ Quốc phòng ban hành.

- Đơn vị có các khoản thu phải báo cáo kết quả, phân phối và sử dụng các khoản thu, nộp kịp thời, đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách theo đúng quy định của nhà nước và quân đội.

- Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, đơn vị phải lập dự toán, báo cáo đơn vị cấp trên phê duyệt mới được thực hiện. Định kỳ và hết năm phải báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

- Cơ quan tài chính cấp trên (Cục Tài chính - BQP) có trách nhiệm kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động có thu của đơn vị cấp dưới, theo dõi việc thu nộp và xác nhận quyết toán cho cấp dưới các khoản thu được để lại theo chế độ nhất là khoản bổ sung vào kinh phí chi cho các nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách quốc phòng, ngân sách nhà nước chưa đảm bảo được kịp thời.

1.3.3.2. Nguyên tắc hoạt động có thu không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị của đơn vị dự toán

Các đơn vị dự toán chủ yếu làm nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu; cho nên quản lý tài chính các hoạt động có thu là phải góp phần nâng cao đời sống cán bộ, tăng cường thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị. Nói cách khác, quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu phải tạo ra một cơ chế lành mạnh để các đơn vị một mặt vẫn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình, nhưng mặt khác tận dụng năng lực dồi dào để nâng cao đời sống cán bộ, từ đó góp phần làm giảm gánh nặng ngân sách cho quốc phòng.

1.3.3.3. Nguyên tắc công khai, minh bạch: Đây là nguyên tắc cơ bản trong quản lý tài chính nói chung và quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu nói riêng. Thực hiện nguyên tắc này sẽ cho phép các cơ quan quản lý, các đơn vị dự toán đánh giá về hiệu quả hoạt động có thu. Đứng trên góc độ sử dụng ngân sách nhà nước, người dân có quyền được biết nguồn vốn ngân sách được sử dụng như thế nào, có hợp lý và hiệu quả hay không. Bởi vì hoạt động có thu là tận dụng những năng lực dồi dào, những tài sản dồi dào của quân đội vào làm kinh tế, đó cũng chính là sử dụng ngân sách nhà nước. Về phân phối và sử dụng nguồn thu, các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cấp trên phải có nắm được việc phân bổ nguồn thu từ hoạt động có thu có đúng quy định của nhà nước và Bộ Quốc phòng hay không.

1.3.3.4. Nguyên tắc công bằng: Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu phải đảm bảo sự công bằng giữa các đơn vị dự toán có thu, giữa đơn vị dự toán có thu và các đơn vị quân đội khác, và giữa các đơn vị dự toán có thu với các đơn vị ngoài quân đội có sử dụng ngân sách nhà nước. Nguyên tắc này đòi hỏi trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, các văn bản, các quy định về tài chính đối với hoạt động có thu phải tạo ra sự công bằng về việc sử dụng tài sản, nguồn vốn cho hoạt động có thu giữa các loại hình phải công bằng; tỷ lệ phân phối thu nhập từ hoạt

động có thu giữa các cấp đơn vị dự toán và các loại hình hoạt động có thu phải công bằng. Đặc biệt là có những đơn vị dự toán không có hoạt động có thu thì cũng phải có cơ chế điều tiết nguồn thu hợp lý. Để thực hiện công bằng giữa các đơn vị trong và ngoài quân đội, hoạt động có thu có sử dụng tài sản, nguồn vốn từ ngân sách phải được thực hiện và quản lý như một nguồn ngân sách cấp.

1.3.3.5. Nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả: Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu phải thực hiện được các mục tiêu với mức chi phí thấp nhất trong phạm vi có thể. Mối quan hệ giữa kết quả và chi phí này chính là khái niệm hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Ở đây, hiệu quả hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Nguyên tắc này đòi hỏi nâng cao hiệu quả hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán có thu và các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu:

- Đơn vị có tổ chức các hoạt động có thu phải tự lo nguồn vốn để hoạt động (bằng nguồn vốn tự có hoặc đi vay); không được dùng kinh phí do ngân sách cấp hoặc các khoản phải thu nộp ngân sách để làm vốn hoặc bù lỗ cho các hoạt động lao động sản xuất, làm kinh tế (trừ những khoản được ngân sách bố trí theo kế hoạch, như: hỗ trợ xúc tiến việc làm, nâng cao năng lực dạy nghề của các trường nghề trong quân đội...).

- Đơn vị có tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phải đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện lấy thu bù chi và có lãi; đồng thời phải tính đến hiệu quả về xã hội như: quản lý bộ đội, quản lý trang bị, nâng cao chuyên môn nghề nghiệp, xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

- Giảm các chi phí quản lý nhà nước trên cơ sở đảm bảo thực hiện được các mục tiêu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

1.3.3.6. Nguyên tắc tập trung dân chủ: Nguyên tắc này đòi hỏi trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, phải đảm bảo được tính tập trung, thống nhất trong hoạt động quản lý tài chính, nhưng đồng thời phải phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị cấp dưới trong tổ chức hoạt động có thu. Nguyên tắc này thể hiện: các văn bản pháp lý về hoạt động có thu và tài chính hoạt động có thu phải thống nhất trong toàn quân; thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát của cấp trên với cấp dưới về hoạt động có thu; các văn bản và quy định này phải phù hợp với thực tế

và tình hình của đơn vị, tức là việc xây dựng các văn bản này phải xuất phát từ cơ sở; phát huy được tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc tạo nguồn thu.

1.3.4. Bộ máy quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Cơ cấu bộ máy quản lý tài chính hoạt động có thu trong quân đội. Cơ cấu bộ máy quản lý tài chính được hiểu là các bộ phận, các cá nhân và các mối quan hệ giữa các bộ phận và cá nhân này trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Đây là một trong các công cụ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Cơ cấu bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ và hiệu quả là yếu tố góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

Hiện nay, Cục Quân lực - Bộ Tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng là cơ quan tham mưu, đề xuất báo cáo trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác định biên chế tổ chức trong quân đội nói chung, và các cơ quan làm công tác tài chính, các phòng, ban tài chính, kế toán nói riêng. Hệ thống quản lý tài chính, kế toán được hình thành theo hệ thống tổ chức tại các cấp trong quân đội. Trong biểu biên chế lực lượng trong quân đội chưa xác định các đối tượng làm công tác quản lý tài chính hoạt động có thu các đơn vị dự toán trong quân đội.

Trên cơ sở công tác triển khai, tổ chức sản xuất, dịch vụ... các hoạt động có thu ở đơn vị mình, người chỉ huy phân công các đồng chí làm công tác tài chính của đơn vị, kiêm nhiệm quản lý tài chính đối với các hoạt động có thu, hoặc báo cáo lên cấp trên thành lập tổ, bộ phận, hay ban tài chính chuyên trách quản lý các hoạt động tài chính có thu tại đơn vị mình và nằm trong hệ thống quản lý tài chính của các đơn vị quân đội.

Cơ cấu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu có nhiều tiêu thức để phân định, xin đề cập cơ cấu quản lý theo một số các tiêu thức sau:

- Cơ cấu theo cấp đơn vị dự toán: đơn vị dự toán cấp 1 (Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng) là đơn vị dự toán có quan hệ trực tiếp với Chính phủ (Bộ Tài chính). Đơn vị dự toán cấp 2, là những đơn vị cấp trên trực tiếp của các đơn vị dự toán có triển khai hoạt động có thu (đơn vị dự toán cấp 3, đơn vị dự toán cấp 4). Đơn vị dự toán cấp 2 có quan hệ trực tiếp với đơn vị dự toán cấp 1; trong quân đội có các đơn vị dự toán cấp 3 cũng quan hệ trực tiếp với đơn vị dự toán cấp 1 (một số bệnh viện quân đội, học viện, nhà trường...).

- Cơ cấu theo chủ thể quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu: cán bộ tham gia hoạch định chính sách liên quan đến hoạt động có thu trong quân đội; cán bộ tham gia thực thi chính sách về tài chính hoạt động có thu; và cán bộ trực tiếp tổ chức triển khai hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

1.3.5. Nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

1.3.5.1. Định hướng hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của việc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trên các phương diện: nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, nâng cao vai trò hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại hình thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. [70]

Quan điểm, chủ trương, đường lối của của Bộ Quốc phòng về hoạt động có thu là tận dụng những năng lực dồi dào của các đơn vị để làm kinh tế; khi đơn vị triển khai làm kinh tế phải góp phần nâng cao khả năng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Hoạt động có thu là không mở rộng, không thu hẹp, chỉ tận dụng mọi khả năng về năng lực dồi dào trong điều kiện sẵn có triển khai đạt hiệu quả cao nhất.

Ở góc độ tầm nhìn chiến lược và hoạch định chính sách, việc kết hợp kinh tế với quốc phòng nói chung và thực hiện hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội nói riêng được thể hiện: kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP-AN phải gắn với quá trình hoạch định mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP-AN là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Nói cách khác, thực hiện hoạt động có thu là một cách thức kết hợp giữa phát triển kinh tế và đảm bảo các nhiệm vụ quốc phòng, phù hợp với định hướng và chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tình hình hiện nay. [79]

Hiện nay và thời gian tiếp theo, quân đội cần tiếp tục tận dụng năng lực dồi dào, lợi thế sẵn có trong các đơn vị dự toán quân đội trong khuôn khổ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho phép; triển khai hoạt động tăng gia sản xuất tạo ra của cải vật chất cho xã hội, trước hết là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội, góp phần bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách nhà

nước đảm bảo chưa kịp thời, đóng góp cho ngân sách nhà nước theo quy định. Các hoạt động có thu phải chuyên trạng thái và thích ứng ngay khi nhiệm vụ quân sự quốc phòng được đặt ra và cần tập trung các nguồn lực cho nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Khi ngân sách nhà nước đủ mạnh đáp ứng cần thiết cho quân đội, tiềm lực kinh tế quốc phòng đủ mạnh, Quân đội đạt tới chính quy, hiện đại hóa trong quân sự và chuyên nghiệp, hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội sẽ từng bước được thu hẹp và đến mức không duy trì hoạt động.

1.3.5.2. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, chế độ và ban hành văn bản pháp luật

Xây dựng, hoàn thiện chính sách và ban hành văn bản pháp luật quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội là một trong các nội dung của nhà nước sử dụng để quản lý tài chính hoạt động có thu trong những điều kiện nhất định, nhằm thực hiện các mục tiêu quản lý tài chính theo đúng chủ trương chính sách của Nhà nước.

Các văn bản pháp quy về tài chính vừa là căn cứ, vừa là công cụ của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội. Các đơn vị dự toán quân đội vừa phải tuân thủ các quy định của Nhà nước, vừa phải tuân thủ các quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý tài chính đối với hoạt động có thu. Về mặt pháp lý quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng: tại Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý nhà nước các dịch vụ công trong đó Bộ Quốc phòng được thực hiện ban hành các tiêu chuẩn, quy trình, quy chuẩn, trình tự, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật... đối với các hoạt động tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực quốc phòng. [37]

Việc xây dựng hoàn thiện chính sách và ban hành văn bản pháp luật quản lý tài chính hoạt động có thu đơn vị dự toán quân đội cần đáp ứng yêu cầu, mục tiêu quản lý gắn với các quy định cụ thể theo đối tượng quản lý hoặc theo nội dung quản lý.

** Đối với các đơn vị dự toán tổ chức hoạt động có thu*

- Quy định việc thành lập các tổ chức, cơ sở sản xuất và làm kinh tế tiến hành hoạt động có thu đều được cấp có thẩm quyền cho phép và thực hiện đúng quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý lao động sản xuất và làm kinh tế và những quy định khác có liên quan của Nhà nước và Quân đội.

- Tự lo nguồn vốn để hoạt động, bảo đảm tự bù đắp chi phí, không được dùng kinh phí do ngân sách cấp hoặc các khoản phải nộp ngân sách để bù lỗ hoặc tạo nguồn vốn cho các hoạt động lao động sản xuất, làm kinh tế (trừ những khoản được ngân sách cấp theo kế hoạch, như hỗ trợ dịch vụ việc làm).

- Đối với các hợp đồng ký với các đơn vị dự toán khác trong quân đội để sản xuất, gia công chế biến, sửa chữa, làm dịch vụ (kể cả dịch vụ khoa học công nghệ) bằng nguồn kinh phí do ngân sách cấp khi xác định giá, căn cứ vào chi phí thực tế hợp lý (không bao gồm các khoản mục đã được ngân sách bảo đảm theo quân số và bảo đảm hiện vật như tiền lương, tiền điện, vật tư được cấp hoặc sử dụng tồn kho, khấu hao tài sản cố định).

- Tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động có thu; bảo đảm mọi khoản thu, chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, có tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký, ghi chép đầy đủ, đúng quy định, kịp thời mọi khoản thu, chi đối với từng hoạt động có thu; việc sử dụng hóa đơn, chứng từ khi mua bán hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện dân chủ, công khai trong phân phối và sử dụng kết quả hoạt động có thu; phải báo cáo kết quả thu, phân phối và sử dụng các khoản thu; nộp kịp thời, đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách theo đúng các quy định.

- Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, các đơn vị trích đúng tỷ lệ quy định, khi có nhu cầu chi đơn vị phải lập dự toán gửi đơn vị cấp trên, dự toán được duyệt mới chi. Định kỳ và hết năm lập báo cáo quyết toán gửi đơn vị cấp trên trực tiếp phê duyệt.

** Nội dung ban hành văn bản pháp luật gắn với quản lý phân phối thu nhập từ hoạt động có thu*

- Bù đắp chi phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo các nội dung đã trình bày tại phần trên.

- Nộp thuế cho Nhà nước: quy định các đơn vị có các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phải nộp các loại thuế cho ngân sách nhà nước. Việc nộp các loại thuế cho Nhà nước được thực hiện theo Pháp luật hiện hành của Nhà nước về Thuế và hướng dẫn của liên Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng.

- Nộp ngân sách quốc phòng: quy định hàng quý, đơn vị phải xác định số phải nộp lên cấp trên để nộp cho ngân sách quốc phòng các khoản:

+ Khấu hao tài sản cố định thuộc nguồn ngân sách cấp đối với một số hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ;

+ Tiền vật tư thuộc nguồn ngân sách cấp được phép sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ;

+ Tiền lương của cán bộ, công nhân viên chức làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã được ngân sách trả lương;

+ Tiền khuyến mãi hoặc tiền thưởng mang tính khuyến mãi; lãi tiền gửi có nguồn gốc từ ngân sách theo tỷ lệ quy định.

- Chia lãi cho các đối tác góp vốn liên doanh, liên kết: các đơn vị nhận liên doanh, liên kết chia lãi cho các đối tác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh, liên kết.

- Nộp đơn vị cấp trên: tùy theo nội dung thu, các đơn vị nộp đơn vị cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng (về mặt tài chính) theo tỷ lệ nhất định, sau khi đã trừ chi phí, nộp thuế, nộp ngân sách quốc phòng.

Đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ vào từng nội dung thu cụ thể của đơn vị mình quy định tỷ lệ phân phối số do cấp cơ sở nộp để điều tiết cho các đơn vị cấp trung gian (nếu đơn vị có cấp trung gian). Trường hợp các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng như các học viện, nhà trường,... trực tiếp tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, thu nhập còn lại sau khi trừ chi phí, nộp thuế, nộp ngân sách quốc phòng, được để lại bổ sung kinh phí và trích quỹ đơn vị.

- Bổ sung kinh phí: thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, sau khi trừ các khoản theo quy định, được trích bổ sung kinh phí theo đúng tỷ lệ quy định của quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội.

- Số thu do đơn vị cấp dưới nộp lên cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng và số đơn vị tự thu được để lại bổ sung kinh phí (gọi chung là số thu để bổ sung kinh phí), được sử dụng để bổ sung cho các nhu cầu thiết yếu, như: chi bổ sung cho công tác huấn luyện, hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của các ngành; chi bổ sung cho xây dựng, sửa chữa, duy tu, nâng cấp cơ sở vật chất của đơn vị.

- Các đơn vị có số thu để bổ sung kinh phí phải quản lý, sử dụng như đối với khoản kinh phí do ngân sách cấp; phải lập dự toán gửi đơn vị cấp trên trực tiếp phê duyệt, khi dự toán được duyệt mới được chi; khi kết thúc chi hoặc cuối năm đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi đơn vị cấp trên trực tiếp xét duyệt. Nếu trong năm đơn vị không có dự toán được duyệt hoặc cuối năm chi không hết phải nộp hết lên đơn vị cấp trên trực tiếp để sử dụng cho các nhiệm vụ khác.

- Trích lập quỹ đơn vị: các đơn vị chỉ được trích quỹ đơn vị từ kết quả các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ sau khi đã trừ các khoản theo quy định; quỹ đơn vị thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị trên nguyên tắc có thu mới có chi và phải theo đúng chế độ quản lý tài chính; thu chi phải rõ ràng, rành mạch; phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời trên sổ kế toán; phải công khai trong toàn đơn vị và báo cáo với cấp trên tình hình thu, chi quỹ đơn vị.

Quá trình xây dựng và ban hành văn bản pháp luật cần thực hiện thường xuyên và không ngừng từng bước hoàn thiện và đổi mới cho phù hợp, nhất là cần chú trọng về nội dung quản lý.

1.3.5.3. Hướng dẫn lập và quyết định các kế hoạch tài chính hoạt động có thu

Khuôn khổ kinh tế vĩ mô là điểm khởi đầu của việc lập dự toán ngân sách. Việc lập ngân sách trong khuôn khổ kinh tế vĩ mô, dựa trên các giả định thực tế, không tính quá cao các chỉ tiêu về thu ngân sách, ngược lại không tính quá thấp các khoản chi tiêu bắt buộc là hết sức quan trọng để đảm bảo tính khả thi của kế hoạch ngân sách. Kế hoạch tài chính hoạt động có thu và dự toán ngân sách quốc phòng là bộ phận của dự toán ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm các đơn vị dự toán xây dựng kế hoạch, cơ quan tài chính cấp trên xây dựng kế hoạch thu nộp bao gồm: thu nộp ngân sách nhà nước, thu nộp quốc phòng trong đó có nguồn thu từ hoạt động có thu của các đơn vị dự toán, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tài chính năm.

Đơn vị dự toán các cấp lập kế hoạch tài chính trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Việc lập kế hoạch quản lý tài chính là một chế độ bắt buộc, thường xuyên, nhằm bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ của đơn vị. Thông qua việc lập kế hoạch quản lý tài chính sẽ xác định được khả năng bảo đảm tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị. Kế hoạch quản lý tài chính đồng thời là phương hướng thu, chi

của các ngành, các đơn vị, tạo điều kiện cho đơn vị tăng nguồn thu và sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiêu chuẩn, đúng mục đích và đối tượng sử dụng.

Kế hoạch tài chính lập ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt là căn cứ pháp lý đảm bảo cho quá trình thu, chi từ hoạt động có thu đúng tiêu chuẩn, đúng nội dung và thanh quyết toán chính xác, đồng thời nó cũng là căn cứ để thực hiện kiểm tra, giám đốc tài chính đối với hoạt động có thu của các đơn vị dự toán. Kế hoạch tài chính hoạt động có thu giúp cho lãnh đạo, chỉ huy đơn vị chỉ đạo các mặt hoạt động công tác trong phạm vi đơn vị mình, đồng thời giúp cơ quan tài chính cấp trên nắm được nhu cầu đơn vị cấp dưới, làm cơ sở lập dự toán ngân sách cấp mình.

Kế hoạch tài chính bao gồm mục tiêu, dự toán các khoản thu, chi từ hoạt động có thu, trên cơ sở đó lựa chọn các phương án quản lý tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán; phân chia theo thời gian có kế hoạch tài chính quý, kế hoạch tài chính năm; phân chia theo nội dung, kế hoạch tài chính bao gồm:

- Dự toán thu: phản ánh các nguồn thu như thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thu nhượng bán hàng hóa; thu thanh lý, xử lý vật tư và các khoản thu khác được để lại theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Dự toán chi: dự toán chi từ hoạt động có thu đơn vị dự toán gồm nội dung:

- + Nộp ngân sách nhà nước các loại thuế theo quy định;
- + Bù đắp chi phí, trong đó nộp ngân sách quốc phòng;
- + Các chi phí sử dụng phương tiện, vật tư, tài sản có nguồn gốc từ ngân sách;
- + Chi phí tiền lương, phụ cấp đối với những người đã được ngân sách trả lương.

- Thu nhập còn lại: bổ sung kinh phí đơn vị, trích quỹ đơn vị và nộp cấp trên.

Thu nhập từ lao động sản xuất, làm kinh tế cơ bản là thực hiện lấy thu bù chi và có lãi, tuy nhiên cũng có những hoạt động kinh tế do nhiều nhân tố ảnh hưởng (quản lý không tốt, yếu tố thiên tai, yếu tố xã hội...) mà số thu được không đủ bù đắp chi phí và các khoản phải nộp ngân sách. Trong trường hợp này đơn vị vẫn phải nộp cho ngân sách các khoản phải thu đúng quy định và tự bù lỗ từ thu nhập còn lại của các hoạt động lao động sản xuất làm kinh tế khác hoặc từ quỹ đơn vị.

1.3.5.4. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu

Quản lý tài chính hoạt động có thu là một quá trình, bao gồm các khâu lập, chấp hành dự toán và quyết toán tài chính hoạt động có thu, trong đó lập kế hoạch là

công việc khởi đầu có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ các khâu của quá trình quản lý tài chính hoạt động có thu. Lập kế hoạch thực chất là dự toán các khoản thu, chi từ hoạt động có thu trong một niên độ nhất định. Một kế hoạch thu, chi từ hoạt động có thu chính xác, đầy đủ cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn sẽ có tác dụng quan trọng trong việc điều hành và quản lý tài chính hoạt động có thu. Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng tổng hợp xây dựng kế hoạch thu gắn với kế hoạch chi, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cân đối trong kế hoạch ngân sách năm.

Sau khi đã có kế hoạch quản lý tài chính (dự toán ngân sách) hoạt động có thu, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cơ quan tài chính cấp trên (Cục Tài chính - BQP) chỉ đạo để thực hiện kế hoạch này, được gọi là chỉ đạo việc chấp hành dự toán ngân sách hoạt động có thu tại đơn vị dự toán. Chấp hành ngân sách hoạt động có thu là một khâu quan trọng trong quản lý tài chính hoạt động có thu. Đó là quá trình sử dụng tổng hòa các biện pháp kinh tế, tài chính và hành chính. Hiện nay các cơ quan của Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch, còn sử dụng một số biện pháp như nội dung truyền thông; xử lý xung đột lợi ích; phối hợp giữa các cơ quan trong chỉ đạo thực hiện nhằm biến các chỉ tiêu thu, chi đã được ghi trong kế hoạch tài chính thành hiện thực. Chấp hành kế hoạch tài chính được thực hiện tốt là cơ sở thực hiện các chỉ tiêu tài chính hoạt động có thu.

Chấp hành ngân sách diễn ra trong khoảng thời gian của một niên độ ngân sách (ở nước ta là 1 năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch). Đơn vị phải dự toán thu, chi từ hoạt động có thu kết hợp với nguồn cấp phát từ ngân sách, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch thu, chi cho từng quý (có phân ra các tháng trong quý), kèm theo bảng thuyết minh chi tiết các khoản chi từ hoạt động có thu. Các đơn vị dự toán cũng phải kê khai đầy đủ việc sử dụng các tài sản và nhân lực của đơn vị vào hoạt động có thu. Nguồn thu từ hoạt động có thu tại đơn vị dự toán trong quân đội, sau khi đã trích quỹ của đơn vị, các khoản chi từ nguồn thu này thực hiện theo các chế độ tài chính quy định, tránh gây lãng phí và phát sinh tiêu cực trong quản lý.

** Chỉ đạo việc chấp hành dự toán*

Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu, lập dự toán thu ngân sách quý chi tiết tới các đầu mỗi đơn vị

theo địa bàn và đối tượng thu chủ yếu, gửi cơ quan tài chính cuối quý trước. Về nguyên tắc toàn bộ các khoản thu của ngân sách nhà nước phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước, trừ một số khoản cơ quan thu có thể thu trực tiếp song phải định kỳ nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trong quá trình chấp hành ngân sách, nếu có sự thay đổi về nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện như sau: số tăng thu và số tiết kiệm chi so dự toán được giao, được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng. Nếu giảm thu so với dự toán được duyệt thì phải sắp xếp lại để giảm một số khoản chi tương ứng.

** Chỉ đạo quyết toán tài chính hoạt động có thu*

Quyết toán ngân sách là khâu cuối cùng của một chu trình ngân sách. Mục đích của quyết toán ngân sách là tổng kết đánh giá lại toàn bộ quá trình thu, chi ngân sách trong một năm ngân sách đã qua, cung cấp thông tin về quản lý điều hành thu, chi ngân sách. Quyết toán ngân sách được thực hiện tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc chấp hành ngân sách qua một năm, rút ra những bài học kinh nghiệm bổ sung cho công tác lập ngân sách cũng như chấp hành ngân sách những chu trình tiếp theo.

Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc. Các đơn vị dự toán cấp trên phải tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của đơn vị mình và quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, bao gồm: ngân sách trên cấp và tài chính hoạt động có thu.

Bộ Tài chính thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương; lập quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và tổng hợp lập tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương) trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội phê chuẩn; đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước. [102]

1.3.5.5. Kiểm tra tài chính và kiểm toán hoạt động có thu

** Kiểm tra tài chính hoạt động có thu*

Cơ sở khách quan cho công tác kiểm tra tài chính là chức năng giám đốc tài chính và chức năng đó chỉ có thể được thể hiện qua công tác kiểm tra tài chính. Chức năng giám đốc tài chính là sự thể hiện bản chất của phạm trù tài chính, giám đốc tính

mục đích, tính hiệu quả của việc phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ. Công tác kiểm tra tài chính là sự vận dụng chức năng giám đốc tài chính để tổ chức quá trình kiểm tra đối với chủ thể kinh tế, công tác kiểm tra tài chính là hoạt động chủ quan của con người.

Công tác kiểm tra tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội có tác dụng tăng cường công tác quản lý tài chính, góp phần thực hiện tốt các kế hoạch tài chính của đơn vị, thúc đẩy việc sử dụng hợp lý nguồn vốn, tài sản và giám sát hiệu quả việc phân bổ chi tiêu từ kết quả hoạt động có thu.

Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng tiến hành kiểm tra tài chính tại các ngành, các đơn vị trong toàn quân theo kế hoạch hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Cơ quan tài chính các ngành, các đơn vị có trách nhiệm giúp chỉ huy cấp mình kiểm tra toàn bộ công tác tài chính, trong đó có hoạt động có thu của cơ quan và đơn vị thuộc quyền. Trong điều kiện cần thiết chỉ huy đơn vị quyết định tiến hành thanh tra tài chính các đơn vị thuộc quyền. Đối tượng được kiểm tra bao gồm tất cả các hoạt động tài chính, trong đó có hoạt động có thu các đơn vị dự toán trong quân đội.

Nội dung của kiểm tra tài chính:

- Kiểm tra trước khi thực hiện kế hoạch tài chính: là kiểm tra được tiến hành trước khi các ngành, các cơ quan, các đơn vị thực hiện kế hoạch tài chính đã được quyết định.

- Kiểm tra thường xuyên là kiểm tra ngay trong các hoạt động tài chính, trong các nghiệp vụ tài chính phát sinh. Kiểm soát thường xuyên là một trong những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến công tác quản lý tài chính của các đơn vị. Kiểm tra thường xuyên nghiệp vụ tài chính phát sinh nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, vi phạm chính sách, chế độ kỷ luật tài chính, có tác dụng ngăn chặn, phòng ngừa, trên cơ sở đó thúc đẩy hoàn thành các kế hoạch tài chính, tổ chức và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí, đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội. Kiểm tra thường xuyên ở phương diện nào đó còn là phương tiện có ý nghĩa răn đe những cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có ý đồ vi phạm những nguyên tắc, các chế độ và chính sách quản lý tài chính hoạt động có thu.

- Kiểm tra sau khi thực hiện kế hoạch tài chính: là kiểm tra được tiến hành sau khi đã kết thúc giai đoạn thực hiện các kế hoạch tài chính. Mục đích của kiểm tra tài chính là xem xét lại tính đúng đắn, hợp lý, xác thực của các hoạt động tài chính cũng như các số liệu, tài liệu tổng hợp được đưa ra trong các sổ sách, báo biểu, từ đó có thể tổng kết rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính trong các kỳ sau.

- Thanh tra tài chính có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành thu, chi và quản lý ngân sách, quản lý tài sản Nhà nước của các tổ chức và cá nhân, xem xét giải quyết các đơn khiếu tố về tài chính, kiểm tra các vụ việc đã xảy ra trong hoạt động tài chính công. Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp ngân sách nhà nước, sử dụng vốn, kinh phí ngân sách nhà nước và quản lý các khoản thu, chi tài chính phải tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo kế toán các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước và các khoản thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, theo chế độ kế toán và mục lục ngân sách nhà nước.

Công tác phúc tra được thực hiện ở tất cả các khâu, nhất là khâu tổ chức thực hiện, qua đó có sự đánh giá những nội dung đơn vị thực hiện có những điểm nào làm tốt, những điểm nào tồn tại cần khắc phục.

** Kiểm toán đối với hoạt động có thu*

Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán theo kế hoạch hàng năm được duyệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao Cục trưởng Cục Tài chính triển khai, thực hiện kiểm toán theo quy định.

Kế hoạch kiểm toán: các cơ quan đơn vị được kiểm toán nội bộ theo kế hoạch. Căn cứ vào kế hoạch được xây dựng hàng năm, Bộ Quốc phòng ra thông báo cho các ngành, các đơn vị yêu cầu, nội dung, thời gian kiểm toán.

Các bước của quy trình kiểm toán đó là: chuẩn bị; thực hiện kiểm toán; lập và gửi báo cáo; kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của kiểm toán. Kết thúc kiểm toán, đoàn kiểm toán phải lập báo cáo; báo cáo kiểm toán phải ghi nhận xét, kết luận, kiến nghị về những nội dung đã được kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về các nhận xét, kết luận, kiến nghị của mình.

Đơn vị được kiểm toán nếu có nội dung chưa hoặc không nhất trí trong báo cáo kiểm toán thì được giải trình ý kiến theo quy định của pháp luật.

Kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm tra và đánh giá các thông tin liên quan tới quá trình quản lý và sử dụng vốn của NSNN tại các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các doanh nghiệp có sử dụng vốn của ngân sách nhà nước. Kiểm toán các nguồn tài chính được hình thành và các khoản chi tiêu mua sắm, trong đó có giới hạn và phạm vi kiểm toán theo Nghị quyết số 1011/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quan hệ giữa cơ quan kiểm toán nhà nước và đơn vị phải kiểm toán là quan hệ bắt buộc theo luật định. Cơ quan Kiểm toán nhà nước xác nhận, đánh giá và nhận xét các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo kế toán đã được kiểm toán và chịu trách nhiệm về các nội dung đó. Theo quy định của Luật Ngân sách, Kiểm toán nhà nước có nhiệm vụ xác định tính đúng đắn, hợp pháp của báo cáo quyết toán ngân sách các cấp và đơn vị dự toán. Kết quả kiểm toán này được báo cáo chính phủ, quốc hội và thực hiện trước khi quốc hội, hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán. [101]

Kiểm toán nhà nước với chức năng kiểm toán độc lập, hàng năm lập kế hoạch kiểm toán, thông báo Bộ Quốc phòng kiểm toán công tác tài chính những đơn vị nào trong quân đội, trong kế hoạch kiểm toán được xác định tại các đơn vị có nội dung kiểm toán tài chính đối với hoạt động có thu các đơn vị dự toán trong quân đội.

Kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn, trung thực của báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ pháp luật; tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong sử dụng trong quản lý sử dụng nguồn thu được từ các hoạt động có thu.

Nội dung và quy trình kiểm toán: khi thực hiện kiểm toán, trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm toán có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước. Đối tượng kiểm toán và những cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của đoàn kiểm toán, phù hợp với nội dung của quyết định kiểm toán về các nội dung thu chi của hoạt động có thu. Đoàn kiểm toán, tổ chức cá nhân có liên quan phải tuyệt đối tuân thủ chế độ bảo mật theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

1.3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

1.3.6.1. Các yếu tố bên ngoài bộ máy quản lý nhà nước

(i) Trình độ phát triển của đất nước và quân đội

Trình độ phát triển của đất nước và quân đội sẽ ảnh hưởng đến hoạt động có thu trong quân đội nói chung và quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu nói riêng. Khi trình độ phát triển kinh tế của đất nước ở trình độ cao, nguồn ngân sách dành cho quốc phòng lớn mà không ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác của đất nước, khi đó, quân đội sẽ chỉ tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Trình độ phát triển của đất nước thể hiện ở một số chỉ tiêu: thu nhập quốc dân, tổng thu ngân sách, thu nhập bình quân đầu người, trình độ dân trí, trình độ phát triển của khoa học công nghệ,...

(ii) Xu hướng phát triển của quân đội các nước trên thế giới

Hiện nay, xu hướng quân đội các nước là ít tham gia hoặc không tham gia vào hoạt động kinh tế. Ở các nước này, quân đội chỉ tập trung vào nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Các trang thiết bị, vũ khí phục vụ cho quốc phòng là do các doanh nghiệp cung cấp theo các hợp đồng với Bộ quốc phòng. Các doanh nghiệp quốc phòng của các nước này thực hiện hạch toán một cách độc lập, cung cấp các hợp đồng với Bộ quốc phòng và các doanh nghiệp trong lĩnh vực dân sự, như là các doanh nghiệp dân sự khác. Việc tận dụng các năng lực dôi dư để làm kinh tế gần như không có hoặc rất ít. Hiện nay, chỉ có một số nước quân đội vẫn tham gia hoạt động có thu bằng cách tận dụng năng lực dôi dư như: Trung Quốc, Nga, Hungary, Bắc Triều Tiên... Như tác giả đã trình bày, trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, hoạt động có thu trong quân đội là một tất yếu, tận dụng năng lực dôi dư nhằm cải thiện đời sống cho cán bộ chiến sĩ và làm giảm gánh nặng ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng. Với xu hướng của các nước như hiện nay, hoạt động có thu trong quân đội trong thời gian tới cũng sẽ dần phải có những bước điều chỉnh cho phù hợp với hướng đi chung của quân đội các nước theo xu thế hội nhập.

(iii) Quan điểm của các nhà lãnh đạo cấp cao

Quan điểm của các nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng ảnh hưởng đến định hướng cho quân đội nói chung và hoạt động có thu trong

quân đội nói riêng. Quan điểm của các nhà lãnh đạo cấp cao về hoạt động có thu trong quân đội một phần cũng xuất phát từ thực trạng kinh tế của đất nước và quan điểm xây dựng tiềm lực kinh tế gắn với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

Quan điểm và định hướng của Bộ Quốc phòng về hoạt động có thu là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động có thu trong quân đội nói chung và quản lý nhà nước về hoạt động có thu trong quân đội nói riêng. Quan điểm hiện nay của Bộ Quốc phòng là cho phép hoạt động kinh tế trong quân đội bằng việc tận dụng những năng lực dôi dư của các đơn vị để làm kinh tế, khi đơn vị triển khai làm kinh tế phải góp phần nâng cao khả năng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đơn vị, phù hợp với quan điểm đường lối lãnh đạo của Đảng ta.

Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thế trận; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh; xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong từng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo... Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. [44]

Yêu cầu các hoạt động làm kinh tế phải chuyển trạng thái và thích ứng ngay khi nhiệm vụ quân sự quốc phòng được đặt ra và cần tập trung cao nguồn lực cho nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Khi tiềm lực kinh tế quốc phòng đủ mạnh, quân đội đạt tới chính quy, hiện đại hóa trong quân sự; lãnh đạo Bộ Quốc phòng sẽ có quyết sách, quyết định phù hợp với thực tiễn đối với hoạt động có thu.

1.3.6.2. Các yếu tố bên trong bộ máy quản lý nhà nước

(i) Bộ máy quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Cơ cấu bộ máy quản lý tài chính là các bộ phận, các cá nhân và các mối quan hệ giữa các bộ phận và cá nhân này trong việc thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Cơ cấu bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ là yếu tố góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

Cơ cấu bộ máy tài chính đơn vị dự toán quân đội là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới bộ máy quản lý tài chính hoạt động có thu.

(ii) Năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý tài chính, bao gồm cả cán bộ hoạch định chính sách tài chính và cán bộ thực thi chính sách tài chính hoạt động có thu của Bộ Quốc phòng và của các đơn vị, là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Bởi vì họ là chủ thể của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Năng lực cán bộ quản lý không những ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách, tham mưu đề xuất các chính sách, các quy định, các quy chế quản lý tài chính phù hợp, mà còn ảnh hưởng đến quá trình thực hiện. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý tài chính cần phải có phương tiện, nguồn lực và chế độ đãi ngộ phù hợp theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

(iii) Văn bản pháp quy của nhà nước và quân đội

Các quy định, các quyết định, các văn bản pháp quy của nhà nước và Bộ Quốc phòng về tài chính hoạt động có thu là căn cứ, là cơ sở, là hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Từ quan điểm và chủ trương của nhà nước và Bộ Quốc phòng về hoạt động có thu và tài chính hoạt động có thu, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế làm căn cứ để thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu các đơn vị. Đây là hành lang pháp lý thực hiện quản lý tài chính hoạt động có thu và là công cụ để Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Ví dụ, việc quy định phân định các loại hình hoạt động có thu gắn với chế độ quản lý tài chính, chế độ phân bổ, trích nộp theo loại hình áp dụng cho các đơn vị có loại hình hoạt động. Đây là hành lang pháp lý để quản lý nhà nước và là hành lang pháp lý để đơn vị tổ chức thực hiện, đảm bảo tính thống nhất, duy trì trật tự kỷ cương.

Quá trình hoạch định chính sách, chỉ đạo thực hiện điều chỉnh chính sách tài chính hoạt động có thu cho phù hợp với thực tế. Từ quan điểm và đường lối của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về hoạt động có thu, các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng cụ thể hóa thành các chính sách tài chính phù hợp trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, đáp ứng việc triển khai hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu hiệu quả.

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

1.4.1. Quản lý nhà nước hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp

Nghiên cứu lý luận quản lý nhà nước về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu là cơ sở lý luận áp dụng những nội dung phù hợp trong quản lý nhà nước về tài chính đối với đơn vị dự toán quân đội tổ chức hoạt động có thu như: hoạt động giáo dục và đào tạo, dạy nghề tại một số trường quân đội; hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh tại một số bệnh viện quân đội, hoạt động nghiên cứu, sản xuất gia công tại một số cơ sở nghiên cứu và xưởng sản xuất quân đội, hoạt động xuất bản, biểu diễn nghệ thuật trong quân đội, phát thanh, truyền hình.

1.4.1.1. Về trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp với chất lượng cao cho xã hội, tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, huy động sự đóng góp của cộng đồng xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước.

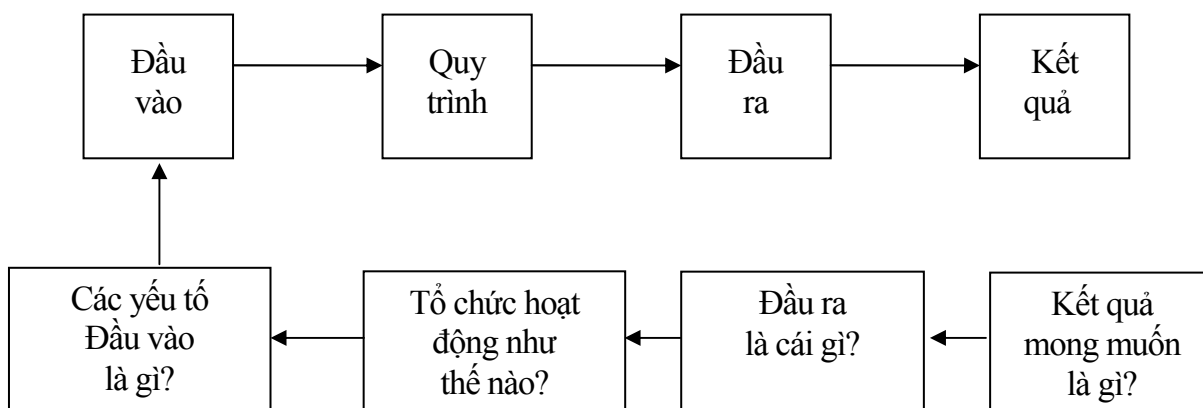
Nguyên tắc hoàn thành nhiệm vụ được giao được đặt lên hàng đầu. Đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ, phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng chuyên môn và tài chính của đơn vị.

Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật. Thực hiện quyền tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định của mình; đồng thời chịu sự kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Việc nghiên cứu nguyên tắc tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp có thu, đơn vị có nhiều đặc điểm tương tự với đơn vị dự toán quân đội, giúp tác giả đưa ra các nguyên tắc quản lý tài chính đối với hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán, đó là nguyên tắc công khai, minh bạch và nguyên tắc thực hiện hoạt động có thu nhưng vẫn phải đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các đơn vị dự toán quân đội.

1.4.1.2. Lập ngân sách theo kết quả đầu ra tại đơn vị sự nghiệp có thu

Quy trình lập ngân sách theo kết quả đầu ra thể hiện bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1: Quy trình lập ngân sách theo kết quả đầu ra

Qua quy trình lập ngân sách theo kết quả đầu ra được xác định từ việc xem xét kết quả mong muốn là gì, đầu ra là cái gì và qua đó hướng tới việc tính toán các yếu tố đầu vào cần thiết để lập dự toán và phân bổ nguồn lực cho hiệu quả.

Về yếu tố đo lường: lập ngân sách theo kết quả đầu ra đo lường trong giới hạn các sản dịch vụ được cung cấp, ngân sách được quyết định bởi giá cả được thanh toán cho kết quả đầu ra được cung ứng. Về sự thay đổi đối với các yếu tố: lập ngân sách theo kết quả đầu ra sử dụng ngân sách đầu vào linh hoạt để tạo ra các đầu ra với mức giá cả và chi phí hợp lý nhất. Về thời gian: lập ngân sách theo kết quả đầu ra trên cơ sở là trung hạn, ngân sách được lập trên cơ sở sự kết hợp chặt chẽ giữa các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển trên cơ sở chi tiêu trung hạn. Về mối liên kết: trong phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra mối liên kết giữa chính sách, lập kế hoạch, công tác lập kế hoạch và ngân sách được chặt chẽ. Về kiểm soát: trong phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra, ngân sách được kiểm soát bằng khối lượng thanh toán cho mỗi đầu ra phù hợp với kế hoạch phân bổ ngân sách được thông qua. Về thông tin quản lý: lập ngân sách theo kết quả đầu ra cho phép các nhà quản lý thông tin đầu ra và báo cáo kết quả thực tế đạt được. Nhà nước có được thông tin của các cơ quan, đơn vị và đánh giá kết quả mong muốn. Về sự đánh giá: trong phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra thì sự đánh giá dựa vào tính

hiệu quả và hiệu lực của hàng hóa dịch vụ được cung ứng và so sánh với mục tiêu chính sách hoạch định. Về quyền tự chủ của cơ quan: trong phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra, người quản lý được trao nhiều quyền tự chủ trong quản lý chi của đơn vị mình, từ đó nâng cao tính chủ động của đơn vị.

Trong phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra, góp phần đổi mới chính sách quản lý tài chính công, thể hiện trên ba mặt là tôn trọng kỷ luật tài chính tổng thể, phân bổ có hiệu quả nguồn lực tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động về cung ứng hàng hóa. Lập ngân sách theo kết quả đầu ra đảm bảo các đầu ra được xác định thông qua những mối liên hệ được miêu tả với các kết quả, được xác định ở những mức độ khối lượng, giá cả và chất lượng cụ thể. Lập ngân sách theo kết quả đầu ra tăng cường các nguyên tắc quản lý tài chính công với mục tiêu cải thiện sự phân phối và quản lý nguồn lực, cung ứng hàng hóa dịch vụ công cộng, đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tạo mối quan hệ minh bạch giữa ngân sách nhà nước với các hàng hóa dịch vụ được cung ứng để đạt được mục tiêu chính sách đề ra. Phương thức này giúp cho các cơ quan Nhà nước tập trung vào xác định nhiệm vụ của cơ quan đơn vị trong việc cung ứng các đầu ra và tại sao lại phải cung ứng các hàng hóa, dịch vụ đó.

1.4.1.3. Quản lý thu, chi tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu

** Các nguồn thu tài chính đơn vị sự nghiệp bao gồm:*

- Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để trang trải chi phí hoạt động nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao; kinh phí cho các chương trình mục tiêu.

- Kinh phí sự nghiệp: hình thành từ các nguồn thu sự nghiệp theo chế độ quy định. Đơn vị sự nghiệp có thu với nhiệm vụ chính là thông qua nhiệm vụ của đơn vị, Nhà nước cho phép thực hiện một số khoản thu theo chế độ quy định, nhằm đảm bảo tính công bằng trong xã hội, đồng thời bù đắp thêm chi phí hoạt động của đơn vị. Về cơ bản thì những khoản thu này không vì mục đích lợi nhuận và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính do Nhà nước giao.

- Các khoản thu thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp kinh tế.

- Nguồn thu từ sự đóng góp của các hội viên đối với các tổ chức đoàn thể, hiệp hội quần chúng, các tổ chức xã hội.

** Yêu cầu đối với công tác quản lý thu tài chính đơn vị sự nghiệp có thu*

Nguồn thu nhập quan trọng nhất của các đơn vị sự nghiệp là kinh phí cấp phát từ ngân sách nhà nước. Đặc điểm của nguồn kinh phí này là cấp phát theo dự toán được duyệt cho những chương trình, mục tiêu cụ thể. Để đảm bảo nguồn thu cho hoạt động của mình, các đơn vị sự nghiệp phải thực hiện công tác lập kế hoạch, dự toán thu - chi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và kịp thời.

Nguồn thu sự nghiệp từ phí, lệ phí,... không đơn thuần là quản lý các hình thức thu, phải tổ chức quản lý các yếu tố quyết định đến số thu. Trong quá trình quản lý thu coi trọng yếu tố công bằng xã hội, đảm bảo thực hiện nghiêm chính sách, chế độ thu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, kế hoạch thu sát đúng, tổ chức tốt quá trình quản lý thu đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thu thích hợp.

Đơn vị được sử dụng nhiều nguồn thu đồng thời: nguồn ngân sách, nguồn đóng góp,... cần có biện pháp quản lý thống nhất nhằm sử dụng nguồn thu đúng mục đích trên cơ sở nguyên tắc quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn thu.

** Các yêu cầu cơ bản trong quản lý các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp*

Đảm bảo nguồn tài chính cần thiết để các cơ quan sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối của Đảng, chính sách, chế độ của nhà nước. Để thực hiện được yêu cầu này đòi hỏi các đơn vị cần xác lập được thứ tự ưu tiên cho các khoản chi để bố trí nguồn kinh phí cho phù hợp.

Quản lý các khoản chi phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và có hiệu quả. Tiết kiệm và hiệu quả là yêu cầu trong mọi hoạt động kinh tế xã hội; quản lý các khoản chi phải coi việc tiết kiệm và hiệu quả là tiêu thức cơ bản khi xác lập các biện pháp quản lý. Luận điểm này được xác lập dựa trên những căn cứ sau đây:

- *Một là*: xuất phát từ tính chất các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp có qui mô mức độ rộng lớn, phức tạp, lợi ích của các khoản chi mang lại thường ít gắn liền với lợi ích cụ thể.

- *Hai là*: so với các khoản chi ở các đơn vị khác trong hệ thống tài chính thì khoản chi của đơn vị sự nghiệp có tỷ trọng lớn và có ảnh hưởng lớn đến các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp không đúng mục đích, không tiết kiệm, sẽ gây tổn hại đến quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Nhằm đạt được tiêu chuẩn tiết kiệm và hiệu quả trong quản lý các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp cần thiết phải quản lý chặt chẽ từ khâu xây dựng kế hoạch, dự toán, xây dựng định mức, thường xuyên phân tích, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp tăng cường quản lý các khoản chi của các đơn vị sự nghiệp nói riêng cũng như công tác tài chính của các đơn vị sự nghiệp nói chung.

Thông qua việc nghiên cứu quản lý thu, chi tài chính tại đơn vị sự nghiệp có thu, tác giả rút ra những kinh nghiệm cho quản lý thu, chi của hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, cụ thể là:

- Giống như đơn vị sự nghiệp có thu, một nguồn vốn quan trọng được sử dụng cho hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là nguồn ngân sách nhà nước cấp. Vì vậy, việc quản lý nguồn vốn cho hoạt động có thu có nguồn từ ngân sách nhà nước tại đơn vị dự toán quân đội cũng có thể áp dụng tương tự như tại các đơn vị sự nghiệp có thu.

- Nguồn thu từ phí và lệ phí của các đơn vị sự nghiệp có thu có những đặc điểm tương tự như nguồn thu từ hoạt động kinh tế trong quân đội. Nội dung quản lý và kinh nghiệm quản lý đối với nguồn thu này cũng có thể áp dụng tại đơn vị dự toán quân đội.

- Các khoản chi phí tại các đơn vị sự nghiệp có thu cũng có những đặc điểm tương tự như các khoản chi phí để thực hiện hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Chính vì vậy, nội dung quản lý và kinh nghiệm quản lý: lập dự toán, xây dựng định mức, hạch toán chi phí tại đơn vị sự nghiệp có thu cũng có thể áp dụng những nội dung nhất định cho việc quản lý tài chính đơn vị dự toán quân đội.

1.4.2. Kinh nghiệm quốc tế quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

1.4.2.1. Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại một số nhà trường và viện nghiên cứu Quân đội Liên bang Nga

Quân đội tham gia làm kinh tế ít được triển khai tại Quân đội Liên bang Nga hiện nay, ngoại trừ các trường đào tạo và các viện nghiên cứu do quân đội quản lý. Cơ chế quản lý nhà nước về tài chính dựa vào mô hình hoạt động được thống nhất từ trên xuống dưới, nhất thể, chính quy hóa.

Kế hoạch tài chính tại các đơn vị này xây dựng dựa trên cải tổ bộ máy, sắp xếp lại nguồn nhân lực phù hợp với hoạt động dịch vụ công thể hiện: cơ cấu lại tổ chức bộ máy; cải tổ, phát triển việc hoàn thiện chế độ chính sách; thúc đẩy và áp dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động quản lý tài chính trong quân đội; thực hiện chiến lược quản lý năng suất nâng cao hiệu quả các hoạt động.

Quản lý kinh phí ngân sách cũng được chuyển từ những mục chi rất chi tiết sang những mục chi tổng hợp để tạo cho quá trình sử dụng của các đơn vị được chủ động hơn. Một số trường đào tạo, viện nghiên cứu thực hiện việc cấp kinh phí trọn gói theo hướng quản lý đầu ra của sản phẩm.

Cơ quan tài chính cấp trên của các trường, các viện nghiên cứu Quân đội Liên bang Nga, quản lý tài chính hoạt động có thu theo một số nội dung cơ bản sau:

(i) Đối với một số trường đào tạo thuộc Quân đội Liên bang Nga

Công tác lập kế hoạch và xây dựng kế hoạch thu đối với công tác đào tạo được triển khai và thực hiện từ cấp nhà trường, thực thực sự là công cụ quản lý của lãnh đạo nhà trường và cơ quan tài chính cấp trên trong việc phân bổ ngân sách hàng năm. Trong kế hoạch ngân sách đã chi tiết các khoản thu từ đào tạo các đối tượng thuộc các thành phần xã hội tham gia học tập và đào tạo tại trường; các đối tượng đào tạo cho các nước và quân đội các nước theo hợp đồng đào tạo hoặc Nghị định thư về đào tạo, phía đối tác phải trả kinh phí đào tạo. Cơ quan tài chính cấp trên tổng hợp các nguồn này cùng với ngân sách quân đội đảm bảo theo nhiệm vụ được giao thành nguồn ngân sách trọn gói đảm bảo cho nhà trường.

Công tác phân phối được hòa đồng trong các chế độ lương do nhà nước và quân đội quy định, đối tượng học theo kế hoạch chỉ tiêu của trên giao hoàn toàn bình đẳng như các đối tượng đào tạo khác, chính vì vậy người dạy và người quản lý hai đối tượng này các khoản lương và việc thụ hưởng chính sách chế độ không có gì khác biệt.

Nguồn thu học phí từ việc đào tạo các đối tượng thuộc đào tạo quốc tế, đào tạo cho nền kinh tế như đào tạo nghề, đào tạo văn hóa, đào tạo chuyên môn được xác định là nguồn ngân sách bảo đảm cho nhà trường thực hiện kế hoạch đào tạo của nhà trường, không coi đó là hoạt động có thu như các nhà trường trong quân đội ta hiện nay.

(ii) Đối với một số viện nghiên cứu thuộc Quân đội Liên bang Nga

Ngân sách hàng năm trên cấp chuyển từ cấp theo mục chi tiết sang mục chi tổng hợp, một số viện được cấp phát kinh phí theo hình thức trọn gói (giao trọn gói kinh phí cho việc thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể được xác định trước thuộc kế hoạch nhiệm vụ công tác của các viện nghiên cứu).

Một số viện nghiên cứu có nguồn thu tương đối ổn định thì được áp dụng mức khoán thu, căn cứ vào mức khoán thu khi phân bổ ngân sách hàng năm sẽ được xác định và được bổ sung vào ngân sách trên cấp, từ đó giảm chi cho ngân sách quốc phòng. Ngay từ đầu năm ngân sách, cơ quan tài chính cấp Bộ Quốc phòng đã xác định nguồn thu bổ sung vào ngân sách quốc phòng là bao nhiêu Rúp.

Với một số viện, trung tâm nghiên cứu để phát huy năng lực chuyên môn và chất xám của các nhà khoa học thì hình thức khoán thu được áp dụng theo cách linh hoạt, nguồn thu được xác định bổ sung vào mua sắm trang bị máy móc thiết bị nghiên cứu, tăng cường đổi mới công nghệ, và được xác định vào kế hoạch ngân sách của viện, trung tâm nghiên cứu hàng năm.

Công tác thanh kiểm tra, kiểm soát đặc biệt được chú trọng, nhất là công tác kiểm tra kiểm soát khâu kế hoạch, khâu lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật cũng như tính khả thi của kế hoạch.

Sự hợp tác nghiên cứu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân đội Liên bang Nga thông qua Ủy ban phối hợp tại Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Bộ Quốc phòng là một ví dụ của sự hợp tác nghiên cứu của Quân đội Liên bang Nga với quân đội các nước.

1.4.2.2 Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại một số xưởng sửa chữa tổng hợp thuộc Quân đội Hungary

Cải cách, hiện đại hóa Quân đội Hungary gắn liền với cải cách hệ thống chính trị quốc gia và hợp tác quốc tế. Các xưởng sửa chữa tổng hợp Quân đội Hungary thực hiện cải cách nhằm thúc đẩy đội ngũ cán bộ triển khai nhiệm vụ hiệu quả hơn. Mục tiêu cải cách của quân đội nói chung và cải cách tại một số xưởng sửa chữa tổng hợp quân đội nói riêng trong thời gian qua hướng tới: xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, thực thi công việc có hiệu quả; xây dựng đội ngũ công chức

(trong đó có đội ngũ công chức làm công tác tài chính) có năng lực và có trách nhiệm; hoàn thiện chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với thực tế quân đội hiện nay.

Quan điểm của các nhà quản lý tài chính cấp trên của các xưởng sửa chữa tổng hợp Quân đội Hungary đó là:

- Trong quản lý tài chính, kinh phí được giao cho một cộng đồng, một tập thể tự quản và quyết định thì nó thường được sử dụng hợp lý, sát nhu cầu thực tiễn và đạt được hiệu quả cao hơn. Nội dung, quan điểm quản lý tài chính này được áp dụng tại các xưởng sửa chữa tổng hợp tại Quân đội Hungary.

- Đối với các xưởng sửa chữa tổng hợp có quy trình hoạt động phức tạp, thì việc ấn định chi phí đầu vào và quản lý, kiểm soát các sản phẩm đầu ra sẽ buộc tổ chức đó tự sắp xếp, cải tiến quy trình sử dụng kinh phí hiệu quả hơn. Đồng thời với quy trình được cải cách thường xuyên, trong điều kiện kiểm soát chặt chẽ về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, các sản phẩm đầu ra của tổ chức đó cũng luôn được nâng cao chất lượng.

- Qua quá trình thực hiện về các khoản kinh phí trọn gói trong việc sửa chữa, phục hồi vũ khí, trang bị khí tài (khoán chi và tự trang trải) công tác kế hoạch có thể dần dần xây dựng được các định mức tiêu chuẩn, định biên và mô hình tổ chức, phân công lao động một cách sát thực, hợp lý hơn.

- Việc liên kết giữa các bộ phận, giữa các xưởng sửa chữa tổng hợp để hoàn thành các nhiệm vụ sửa chữa vũ khí, trang bị, khí tài trong quân đội bằng việc kế hoạch hóa các nhiệm vụ bao gồm: nội dung công việc, kế hoạch sản lượng với việc phân bổ ngân sách của Bộ Quốc phòng cho các nhiệm vụ đó được xác định trong năm ngân sách. Bộ Quốc phòng Hungary không cho phép việc sử dụng ngân sách quốc phòng dùng cho việc sửa chữa vũ khí trang bị, khí tài để ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng gia công giữa các xưởng, các đơn vị với nhau. (các đơn vị dự toán trong Quân đội ta hiện nay ngân sách quốc phòng của đơn vị này, là nguồn thu từ hoạt động có thu của đơn vị dự toán khác thông qua các hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, khối quân chủng, binh chủng chi tiêu ngân sách bảo đảm kỹ thuật là khá phổ biến).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Luận án luận giải một số vấn đề lý luận cơ bản như: đơn vị dự toán quân đội, hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, khái niệm hoạt động có thu, các loại hình, vai trò hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội; phân biệt hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội và hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp.

Luận án đi sâu vào nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu: khái niệm QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, mục tiêu, tiêu chí, nguyên tắc QLNN về tài chính hoạt động có thu.

Nội dung QLNN về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội được làm sáng tỏ từ định hướng, xây dựng chính sách, hướng dẫn lập, quyết định, quản lý thực hiện kế hoạch, kiểm tra, kiểm toán và các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN.

Kinh nghiệm QLNN về tài chính hoạt động có thu được tác giả rút ra từ quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị sự nghiệp; thông qua ứng dụng những điểm tương đồng nội dung quản lý của đơn vị sự nghiệp, có thể áp dụng cho QLNN về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội. Kinh nghiệm về nội dung quản lý tài chính của quân đội một số nước, được tác giả nghiên cứu đề cập cho việc vận dụng QLNN về tài chính đối với một số loại hình tại đơn vị dự toán quân đội.

Điểm mới của chương 1 gồm: (i) Luận án phát triển cơ sở lý luận QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, đáp ứng tiêu chí và quan điểm chỉ đạo chiến lược của BQP, theo đó đơn vị dự toán duy trì quy mô và phạm vi hoạt động có thu, chi tận dụng năng lực dôi dư, hoàn trả nộp ngân sách nhà nước và ngân sách quốc phòng đủ các khoản chi phí có nguồn gốc từ ngân sách. (ii) Luận án xây dựng tiêu chí tổng quát đánh giá QLNN về hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội trên các nội dung liên quan đến tính hiệu lực, tính hiệu quả, tính phù hợp, tính bền vững; gắn kết và phù hợp với tiêu chí cụ thể trong QLNN về tài chính hoạt động có thu. Luận án cũng đưa ra tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính, với mức thu nhập thuần từ hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội phải đóng góp cho ngân sách quốc phòng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia quản lý, chỉ đạo. (iii) Luận án chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, bao gồm các yếu tố bên ngoài (trình độ phát triển của đất nước và quân đội; xu hướng phát triển của quân đội các nước trên thế giới; quan điểm của các nhà lãnh đạo cấp cao) và các yếu tố bên trong (bộ máy QLNN về tài chính hoạt động có thu; năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý; văn bản pháp quy của nhà nước và quân đội).

CHƯƠNG 2

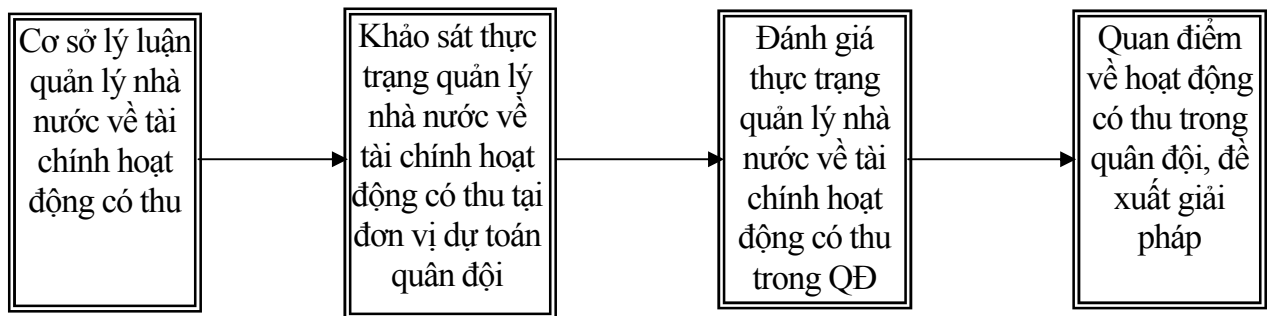
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN

2.1. Khái quát về nội dung nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Mục đích nghiên cứu của luận án là căn cứ vào công tác quản lý nhà nước về mặt tài chính hoạt động có thu, công tác tổ chức thực hiện hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị này.

Luận án tiến hành nghiên cứu các nội dung chủ yếu như sau:

- Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội và bài học kinh nghiệm;
- Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội;
- Giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội giai đoạn (2011 – 2020) trên cơ sở kết quả của phân tích thực trạng.



Sơ đồ 2.1. Những nội dung nghiên cứu của luận án

- Phần cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội: luận án trình bày cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính; khái niệm về đơn vị dự toán quân đội; các loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; cơ chế quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; kinh nghiệm quản lý nhà nước về tài chính của các đơn vị sự nghiệp có thu áp dụng tại các đơn vị dự toán quân đội.

- Phần khảo sát thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán theo từng loại hình hoạt động có thu. Trong phần này, tác giả xác định đối tượng thực hiện khảo sát phỏng vấn, nội dung khảo sát phỏng vấn, các kết quả khảo sát phỏng vấn. Phần khảo sát thực trạng được chia thành các nội dung chính:

Một là: kết quả tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội trong giai đoạn 2005 - 2009: tổng số thu, chênh lệch thu - chi, những tác động đến đời sống kinh tế chính trị xã hội từ việc triển khai hoạt động có thu tại các đơn vị;

Hai là: kết quả điều tra nhóm cán bộ hoạch định chính sách tài chính và cán bộ thực thi chính sách tài chính tại các đơn vị;

Ba là: kết quả phỏng vấn những người trực tiếp tham gia hoạt động có thu.

Phần đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội: tác giả làm rõ hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động có thu trong toàn quân và theo từng loại hình. Việc tổ chức thực hiện hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán tạo nguồn thu tài chính bổ sung cho ngân sách, nguồn thu nhập thêm cho cán bộ chiến sĩ (người lao động), nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp, trình độ quản lý, ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động sản xuất với từng đối tượng tham gia. Mặt khác quản lý nhà nước về tài chính các hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là sự chi phối và tác động trực tiếp tới các đơn vị dự toán trong toàn quân có tổ chức triển khai hoạt động có thu (làm kinh tế), tác động đến các đối tượng trực tiếp thực hiện, tác động đến người quản lý và đối tượng quản lý, tác động đến quá trình quản lý tài chính và tài sản. Vì vậy trong phần này luận án làm sáng tỏ hiệu quả từ quản lý nhà nước tài chính hoạt động có thu, hiệu quả KT-XH liên quan đến an ninh quốc phòng. Việc phân tích thực trạng cho phép đưa ra các quyết định như: cho phép các đơn vị dự toán quân đội tổ chức hoạt động có thu làm kinh tế hay không? loại hình nào cần phát huy, loại hình nào cần loại bỏ, hạn chế hoặc cần chấn chỉnh trong quá trình quản lý cũng như tổ chức thực hiện. Nói cách khác, phân tích thực trạng nhằm đánh giá ưu, nhược điểm của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trên các nội dung để làm căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp và kiến nghị trong phần tiếp theo của luận án.

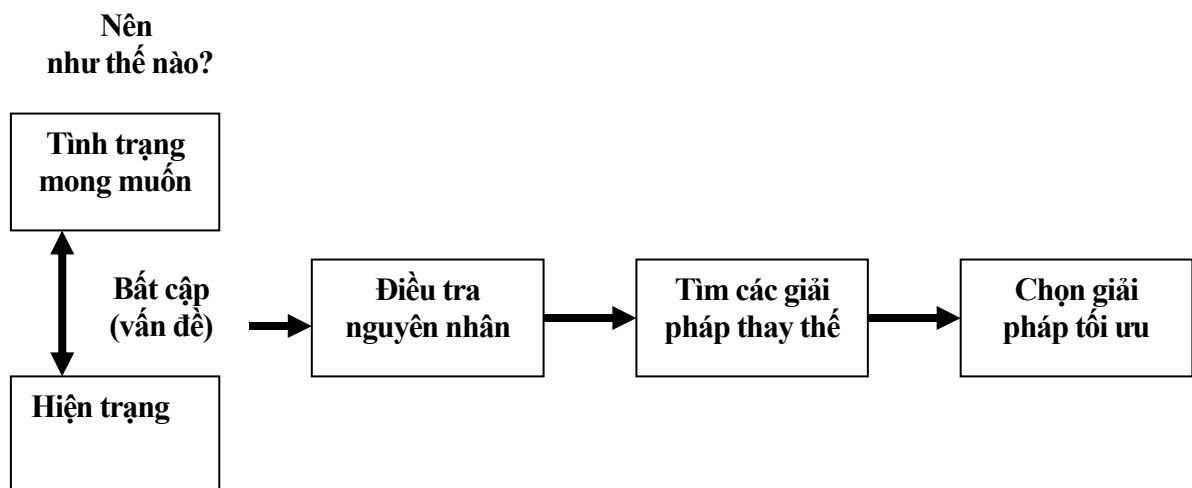
Phần đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội: tác giả đưa ra các quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, các giải pháp hoàn thiện nội dung quản lý

nhà nước về tài chính, giải pháp hoàn thiện công cụ quản lý nhà nước về tài chính, các giải pháp mang tính thử nghiệm với một số loại hình hoạt động có thu, và điều kiện để thực hiện các giải pháp này.

Những phần này được kết cấu thành các chương: Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội giai đoạn (2011 - 2020). Các nội dung nghiên cứu khác nhau của luận án tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau.

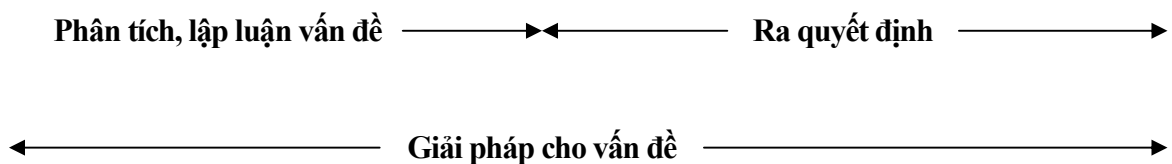
2.2. Phương pháp nghiên cứu chung của luận án

Theo nội dung của luận án, logic của luận án là: đưa ra những cơ sở lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, phân tích và đánh giá thực trạng để tìm ra những tồn tại và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp. Logic này được mô tả trong quy trình giải quyết vấn đề ở sơ đồ 2.2:



**Tình trạng hiện tại
là gì?**

Cụ thể các vấn đề gì? Các nguyên nhân gì? Có thể đưa ra biện pháp khắc phục nào?



Sơ đồ 2.2. Quy trình giải quyết vấn đề

2.3. Phương pháp thu thập tài liệu

2.3.1. Mục đích thu thập tài liệu

Thu thập và nghiên cứu tài liệu là một công việc quan trọng cần thiết cho bất kỳ hoạt động nghiên cứu khoa học nào. Các nhà nghiên cứu khoa học luôn đọc và tra cứu tài liệu có trước để làm nền tảng cho nghiên cứu. Đây là nguồn kiến thức quý giá được tích lũy qua quá trình nghiên cứu mang tính lịch sử lâu dài. Vì vậy, mục đích của việc thu thập và nghiên cứu tài liệu nhằm:

- Giúp tác giả nắm được phương pháp của các nghiên cứu thực hiện trước đây;
- Làm rõ hơn đề tài nghiên cứu của mình;
- Giúp tác giả có phương pháp luận và luận cứ chặt chẽ hơn;
- Giúp tác giả nắm được các kiến thức sâu, rộng về lĩnh vực nghiên cứu;
- Tránh trùng lặp với các nghiên cứu trước đây, vì vậy đỡ mất thời gian, công sức và tài chính.

2.3.2. Phân loại tài liệu nghiên cứu

Phân loại tài liệu để giúp cho tác giả chọn lọc, đánh giá và sử dụng tài liệu đúng với lĩnh vực nghiên cứu và đối tượng muốn nghiên cứu. Trong luận án, tác giả sử dụng 2 nguồn tài liệu: tài liệu sơ cấp (tài liệu liệu gốc) và tài liệu thứ cấp.

(i) Tài liệu sơ cấp

Tài liệu sơ cấp là tài liệu mà tác giả tự thu thập điều tra, phỏng vấn trực tiếp, hoặc nguồn tài liệu cơ bản, còn ít hoặc chưa được chú giải. Vì đề tài nghiên cứu là mới và có ít tài liệu sẵn có, tác giả phải điều tra để tìm ra các nguồn tài liệu chưa được biết. Tác giả phải tổ chức, thiết lập phương pháp để ghi chép, thu thập số liệu.

Các tài liệu sơ cấp được sử dụng trong luận án: Các thông tin tác giả thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp những người tham gia hoạt động có thu, phiếu điều tra đối với cán bộ tham gia hoạch định chính sách tài chính (cán bộ Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng; Cục Kinh tế /Bộ Quốc phòng; Cục Kế hoạch và Đầu tư /Bộ Quốc phòng...) và phiếu điều tra đối với cán bộ thực thi chính sách tài chính có gắn với nhiệm vụ quản lý tài chính hoạt động có thu (các trưởng phòng tài chính, trưởng ban tài chính, trợ lý kế toán, trợ lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội).

(ii) Tài liệu thứ cấp

Tài liệu thứ cấp được sử dụng trong luận án là các tài liệu có nguồn gốc từ tài liệu sơ cấp đã được phân tích, giải thích và diễn giải, bao gồm: giáo trình, bài báo,

tập san chuyên đề, tạp chí, biên bản hội nghị, báo cáo khoa học, sách tham khảo, luận văn, luận án, thông tin thống kê,... cụ thể:

- Các số liệu về hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội trong toàn quân trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2009; số liệu về hoạt động có thu tại 4 đơn vị dự toán cấp 2 gắn với 4 loại hình hoạt động có thu đặc trưng và chiếm tỷ trọng lớn trong các loại hình hoạt động có thu đơn vị dự toán trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2009.

- Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ, các Nghị quyết, các Quy chế và Quyết định của Bộ Quốc phòng quy định về hoạt động có thu và chế độ tài chính đối với hoạt động có thu.

- Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, Giáo trình Tài chính công,...

- Các bài báo trên Tạp chí Tài chính quân đội: Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tài chính, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2008, của Đại tướng Phùng Quang Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính Quân đội, số 1 (69) 1/2008; Nâng cao chất lượng điều hành ngân sách, đáp ứng yêu cầu hoàn thành các nhiệm vụ của quân đội, của Thượng tướng Nguyễn Văn Đước - Ủy viên Trung ương Đảng - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính Quân đội, số 5 (73) 10/2008; Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng đơn vị quản lý tài chính tốt hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự, của Trung tướng Phạm Quang Phiếu - Cục trưởng Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng, Tạp chí Tài chính Quân đội, số 2 (95) 3/2010; Những lưu ý trong hạch toán hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội, của Đại tá Thạc sĩ Nguyễn Văn Tuấn; Tạp chí Tài chính Qđội số 6 (74) 11/2008; Một số ý kiến trao đổi về quản lý hoạt động có thu ,của nghiên cứu sinh Nguyễn Huy Tranh; Tạp chí Tài chính Quân đội số 2(195) 3/2010,...

- Các luận văn, luận án có liên quan: luận văn “Hoàn thiện công tác quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán thuộc Trung tâm Khoa học Kỹ thuật - Công nghệ Quân sự của tác giả Nhâm Thái Trung; Học viện Hậu cần, năm 2008; luận án "Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn Quân khu 3" của tác giả Phạm Tiến Luật, Học viện Hậu cần, năm 2004;...

Phương pháp thu thập tài liệu được tác giả sử dụng trong tất cả các nội dung của luận án, bao gồm: xây dựng cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về tài chính hoạt

động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu và đưa ra các kiến nghị và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

Luận án “*Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội*” liên quan tới các nhóm đối tượng khác nhau như cán bộ tham gia hoạch định chính sách tài chính, cán bộ thực thi chính sách tài chính và những người trực tiếp tham gia hoạt động có thu. Nội dung xây dựng phiếu phỏng vấn, phiếu điều tra, thu thập số liệu phục vụ cho công tác đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán. Luận án sử dụng 2 nguồn số liệu chính để phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động có thu. *Thứ nhất*, nguồn số liệu về tổng thu, chi phí, chênh lệch thu chi, số bổ sung vào ngân sách, số trích nộp quỹ đơn vị, số khấu hao tài sản cố định, số chờ phân bổ, số nộp thuế nhà nước, số nộp ngân sách quốc phòng và số nộp cấp trên của hoạt động có thu của toàn quân trong giai đoạn năm 2005 đến năm 2009 (nguồn Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng); nguồn số liệu hoạt động có thu thuộc 4 đơn vị dự toán cấp 2 được thu thập trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2009. Nguồn số liệu này được tác giả lựa chọn và tổng hợp để phân tích thực trạng, đánh giá hiệu quả hoạt động có thu trong toàn quân, bao gồm: hệ thống báo cáo của các cơ quan chức năng như thanh tra, kiểm toán; các báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị dự toán (biểu kết quả hoạt động có thu). *Thứ hai*, nguồn số liệu từ phiếu phỏng vấn và phiếu điều tra do tác giả thực hiện. Nguồn số liệu này cho phép tác giả thực hiện đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trên nhiều nội dung khác nhau như: đánh giá cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động có thu, đánh giá tính hợp lý của các loại hình hoạt động có thu hiện nay, đánh giá về cơ cấu bộ máy quản lý tài chính và năng lực cán bộ quản lý tài chính hoạt động có thu, đồng thời cũng thu thập được những kiến nghị và góp ý của những người được phỏng vấn và điều tra về hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Để thu thập số liệu từ phiếu điều tra và phiếu phỏng vấn, tác giả đã thực hiện:

(i) Xác định ranh giới và chọn đối tượng nghiên cứu

Xác định đối tượng khảo sát: căn cứ mối quan hệ liên quan chi phối ảnh hưởng trực tiếp đến chủ trương, chính sách, quá trình tổ chức thực hiện gắn với hiệu quả của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Thông qua phỏng vấn lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, những người làm nhiệm vụ quản lý tài chính hoạt động có thu trên cơ sở áp dụng phương pháp tiếp cận các bên liên quan ta sẽ thấy được sự logic của các đối tượng có liên quan đến mục tiêu quản lý, đây cũng là tiêu chí xây dựng phiếu phỏng vấn và phiếu điều tra để đánh giá ở các cấp độ khác nhau.

Để nắm được tình hình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, tác giả đề cập việc đơn vị dự toán có triển khai hoạt động có thu theo các loại hình chủ yếu, cấp độ và quy mô tổ chức, thông qua phỏng vấn trao đổi, nghiên cứu sơ bộ tình hình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, xác định nội dung khảo sát, đối tượng khảo sát và từ đó xây dựng phiếu điều tra và phiếu phỏng vấn.

Nội dung điều tra và phỏng vấn được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu các bên có liên quan đến hoạt động có thu: Cơ quan quản lý nhà nước (nơi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn); lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ quản lý tài chính tại các đơn vị dự toán (là người chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị); các đối tượng tham gia trực tiếp hay gián tiếp quá trình tổ chức triển khai hoạt động có thu; các đối tượng không tham gia hoạt động có thu nhưng được hưởng lợi từ kết quả thu được hoạt động có thu. Các bên có liên quan đến hoạt động có thu có thể được mô tả trong bảng sau:

Bảng 2.1. Các bên có liên quan đến hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

Các bên liên quan	Chức năng, nhiệm vụ trong quản lý và tổ chức thực hiện
Cơ quan quản lý nhà nước	- Ban hành các văn bản quy phạm Pháp luật; - Cụ thể hóa các văn bản chế tài Pháp luật (Nghị định, Thông tư) thành các văn bản Hướng dẫn.
Lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ tài chính các đơn vị dự toán	- Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện; - Xây dựng các kế hoạch, chương trình, hợp đồng, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý tài chính.
Những người tham gia trực tiếp	Thực hiện các kế hoạch, chương trình và các hợp đồng, nhiệm vụ được giao của hoạt động có thu (tham gia trực tiếp vào hoạt động có thu).

Những người tham gia gián tiếp	Là người thuộc đơn vị dự toán có thu nhưng làm việc ở bộ phận khác, không tham gia vào hoạt động có thu.
Người thụ hưởng kết quả hoạt động	Những người được phân phối phần chênh lệch từ kết quả hoạt động có thu.

Việc nghiên cứu mối quan hệ liên quan của các bên sẽ giúp chúng ta xác định được nội dung quản lý các bên có liên quan cũng như tập trung nỗ lực để nghiên cứu đối tượng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Từ việc mô tả các bên liên quan đến hoạt động có thu, luận án đã thực hiện điều tra với các đối tượng: (1) Cán bộ tham gia hoạch định chính sách tài chính. Đó là những người chỉ đạo và quản lý tài chính hoạt động có thu tại các cơ quan quản lý nhà nước, thực hiện chức năng và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao cho trong đó có chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài chính các dịch vụ công, bao gồm hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.[37] Đó là các cán bộ thực hiện ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể hóa các văn bản pháp luật thành nghị định, thông tư, hướng dẫn, các quyết định gắn với nhiệm vụ của nhà quản lý thuộc từng lĩnh vực và từng cấp thẩm quyền. (2) Cán bộ thực thi chính sách tài chính. Đó là các cán bộ làm việc tại các cơ quan đơn vị dự toán tổ chức hoạt động có thu. Họ vừa là nhà quản lý và là đối tượng chịu sự quản lý của cấp trên, hàng năm xây dựng các kế hoạch, chương trình, hợp đồng, tùy từng loại hình hoạt động có thu để đơn vị áp dụng, tiến hành tổ chức sản xuất, làm dịch vụ, tổ chức nhân sự, tổ chức quản lý tài chính. Ở góc độ khác, quản lý tài chính hoạt động có thu chặt chẽ và toàn diện thể hiện là đối tượng quản lý và nhà quản lý đáp ứng được các mục tiêu quản lý. (3) Thực hiện phỏng vấn với người lao động trực tiếp tại các đơn vị có tổ chức hoạt động có thu.

(ii) Chọn mẫu phỏng vấn và điều tra

Luận án thực hiện lấy mẫu điều tra và phỏng vấn theo nguyên tắc chọn mẫu ngẫu nhiên.

- Đối với phiếu điều tra cán bộ hoạch định chính sách: tác giả thực hiện điều tra 130 cán bộ hoạch định chính sách tài chính thuộc các đơn vị: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng; Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng; Cục Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Quốc phòng.

- Đối với phiếu điều tra cán bộ thực thi chính sách: tác giả thực hiện điều tra ngẫu nhiên 130 cán bộ thực thi chính sách tài chính. Đó là các trưởng phòng (ban) tài chính, trợ lý kế toán, ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội; chỉ gửi các đơn vị dự toán có triển khai hoạt động có thu có số thu lớn. Nhằm điều tra được thuận lợi và có kết quả cao (số phiếu điều tra thu về), tác giả gửi phiếu điều tra kèm Công văn số 1619/CTC ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Cục Tài chính /BQP) đề nghị các đơn vị quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong quá trình tìm hiểu.

- Đối với phiếu phỏng vấn người lao động trực tiếp tại các đơn vị dự toán có thu: tác giả thực hiện phỏng vấn trực tiếp 100 cán bộ, chiến sĩ có tham gia trực tiếp hoạt động có thu tại 4 đơn vị dự toán với việc thực hiện ở nhiều loại hình hoạt động có thu (loại hình hoạt động có thu tăng gia sản xuất quanh bếp quanh vườn, loại hình hoạt động có thu dịch vụ nghiên cứu khoa học kỹ thuật, loại hình hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh, loại hình hoạt động có thu liên kết đào tạo và giảng dạy).

(iii) Xác định kiểu trả lời của người được điều tra và phỏng vấn

- Đối với 2 mẫu phiếu điều tra: tác giả thực hiện phương pháp sử dụng bảng hỏi - trả lời bằng viết. Mẫu phiếu điều tra được gửi tới người được điều tra, và người được điều tra trả lời bằng cách điền vào phiếu điều tra theo hướng dẫn, sau đó tác giả thu thập lại và xử lý.

- Đối với phiếu phỏng vấn: tác giả thực hiện phương pháp hỏi - trả lời. Tác giả thực hiện phỏng vấn trực tiếp theo mẫu phỏng vấn đã được thiết kế và ghi lại câu trả lời của người được phỏng vấn.

(iv) Thiết kế phiếu điều tra và phiếu phỏng vấn

*** Phiếu phỏng vấn**

Tác giả thực hiện phỏng vấn 100 người là người lao động trực tiếp tại các đơn vị dự toán có triển khai hoạt động có thu. Hướng tới quan điểm và nhận thức quân đội có nên duy trì hoạt động có thu không; tính hợp lý của cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu và việc phát huy thế mạnh; quyền lợi và nghĩa vụ, sự công khai và dân chủ trong quản lý tài chính hoạt động có thu, nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của hoạt động có thu xét từ giác độ người lao động trực tiếp. Phiếu phỏng vấn được thiết kế gồm 10 câu hỏi kín và 1 câu hỏi mở. Đây là hình thức phỏng vấn có cấu trúc, nghĩa là tác giả hỏi các câu hỏi đã được xác định rõ ràng.

Tác giả lựa chọn phương pháp phỏng vấn đối với người lao động trực tiếp để tìm hiểu thông tin về hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu dựa trên các lý do:

- Những người lao động trực tiếp không phải là người thực thi chính sách tài chính và chỉ là người chịu ảnh hưởng của các cơ chế, chính sách tài chính hoạt động có thu nên họ không hiểu nhiều các khái niệm về tài chính và không nắm được cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu, nếu thực hiện điều tra sẽ không có hiệu quả.

- Quá trình trả lời cần sự hướng dẫn, gợi ý của người thực hiện phỏng vấn (tác giả).

- Những người lao động trực tiếp cảm thấy họ không chịu ảnh hưởng nhiều của cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu, nên họ có thể sẽ không quan tâm đến việc trả lời các câu hỏi; vì vậy nếu thực hiện điều tra sẽ không hiệu quả.

- Một số nội dung phỏng vấn đối với người lao động họ sẽ khó diễn đạt bằng viết hoặc khó khăn trong việc điền phiếu điều tra vì họ chưa quen với việc này.

- Trong quá trình thực hiện phỏng vấn, tác giả có thể gợi mở để người lao động có thể đưa ra những bình luận bất kỳ (không trong phiếu phỏng vấn) để tác giả có thể đánh giá một cách thực chất về hiệu quả và tác dụng của hoạt động có thu trong quân đội, tính minh bạch và công khai trong triển khai thực hiện hoạt động có thu từ đó có những đánh giá khách quan về quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong quân đội.

* Phiếu điều tra

Tác giả thực hiện điều tra đối với 130 cán bộ tham gia hoạch định chính sách tài chính và 130 cán bộ thực thi chính sách tài chính để đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Phiếu điều tra thiết kế cho 2 nhóm này được thiết kế giống nhau, bao gồm 21 câu hỏi kín và 1 câu hỏi mở, nhưng thực hiện điều tra và xử lý số liệu một cách độc lập.

Các câu hỏi kín được chia thành 7 nhóm: Nhóm 1: các câu hỏi điều tra về vai trò của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị trong việc chỉ đạo thực hiện các quy chế quản lý tài chính hoạt động có thu (từ câu 1 đến câu 4); Nhóm 2: các câu hỏi điều tra về tổ chức nhân sự thực hiện quản lý tài chính hoạt động có thu (từ câu 5 đến câu 7); Nhóm 3: các câu hỏi điều tra về sự phân công trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động

có thu và loại hình hoạt động có thu của đơn vị (câu 8, câu 9 và câu 14)); Nhóm 4: các câu hỏi điều tra về việc sử dụng các công cụ trong quản lý tài chính hoạt động có thu (câu 10 đến câu 13); Nhóm 5: các câu hỏi điều tra về tính hợp lý của cơ chế phân bổ nguồn thu từ hoạt động có thu (câu 15 đến câu 17); Nhóm 6: các câu hỏi điều tra về hiệu quả của hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán (câu 18 và câu 19); Nhóm 7: các câu hỏi điều tra về việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát trong quản lý tài chính hoạt động có thu (câu 20 và câu 21). Câu hỏi mở để thu thập ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu (câu 22).

Để thực hiện điều tra, sau khi đã thiết kế phiếu điều tra và lựa chọn đối tượng điều tra, tác giả gửi trực tiếp phiếu điều tra tới các đối tượng điều tra và thu thập lại để xử lý. Việc lựa chọn phương pháp thu thập số liệu bằng phiếu điều tra đối với 2 nhóm cán bộ: cán bộ tham gia hoạch định chính sách và cán bộ thực thi chính sách dựa trên các lý do: *Thứ nhất*, cán bộ tham gia hoạch định chính sách tài chính và cán bộ thực thi chính sách tài chính là những người có những hiểu biết tốt về quản lý tài chính hoạt động có thu, họ nắm được các thuật ngữ được sử dụng trong phiếu điều tra vì họ đều là những người làm công tác tài chính trong quân đội (khác với đối tượng là người lao động trực tiếp, tác giả phải sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp). *Thứ hai*, phiếu điều tra không nhất thiết yêu cầu ghi tên và đơn vị công tác, điều này cho phép thu thập các ý kiến và đánh giá trung thực về tình hình quản lý tài chính hoạt động có thu. *Thứ ba*, phiếu điều tra được thiết kế chủ yếu dưới dạng câu hỏi kín, điều này cho phép đối tượng điều tra dễ dàng trong việc lựa chọn các ý kiến trả lời và không mất thời gian trong việc hoàn thành phiếu điều tra. Các câu hỏi kín của phiếu điều tra chủ yếu được chia thành 2 hoặc 3 cấp độ để thuận tiện cho việc lựa chọn phương án trả lời của các đối tượng điều tra và thuận tiện cho việc xử lý số liệu để đưa ra các đánh giá về thực trạng quản lý tài chính hoạt động có thu của tác giả. Các câu hỏi trong phiếu điều tra được đánh thứ tự các câu hỏi từ câu hỏi 1 đến đến câu hỏi 21 (không phân thứ tự theo nhóm) hướng đối tượng điều tra trả lời câu hỏi khách quan và người được điều tra khó biết được ý đồ, mục tiêu điều tra của tác giả, kết quả điều tra sẽ khách quan hơn.

(v) Các biện pháp để đạt kết quả tốt trong điều tra và phỏng vấn

Tác giả nhận thức được động cơ thúc đẩy sự tích cực của người trả lời phỏng vấn và điều tra là vấn đề quan trọng để thu thập thông tin một cách chính xác về các nội dung cần điều tra và phỏng vấn. Vì vậy khi thiết kế và thực hiện điều tra và phỏng vấn, tác giả quan tâm tới việc làm thế nào để thuận tiện nhất cho người được điều tra và phỏng vấn. *Thứ nhất*, trong phiếu điều tra, các câu hỏi rất ngắn gọn và dễ hiểu, chủ yếu là các câu hỏi kín để đối tượng điều tra lựa chọn. *Thứ hai*, đảm bảo tính bảo mật về thông tin cá nhân của đối tượng điều tra. *Thứ ba*, khi thực hiện phỏng vấn, tác giả tạo ra bầu không khí thoải mái, cởi mở, nêu rõ mục đích phỏng vấn và vẫn đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân cho đối tượng phỏng vấn. Một số các đối tượng tác giả phỏng vấn ngoài giờ có mời họ đi uống trà tạo không khí thân mật và thoải mái với người được phỏng vấn.

2.5. Phương pháp nghiên cứu tình huống

Phương pháp nghiên cứu tình huống được sử dụng trong luận án thu thập thông tin toàn diện, có hệ thống và sâu về các trường hợp quan tâm tình huống ở đây là một đơn vị dự toán có thu đặc trưng, được tác giả lựa chọn để nghiên cứu sâu hơn để có cái nhìn sâu sắc về một loại hình hoạt động có thu cụ thể và thực trạng quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán đó. Các trường hợp được tác giả lựa chọn để nghiên cứu sâu bao gồm:

- Tổng cục Kỹ thuật (Đơn vị dự toán có nhiều loại hình hoạt động có thu).
- Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (Đơn vị dự toán tiêu biểu cho loại hình dịch vụ y tế và khám chữa bệnh).
- Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự (Đơn vị dự toán có loại hình hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật là chủ yếu).
- Học viện Kỹ thuật Quân sự (Đơn vị dự toán có loại hình hoạt động dịch vụ liên kết giáo dục và đào tạo).

2.6. Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính

Phân tích hồi quy là tìm quan hệ phụ thuộc của một biến, được gọi là biến phụ thuộc vào một hoặc nhiều biến khác, được gọi là biến độc lập nhằm mục đích ước lượng hoặc tiên đoán giá trị kỳ vọng của biến phụ thuộc khi biết trước giá trị của biến độc lập.

Trong luận án, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính để tìm ra quan hệ phụ thuộc giữa các biến số: chi phí phụ thuộc vào tổng thu; chênh lệch thu chi phụ thuộc vào tổng thu, số chưa phân phối phụ thuộc vào chênh lệch thu chi của tất cả các đơn vị dự toán trong toàn quân.

Biến phụ thuộc: hay còn gọi là biến được giải thích, biến nội sinh.

Biến độc lập: hay còn gọi là biến giải thích, biến ngoại sinh.

Trong mô hình chi phí phụ thuộc vào tổng thu: biến phụ thuộc là chi phí (chi phí cho hoạt động có thu của đơn vị dự toán) và biến độc lập là tổng thu (tổng thu từ hoạt động có thu của đơn vị dự toán)

Trong mô hình chênh lệch thu chi phụ thuộc vào tổng thu: biến phụ thuộc là chênh lệch thu chi (chênh lệch giữa thu và chi của đơn vị dự toán) và biến độc lập là tổng thu.

Trong mô hình hồi quy số chưa phân phối phụ thuộc vào chênh lệch thu chi: biến phụ thuộc là số chưa phân phối (số tiền chưa phân phối vào cuối năm ngân sách của đơn vị dự toán) và biến độc lập là chênh lệch thu chi.

Phân tích hồi quy sẽ cho biết khi biến độc lập thay đổi thì biến phụ thuộc sẽ thay đổi như thế nào. Trong luận án, phân tích hồi quy sẽ cho biết khi tổng thu tăng lên thì chi phí để tạo ra nguồn thu phải tăng lên như thế nào. Nói cách khác, phân tích hồi quy sẽ cho biết chi phí chiếm tỷ trọng như thế nào trong tổng thu. Tuy nhiên, mối quan hệ hồi quy không có nghĩa là mối quan hệ nhân quả. Tức là, không phải tổng thu tăng thì gây ra chi phí tăng lên. Trong phạm vi luận án, các mối quan hệ hồi quy chỉ cho biết tỷ lệ tương đối, hay mối quan hệ tương đối giữa các biến số được phân tích.

Các phương trình hồi quy được sử dụng trong luận án đều là phân tích hồi quy đơn, tức là phân tích sự phụ thuộc của biến phụ thuộc vào 1 biến độc lập duy nhất. Các phương trình hồi quy đơn được sử dụng trong luận án có dạng:

$$Y_i = \hat{\beta}_1 + \hat{\beta}_2 X_i + e_i$$

Phương pháp bình phương tối thiểu là tìm $\hat{\beta}_1$ và $\hat{\beta}_2$ sao cho tổng phần dư có giá trị nhỏ nhất. Từ đó sẽ tìm ra $\hat{\beta}_2$ theo công thức

$$\hat{\beta}_2 = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2}$$

Sau khi tìm được $\hat{\beta}_2$, $\hat{\beta}_1$ sẽ được xác định bằng công thức:

$$\hat{\beta}_1 = \bar{Y} - \hat{\beta}_2 \bar{X}$$

Trong đó:

Y: là biến phụ thuộc

X: là biến độc lập

$\hat{\beta}_1$: là hệ số chặn của hàm hồi quy

$\hat{\beta}_2$: là hệ số góc của hàm hồi quy, phản ánh sự phụ thuộc của Y vào X, và đồng thời phản ánh tỷ lệ trung bình của Y/X. Trong luận án, $\hat{\beta}_2$ chính là tỷ lệ trung bình (%) của chi phí so với tổng thu, chênh lệch thu chi so với tổng thu và số chưa phân phối so với chênh lệch thu chi.

Trên cơ sở giá trị của $\hat{\beta}_2$ đã ước lượng được, tác giả cũng đưa ra khoảng tin cậy 95% cho tất cả các hệ số β_2 .

Ví dụ: phân tích hồi quy của chi phí theo tổng thu của toàn quân trong giai đoạn 5 năm từ 2005 đến 2009 thu được kết quả sau:

$$\text{Chi phí} = 1668613 + 0,559 \times \text{Tổng thu}$$

=> Hệ số $\hat{\beta}_2 = 0,559$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, tác giả ước lượng được chi phí chiếm 55,9% tổng thu. Đồng thời tác giả cũng đưa ra ước lượng khoảng tin cậy 95% của β_2 nằm trong khoảng (52,1% - 59,7%), tức là với độ tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí so với tổng thu dao động từ 52,1% đến 59,7%.

2.7. Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp này được sử dụng để xử lý số liệu thu thập từ phiếu điều tra đối với cán bộ hoạch định chính sách và cán bộ thực thi chính sách.

Sau khi gán các giá trị cho các biến số của phiếu điều tra, sử dụng thống kê mô tả để tính giá trị trung bình, phương sai của các biến số, từ đó rút ra các kết luận được sử dụng trong luận án.

Để phân tích số liệu thu thập được từ phiếu điều tra, phiếu phỏng vấn và số liệu tổng thu của toàn quân, luận án sử dụng phần mềm SPSS15 để phân tích thực trạng và từ đó đề xuất giải pháp quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. SPSS (viết tắt của *Statistical Package for the Social Sciences*) là một chương trình máy tính phục vụ công tác thống kê. SPSS được sử dụng rộng rãi trong công tác thống kê xã hội. SPSS có một giao diện giữa người và máy cho phép sử dụng các menu thả xuống để chọn các lệnh thực hiện. Khi thực hiện một phân tích chỉ đơn giản chọn thủ tục cần thiết và chọn các biến phân tích và bấm OK là có kết quả ngay trên màn hình để xem xét. SPSS cũng có một ngôn ngữ cú pháp có thể học bằng cách dán cú pháp lệnh vào cửa sổ cú pháp từ một lệnh vừa chọn và thực hiện, nhưng nói chung khá phức tạp và không trực giác.

SPSS tính toán những thống kê mô tả và thực hiện những phân tích thống kê chung nhất như hồi qui, hồi qui logistic, phân tích tồn tại, phân tích phương sai, phân tích nhân tố, và phân tích nhiều chiều. Luận án sử dụng phần mềm SPSS để phân tích hồi quy số liệu tổng thu của toàn quân và phân tích các thông kê mô tả từ kết quả thu được của phiếu điều tra và phiếu phỏng vấn.

SPSS cũng có khả năng tổng hợp số liệu tốt (tính toán các thống kê mô tả); một trong những công việc thường xuyên phải làm đối với cán bộ nghiên cứu là tổng hợp số liệu theo các biểu bảng đã thiết kế trước đối với số liệu thu được. Khả năng lập các biểu bảng số liệu tổng hợp, các báo cáo thống kê trên tập số liệu cơ sở trong SPSS là hết sức đa dạng và linh hoạt với nhiều chiều phân tử khác nhau và dễ dàng thực hiện không phải lập trình. Các bảng biểu, các báo cáo được trình bày đẹp, chất lượng cao được hiện trên cửa sổ, có thể tiếp tục hiệu chỉnh, in ra hoặc chuyển sang các tài liệu khác. Đây là một ưu điểm nổi bật của SPSS và tác giả sau khi tính toán số liệu trong SPSS thì sử dụng tính năng này của phần mềm để chuyển kết quả sang file word và đưa kết quả vào luận án.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án “Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội” ; làm rõ những nội dung nghiên cứu và mô tả các phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong luận án. Trong chương này, tác giả đã làm rõ luận án cần nghiên cứu nội dung chính: Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; Giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội giai đoạn (2011 - 2020); các nội dung này sẽ kết cấu thành từng chương của luận án.

Các công cụ và phương pháp được áp dụng cho nghiên cứu từng chương căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ của từng chương. Trước tiên làm rõ khái niệm quản lý nhà nước, bản chất, hình thức quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính; đây là những nội dung cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính. Khái quát đơn vị dự toán quân đội từ chức năng nhiệm vụ đến mối quan hệ các cấp của đơn vị dự toán có liên quan đến sử dụng ngân sách nhà nước cấp. Việc trình bày phương thức và công cụ quản lý nhà nước về tài chính đối với đơn vị dự toán quân đội từ đó xác định chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với từng loại hình hoạt động có thu. Những công cụ chủ yếu được áp dụng trong chương 1 là logic quản lý nhà nước về tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu áp dụng vào quản lý nhà nước về tài chính đơn vị dự toán quân đội, từ đó đưa ra mô hình áp dụng. Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu đối với cơ quan quản lý nhà nước, nơi ban hành các văn bản quy định, văn bản hướng dẫn, các đơn vị tổ chức thực hiện triển khai hoạt động có thu, các đối tượng thực hiện và thụ hưởng kết quả hoạt động có thu. Tổng quan các nội dung trên bằng thu thập số liệu thống kê, khảo sát phỏng vấn, và sử dụng các phương pháp nghiên cứu làm công cụ khảo sát thực trạng. Căn cứ vào cơ sở lý luận và tình hình thực tiễn triển khai, đánh giá công tác quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán xác thực và khoa học, sử dụng các phép phân tích đáng giá được hiệu quả và hiệu lực của quản lý nhà nước về tài chính trong lĩnh vực này. Các giải pháp và nhóm giải pháp được đề xuất phải căn cứ vào quá trình nghiên cứu thực trạng, đánh giá thực trạng bằng các phép phân tích, nghiên cứu đánh giá khách quan.

Hướng đề xuất giải pháp có tính khả thi cao cũng như trong khuôn khổ khung pháp lý cho phép.

Trong chương 2, tác giả đã nêu khái niệm và mô tả sơ lược về các phương pháp nghiên cứu và cách thức vận dụng các phương pháp nghiên cứu này trong luận án, bao gồm: Phương pháp thu thập tài liệu, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp phân tích hồi quy và phương pháp thống kê mô tả. luận án cũng giới thiệu sơ lược về phần mềm SPSS là phần mềm được sử dụng cho phương pháp phân tích hồi quy và phương pháp thống kê mô tả. Một số kết quả thu được từ phân tích hồi quy, phân tích phiếu điều tra được phản ánh trong phụ lục và trình bày tại chương 3, chương 4 của luận án.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI

Chức năng và nhiệm vụ của quân đội gắn với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đóng góp quan trọng cho sự ổn định chính trị - xã hội để phát triển kinh tế đất nước. Những căn cứ chủ yếu trong xây dựng dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm xuất phát từ chức năng nhiệm vụ của quân đội và khả năng của ngân sách nhà nước. Nguồn tài chính đảm bảo cho quân đội bao gồm: nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, từ điều tiết một phần thu nhập của các doanh nghiệp quân đội, nguồn thu các hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội bổ sung vào nguồn tài chính quốc phòng góp phần cân đối tích cực trong dự toán ngân sách chi hàng năm cùng với các nguồn đảm bảo khác.

Luận án thực hiện khảo sát thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, bắt đầu từ tổng quan hoạt động tạo nguồn lương thảo cho quân đội trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hoạt động có thu quân đội những năm còn chiến tranh ác liệt; tập trung nghiên cứu sâu trong thời gian 5 năm, từ năm 2005 đến năm 2009. Thông qua quá trình tổ chức thực hiện, triển khai hoạt động có thu tại đơn vị dự toán gắn với các chế tài, quyết định, quy định của Bộ Quốc phòng, tác giả thống kê số liệu kết quả thu được từ hoạt động có thu, điều tra khảo sát thực tế tại một số đơn vị dự toán bằng phỏng vấn trực tiếp và bằng phiếu điều tra. Những kết quả thu được này làm cơ sở cho việc phân tích thực trạng quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

3.1. Hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội qua các thời kỳ

3.1.1. Giai đoạn trước khi Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập

Chính sách “Ngụ binh ư nông” (gửi binh ở nông) là một định chế quân sự từ ngày xưa của ông cha ta: binh gắn liền với nông, quy định cụ thể về chế độ binh dịch đối với tất cả đình tráng và chế độ quân lính chia phiên về sản xuất. Chính sách này vốn đã có từ buổi đầu dựng nước, được phát triển theo yêu cầu của lực lượng vũ trang phòng giữ đất nước. Với cách chia phiên nhà nước tổ chức cho quân lính vừa được thường xuyên luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu, vừa dành được nhiều thời gian tham gia lao động sản xuất, giảm chi phí nuôi quân, góp phần tăng thêm được lương thực, thực phẩm dự trữ cho quân đội. Có thể nói, cùng với việc ban hành và thực hiện những chính sách tiến bộ, làm cho dân giàu, nước mạnh, các triều đại

phong kiến Việt Nam đã quan tâm thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông” một bộ phận hợp thành trong chính sách trị nước và kế giữ nước, đáp ứng nhiệm vụ của dân tộc, quyền lợi của giai cấp nông dân, do đó đã động viên được toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang phòng giữ đất nước. Thực tiễn lịch sử giữ nước của dân tộc Việt Nam có một hình thức tổ chức quân sự đặc sắc của tổ tiên ta về động viên và sử dụng nhân lực từ dân trong phòng giữ đất nước, góp phần tạo nên lương nhiều, binh mạnh thời bình và thực hiện toàn dân làm lính, cả nước đánh giặc thời chiến, thực hiện kết hợp giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, dựng nước với giữ nước. “Đó cũng là phép hay của đời cận cổ”.[106]

Thời nhà Đinh có Thập đạo quân (tính ra quân đông đến một triệu), thực ra số quân biên chế sổ là vậy; trừ số quân Túc vệ còn phần lớn có biên chế trong sổ, như Phan Huy Chú nói: “Khi có việc gọi làm lính, xong việc lại trở về sản xuất”, [59] hoặc như lời bình của sử gia Ngô Thì Sĩ rằng: “Bây giờ binh và nông chưa chia” [39]. Quân đội nhà Đinh gắn bó chặt chẽ giữa “binh” và “dân”, vừa được luyện tập, vừa được sản xuất và có đủ quân số khi cần thiết. Vì thế, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, người tổng chỉ huy quân đội trước kia, khi lên làm Hoàng đế đã lãnh đạo quân đội đánh tan quân xâm lược nhà Tống.

Sử sách Việt Nam ghi lại tướng hậu cần xuất sắc của Nghĩa quân Tây Sơn: Nguyễn Lữ được nhân dân dùng làm tên gọi cho một ngọn núi của Tây Sơn: núi Lãnh Lương.

Để có lương thực phục vụ cho cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ, các lãnh tụ Tây Sơn đã chủ trương tìm cách tích trữ bằng nhiều nguồn khác nhau. Nguồn thứ nhất là tổ chức sản xuất tại chỗ mà nhân lực chủ yếu là nghĩa sĩ Tây Sơn, vừa tập luyện vừa tham gia sản xuất. Nguồn thứ hai là huy động đóng góp của nhân dân nhiều địa phương, việc huy động nguồn này gặp nhiều khó khăn vì nếu không thận trọng dễ bị quân Chúa Nguyễn phát hiện và đàn áp. Nguồn thứ ba là tịch thu kho tàng của Chúa Nguyễn, nguồn này chỉ trở nên đáng kể sau khi khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Năm 1771, khi Nguyễn Nhạc dựng cờ xưng nghĩa, Nguyễn Lữ đã chuẩn bị chu tất cho nhu cầu về hậu cần của quân đội Tây Sơn.

Núi Lãnh Lương là một chứng tích sinh động về tài cung cấp hậu cần của Nguyễn Lữ. Những thắng lợi của Nghĩa quân Tây Sơn trong những trận chiến đấu đầu tiên đều gắn liền với công lao cung cấp hậu cần của Nguyễn Lữ. Binh pháp cổ có câu “thực túc binh cường” (ăn đủ, quân mạnh). Theo tinh thần của câu binh pháp cổ

này, ta nhân định: Nghĩa quân Tây Sơn chuẩn bị lương thực cho khởi nghĩa với chủ trương tổ chức sản xuất tại chỗ tạo lương thực thực phẩm đã góp phần chiến thắng cho các cuộc khởi nghĩa sau này.

Năm 1771 đến 1773 Nghĩa quân Tây Sơn giành nhiều thắng lợi, lực lượng Tây Sơn ngày một đông, nhu cầu về lương thực, thực phẩm càng lớn, hoạt động hậu cần được đẩy mạnh nhiều hơn so với thời kỳ đầu chuẩn bị khởi nghĩa. Hoạt động tăng gia sản xuất của Nghĩa quân Tây Sơn được mở rộng thuộc nhiều tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên..., kết quả thu được là nhiều lương thực, thực phẩm. [89]

3.1.2. Thời kỳ đầu thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam

Quân đội nhân dân Việt Nam là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự, chính trị, các đơn vị bộ đội luôn chủ động tận dụng thời gian tổ chức tăng gia sản xuất đáp ứng một phần lương thực, thực phẩm.

Bước vào những năm 1950 -1954 chiến dịch phản công địch ngày càng mở rộng trên nhiều chiến trường, lực lượng quân đội tăng; thực hiện chủ trương thống nhất nền tài chính của đất nước, công tác đảm bảo cho quân đội có nhiều khó khăn, Chính phủ chưa đáp ứng kịp thời. Với vai trò là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất theo lời huấn thị của Bác Hồ tại Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ nhất: “Quân đội phải cố sức trông tọt, chăn nuôi để tự túc phần nào, giảm bớt gánh nặng của nhân dân”. Từ lời huấn thị của Bác, toàn quân thực hiện và thu được kết quả to lớn, các đơn vị vùng tạm chiếm đã tự túc được 6 tháng lương thực cho bộ đội; chỉ tính lương thực, thực phẩm dự trữ đầu năm 1954 đảm bảo cho đời sống bộ đội (nhu cầu ăn) là 293.124 tấn thóc, đến tháng 9 năm 1954 đã lên đến 320.622 tấn thóc; Chính phủ đảm bảo được một phần, phân huy động các tầng lớp nhân dân ủng hộ và bộ đội tích cực tăng gia sản xuất. Từ năm 1958 - 1960 toàn quân đã tự sản xuất vật liệu trị giá 24 triệu đồng, tự túc công lao động xây dựng doanh trại tiết kiệm 6 triệu đồng, kết quả đã xây dựng được 922.653 m² nhà ở, kho tàng... [19], [20], [21].

Công tác bảo đảm tài chính cho quân giải phóng miền nam duy trì và phát triển lực lượng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, công tác tài chính giai đoạn này quán triệt quan điểm cần kiệm, tự lực, tự cường, phát huy cao độ nguồn vật chất tại chỗ, đồng thời tranh thủ nguồn viện trợ của Trung ương; nguồn tài chính của Mặt trận Dân tộc Giải phóng cấp, để thực hiện việc mua lương thực, thực

phẩm, thuốc men... Lực lượng quân giải phóng đã tích cực đẩy mạnh sản xuất, tăng gia tự túc; trong tổng số vật chất huy động trên chiến trường Nam Bộ thời kỳ 1961-1964 có tới 16,3% là do bộ đội tự sản xuất. Chỉ tính tại chiến khu D thuộc miền đông Nam Bộ, nơi có mặt của Bộ Tư lệnh Miền, trong những năm đầu kháng chiến gian khổ; lực lượng chủ lực là Quân đoàn 4 vừa chiến đấu, vừa sản xuất được trên 80.000 tấn lương thực thực phẩm, đảm bảo một phần lương thực, thực phẩm cho bộ đội trong điều kiện của cuộc chiến hết sức tàn khốc của đế quốc Mỹ.

Phong trào thi đua xây dựng “Đơn vị quản lý tài chính tốt” được hình thành từ đầu năm 1960, khởi nguồn từ phong trào thi đua “Ba nhất” trong toàn quân. Nội dung phong trào “Ba nhất” đó là: nhất về huấn luyện quân sự, rèn luyện kỷ luật; nhất về gương mẫu, kỷ luật; nhất về lao động sản xuất. Các đơn vị muốn đạt danh hiệu “Ba nhất” thì nhất thiết phải phấn đấu quản lý tài chính, tài sản tốt nhất.

Tại Đại hội Anh hùng và Chiến sĩ thi đua toàn quốc (1961), Bác Hồ phát động: “Công nông phát cao ngọn cờ Duyên Hải; Nông dân phát cao ngọn cờ Đại Phong; Quân đội anh hùng phát cao ngọn cờ Ba Nhất; Công-Nông-Binh đại thi đua, đại đoàn kết, Chủ nghĩa xã hội nhất định thành công, Bắc-Nam nhất định sẽ thống nhất, non sông một nhà”.

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ muôn vàn kính yêu: “Cán bộ kinh tế - tài chính là những chiến sỹ giỏi trên cả mặt trận tăng gia sản xuất”, phong trào thi đua xây dựng đơn vị “Đơn vị quản lý tài chính tốt” đã gắn bó mật thiết, là động lực thúc đẩy tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống bộ đội.

Từ đó đến nay, phong trào thi đua xây dựng “Đơn vị quản lý tài chính tốt” đóng góp một phần công sức cùng Quân đội hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của dân tộc trong mấy chục năm qua. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, phong trào thi đua xây dựng “Đơn vị quản lý tài chính tốt” phát triển cả chiều rộng và chiều sâu; được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, cấp ủy, chỉ huy các cấp, đã có tác dụng thiết thực trong công tác bảo đảm, quản lý và sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng pháp luật, tiết kiệm, chống lãng phí; tích cực tăng gia sản xuất góp phần xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Từ năm 2005-2009, trong điều kiện thời bình, các đơn vị bộ đội đã tích cực tham gia làm kinh tế tạo ra nguồn thu đáng kể cải thiện đời sống vật chất tinh thần của cán bộ chiến sỹ, bổ sung kinh phí chi tiêu cho nhiệm vụ quốc phòng, khi ngân

sách nhà nước đảm bảo chi quốc phòng còn eo hẹp và có lúc chưa kịp thời . Số liệu tổng hợp hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội [Phụ lục 1], là những minh chứng quân đội hiện nay tích cực tăng gia sản xuất, tận dụng năng lực dồi dào làm kinh tế, có những đóng góp nhất định cho Quân đội, Nhà nước và góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho bộ đội.

Quân đội Nhân dân Việt Nam luôn học tập và tiếp bước truyền thống của cha ông ta, từ ngày thành lập đến nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ đã vận dụng sáng tạo truyền thống của cha ông tổ chức và xây dựng lực lượng Dân quân Tự vệ và Dự bị động viên, lực lượng này thời bình là lực lượng lao động sản xuất, khi Nhà nước và Quân đội cần thì tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước. Lực lượng Dân quân Tự vệ và Dự bị động viên đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Nhìn từ góc độ quân sự đó cũng là kế sách “Ngu binh ư nông” trong thời đại ngày nay được Quân ủy Trung ương vận dụng một cách sáng tạo.

3.2. Kết quả tài chính hoạt động có thu các đơn vị dự toán quân đội

3.2.1. Kết quả tài chính hoạt động có thu của toàn quân giai đoạn 2005 - 2009

Để có số liệu cho việc đánh giá kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán, đáp ứng mục tiêu và nội dung thuộc phạm vi nghiên cứu, tác giả tổng hợp số liệu kết quả hoạt động trong toàn quân 5 năm (2005 - 2009). Bảng tổng hợp số liệu có loại trừ nguồn thu từ việc các đơn vị nhượng bán đất quốc phòng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của cấp có thẩm quyền, tiền thu được từ hoá giá nhà quân đội; tiền nhượng bán vũ khí, nguồn thu từ quà biếu, các khoản từ cho, tặng cũng không được tổng hợp số liệu trong các biểu theo từng năm.

Năm 2005, đầu mỗi đơn vị dự toán có quan hệ trực tiếp với Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng (đơn vị dự toán cấp 1) là 41 đầu mỗi đơn vị; đến năm 2009 là 43 đầu mỗi đơn vị. Năm 2008, thêm đầu mỗi Cục Cảnh sát Biên, theo Quyết định của trên được tách ra từ Quân chủng Hải quân. Năm 2009, thêm đầu mỗi trường Sĩ quan Chính trị, theo Quyết định của trên được tách ra từ Học viện Chính trị - Quân sự. Năm 2009 Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự theo Quyết định của Bộ Quốc phòng được đổi tên là Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự.

Kết quả hoạt động có thu về tài chính của đơn vị dự toán quân đội được tổng hợp thông qua Báo cáo quyết toán và Tổng kết công tác tài chính của các đơn vị có quan hệ trực tiếp với Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng qua các năm (từ năm 2005 đến năm 2009); số liệu thống kê thu được: tổng thu từ hoạt động có thu; số chi phí,

và chênh lệch thu chi từ kết quả hoạt động có thu, phân phối kết quả hoạt động có thu, số đã quyết toán với ngân sách qua các năm như sau: [Phụ lục 1]

Bảng 3.1: Số liệu tổng hợp từ kết quả hoạt động có thu toàn quân

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thu	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Thu chưa phân phối
2005	2.388.019.931	1.407.029.369	980.990.562	87.562.058
2006	2.573.283.342	1.505.820.048	1.067.463.294	92.849.160
2007	2.729.932.332	1.599.567.517	1.130.364.815	82.317.364
2008	3.222.472.307	1.947.469.412	1.275.002.895	127.512.732
2009	4.152.581.975	2.308.311.604	1.844.270.371	92.496.728
Cộng	15.066.289.887	8.768.197.950	6.298.091.937	482.738.042

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.2: Số liệu tổng hợp phân phối kết quả hoạt động có thu toàn quân

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp ngân sách quốc phòng	Nộp cấp trên trực tiếp	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị
2005	18.635.500	48.131.719	74.238.204	341.663.265	410.759.816
2006	25.812.412	72.628.034	80.820.409	372.210.095	423.143.184
2007	26.611.489	66.453.772	94.140.731	416.280.899	444.560.560
2008	23.661.917	101.294.049	116.104.475	441.962.066	464.467.656
2009	58.414.857	142.832.697	171.373.021	747.579.131	631.573.937
Cộng	153.136.175	431.340.271	536.675.840	2.319.695.456	2.374.505.153

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.3: Số chi phí cho hoạt động có thu đã được quyết toán với ngân sách

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Khấu hao tài sản cố định	Tiền lương đã quyết toán với ngân sách	Các khoản chi phí khác (điện, nước...)
2005	2.641.400	548.900	0
2006	3.051.495	684.973	0
2007	4.248.409	668.377	3.000
2008	723.893	1.099.814	0
2009	9.031.180	5.753.301	566.809
Cộng	19.696.377	8.755.365	569.809

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Từ số liệu thống kê được nêu trong bảng 3.1 số liệu tổng hợp từ kết quả hoạt động có thu toàn quân, kết quả tổng hợp từng năm theo tiêu thức: số tổng thu, tổng

chi phí, chênh lệch thu - chi, số chưa phân phối cho thấy bức tranh tổng thể, góc nhìn từ khâu quản lý nhà nước về tài chính kết quả hoạt động có thu đơn vị dự toán quân đội trong 5 năm. Căn cứ vào số liệu trên, tác giả đánh giá các khâu trong quá trình quản lý tài chính và thực trạng quản lý tài chính tại đơn vị dự toán quân đội.

Từ số liệu thống kê được nêu trong bảng 3.2 tổng hợp phân phối kết quả hoạt động có thu toàn quân, kết quả tổng hợp từng năm theo tiêu thức: số nộp ngân sách nhà nước, nộp ngân sách quốc phòng, nộp cấp trên trực tiếp, bổ sung kinh phí, trích nộp quỹ đơn vị, phản ánh phân phối kết quả hoạt động có thu sau khi đã trừ các khoản chi phí. Số liệu này là cơ sở tác giả đánh giá sự đóng góp của hoạt động có thu của các đơn vị qua các năm.

Số liệu thông kê được nêu trong bảng 3.3 phản ánh số chi phí cho hoạt động có thu đã được quyết toán với ngân sách, với các tiêu thức: khấu hao tài sản cố định, tiền lương đã quyết toán với ngân sách, tiền điện quốc doanh, tiền nước quốc doanh, được dùng cho hoạt động làm kinh tế tại đơn vị dự toán, phục vụ tác giả đánh giá khâu quản lý chi phí hoạt động làm kinh tế tại đơn vị dự toán quân đội thuộc các năm được điều tra khảo sát.

3.2.2. Kết quả tài chính hoạt động có thu của một số đơn vị giai đoạn 2005 - 2009

Các đơn vị dự toán có các loại hình hoạt động có thu đa dạng, với quy mô và khả năng phát huy các tiềm năng thế mạnh trong hoạt động có thu rất phong phú. Với cách tiếp cận nghiên cứu vừa có tính bao quát toàn diện, vừa nghiên cứu sâu về một loại hình hoạt động có thu, do đó tác giả tổng hợp hoạt động có thu của một số đơn vị: Tổng cục Kỹ thuật với đặc trưng có các đơn vị đóng quân trên phạm vi rộng thuộc nhiều tỉnh và thành phố trong cả nước (23 tỉnh, thành phố), có các đơn vị dự toán là cơ quan các cục chuyên ngành, có các đơn vị là viện nghiên cứu, các trường đào tạo, trung tâm huấn luyện, các kho, các xưởng sửa chữa, nhà khách, xưởng in...(đơn vị dự toán có nhiều loại hình hoạt động có thu, trong đó hoạt động tăng gia sản xuất là chủ yếu). Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là hoạt động dịch vụ y tế, khám chữa bệnh; Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự với đặc trưng loại hình hoạt động có thu chủ yếu là hoạt động làm dịch vụ khoa học, trong đó có nhiều hợp đồng từ quân binh chủng (hợp đồng kinh tế với

các quân binh chủng được ký kết từ nguồn ngân sách quốc phòng), đây là nội dung được sự quan tâm của nhiều cấp, nhiều ngành. Học viện Kỹ thuật Quân sự với loại hình hoạt động chủ yếu là hoạt động từ liên kết giáo dục đào tạo, giảng dạy. Kết quả tổng hợp số liệu từ hoạt động có thu của các đơn vị theo các năm như sau:

3.2.2.1. Đơn vị Tổng cục kỹ thuật

Bảng 3.4: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thu	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Thu chưa phân phối
2005	91.150.053	65.053.707	26.096.346	256.333
2006	106.707.493	64.575.877	42.131.616	31.020
2007	97.339.590	68.440.247	28.899.343	0
2008	93.099.564	59.938.654	33.160.910	0
2009	105.210.696	70.539.751	34.670.945	0
Cộng	493.507.396	328.548.236	164.959.160	287.353

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.5: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị TCKT

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp ngân sách quốc phòng	Nộp cấp trên trực tiếp	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị
2005	255.249	2.388.062	1.141.377	9.464.187	12.591.138
2006	5.741.333	16.587.898	1.720.251	7.306.031	10.745.083
2007	915.242	3.852.090	1.735.054	9.585.164	12.811.793
2008	503.407	4.149.367	2.683.382	12.201.150	13.623.604
2009	547.364	5.554.468	2.840.815	10.741.009	14.987.076
Cộng	7.962.595	32.531.885	10.120.879	49.297.541	64.758.694

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Số liệu thống kê được nêu trong bảng 3.4: kết quả hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật; bảng 3.5: phân phối kết quả hoạt động có thu đơn vị Tổng cục

Kỹ thuật; Kết quả tổng hợp từng năm theo tiêu thức số tổng thu, tổng chi phí, chênh lệch thu - chi, số chưa phân phối và số được hoàn trả ngân sách; đây là số liệu giúp tác giả phân tích sâu quá trình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật với góc độ đơn vị có nhiều loại hình hoạt động có thu, trong đó loại hình tăng gia sản xuất quanh bếp quanh vườn chiếm tỷ trọng lớn, đại diện cho nhiều đơn vị dự toán quân đội.

3.2.2.2. Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Bảng 3.6: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thu	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Thu chưa phân phối
2005	87.138.944	41.915.100	45.223.844	0
2006	124.662.759	58.858.871	65.803.888	3.120.795
2007	158.829.348	72.814.869	86.014.479	35.000
2008	201.272.396	77.344.941	123.927.455	14.226.058
2009	265.861.331	110.996.778	154.864.553	0
Cộng	837.764.778	361.930.559	475.834.219	17.381.853

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.7: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp ngân sách quốc phòng	Nộp cấp trên trực tiếp	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị
2005	0	0	2.090.222	30.459.905	12.673.717
2006	0	68.893	3.048.651	41.220.989	18.344.560
2007	0	0	4.161.645	58.195.338	23.622.496
2008	0	0	5.166.509	100.189.837	4.345.051
2009	0	0	7.433.366	104.428.306	43.002.881
Cộng	0	68.893	21.900.393	334.494.375	101.988.705

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.6: kết quả hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108; bảng 3.7: phân phối kết quả hoạt động có thu đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, số liệu phản ánh theo các tiêu thức: tổng thu, tổng chi, chênh lệch thu chi, số phân phối kết quả hoạt động có thu, trong đó hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh là

chủ yếu. Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách theo tuyến và thực hiện các nhiệm vụ về y tế trên giao. Bệnh viện tham gia hoạt động dịch vụ y tế, khám và chữa bệnh, số thu từ hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh khá lớn, một nội dung nghiên cứu tình huống của luận án.

3.2.2.3. Đơn vị Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

**Bảng 3.8: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị
Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thu	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Thu chưa phân phối
2005	83.150.519	78.313.995	4.836.524	254.331
2006	99.662.271	95.112.427	4.549.844	211.345
2007	111.866.143	104.876.794	6.989.349	16.643
2008	163.539.093	153.282.133	10.256.960	0
2009	109.276.577	100.438.428	8.838.149	0
Cộng	567.494.603	532.023.777	35.470.826	482.319

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

**Bảng 3.9: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị
Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp ngân sách quốc phòng	Nộp cấp trên trực tiếp	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị
2005	740.036	15.242	387.372	1.203.966	2.235.577
2006	708.722	25.806	364.907	1.141.345	2.097.719
2007	1.211.129	1.137.171	452.539	1.524.042	2.647.825
2008	1.505.904	1.503.959	1.055.028	2.577.547	3.614.522
2009	1.649.250	351.787	950.079	2.570.513	3.316.520
Cộng	5.815.041	3.033.965	3.209.925	9.017.413	13.912.163

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.8: kết quả hoạt động có thu; bảng 3.9: phân phối kết quả hoạt động có thu, số liệu thống kê theo một số tiêu thức: tổng thu, chi phí, chênh lệch thu chi, số phân phối, số chưa phân phối với loại hình hoạt động dịch vụ khoa học là chủ yếu của Viện Khoa học Công nghệ Quân sự. Qua bảng tổng hợp, số thu hàng năm lớn, phần chi phí cao, các khoản chi phí này tác giả tổng hợp không thấy có các khoản chi

phí phải hoàn trả ngân sách, hiệu quả hoạt động có thu từ loại hình hoạt động kinh tế chưa cao. Số liệu trên là cơ sở để tác giả phân tích sâu các khâu trong quá trình quản lý tài chính.

3.2.2.4. Đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự

Bảng 3.10: Kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị

Học viện Kỹ thuật Quân sự

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Tổng thu	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Thu chưa phân phối
2005	41.873.894	20.988.789	20.885.105	14.858.688
2006	50.845.676	25.905.482	24.940.194	20.519.835
2007	60.374.456	35.448.875	24.925.581	21.456.318
2008	81.234.852	36.917.674	44.317.178	37.977.816
2009	93.253.730	65.040.476	28.213.254	22.306.106
Cộng	327.582.608	184.301.296	143.281.312	117.118.763

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.11: Phân phối kết quả tài chính hoạt động có thu đơn vị

Học viện Kỹ thuật Quân sự

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp ngân sách quốc phòng	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị
2005	0	3.604	0	6.022.813
2006	0	48.755	0	4.371.604
2007	0	106	0	3.469.157
2008	0	304.144	0	6.035.218
2009	0	368.532	0	5.538.616
Cộng	0	725.141	0	25.437.408

Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp của tác giả

Bảng 3.10: kết quả hoạt động có thu đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự; bảng 3.11: phân phối kết quả hoạt động có thu đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự. Đơn vị có loại hình hoạt động liên kết trong giáo dục và đào tạo là chủ yếu, loại hình hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội có một số nội dung quản lý với những điểm tương đồng như đơn vị sự nghiệp giáo dục, một nội dung phân tích sâu của tác giả trong nội dung nghiên cứu của luận án.

3.2.3. Kết quả khảo sát bằng hình thức phỏng vấn và phiếu điều tra

3.2.3.1. Kết quả thu được từ phỏng vấn trực tiếp

(i) Đơn vị và đối tượng để thực hiện khảo sát và phỏng vấn [phụ lục 4.1; phụ lục 4.2]

Thực tế cho thấy việc tổ chức hoạt động có thu được triển khai ở hầu hết các đơn vị dự toán quân đội; tác giả tập trung khảo sát, phỏng vấn các đối tượng trực tiếp tham gia hoạt động có thu thuộc 4 đơn vị có loại hình hoạt động có thu phổ biến tại đơn vị dự toán, tạo ra nguồn thu lớn và tương đối ổn định qua nhiều năm.

Đơn vị Tổng cục Kỹ thuật; là đơn vị có nhiều loại hình hoạt động có thu, nguồn thu tương đối ổn định qua nhiều năm, Tổng cục Kỹ thuật vừa có đơn vị là cơ quan, vừa có đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là dịch vụ y tế khám và chữa bệnh, với nguồn thu hàng năm khá lớn.

Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự; với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật, có hợp đồng kinh tế với quân chủng, binh chủng...

Học viện Kỹ thuật Quân sự, với loại hình hoạt động có thu chủ yếu là hoạt động liên kết đào tạo, giảng dạy, và hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật và công nghệ.

(ii) Nội dung phỏng vấn

Khảo sát phỏng vấn trực tiếp những người tham gia làm kinh tế của đơn vị dự toán ở các đơn vị nêu trên, với mẫu phỏng vấn là các câu hỏi [Phụ lục 4.4] hướng tới các nội dung được đề cập hướng tới và trả lời các vấn đề sau đây:

- Nhóm câu hỏi phỏng vấn hướng tới điều tra tìm hiểu quan điểm và nhận thức Quân đội có nên duy trì hoạt động có thu không (câu số 1 đến câu số 3 phiếu phỏng vấn).

- Nhóm câu hỏi phỏng vấn hướng tới điều tra tìm hiểu tính hợp lý về nội dung, hình thức tổ chức quản lý tài chính hoạt động có thu với việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của đơn vị (câu số 4 đến câu số 6 phiếu phỏng vấn).

- Nhóm câu hỏi phỏng vấn hướng tới điều tra tìm hiểu về quyền lợi và đãi ngộ về tài chính có đáp ứng cho người tham gia hoạt động có thu (câu số 7, câu số 8 phiếu phỏng vấn).

- Nhóm câu hỏi phỏng vấn hướng tới điều tra tìm hiểu tính công khai và dân chủ trong quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị (câu số 9, câu số 10 phiếu phỏng vấn).

- Ngoài ra tác giả sử dụng câu hỏi mở (các ý kiến khác) để tìm hiểu thêm về hoạt động có thu thông qua những người trực tiếp tham gia hoạt động có thu tại đơn vị dự toán .

(iii) *Tổng hợp kết quả khảo sát từ phiếu phỏng vấn [Phụ lục 4.3]*: thông qua kết quả từ phiếu phỏng vấn, là một trong những cơ sở làm căn cứ cho tác giả đề xuất các giải pháp.

3.2.3.2. *Kết quả thu được từ phiếu điều tra*

(i) *Đơn vị để thực hiện khảo sát, các đối tượng trả lời câu hỏi điều tra*

Đơn vị thực hiện khảo sát gửi phiếu điều tra được tiến hành ở nhiều đơn vị dự toán toàn quân, tập trung vào đơn vị dự toán cấp 2 và đơn vị dự toán cấp 3.

Đối tượng tác giả gửi phiếu điều tra là các bộ có tham gia hoạch định chính sách quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính trong quân đội, trong đó có tham gia vào hoạch định chính sách quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu: các lãnh đạo, chỉ huy cơ quan chuyên môn, chuyên viên, trợ lý, thuộc các cơ quan của Bộ Quốc phòng như: Cục Tài chính; Cục Kinh tế; Cục Kế hoạch và đầu tư, Văn Phòng Bộ Quốc phòng... [Phụ lục 3.4]

Tác giả gửi phiếu điều tra tới cán bộ thực thi chính sách về quản lý tài chính ở đơn vị dự toán đó là cán bộ lãnh đạo về tài chính hoặc trực tiếp tham gia quản lý tài chính: Trưởng phòng (ban) tài chính, trợ lý tài chính, trợ lý kế toán; đây là những cán bộ trực tiếp tham gia thực thi chính sách quản lý về tài chính tại đơn vị dự toán [Phụ lục 3.1; Phụ lục 3.4].

Cùng nội dung trong phiếu điều tra, tác giả phân làm 2 nhóm điều tra (mang tính tương đối) vì khối cán bộ thực thi chính sách đứng ở nhiều góc độ cũng có trách nhiệm tham gia hoạch định chính sách; cán bộ hoạch định chính sách cũng là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ là đối tượng thực thi chính sách.

(ii) *Nội dung phiếu điều tra*

Nhóm câu hỏi phiếu điều tra (từ số 1 đến số 4 thuộc phiếu điều tra) hướng tới mục đích tìm hiểu điều tra là cán bộ tham gia hoạch định chính sách (HĐCS1) và cán

bộ tham gia thực thi chính sách (TTCS2) có quan tâm đến việc xây dựng và hoạch định chính sách, văn bản pháp quy liên quan đến quản lý về tài chính, tuân thủ các nguyên tắc quy định quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Nhóm câu hỏi phiếu điều tra (từ số 5 đến số 7 thuộc phiếu điều tra) hướng tới mục đích tìm hiểu công cụ quản lý, công cụ thực thi chính sách là tổ chức bộ máy quản lý và con người quản lý về tài chính.

Nhóm câu hỏi phiếu điều tra (số 8 và số 9) thuộc phiếu điều tra hướng tới mục đích tìm hiểu việc phân công trách nhiệm và sử dụng con người, việc phát huy thế mạnh của đơn vị trong triển khai hoạt động có thu, khi biết phát huy sẽ nâng cao được hiệu quả hoạt động.

Nhóm câu hỏi phiếu điều tra (từ số 10 đến số 13 thuộc phiếu điều tra) hướng tới mục đích tìm hiểu việc sử dụng các công cụ trong quản lý tài chính hoạt động có thu, theo các quy định về quản lý tài chính như: Việc sử dụng công cụ lập dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm, tổ chức công tác kế toán, sử dụng công nghệ tin học và quản lý tài chính, công tác báo cáo tài chính hoạt động có thu.

Câu hỏi 14 của phiếu điều tra tác giả tập trung điều tra khối thực thi chính sách, với số hiệu bảng khảo sát là: TTCS2, thông qua phiếu điều tra cho thấy thế mạnh và cơ cấu các loại hình hoạt động có thu các đơn vị trong toàn quân đang thực hiện từ đó giúp cơ quan hoạch định chính sách nắm được tỷ lệ % loại hình hoạt động có thu các đơn vị dự toán đang triển khai (nếu phát phiếu điều tra cho các đơn vị dự toán trong toàn quân, mỗi đơn vị 1 phiếu và tổng hợp thu về tính toán thì số liệu thu được sẽ tin cậy cao hơn).

Nhóm câu hỏi phiếu điều tra (từ số 15 đến số 17 thuộc phiếu điều tra) hướng tới tìm hiểu chế độ phân phối kết quả hoạt động có thu hiện nay có hợp lý hay chưa; có cần sửa đổi hay bổ sung về mức độ và tỷ lệ phân phối từ kết quả hoạt động có thu như hiện nay.

Câu hỏi phiếu điều tra số 18 và số 19 hướng tới tìm hiểu về hiệu quả từ việc triển khai hoạt động có thu gắn với các nhiệm vụ khác của đơn vị và có ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị trên giao hay không.

Câu hỏi phiếu điều tra số 20 và số 21 hướng tới tìm hiểu điều tra và đánh giá trong việc kiểm soát chi, tăng cường kiểm tra kiểm toán quản lý hoạt động có thu.

Câu 22: Tổng hợp câu hỏi mở nhằm thu lượm thông tin từ đối tượng được điều tra liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.[Phụ lục 3.2]

(iii) *Tổng hợp kết quả khảo sát từ phiếu điều tra [Phụ lục 3.3]:* kết quả điều tra là một trong những căn cứ để tác giả đề xuất các giải pháp của luận án.

3.2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị dự toán quân đội

(i) *Một số kết quả nổi bật thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị dự toán quân đội:*

- Thực hiện tốt chức năng là lực lượng nòng cốt bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và là lực lượng trong phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ - cứu nạn.

- Chủ động phối hợp tham mưu có hiệu quả cho Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Công tác đối ngoại quân sự được đẩy mạnh tiếp tục phát triển.

- Thường xuyên coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư pháp, thanh tra, pháp chế.

- Thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về biên đảo. Các đơn vị dự toán triển khai hoạt động có thu đúng pháp luật, đóng góp nhất định vào phát triển kinh tế xã hội. Có nhiều giải pháp bảo đảm nâng cao, quan tâm đến đời sống của bộ đội.

- Đã thường xuyên đổi mới nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao nhận thức về nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ Quân đội, củng cố niềm tin của cán bộ, chiến sỹ vào đường lối, chính sách của Đảng. Công tác thi đua khen thưởng và phong trào thi đua quyết thắng có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức, bám sát nhiệm vụ chính trị, kết hợp chặt chẽ với các cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, xây dựng đơn vị gắn với xây dựng địa bàn an toàn. Đã chủ động phối hợp với cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh.

- Thực hiện có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động cách mạng, chương trình phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, xoá đói giảm nghèo. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có chuyển biến tiến bộ. Công tác chính sách, bảo hiểm xã hội đối với quân đội và hậu phương quân đội tương đối tốt.

- Chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội từng bước được nâng lên. Thường xuyên coi trọng xây dựng dân quân tự vệ có số lượng hợp lý và chất lượng ngày càng cao; hiệu quả hoạt động từng bước được nâng lên, góp phần quan trọng trong xây dựng khu vực phòng thủ. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, góp phần giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình để xây dựng phát triển đất nước.

- Công tác xây dựng Đảng được tăng cường. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ của cấp uỷ, tổ chức Đảng trong toàn Đảng bộ có chuyển biến tốt.

(ii) Gắn với kết quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị dự toán quân đội, nhiệm vụ cụ thể, nhiệm vụ chính của đơn vị dự toán quân đội đó là:

- Với các đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện và thường trực sẵn sàng chiến đấu (các đơn vị tuyến trước) là luyện tập các kỹ chiến thuật quân sự, rèn luyện thể lực, thực hiện các nhiệm vụ quân sự, học tập chính trị, và các mặt công tác theo kế hoạch công tác quân sự và kế hoạch chính trị của cấp trên phê duyệt. Nhiệm vụ tăng gia sản xuất là nhiệm vụ kết hợp.

- Các đơn vị là viện nghiên cứu, học viện, nhà trường phải thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ và kế hoạch công tác năm của Bộ Quốc phòng giao đó là thực hiện nghiên cứu khoa học và khoa học quân sự, thực hiện công tác giáo dục và đào tạo cho các đối tượng là cán bộ chiến sỹ trong lực lượng vũ trang... thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo quân sự cho quốc phòng là chính. Nhiệm vụ kết hợp là nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các hoạt động có thu, đào tạo cho dân sự là nhiệm vụ tận dụng năng lực dôi dư.

- Các bệnh viện nhiệm vụ chính là khám và chữa bệnh cho cán bộ, chiến sỹ trong quân đội và các đối tượng chính sách, chỉ sử dụng năng lực dôi dư để khám và

chữa bệnh cho nhân dân. Chú trọng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch hàng năm Bộ Quốc phòng giao.

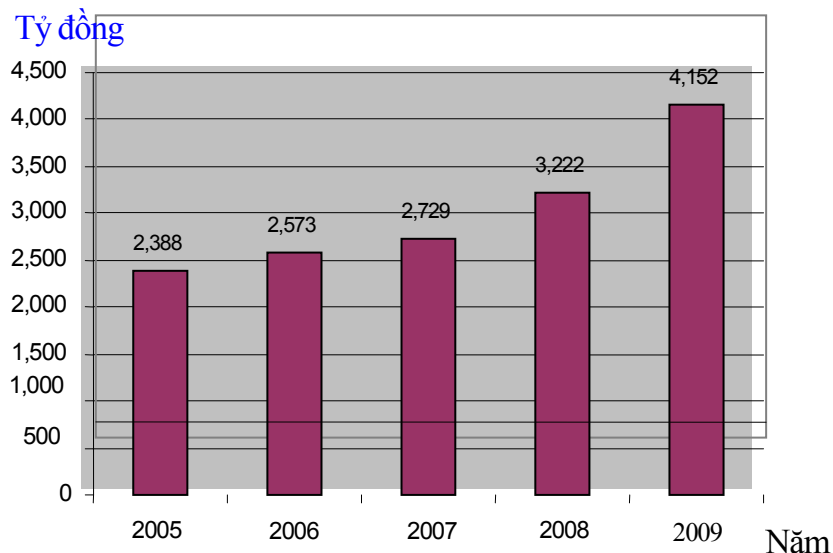
- Các đoàn an điều dưỡng quân đội, các Nhà khách quân đội nhiệm vụ chính là phục vụ ăn, nghỉ, điều dưỡng cho cán bộ chiến sỹ trong quân đội và các đối tượng chính sách là chủ yếu. Đáp ứng kịp thời phục vụ các hội nghị trong quân đội, thực hiện tốt kế hoạch công tác trên giao. Tận dụng công năng nhàn rỗi làm dịch vụ là nhiệm vụ kết hợp.

- Các đơn vị dự toán khác có gắn với các nhiệm vụ như sửa chữa, hoạt động văn hóa nghệ thuật, hoạt động thể thao, hoạt động xuất bản, hoạt động đặc thù... Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là nhiệm vụ chính trị quân đội giao, đơn vị phải thực hiện tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch do Bộ Quốc phòng giao hàng năm; chỉ tận dụng công năng nhàn dỗi để thực hiện hoạt động có thu và cần xác định đó là nhiệm vụ kết hợp.

3.2.5. Phân tích tổng hợp qua số liệu thống kê tài chính hoạt động có thu

3.2.5.1. Phân tích từ số liệu thống kê hoạt động có thu qua biểu đồ

(i) Phân tích từ số liệu thống kê tài chính hoạt động có thu toàn quân



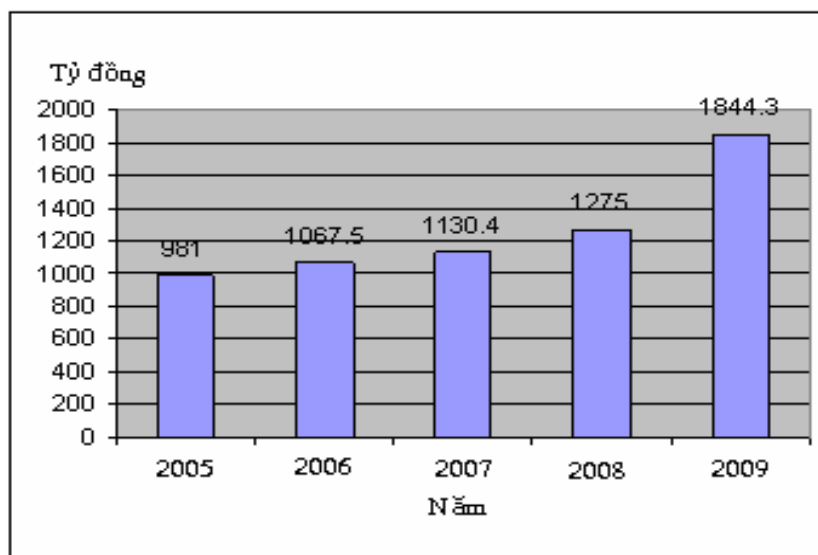
Biểu đồ: 3.1: Tổng thu của toàn quân

Thông qua biểu đồ 3.1; phản ánh tổng số thu trong 5 năm từ hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, số thu năm sau cao hơn năm trước, số tổng thu năm 2009 so với số tổng thu năm 2005 tăng 73,86 % phản ánh tốc độ tăng trưởng là khá cao,

năm 2009 số tổng thu tăng rất nhiều so với số tổng thu năm 2008 bằng 930 triệu đồng tăng 28,86% so với số tổng thu năm 2008.

Từ số liệu tổng thu hoạt động có thu của đơn vị dự toán toàn quân ta thấy: hoạt động có thu trong toàn quân không chỉ dừng lại việc tận dụng năng lực dôi dư, năng lực sẵn có tại đơn vị, nhiều đơn vị triển khai có chiều sâu và diện rộng hoạt động có thu tạo ra doanh số cao, có đơn vị tạo chênh lệch thu chi cao hơn cả ngân sách quốc phòng được phân bổ hàng năm; điều đó đặt ra với các Cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tài chính thuộc lĩnh vực này cần tham mưu với Nhà nước, tham mưu với Bộ Quốc phòng trong việc thiết lập lại trật tự, xây dựng và hoạch định chính sách cho phù hợp.

Đánh giá và nhìn nhận từ các hoạt động có thu: hoạt động có thu đem lại nguồn lực tài chính đáng kể, có những ảnh hưởng tích cực và những tác động không mong muốn đến nhiệm vụ chuyên môn. Do đó nên khuyến khích phát triển loại hình hoạt động có thu nào, hạn chế, không khuyến khích loại hình hoạt động có thu nào, hoặc cấm những đơn vị triển khai hoạt động có thu mà ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị của trên giao... là vấn đề cần được nghiên cứu và xem xét trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.



Biểu đồ 3.2: Chênh lệch thu chi của toàn quân

Qua biểu đồ 3.2; giá trị chênh lệch (thu - chi) trong 5 năm phản ánh hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội năm sau cao hơn năm trước: số chênh lệch thu -

chi năm 2009 cao hơn năm 2005 là: 863.300 triệu đồng; số chênh lệch thu - chi năm 2009 cao hơn số chênh lệch thu - chi năm 2008 là: 569.300 triệu đồng. Điều đó nói lên tính hiệu quả, tính ổn định và tính bền vững của loại hình hoạt động có thu này. Ở góc độ quản lý vĩ mô đây là một hiện tượng kinh tế cần nghiên cứu: liệu hoạt động có thu trong quân đội cần được nhân rộng và phát huy hay chỉ là loại hình hoạt động có thu mang tích đặc thù, tận dụng năng lực dôi dư tại đơn vị dự toán quân đội.

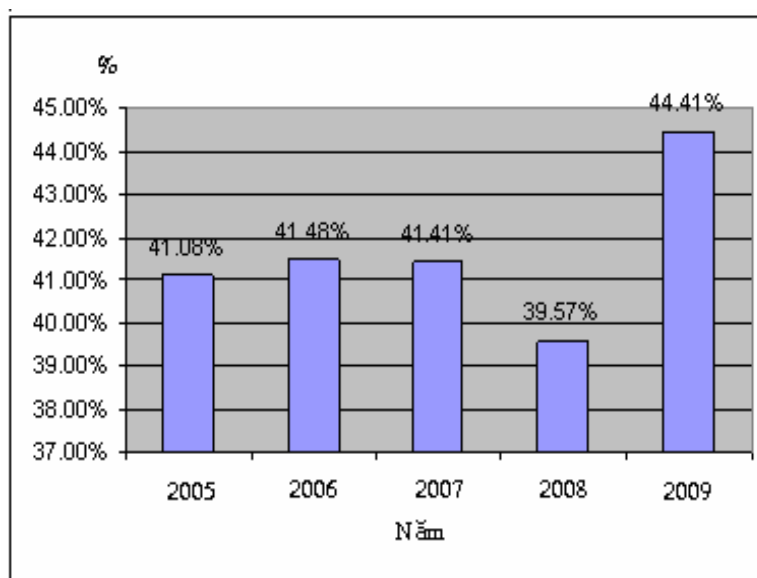
Số liệu tổng hợp chênh lệch hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội ta nhận thấy: đối với chỉ số chênh lệch thu – chi, năm sau cao hơn năm trước với tốc độ từ 8,86% năm (năm 2006 so với năm 2005) đến 44,62% năm (năm 2009 so với năm 2008). Như vậy nhìn vào chỉ số trên có thể nhận định: trình độ và chất lượng tăng trưởng của loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là cao và hiệu quả hơn so với loại hình hoạt động kinh tế khác như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quốc phòng hay hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp thuộc nền kinh tế quốc dân? Theo tác giả thì không thể thông qua các chỉ số trên mà đánh giá trình độ và chất lượng tăng trưởng của loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội so với loại hình kinh tế khác được vì:

+ Nghiên cứu bản chất của hoạt động kinh tế này ta thấy hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội với việc đơn vị triển khai làm kinh tế trên cơ sở tận dụng năng lực dôi dư, phát huy thế mạnh của đơn vị. Với năng lực dôi dư của đơn vị (xét về mặt tương đối) thì có giới hạn nhất định do nhiệm vụ chính của đơn vị là nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ chính trị..., làm kinh tế không phải là nhiệm vụ chủ yếu. Biên chế tổ chức, chức năng, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền xác định là hướng tới các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và Quân đội giao cho là huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu... Như vậy đề cập về tiêu thức tăng trưởng không thể đánh giá cứ đà này là sẽ tăng trưởng mãi, mà có giới hạn nhất định.

+ Với chủ trương đúng đắn, chính sách phù hợp trong việc huy động hàng tồn kho, các đơn vị chú trọng khâu thanh xử lý hàng kém chất lượng tạo đà và góp phần tăng trưởng hoạt động có thu trong thời gian qua, dẫn tới xu hướng sự cạn kiệt nguồn lực về khả năng huy động hàng tồn kho cho các năm tiếp theo có ý nghĩa về mặt kinh tế. Vì trong một thời gian, có sự quan tâm và chủ động của các đơn vị đã tích cực khẩn trương khai thác nhanh hàng tồn kho, loại khỏi hàng kém chất lượng, báo cáo trên cho phép thanh xử lý. Huy động tồn kho nhanh là khai thác nguồn lực mang lại hiệu quả thiết thực tăng nguồn bổ sung nguồn kinh phí chi tiêu cho các nhiệm vụ quốc phòng.

+ Khi ngân sách nhà nước đủ mạnh, nhà nước tăng chi cho ngân sách quốc phòng, với chiến lược và hoạch định trong tương lai hướng tới xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ và hiện đại thì việc hoạch định lại chính sách trong hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội (loại hình hoạt động có thu nào còn duy trì, loại hình hoạt động có thu nào không được phép hoạt động...) nói riêng và các doanh nghiệp quốc phòng nói chung cũng thay đổi: giảm dần các hoạt động làm kinh tế trong quân đội theo xu hướng quân đội các nước có nền kinh tế phát triển hiện nay, tiến tới quân đội không tham gia làm kinh tế nữa mà chỉ tập trung cho nhiệm vụ quân sự và nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Đó là định hướng trong tương lai cho một quân đội chính quy.

Thông qua các chỉ số về tổng thu từ hoạt động có thu toàn quân, chênh lệch thu chi từ hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội qua 5 năm tác giả tổng hợp, số chênh lệch thu trên số tổng thu từ hoạt động có thu qua các năm (từ năm 2005 đến năm 2009); sự phân tích và khai thác sử dụng các số liệu trên sẽ giúp cho Cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng sử dụng vào việc hoạch định và xây dựng chính sách quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.



Biểu đồ 3.3: Chênh lệch thu chi / Tổng thu (toàn quân)

Biểu đồ 3.3; phản ánh tỷ lệ giữa số chênh lệch thu - chi với số tổng thu từ hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội được thể hiện qua các năm: năm cao nhất

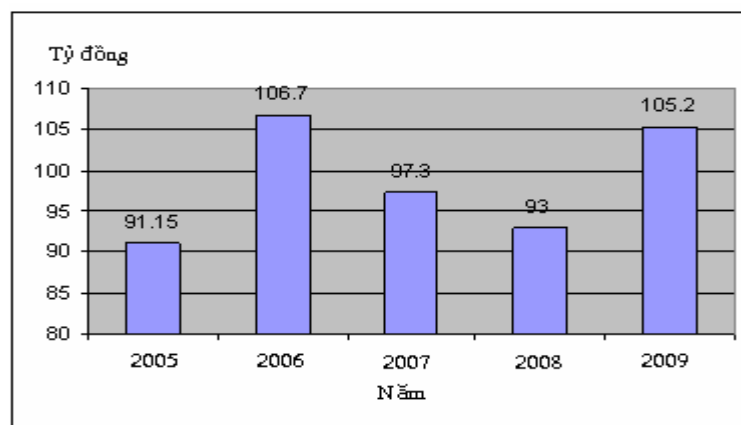
(năm 2009) đạt: 44,41%; năm thấp nhất (năm 2008) đạt 39,57%. Điều đó nói lên hiệu quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán là rất cao. Quân đội với chức năng và nhiệm vụ chủ yếu không phải làm kinh tế, mô hình quản lý kinh tế trong quân đội không phải là mô hình quản lý kinh tế hiện đại, tiên tiến nhất, hiệu quả đem lại cao điều đó nói lên chủ trương, định hướng trong quân đội làm kinh tế từ việc phát huy và tận dụng lực năng lực dôi dư của đơn vị để tạo ra nguồn thu, góp phần tăng nguồn thu cho quân đội và tạo ra giá trị hàng hóa cho xã hội là một chủ trương đúng đắn. Tuy nhiên cần xem xét và đánh giá việc quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động này nhất là việc tính đúng, tính đủ trong chi phí, việc hạch toán và phản ánh các khoản chi phí, khấu hao..., các khoản chi phí đó góp phần tạo ra giá trị của hàng hóa, sản phẩm dịch vụ đáng ra phải hoàn trả lại ngân sách quốc phòng, hoàn trả lại ngân sách nhà nước, song điều đó không được thực hiện đầy đủ, đây là một trong những nội dung cần phân tích làm rõ và là một trong các nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả sẽ đề cập tại nội dung nghiên cứu tiếp theo của luận án.

(ii) Phân tích từ số liệu thống kê tài chính hoạt động có thu của một số đơn vị

Tổng hợp số tổng thu từ kết quả hoạt động có thu của 4 đơn vị tài chính cấp 2 với loại hình hoạt động có thu cơ bản khác nhau, đây là phương pháp nghiên cứu trường hợp được mô tả đối với từng đơn vị. Số liệu tổng hợp khoản chênh lệch (thu - chi), trong vòng 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009) của 4 đơn vị dự toán tác giả điều tra và nghiên cứu hàng năm đối với từng đơn vị [Phụ lục 2], ta nhận thấy: số chênh lệch thu chi hàng năm của các đơn vị đều có xu hướng tăng ở những mức độ khác nhau. Số chênh lệch thu - chi / Tổng thu, tỷ lệ % từng năm của từng đơn vị được thu thập qua phân tích cho ta biết hiệu suất của hoạt động có thu của đơn vị qua các năm, nghĩa là đơn vị tổ chức hoạt động có thu, tỷ lệ % cao thì hiệu quả hoạt động có thu đơn vị triển khai đạt hiệu quả.

Khảo sát thực tế tại đơn vị, thông qua phân tích số liệu báo cáo quyết toán qua từng năm của đơn vị, ở góc độ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, với việc đánh giá, nhật xét từng đơn vị làm cơ sở tham mưu đề xuất với Bộ Quốc phòng khi hoạch định chính sách, quy định về quản lý tài chính.

a) Tổng cục Kỹ thuật



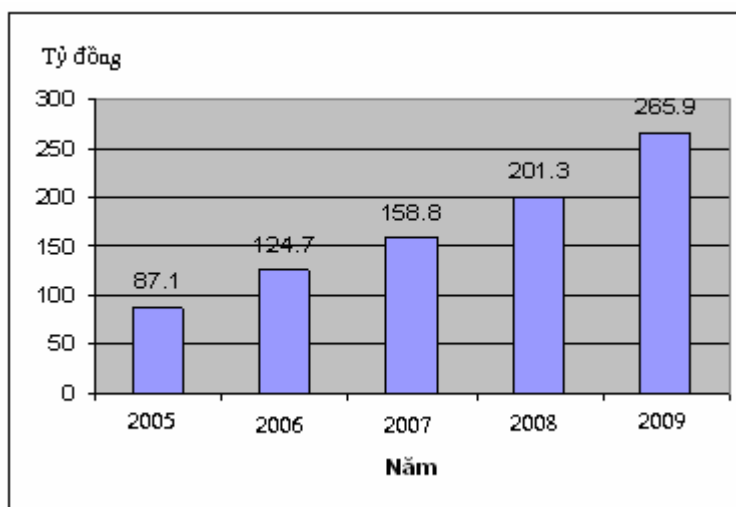
Biểu đồ 3.4: Tổng thu - Tổng cục Kỹ thuật

Tổng cục Kỹ thuật với đặc điểm là đơn vị có nhiều loại hình hoạt động có thu, nhưng hoạt động tăng gia sản xuất tại đơn vị (sản xuất kinh tế không tập trung) là chủ yếu. Khảo sát thực tế và phân tích tài chính kết quả hoạt động có thu qua các năm: kết quả hoạt động có thu tại Tổng cục Kỹ thuật là tương đối ổn định, hàng năm đều tăng nhưng tăng thấp, năm có tăng trưởng cao (năm 2006 và năm 2008) do nguồn thu được từ nguồn thu thuộc hoạt động thu thanh xử lý vật tư, trang thiết bị theo các quyết định của Tổng Tham mưu trưởng, nguồn thu này sau khi trừ các khoản chi phí về thanh xử lý, đơn vị nộp lên cấp trên theo các quy định của Bộ Quốc phòng, hoặc nộp toàn bộ lên Bộ Quốc phòng theo quy định áp dụng tùy theo từng khoản thanh xử lý và nhượng bán cũng như phụ thuộc vào tính chất nguồn gốc của các loại vật tư, hàng hóa được thanh xử lý hay nhượng bán. [17], [86]

Số chênh lệch thu chi hoạt động có thu đơn vị: Tổng cục Kỹ thuật ở mức bình thường so với số chênh lệch (thu - chi) hoạt động có thu đơn vị dự toán toàn quân và dẫn tới tỷ lệ chênh lệch (thu - chi) cũng ở mức trung bình so với toàn quân; năm 2006 Tổng cục Kỹ thuật thực hiện thanh xử lý và nhượng bán vật tư, trang thiết bị nhiều, theo các quyết định của Bộ Tổng Tham mưu nên số chi phí cho thanh xử lý ít dẫn đến số chênh lệch khá cao. Tổng cục là đơn vị có nhiều đầu mối đơn vị dự toán là các kho, trạm, xưởng sửa chữa..., trải rộng nhiều tỉnh thành trong cả nước, quân số đông, quản lý diện tích đất đai nơi đơn vị đóng quân lớn, đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ chiến sĩ còn nhiều khó khăn nhất là những đơn vị đóng quân ở vùng Tây Nguyên, vùng núi phía Bắc, vùng phía Tây Thanh Hoá, vùng phía Tây Nghệ An

giáp biên giới với nước bạn Lào. Với nguồn thu được từ hoạt động có thu bổ sung vào quỹ vốn đơn vị, chính vì vậy với thế mạnh đơn vị đang quản lý nhiều đất đồi, đất gò, đất rừng, ao hồ thì việc đơn vị mở rộng tăng gia sản xuất quanh bếp, quanh vườn, quanh đơn vị có ý nghĩa to lớn trong việc tạo nguồn thu cải thiện đời sống vật chất và tinh thần với cán bộ chiến sĩ toàn Tổng cục, góp phần tăng cường quản lý cán bộ chiến sĩ. Đây là một loại hình có thu cần khuyến khích phát triển bằng các chính sách kinh tế. Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng tham mưu về tài chính với Bộ Quốc phòng, hàng năm báo cáo đề xuất Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định cấp lại nguồn thu cho đơn vị, cấp hỗ trợ Tổng cục nguồn vốn vay tăng gia sản xuất, do vậy hoạt động tăng gia sản xuất của Tổng cục Kỹ thuật được giữ vững và phát triển. Trong tổng kết công tác tài chính hàng năm, Cục Tài chính được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đánh giá cao về những tham mưu đề xuất như trình bày tại phần trên, có năm Bộ Quốc phòng cấp lại nguồn thanh xử lý, nguồn nhượng bán cho Tổng cục Kỹ thuật lên tới trên 10 tỷ đồng (năm 2009).

b) Bệnh viện Trung ương Quân đội 108



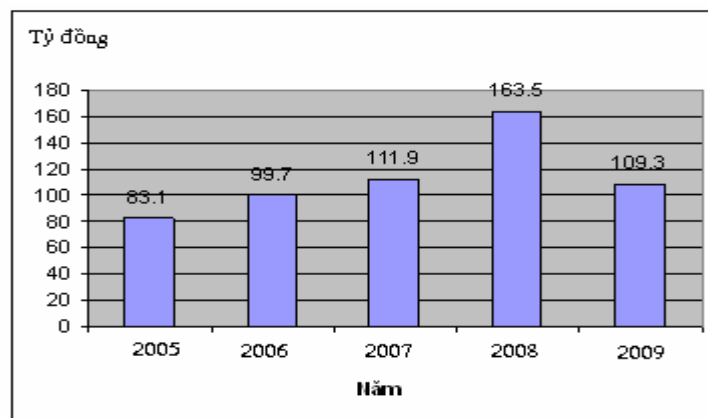
Biểu đồ 3.5: Tổng thu - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, với loại hình chủ yếu là hoạt động dịch vụ y tế, khám chữa bệnh. Qua biểu đồ 3.5; phản ánh tốc độ tăng trưởng, số tổng thu từ hoạt động có thu là rất cao qua từng năm; năm sau cao hơn năm trước, năm 2009 tổng thu từ hoạt động có thu cao hơn năm 2005 là: 187.800 triệu đồng bằng 305,28 % so với năm 2005. Khảo sát và phân tích tài chính hoạt động có thu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 ta thấy loại hình dịch vụ khám và chữa bệnh đơn vị áp

dụng rất hiệu quả; phản ánh năng lực, trình độ chuyên môn tốt, lợi thế đơn vị đóng quân trên địa bàn Hà Nội đã thu hút nhiều bệnh nhân đến khám và chữa bệnh; nhu cầu xã hội về dịch vụ y tế, khám chữa bệnh trong những năm qua và hiện nay là rất cao. Nguồn thu từ dịch vụ y tế, khám chữa bệnh của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 chiếm một tỷ trọng lớn so với ngân sách quốc phòng thường xuyên hàng năm Bộ Quốc phòng đảm bảo cho bệnh viện. Nhìn ở góc độ thuận tuý về phát triển tiềm năng thế mạnh của đơn vị là rất tốt, song với giác độ quản lý nhà nước về tài chính thì việc áp dụng chế độ quản lý tài chính các nội dung hoạt động dịch vụ y tế, khám và chữa bệnh đối với Bệnh viện Trung ương quân đội 108 như hiện nay, cần nghiên cứu áp dụng nội dung quản lý mới phù hợp thay cho quản lý tài chính hoạt động có thu như hiện nay. Việc cần có nội dung, hình thức quản lý mới cho phù hợp xuất phát từ yêu cầu tăng cường quản lý tài chính đặt ra, phản ánh đúng tính chất hoạt động dịch vụ của đơn vị, và có như vậy việc thu chi tài chính trong hoạt động dịch vụ này sẽ minh bạch, và rõ ràng hơn.

Số chênh lệch thu chi của Bệnh viện Trung ương quân đội 108 tăng khá cao, mức độ tăng sau mỗi năm là khá đồng đều, điều đó phản ánh hoạt động có thu với loại hình dịch vụ y tế, khám chữa bệnh đơn vị phát huy đúng hướng; thông qua số chênh lệch thu chi giúp cho công tác lập kế hoạch thu, chi hàng năm đối với dịch vụ y tế, khám chữa bệnh thuận lợi. Ở góc độ quản lý nhà nước về tài chính việc tham mưu và đề xuất với Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng nguồn thu trên đạt hiệu quả và bảo đảm đúng nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước là nhiệm vụ quan trọng đối với quản lý tài chính loại hình dịch vụ này.

c) Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự



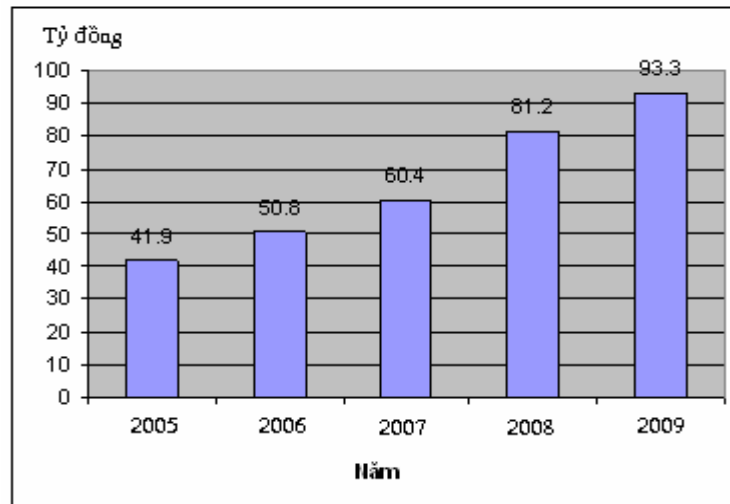
Biểu đồ 3.6: Tổng thu - Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự

Kết quả hoạt động có thu Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự có mức tăng trưởng qua các năm điều tra là khá cao; riêng năm 2009 tổng thu từ hoạt động có thu giảm sút so với năm 2008 chỉ đạt 54.200 triệu đồng và thấp hơn cả với năm 2007 là 2.660 triệu đồng. Khảo sát thực tế tại đơn vị và qua hồ sơ báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự thu từ hoạt động có thu chủ yếu là thực hiện các hợp đồng với các đơn vị thuộc các tổng cục và với quân chủng, binh chủng, do các phân viện và đơn vị cơ sở trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự thực hiện. Năm 2008 và đầu năm 2009 do sự sắp xếp lại tổ chức, lực lượng theo Quyết định của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, một số các phân viện được điều chuyển về các quân chủng, binh chủng và tổng cục; chính vì vậy tổ chức biên chế các đầu mối trực thuộc và quân số thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự giảm; hoạt động kinh tế giảm theo.

Số chênh lệch thu chi của Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự là không bình thường qua 5 năm tác giả tổng hợp để nghiên cứu; loại trừ yếu tố biên chế tổ chức năm 2009 Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự giảm; số tổng thu cao nhưng hiệu quả hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật thấp; phân tích số liệu và khảo sát thực tế các hoạt động dịch vụ khoa học cho thấy có 3 vấn đề liên quan đến kết quả hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ: thứ nhất, việc chưa tính đúng tính đủ các khoản đáng ra phải hoàn trả cho ngân sách đó là: tiền lương, tiền điện, tiền nước, khấu hao máy móc thiết bị, các khoản chi phí này thật ra rất khó xác định giữa nhiệm vụ làm nghiên cứu khoa học, hay làm chuyên môn với nhiệm vụ làm dịch vụ khoa học. Thứ hai, việc chủ đề tài tập hợp các khoản chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mua ngoài, thuê khoán nhân công làm dịch vụ khoa học công nghệ, thuê phân tích gia công bên ngoài, những khoản chi này thường rất lớn, nhiều hợp đồng được quyết toán các khoản chi này chiếm tới 90% đến 95% tổng giá trị hợp đồng được ký kết do vậy phần chênh lệch là rất ít. Nhiều hợp đồng trong tập hợp chi phí chưa có các khoản như tiền lương, tiền điện, khấu hao máy móc đáng ra phải tập hợp chi phí để hoàn trả lại ngân sách quốc phòng; điều đó nói nên hiệu quả hoạt động dịch vụ khoa học là rất thấp. Thứ ba, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện nhiều hợp đồng trong quân đội với nhau (các đơn vị quân đội khác được giao ngân

sách để thực hiện nhiệm vụ nhưng không làm được phải ký hợp đồng kinh tế với các đơn vị nghiên cứu), và thực hiện theo chế độ duyệt giá trong quân đội và dẫn đến lợi nhuận được khống chế với tỷ lệ % thấp; tuy nhiên nếu loại bỏ các hợp đồng dịch vụ theo chế độ duyệt giá ra khỏi hoạt động có thu, thì quản lý tài chính hoạt động có thu loại hình hoạt động dịch vụ khoa học và kỹ thuật cần tăng cường quản lý chặt chẽ và rõ ràng hơn. Nội dung này có liên quan đến việc thực hiện phân bổ ngân sách bảo đảm quốc phòng hiện nay thông qua các ngành, cũng như chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống quân đội; nội dung này tác giả xin đề cập sâu tại chương đề xuất các giải pháp của luận án.

d) Học viện Kỹ thuật Quân sự



Biểu đồ 3.7: Tổng thu - Học viện Kỹ thuật Quân sự

Học viện Kỹ thuật Quân sự hoạt động có thu của đơn vị chủ yếu từ hoạt động từ liên kết đào tạo, giảng dạy; tổng thu từ hoạt động có thu là khá cao và tăng trưởng ổn định. Với lợi thế đơn vị đóng quân trên địa bàn Hà Nội, có đội ngũ giáo viên giỏi, giàu kinh nghiệm, ngành nghề đào tạo đa dạng, có nhiều ngành nghề đào tạo mang tính lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu phục vụ quân đội, vừa đáp ứng như cầu của xã hội và nền kinh tế quốc dân. Nguồn thu từ hoạt động này đã góp phần nâng cao đời sống cán bộ giáo viên và tạo ra nguồn thu đáng kể bổ sung vào kinh phí củng cố giảng đường, lớp học...

Số chênh lệch thu chi của của Học viện Kỹ thuật Quân sự là không bình thường qua 5 năm tác giả tổng hợp để nghiên cứu; loại hình hoạt động có thu lĩnh

vực dịch vụ khoa học của Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 2009 tăng chiếm tỷ trọng trên 60% (55.271 tỷ đồng/ 93.253 tỷ đồng), tính chất và nội dung hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật của Học viện Kỹ thuật Quân sự cũng tương tự như hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật tại Viện Khoa học và Công nghệ quân sự như đã trình bày ở trên, do đó cần xem xét nội dung phương pháp quản lý tài chính hoạt động có thu đối với loại hình này hiện nay để phù hợp với hơn với thực tiễn tại đơn vị dự toán quân đội.

* Hiệu quả tài chính hoạt động có thu cao nhất thuộc về Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, năm 2008 đạt 61,57%, năm thấp nhất là năm 2005 cũng đạt 51,57%. Hiệu quả tài chính hoạt động có thu của Học viện Kỹ thuật Quân sự năm đạt cao nhất: năm 2008 đạt 54,56%, năm đạt thấp nhất: năm 2009: 30,25%. Hiệu quả tài chính hoạt động có thu của Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự năm cao nhất năm 2009 cũng chỉ đạt: 8,09%; năm đạt thấp nhất: năm 2006 đạt 4,57%). Với Tổng cục Kỹ thuật hiệu quả tài chính hoạt động có thu ở mức trung bình so với 3 đơn vị được điều tra và tổng hợp số liệu, tương đương hiệu quả hoạt động có thu của đơn vị dự toán toàn quân được tổng hợp qua từng năm (2005 - 2009).

* Khảo sát thực tế và phân tích số liệu tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị ta thấy việc tính đúng, tính đủ các khoản chi phí vào những hoạt động dịch vụ y tế khám chữa bệnh và dịch vụ liên doanh, liên kết đạo tạo là chưa đầy đủ, các khoản đáng ra phải tính để thanh toán hoàn trả cho ngân sách đã bảo đảm như: tiền lương, tiền điện, nước, khấu hao nhà cửa, trường lớp, máy móc trang thiết bị... thì các đơn vị trên chưa tiến hành hạch toán phân bổ đầy đủ, như vậy hiệu quả hoạt động có thu tuy cao nhưng chưa thực chất, cần nghiên cứu nội dung phương pháp quản lý với cách phân bổ hiện nay. Việc Bộ Quốc phòng có quy định trích tỷ lệ phần chênh lệch (thu – chi) loại hình hoạt động dịch vụ y tế khám chữa bệnh bổ sung vào kinh phí tương đối cao, theo tác giả cần tính đúng tính đủ các khoản chi phí cho khám chữa bệnh sau đó mới quy định trích nộp và bổ sung kinh phí cho phù hợp, hoặc áp dụng quản lý tài chính hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh như đối với đơn vị sự nghiệp có thu hiện nay, bộ phận đó được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính, khi nào Bộ Quốc phòng cần sử dụng lực lượng này sẽ thu dung sử dụng. Nội dung này tác giả sẽ đề cập tại phần đề xuất và giải pháp.

3.2.5.2. Kết quả hồi quy tài chính hoạt động có thu đơn vị dự toán toàn quân

Số liệu kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, tác giả tổng hợp qua các năm [Phụ lục 1]. Từ số liệu chi phí thuộc hoạt động có thu, số chênh lệch thu chi, số chưa phân phối, các số liệu này được sử dụng phân tích bằng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính qua các năm và tổng hợp 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009); với mẫu được chọn phục vụ điều tra đánh giá quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, ta có kết quả phân tích hồi quy một số chỉ số kinh tế tài chính đơn vị dự toán quân đội. [Phụ lục 6]

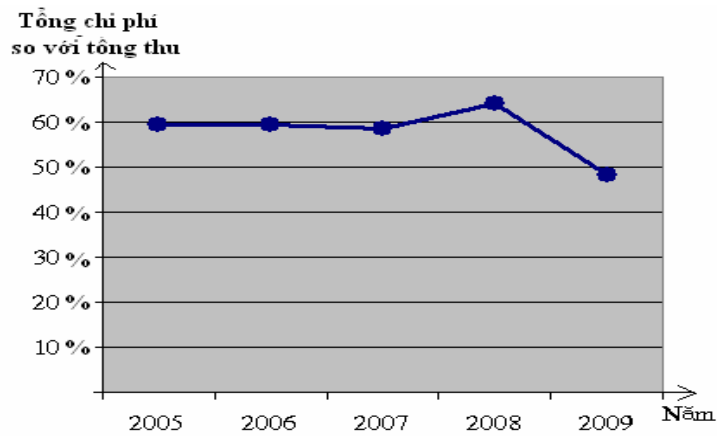
Số liệu thu được thông qua kết quả phân tích hồi quy các chỉ số theo các năm và trong 5 năm của đơn vị dự toán quân đội: tổng chi phí so với tổng thu; tổng chênh lệch (thu - chi) so với tổng thu; số chưa phân bổ so với tổng chênh lệch (thu - chi). Thông qua kết quả hồi quy [Phụ lục 6] ta thấy: với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của từng năm và của 5 năm nằm trong khoảng (49,1% - 72,3%); với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của từng năm và của 5 năm nằm trong khoảng 27,6% - 60,4% với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của từng năm và của 5 năm nằm trong khoảng (-3,6% - 19,7%). Với phương trình hồi quy được thiết lập, kết quả ước lượng có ý nghĩa ở mức 0,05 ta thiết lập được bảng tổng hợp các kết quả phân tích trên theo từng năm và trong 5 năm.

Bảng 3.12: Tổng hợp các chỉ số từ phân tích hồi quy

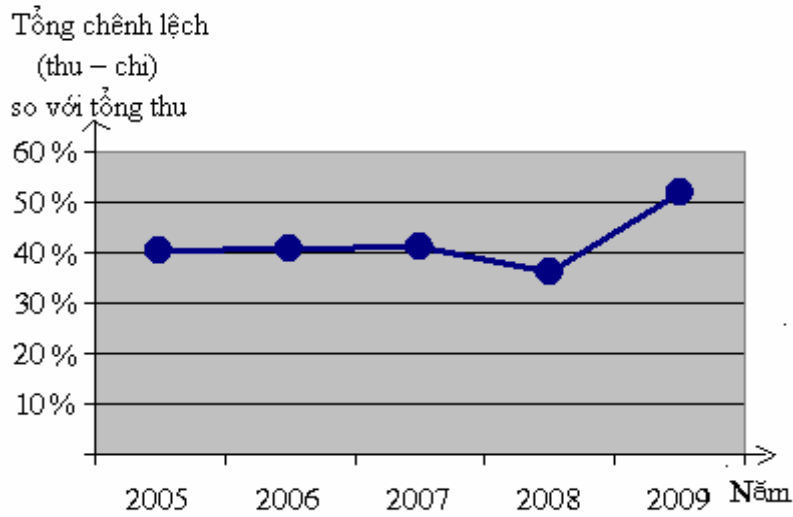
Đơn vị tính: %

TT	Năm	Tổng chi phí so với tổng thu	Tổng chênh lệch (thu – chi) so với tổng thu	Tổng số chưa phân phối so với chênh lệch (thu – chi)
1	2005	59,5	40,5	10,2
2	2006	59,4	40,6	8,6
3	2007	58,5	41,1	5,6
4	2008	64,0	36,2	8,2
5	2009	48,2	51,8	1,2
6	2005 đến 2009	55,9	41,1	4,7

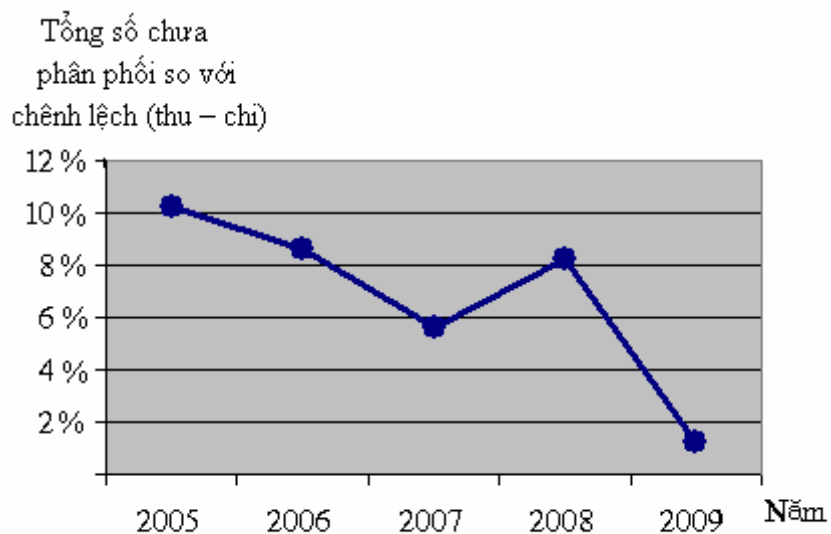
Nguồn: Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và xử lý của tác giả



Biểu đồ 3.8: Tổng chi phí so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009



Biểu đồ 3.9: Chênh lệch thu - chi so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009



Biểu đồ 3.10: Tổng số chưa phân phối so với chênh lệch (thu - chi) năm 2005 đến năm 2009

Tác giả tổng hợp và xử lý số liệu về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội trong 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009), thông qua phân tích hồi quy một số các chỉ số, kết quả thu được khó có thể khẳng định chắc chắn đó là xu hướng, nhưng đã mô tả một cách khách quan tình hình tổ chức triển khai hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội với các chỉ số về kinh tế, tài chính gắn với công tác quản lý nhà nước về tài chính hoạt động này trong thời gian qua.

Các chỉ số từ phân tích hồi quy được thể hiện qua biểu đồ, có thể nhật xét và đánh giá tổng quan hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong toàn quân ở một số chỉ số sau: Tổng chi phí so với tổng thu ở mức độ thấp, tính trong cả 5 năm từ năm 2005 đến năm 2009 là 55,9%; chỉ số này có xu hướng giảm dần (năm 2005 tổng chi phí so với tổng thu là 59,5%, năm 2009 là 48,2%), riêng năm 2008 tổng chi phí so với tổng thu là 64%. Năm 2008 khi Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, ban hành kèm theo Quyết định số 3365/2001/Q Đ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, đã có tác dụng và chi phối đến hoạt động có thu thuộc một số loại hình áp dụng trong toàn quân. Nhìn lại kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong những năm qua, năm 2008 nền kinh tế thế giới trong tình trạng suy thoái, theo nhận định của các nhà kinh tế, nền kinh tế thế giới chạm đến đáy của sự suy thoái. Kinh tế đất nước cũng ảnh hưởng một phần, từ đó cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh tế của quân đội nói chung và hoạt động có thu tại đơn vị dự toán nói riêng. Chỉ số tổng chi phí so với tổng thu có mối quan hệ chặt chẽ với chỉ số: tổng chênh lệch (thu – chi) so với tổng thu (năm 2008 chỉ số này thấp nhất so với các năm (đạt 36,2%). Chỉ số tổng chi phí so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009 được mô tả bằng biểu đồ 3.9. Ta thấy đường mô tả là gấp khúc hướng đi xuống (riêng đoạn năm 2008 là đi lên), đây là hướng mong muốn của đơn vị tổ chức hoạt động có thu và của các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách.

Chỉ số Tổng chênh lệch (thu – chi) so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009 hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội tương đối cao đạt 41,1%. Chỉ số này có xu hướng tăng dần (riêng năm 2008 giảm, chỉ đạt 36,2%, chỉ số này gắn với chỉ số

tổng chi phí so với tổng thu năm 2008 cao tương ứng là 64%). Thông qua các chỉ số trên phản ánh hoạt động có thu tại đơn vị dự toán hiệu quả, điều đó khẳng định chủ trương của Bộ Quốc phòng cho phép và khuyến khích các đơn vị dự toán quân đội triển khai hoạt động có thu (hoạt động làm kinh tế) là rất đúng và phù hợp với tình hình thực tế của quân đội, phù hợp và thực hiện theo đường lối đổi mới của Đảng ta trong những năm vừa qua với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, phát huy mọi tiềm năng thế mạnh của đất nước. Biểu đồ 3.9: mô tả tổng chênh lệch (thu – chi) so với tổng thu từ năm 2005 đến năm 2009 theo từng năm là đường gấp khúc có hướng đi lên (đoạn mô tả năm 2008 đi xuống). Chỉ số này phản ánh sự hiệu quả của hoạt động có thu gắn với vai trò và phát huy hiệu lực của quản lý nhà nước về tài chính tại đơn vị dự toán quân đội, góp phần tác động một cách tích cực trong quá trình quản lý tổ chức triển khai làm kinh tế thuộc các hoạt động này. Hướng đi lên của biểu đồ cũng là hướng mong muốn của đơn vị tổ chức triển khai làm kinh tế và các nhà quản lý tài chính, các nhà hoạch định chính sách chế độ.

Chỉ số tổng số chưa phân phối so với chênh lệch (thu – chi) năm 2005 đến năm 2009 là 4,7%, chỉ số này phản ánh số chênh lệch (thu – chi) đã được kết chuyển đối với từng hợp đồng kinh tế, từng loại hình hoạt động có thu và cả một số hợp đồng và loại hình hoạt động có thu chưa được kết chuyển. Chỉ số này phản ánh quá trình đơn vị tổ chức hoạt động có thu với cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu áp dụng tại đơn vị dự toán quân đội còn có điểm bất cập, những nội dung bất cập tác giả đã trình bày ở trên được khẳng định và chứng minh bằng kết quả thông qua phân tích hồi quy. Quá trình tổ chức thực hiện hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội từng bước được hoàn thiện. Chỉ số này cũng có xu hướng giảm dần (riêng năm 2008 chỉ số này là 8,2%) phản ánh hoạt động tài chính năm 2008 còn có nhiều hợp đồng kinh tế chưa được kết chuyển hơn so với năm 2007 và năm 2006. Biểu đồ 3.10, phản ánh tổng số chưa phân phối so với chênh lệch thu chi theo từng năm là hình gấp khúc có xu hướng đi xuống trừ đoạn mô tả chỉ số này đối với năm 2008 là đi lên. Đoạn mô tả chỉ số: tổng số chưa phân phối so với chênh lệch (thu – chi) năm 2009 là dốc nhất, đây là hướng mong muốn của các nhà quản lý kinh tế và các nhà hoạch định chính sách.

3.3. Thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

3.3.1. Định hướng hoạt động có thu và quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

(i) *Định hướng hoạt động có thu:* Với chủ trương, định hướng của Bộ Quốc phòng cho phép các đơn vị dự toán tận dụng năng lực dôi dư tổ chức triển khai hoạt động có thu, chính vì vậy hoạt động có thu của đơn vị là hàng năm không mở rộng, không thu hẹp, chỉ tận dụng năng lực dôi dư, lợi thế sẵn có của đơn vị tổ chức triển khai đạt hiệu quả tích cực và cao nhất.

- Tập trung huy động và phát huy tối đa các nguồn lực cho quốc phòng trong đó có tận dụng năng lực dôi dư của các đơn vị dự toán triển khai tăng gia sản xuất làm kinh tế tạo nguồn thu. Chú trọng và nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và công tác dự báo.

- Tổ chức tốt hoạt động có thu, nhất là đối với đơn vị sự nghiệp có thu (trường dạy nghề, nhà in...), nhà trường, bệnh viện, nhà khách, đoàn an điều dưỡng, đoàn nghệ thuật, đoàn kinh tế quốc phòng; thu tăng gia quanh bếp quanh vườn, khai thác có hiệu quả các khu tăng gia tập trung để tăng nguồn cân đối. Trên cơ sở lợi thế đơn vị ở các địa bàn đóng quân, các đơn vị cần tích cực khai thác nguồn thu được phép để tăng thêm khả năng đảm bảo chi cho nhiệm vụ quốc phòng.

(ii) Định hướng trong việc tăng cường quản lý tài chính hoạt động có thu

- Thực hiện nghiêm quy chế lãnh đạo của cấp uỷ đối với công tác tài chính, quy chế công khai tài chính; đề cao trách nhiệm cấp uỷ, chỉ huy đơn vị chịu trách nhiệm trước ĐUQSTU, Bộ Quốc phòng trong điều hành, chỉ tiêu quản lý sử dụng nguồn thu, từ xây dựng kế hoạch, quản lý giá cả, thanh quyết toán tài chính.

- Nâng cao hiệu lực công tác kiểm soát chi, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, chấn chỉnh sai phạm. Tổ chức có hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra tài chính, tăng cường kỷ cương kỷ luật tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính tài sản. Đề cao tự thanh tra, kiểm tra tại đơn vị nhất là các khoản thu lớn. Việc tự kiểm tra tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán cần được duy trì và tăng cường hơn, nhất là đối với các nội dung quản lý, phân phối sử dụng nguồn thu. Đẩy mạnh tự kiểm tra, giám sát ở đơn vị cơ sở làm chuyển biến tích cực trong quản lý sử dụng tài chính tài

sản. Làm tốt công tác kiểm toán theo Luật Kiểm toán và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tăng cường kiểm toán nội bộ.

- Tiếp tục bổ sung chính sách, góp phần thực hiện tốt chính sách của Nhà nước. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống tiêu chuẩn định mức chi tiêu, sử dụng kinh phí, triển khai thực hiện các chính sách, chế độ quản lý mới của Nhà nước, bổ sung hoàn thiện phương thức đảm bảo và quản lý phù hợp với đặc thù quốc phòng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính hoạt động có thu, công khai minh bạch trong phân bổ chi phí, phân bổ nguồn thu. Từng bước hiện đại hoá trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo khoa học hơn các quy trình công tác chuyên môn.

- Làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi lập kế hoạch, quy hoạch, lập dự toán và trong cả quá trình triển khai tổ chức quản lý tài chính hoạt động có thu.

Tóm lại: Định hướng hoạt động có thu hiện tại và thời gian tiếp theo là tiếp tục tận dụng năng lực dồi dào, chủ động tích cực tăng gia sản xuất gắn với lợi thế đơn vị, tích cực huy động các nguồn lực đảm bảo nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ chiến sĩ, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng.

3.3.2. Xây dựng hoàn thiện chính sách chế độ và văn bản pháp luật về quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Công tác tổ chức thực hiện hoạt động có thu các đơn vị dự toán trong quân đội ít được sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên, có nơi có lúc thường phó mặc cho các đơn vị. Một số văn bản quy định về quản lý, về thu nộp tài chính hoạt động có thu mang tính sự vụ, thiếu sự thống nhất trong toàn quân. Một số nội dung bất cập trong Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy định quản lý các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội”. Ngày 29 tháng 11 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định 178/2007/QĐ-BQP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP; với việc ban hành Quyết định trên có sửa đổi một số điều, khắc phục được những bất cập trong quản lý tài chính hoạt động có thu, qua một thời gian thực hiện đến nay đã có những bất cập nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện,

còn một số nội dung quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Nhằm khắc phục những tồn tại nêu trên và thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại công văn số 3259/BQP ngày 30 tháng 6 năm 2006: “Giao cho Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng nghiên cứu, đề xuất, trình Bộ sửa đổi Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17/12/2001”. Cục Tài chính đã dự thảo kế hoạch triển khai xây dựng văn bản về việc sửa đổi bổ sung của một số điều quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội, thay thế quy định đã ban hành.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện “Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội” ban hành theo Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP, ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt QĐ 3365/2001/QĐ-BQP). Phân tích những điểm đã đạt được, những khuyết điểm, kế thừa những nội dung còn phù hợp, sửa đổi những nội dung không phù hợp, đề xuất những nội dung mới phát sinh.

Căn cứ quy định của Nhà nước và Quân đội về quản lý nhà nước về tài chính trong các lĩnh vực như: khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục đào tạo và các hoạt động đặc thù của quân đội, v.v... đề xuất tỷ lệ phân phối thích hợp với từng loại hình, trong đó thực hiện nghĩa vụ đóng góp một phần kết quả thu được lên cơ quan cấp trên nhằm điều tiết cho những nhiệm vụ chung và một phần đóng góp bổ sung nguồn ngân sách chi cho nhiệm vụ quốc phòng để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng điều tiết bảo đảm cho các nhiệm vụ; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thu, chi tài chính đối với các hoạt động có thu.

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quyết định 3365 QĐ-BQP/2001:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 về hoạt động liên doanh, liên kết: căn cứ vào Điều 3, Điều 4, quy định điều tiết thu nộp đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng ban hành, văn bản của Văn Phòng Bộ Quốc phòng, thông báo kết luận của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng về kiểm tra công tác quản lý, sử dụng nguồn thu của các cơ quan, đơn vị trong quân đội để dự kiến tỷ lệ thu nộp: “Phần lợi nhuận được chia, sau khi đã nộp thuế theo quy định, được phân phối như sau: 30% nộp ngân sách quốc

phòng; 20% nộp đơn vị cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, số còn lại: 65% bổ sung kinh phí; 35% trích quỹ đơn vị”. [14]

- Sửa đổi Điều 4: về hoạt động dịch vụ khoa học, chuyển giao công nghệ.

Cục Tài chính căn cứ vào các văn bản của Nhà nước như: Thông tư của Liên Bộ Khoa học Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ [61] về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập [35]; Thông tư liên tịch của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước [63]. Trong quá trình xây dựng văn bản, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng tổ chức Hội thảo mời Thủ trưởng, Trưởng phòng, Ban tài chính các đơn vị tham gia: Viện khoa học và Công nghệ Quân sự, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Học viện Quân y, Học viện Kỹ thuật Quân sự... và đã đi đến thống nhất nội dung, tỷ lệ phân phối thu nhập từ hoạt động có thu: nộp ngân sách quốc phòng 5% đối với dịch vụ khoa học, 10% đối với chuyển giao công nghệ; nộp đơn vị cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng 15%; số còn lại: 35% bổ sung kinh phí và 65% trích quỹ đơn vị.

Về tận dụng năng lực để đào tạo có thu học phí: trên cơ sở quy định của nhà nước về quản lý tài chính đối với đào tạo thu học phí hiện hành, Quyết định Thủ tướng Chính phủ [88], Thông tư của Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo [62], hướng dẫn của Liên Cục Tài chính - Nhà trường [60] về thực hiện quản lý thu, chi học phí cho các học viện, trường quân đội được Chính phủ giao nhiệm vụ tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Vì vậy, Cục Tài chính đề nghị tỷ lệ phân phối: 45% chi đảm bảo vật chất, 35% chi hoạt động chuyên môn và 20% chi cho quản lý, khen thưởng, phúc lợi và chi nhiệm vụ khác.

- Sửa đổi Điều 7: thu từ hoạt động khám, chữa bệnh có thu một phần viện phí của các bệnh viện quân đội: Cục Tài chính đã căn cứ vào Nghị định của Chính phủ về việc thu một phần viện phí [32]; Thông tư liên tịch của Liên Bộ: Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh và xã hội - Ban Vật giá Chính phủ [65], Thông tư của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95-CP về thu một phần viện phí trong các bệnh viện quân đội, Nghị định số 33/CP ngày 23/5/1995 của Chính phủ về việc sửa đổi khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 95/CP ngày 27/8/1994 và Thông tư của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện về thu một phần viện phí. Ngày 25 tháng 4

năm 2006, Chính phủ ban hành Nghị định quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.[36] Bằng hình thức Hội thảo Cục Tài chính mời thủ trưởng và trưởng phòng ban các đơn vị tham gia: Cục Quân y - Tổng cục Hậu cần; Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện 175, Bệnh viện 103, Bệnh viện 354. Trong hội thảo cũng đã thống nhất đề ra những tiêu chí phân phối số thu từ hoạt động khám chữa bệnh có thu một phần viện phí trong các bệnh viện quân đội.

Trên cơ sở đó, Cục Tài chính dự thảo: 70% để mua bù đắp vật tư tiêu hao, 25% dùng để bồi dưỡng và khen thưởng cho cán bộ và 5% nộp cấp trên. Riêng đối với sử dụng máy công nghệ cao do ngân sách đầu tư mua sắm, số thu được sau khi trừ đi chi phí, còn lại lập quỹ để sửa chữa, tái đầu tư mua trang thiết bị y tế.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về hoạt động thu có tính đặc thù: dựa vào thực tiễn quản lý hoạt động có thu từ nhiều năm qua và đóng góp tham gia ý kiến của Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân và nhiều đơn vị khác, các đơn vị đều nhất trí việc điều tiết một phần hoạt động có thu về nộp ngân sách quốc phòng để cân đối chung và thể hiện trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng đối với các hoạt động này. Vì vậy, Cục Tài chính đề nghị tỷ lệ phân phối: 20% nộp ngân sách quốc phòng; 15% nộp đơn vị cấp trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng; số còn lại: 65% bổ sung kinh phí và 35% trích quỹ đơn vị.

Thu về khuyến mại, thưởng, hoa hồng, số thu được 100% bổ sung kinh phí;

Riêng đối với việc khai thác, sử dụng kho bể xăng dầu của các kho chiến lược, tại Điều 10 Quyết định số 149/2007/QĐ-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng BQP đã quy định nộp về Bộ 100% số thu được sau khi trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ và nộp các thuế theo quy định.

Bãi bỏ Điều 12 cũ vì đã quy định vào Điều 11 và thay thế Điều 12 mới quy định về hoạt động đào tạo, dạy nghề của các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dịch vụ việc làm.

Cục Tài chính đề nghị vận dụng Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư

hướng dẫn số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính, Cục Tài chính đang triển khai hướng dẫn đối với loại hình hoạt động này.

- Sửa đổi Điều 14: Quy định đối với đơn vị có nhiều cấp (cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, cấp trung gian, cấp cơ sở) thì đơn vị cấp trực thuộc Bộ quy định tỷ lệ phân phối số thu do cấp tạo nguồn thu phải nộp, để điều tiết cho từng cấp.

- Sửa đổi Điều 15 và Điều 16 quy định về quản lý, sử dụng số thu và trích lập, sử dụng quỹ đơn vị theo hướng quy định rõ hơn, cụ thể hơn, dễ thực hiện và phù hợp với những quy định hiện hành của pháp luật về quản lý tài chính.

* Như vậy, Bộ Quốc phòng gần đây tiếp tục ban hành văn bản có tính pháp lý để quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội: Quyết định 178/2007/QĐ-BQP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP. Cùng với các quyết định Bộ Quốc phòng đã ban hành, các đơn vị dự toán quân đội khi triển khai hoạt động có thu phải chấp hành và tuân thủ các quy định của nhà nước ban hành.

3.3.3. Hướng dẫn lập và quyết định kế hoạch tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội

Hướng dẫn lập kế hoạch tài chính bao gồm kế hoạch dự toán và các báo cáo tài chính hoạt động có thu:

(i) Hướng dẫn lập kế hoạch dự toán

Hiện nay, công tác xây dựng kế hoạch tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán chưa đáp ứng được yêu cầu của bản kế hoạch về công tác tài chính, thể hiện ở một số mặt sau:

- Có đơn vị hàng năm lập kế hoạch, lập dự toán dự toán thu, chi tài chính hoạt động có thu, có đơn vị không thực hiện việc lập kế hoạch và lập dự toán thu chi tài chính hoạt động có thu. Những đơn vị lập kế hoạch, lập dự toán dự toán thu, chi tài chính hoạt động có thu thì kế hoạch thu tài chính không gắn kết với kế hoạch chi tài chính.

- Nhiều đơn vị vì mục đích che giấu nguồn thu, nên bản kế hoạch tài chính không đầy đủ, thường là bỏ sót nhiều khoản từ hoạt động có thu như: thu liên doanh, liên kết, thu cho thuê bến bãi, mặt bằng nhà xưởng, thu hợp tác nghiên cứu khoa học. Kế hoạch và dự toán thu, chi tài chính hoạt động có thu, không đáp ứng về mặt thời gian quy định.

(ii) Báo cáo tài chính hoạt động có thu

Báo cáo quyết toán năm, kế toán sử dụng: Mẫu B02/N, Mẫu B09/N, Mẫu B20/N; [Phụ lục 5.1; 5.2; 5.3] việc thiết kế về bố cục và các tiêu thức của các biểu, căn cứ và yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính một cách khoa học và đơn giản nhằm đáp ứng công tác thống kê số liệu phục vụ cho việc báo cáo, quyết toán được thống nhất trong toàn quân.

- Mẫu B02/N: Báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí; các tiêu thức theo hàng dọc phản ánh của biểu bao gồm: nội dung, chỉ tiêu ngân sách năm, số được cấp, phần chênh lệch giữa số được cấp và số đề nghị quyết toán được phản ánh bằng 2 cột: số thừa, số thiếu. Các tiêu thức theo hàng ngang phản ánh nội dung chi của các loại kinh phí, số liệu được nhập tính theo năm ngân sách, hình thức chi trả. Nguồn kinh phí từ hoạt động có thu đó là số thu được để lại chi theo chế độ.

Mẫu B09/N: Báo cáo kết quả hoạt động có thu và các khoản thu nộp ngân sách, xuất phát từ yêu cầu quản lý và chế độ kế toán thống kê, Biểu báo cáo kết quả hoạt động có thu và các khoản thu nộp ngân sách với tiêu thức của các cột trong bản của điểm I và điểm II được thống nhất trong toàn quân về tổng hợp, thống kê kết quả hoạt động có thu, được thực hiện từ đơn vị dự toán cấp dưới lên đơn vị dự toán cấp II thuộc mẫu biểu bắt buộc trong báo cáo toán và tổng kết công tác tài chính năm.

Mẫu B20/N: Báo cáo quyết toán các khoản chi từ nguồn thu để lại theo chế độ, hàng năm các đơn vị triển khai chi nguồn thu để lại theo chế độ vào các nhiệm vụ cần thiết nhưng ngân sách quốc phòng thường xuyên chưa đáp ứng được. Sau khi chi tiêu đơn vị thực hiện quyết toán theo quy định theo mẫu B20/N và được tập hợp từ dưới lên cấp trên theo mục lục ngân sách với các nội dung đơn vị chi tiêu, các nội dung chi tiêu thực hiện theo dự toán được duyệt và có xác nhận của cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

Liên quan tới các mẫu biểu báo cáo tài chính hoạt động có thu; Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính, yêu cầu của chế độ kế toán thống kê, và yêu cầu của chế độ thanh quyết toán tài chính hàng năm đối với hoạt động có thu, báo cáo với Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành các mẫu biểu và hướng dẫn cách ghi chép, phản ánh vào mẫu biểu trong toàn quân. Qua hệ thống mẫu biểu được tập hợp từ đơn vị cơ sở lên trên, bước đầu đã đáp ứng về cơ bản trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu thể hiện: tổng hợp được số tổng thu; số chi phí; chênh lệch thu, chi; kết quả phân bổ chênh lệch thu chi; số chưa phân

phối...; tuy nhiên trong hệ thống mẫu biểu còn tồn tại những bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý tài chính đó là:

Tại mẫu báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí, mẫu số B02/N [Phụ lục 5.1] tại điểm I mục F thuộc mẫu nội dung yêu cầu báo cáo: số thu được để lại chi theo chế độ; cột chỉ tiêu ngân sách năm; thực chất cột này là: ngân sách đơn vị được để lại bổ sung vào kinh phí của đơn vị, cấp trên không thông báo chỉ tiêu, nếu có xác nhận chỉ tiêu ngân sách thì việc xác nhận chỉ tiêu ngân sách khi đơn vị thực hiện quyết toán và tổng kết công tác tài chính năm (xác nhận sau khi đã chi tiêu). Cột số được cấp thực ra không có cấp trên nào cấp mà nguồn hình thành là do quá trình đơn vị tiến hành hoạt động có thu sau khi nhiệm vụ hoàn thành kết chuyển các khoản trong đó có khoản đơn vị được để lại tự bổ sung vào kinh phí. Cũng tại cột nội dung có tiêu thức năm trước chuyển sang và thực chất số đơn vị để lại bổ sung kinh phí năm trước chưa chi thì tự chuyển sang năm sau, hiện nay trong hệ thống thông báo chỉ tiêu ngân sách quốc phòng chưa có nội dung thông báo chỉ tiêu nguồn thu để lại theo chế độ chuyển năm sau. Như vậy để đảm bảo tính chính xác và khoa học của mẫu biểu báo cáo cần hoàn chỉnh và không nên ghép nội dung báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí số thu được để lại chi theo chế độ gắn với mẫu báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí tại biểu B02/N.

Tại mẫu báo cáo số 09/N [Phụ lục 5.2] báo cáo kết quả hoạt động có thu và các khoản thu nộp ngân sách có cột số chưa phân phối; tại cột này đơn vị sẽ thực hiện việc phản ánh 2 nội dung đó là: nguồn thu được nhưng chưa tính được đủ các chi phí (hợp đồng đang thực hiện); số này khi đơn vị thực hiện xong hợp đồng, thực hiện kết chuyển theo cơ chế quản lý về tài chính và các chế tài hiện hành. Số phân phối chênh lệch thu chi khi đơn vị chưa phân bổ hết vào các khoản thu nộp, trích quỹ hay bổ sung kinh phí. Trong hệ thống báo cáo tài chính hiện hành chưa có văn bản hoặc chế tài nào để kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu hoặc phân bổ tiếp theo số chưa phân phối vào các năm ngân sách tiếp theo.

Tại mẫu số B20/N [Phụ lục 5.3] Báo cáo quyết toán các khoản từ nguồn thu để lại theo chế độ. Về pháp lý nguồn thu được để lại chi theo chế độ, đơn vị chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng còn eo hẹp và chưa được kịp thời, được quản lý như một nguồn ngân sách quốc phòng; chính vì vậy quy trình xác nhận quyết toán gắn với việc thông báo chỉ tiêu ngân sách sau đó là báo cáo hiệu quả chi tiêu và các nội dung mua sắm trang thiết bị và các

bước tiếp theo là xác định tài sản công. Nội dung này tác giả xin đề cập ở phần tài sản hình thành từ nguồn thu hoạt động sản xuất làm kinh tế.

3.3.4. Chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu

3.3.4.1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch

Phương pháp quản lý tài chính đối với hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội hiện nay cơ bản đáp ứng các nguyên tắc quản lý về tài chính của Nhà nước đề ra, nhiều mặt trong công tác quản lý đã đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng QLNN về tài chính hoạt động có thu, trong chỉ đạo kế hoạch đã sử dụng các biện pháp kinh tế, hành chính, xử lý xung đột lợi ích... Tuy nhiên còn một số nội dung trong tổ chức thực hiện quản lý tài chính hoạt động có thu còn chưa khoa học, một số nội dung còn thiếu sự thống nhất về kế hoạch, tổ chức thực hiện ở một số khâu đó là:

Đánh giá khái quát hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là chưa có một kế hoạch tổng thể và toàn diện. Nhìn từ góc độ trong phạm vi kế hoạch tài chính là công cụ quản lý, các kế hoạch tài chính hiện nay chưa đáp ứng việc phát huy tốt hệ thống công cụ quản lý này: lập kế hoạch đối với quản lý tài chính hoạt động có thu trong toàn quân (quản lý vĩ mô); lập kế hoạch tài chính tại các đơn vị dự toán có tổ chức hoạt động có thu (quản lý vi mô). Nó có nguyên nhân từ định hướng và chủ trương của cấp trên trong quản lý nhà nước về tài chính là chưa tập trung trong chỉ đạo điều hành lập kế hoạch, công tác kiểm tra đôn đốc chưa sâu sát, chưa có biện pháp và chế tài đối với các đơn vị không lập dự toán thu chi tài chính về hoạt động có thu. Về nhận thức của Lãnh đạo Chỉ huy đơn vị còn xem nhẹ, nếu có chỉ đạo đơn vị lập kế hoạch, dự toán cũng chưa toàn diện, còn chưa coi công tác kế hoạch và lập dự toán là công cụ quản lý và là yêu cầu của quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; mặt khác xuất phát từ đặc điểm các loại hình hoạt động có thu của đơn vị, mỗi đơn vị có những đặc thù riêng.

Tổng hợp kết quả từ câu hỏi số 10 của phiếu điều tra [Phụ lục 3.4], hướng tới điều tra tìm hiểu kế hoạch tài chính hoạt động có thu bằng việc xây dựng dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm: có 31/112 phiếu xác nhận đơn vị có lập dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm bằng 27,67%; 81 phiếu điều tra cho kết quả đơn vị không có dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm bằng 72,33%. Kiểm tra thực tế tại một số đơn vị như: Tổng cục Kỹ thuật, Viện khoa học và Công nghệ Quân sự thì

việc lập kế hoạch tài chính hoạt động có thu chưa bao quát, chưa toàn diện, phần lớn chỉ có kế hoạch thu, chưa phản ánh được kế hoạch chi; kế hoạch thu được xây dựng chủ yếu căn cứ vào số thu năm trước dùng để nhân với một tỷ lệ nhất định, chưa căn cứ vào các kế hoạch của các đơn vị cơ sở lập lên.

3.3.4.2. Đánh giá kết quả chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu

Hiện nay, việc thu nộp và phân bổ kết quả tài chính hoạt động có thu (phần chênh lệch từ hoạt động có thu) của các đơn vị dự toán quân đội được thực hiện theo các quy định của bộ quốc phòng tại quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007 kèm theo Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Các nguyên tắc phân bổ căn cứ vào loại hình hoạt động có thu và theo tính chất đặc điểm của các khoản đơn vị thu được trong năm như thu nhượng bán vật tư, thu từ thanh lý... Trong những năm vừa qua Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng đã tham mưu với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra được các quyết định và quy chế liên quan đến phân bổ nguồn thu; đây là một hành lang pháp lý giúp cho công tác quản lý nhà nước về tài chính ngày càng đi vào nề nếp. Ngoại trừ các khoản phải nộp thuế cho Nhà nước; các khoản còn lại được phân bổ đảm bảo tính thống nhất trong toàn quân về tỷ lệ thu nộp trên, tỷ lệ trích quỹ đơn vị, tỷ lệ đơn vị được để lại bổ sung ngân sách đối với từng loại hình hoạt động. Đây là yếu tố ảnh hưởng sâu, rộng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Khoản nộp trên (các khoản nhượng bán vật tư hàng hoá, thanh xử lý...) đáp ứng tính minh bạch trong quản lý tài chính đó là nguồn gốc hình thành vật tư tài sản... từ ngân sách quốc phòng, ngân sách nhà nước, về nguyên tắc các khoản này phải nộp hoàn trả ngân sách. Các khoản trích từ hoạt động có thu nộp lên cấp trên mang tính chất thu điều tiết. Các khoản nộp trên có ý nghĩa rất quan trọng, Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng với chức năng là cơ quan tham mưu cho Bộ Quốc phòng phân bổ các nguồn lực, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phân bổ nguồn lực này bổ sung cho các nhiệm vụ trong khi nguồn ngân sách nhà nước chưa đáp ứng kịp thời, mặt khác ở ý nghĩa điều tiết, ở nhiều đơn vị không có điều kiện làm kinh tế, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định điều tiết hỗ trợ bổ sung tạo điều kiện giảm một phần khó khăn và giải quyết được một số vấn đề mang tính xã hội trong việc từng bước đảm bảo hướng tới sự công bằng, khuyến khích động viên các đồng chí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng ở

vùng sâu vùng xa. Số liệu tác giả tổng hợp nguồn các đơn vị nộp Bộ Quốc phòng và nguồn các đơn vị nộp cấp trên từ năm 2005 đến năm 2009 như sau:

Bảng 3.13: Nộp ngân sách quốc phòng và nộp cấp trên từ hoạt động có thu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nguồn thu nộp ngân sách quốc phòng	Nguồn thu nộp cấp trên	Cộng
2005	48.131.719	74.238.204	122.369.923
2006	72.628.034	80.820.409	153.448.443
2007	66.453.772	94.140.731	160.594.503
2008	101.294.049	116.104.475	217.397.524
2009	142.832.697	171.373.021	314.205.718
Cộng	431.340.271	536.676.840	968.017.111

Nguồn Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng và tổng hợp từ tác giả

Với tổng số nguồn lực tài chính thu trong 5 năm; số thu nộp ngân sách quốc phòng: 431.340 triệu đồng; số nguồn thu nộp lên cấp trên: 536.676 triệu đồng đã tạo nguồn cho Bộ Quốc phòng cũng như hình thành nguồn cho cấp trên giải quyết các nhiệm vụ rất có ý nghĩa; tuy vậy xung quanh việc hình thành hai nguồn trên cũng còn nhiều nội dung cần đề cập:

- Trước hết về số thu nộp ngân sách quốc phòng; nội dung thu ngân sách chủ yếu từ nhượng bán vật tư hóa chất giảm chất lượng không đáp ứng sử dụng vào mục đích quốc phòng, việc thu từ thanh xử lý, thu từ thu điều tiết hoạt động rà phá bom mìn... là chủ yếu. Số liệu tác giả tổng hợp trong 5 năm, qua từng năm đều có sự tăng lên, năm sau cao hơn năm trước; đặt cho tác giả đánh giá thực trạng công tác thanh xử lý và việc huy động tồn kho trong những năm qua thực sự đã hiệu quả chưa theo cả hai góc độ: việc khai thác hàng tồn kho quá mức hay khai thác hàng tồn kho mới đáp ứng một phần của yêu cầu huy động các mặt hàng xuống cấp tại đơn vị dự toán đang trông giữ bảo quản trong toàn quân. Hàng năm Cục Tài chính tham mưu với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao dự toán kế hoạch huy động tồn kho cho nhiều đơn vị, trong khi các đơn vị hàng năm hầu như không lập kế hoạch huy động tồn kho báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt. Chỉ ở khía cạnh khai thác hàng tồn kho trong quân đội, nhất thiết cần có sự kiểm kê đánh giá nghiên cứu và hoạch định toàn diện để phát huy cao nhất việc huy động nguồn lực và đảm bảo tốt nhất sức chiến đấu của quân đội.

Về tỷ lệ thu nộp, và phân chia tỷ lệ thu nộp theo các quyết định và chế độ ban hành tại các cấp trong quân đội trong thời gian vừa qua xuất phát từ yêu cầu quản lý tài chính, quan điểm của các nhà hoạch định chính sách và đề xuất của cấp dưới, do đó đã đáp ứng những đòi hỏi của thực tế công tác quản lý. Tuy vậy, nếu có sự nghiên cứu và hoạch định chế độ thu nộp cơ bản, sẽ thỏa đáng hơn trong việc ra các quyết định về tỷ lệ nộp ngân sách quốc phòng, tỷ lệ nộp cấp trên, tỷ lệ đơn vị được để lại bổ sung kinh phí, tỷ lệ trích quỹ đơn vị. Tổng hợp phân tích kết quả điều tra tại câu hỏi số 15 của phiếu điều tra [Phụ lục 3.3 phiếu điều tra câu 15; 15.1; 15.2; 15.3; 16 ; Phụ lục 7].

Về kết quả phân tích phiếu điều tra đối tượng là cán bộ tham gia thực thi chính sách ta thấy: Câu 15: X_{15} ; tỷ lệ phân phối kết quả hoạt động có thu theo Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007 kèm theo Quyết định 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 hợp lý chưa.

X_{15} nhận 113 giá trị (113 quan sát) ứng với 113 phiếu điều tra; $\overline{X_{15}}$: giá trị trung bình của X_{15} , thể hiện % số ý kiến cho rằng tỷ lệ phân phối kết quả hoạt động có thu theo quy định hiện nay là hợp lý, $\overline{X_{15}}$ lớn là tốt. $\text{Var}(X_{15})$: Phương sai của X_{15} , thể hiện sự phân tán (sự khác nhau) trong các ý kiến về sự hợp lý của tỷ lệ trích nộp hiện nay.

Với số liệu từ phân tích hồi quy câu hỏi điều tra số 15 cho thấy còn 38,05 % số ý kiến điều tra cho rằng tỷ lệ phân bổ theo các quyết định của Bộ Quốc phòng hiện nay chưa hợp lý, tuy tỷ lệ % của quan điểm này là chưa chiếm đa số nhưng rất đáng quan tâm, vì đây không chỉ thấy 61,95 % số ý kiến cho rằng phân bổ kết quả hoạt động có thu hợp lý, lại cho rằng và khẳng định chính sách đã là phù hợp và không còn bất cập. Với mẫu điều tra đối tượng là cán bộ tham gia hoạch định chính sách cho thấy 45,45% số ý kiến điều tra cho rằng tỷ lệ phân bổ theo các quyết định của Bộ Quốc phòng hiện nay chưa hợp lý (cao hơn cả đối tượng được điều tra là cán bộ thực thi chính sách).

Các kết quả điều tra về tỷ lệ nộp trên, tỷ lệ trích quỹ đơn vị, tỷ lệ trích bổ sung kinh phí thuộc 2 đối tượng được điều tra cơ bản có kết quả tương đương, phản ánh tỷ lệ phân bổ kết quả hoạt động có thu còn có nội dung bất cập, cần nghiên cứu sửa đổi bổ sung chế độ quy định cho phù hợp.

Khoản đơn vị được giữ lại bổ sung kinh phí và khoản đơn vị được trích quỹ đơn vị, tác giả tổng hợp tại đơn vị dự toán toàn quân từ năm 2005 đến năm 2009:

Bảng 3.14: Nguồn bổ sung kinh phí và nguồn trích quỹ đơn vị từ hoạt động có thu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Nguồn thu đơn vị được để lại bổ sung ngân sách	Nguồn thu được trích quỹ đơn vị	Tổng cộng
2005	341.663.265	410.759.816	752.423.081
2006	372.210.095	423.143.184	795.353.279
2007	416.280.899	444.560.560	860.841.459
2008	441.962.066	464.467.656	906.429.722
2009	747.597.131	631.573.937	1.379.171.068
Cộng	2.319.713.456	2.374.505.153	4.694.218.609

Nguồn Cục Tài chính Bộ Quốc phòng và tổng hợp từ tác giả

Với nguồn tài chính thu được trích quỹ đơn vị: 2.374.505 triệu đồng, số trích quỹ tại đơn vị dự toán toàn quân đều có sự tăng trưởng; nội dung chi chủ yếu sử dụng nguồn này nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ chiến sĩ; nguồn ủng hộ, đóng góp vào các quỹ như: ủng hộ quỹ khắc phục thiệt hại do bão lụt, quỹ xây dựng nhà tình nghĩa, quỹ khuyến học...; các nội dung chi từ quỹ vốn đơn vị có ý nghĩa quan trọng cho việc động viên khích lệ cán bộ chiến sĩ trong đơn vị, giảm bớt một phần kho khăn cho cán bộ chiến sĩ nhất là dịp lễ, dịp tết, và có một ý nghĩa đáng kể trong công tác xã hội.

Ở giác độ quản lý tài chính, khoản chi trên đơn vị phải tiến hành công khai dân chủ, sau khi chi tiêu đơn vị đều phải thanh toán bằng các chứng từ hợp pháp hợp lệ, và được báo cáo công khai trước Hội đồng quân nhân toàn đơn vị. Tổng hợp kết quả điều tra cho thấy người chỉ huy đơn vị định kỳ yêu cầu cơ quan tài chính các cấp phải báo cáo tình hình công tác quản lý tài chính hoạt động có thu. Tùy theo từng đơn vị song hầu hết qua điều tra kết quả cho thấy ít nhất 6 tháng 1 lần cơ quan tài chính phải báo cáo tình hình công tác tài chính hoạt động có thu của đơn vị với người chỉ huy và với Hội đồng quân nhân. [Phụ lục 3.3 câu 13]

Đánh giá kết quả hoạt động có thu tại đơn vị trong thời gian qua, số liệu được tổng hợp từ kết quả điều tra tại câu hỏi số 19 đối tượng là các bộ thực thi chính sách [Phụ lục 3.3]; số ý kiến xác định hiệu quả kinh tế đem lại từ hoạt động có thu của đơn vị trong thời gian qua xác nhận ở mức độ cao: 28/112 ý kiến bằng 25 %, mức độ trung bình: 82/112 ý kiến bằng 73,21 %, mức độ thấp: 2/112 ý kiến bằng 1,78%. Các tiêu thức điều tra khác thuộc câu 19.2; câu 19.3 [Phụ lục 3.3], kết quả thu được góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp

vụ, ý kiến xác định ở mức trung bình và mức cao là chủ yếu chiếm trên 95%, điều đó đã phản ánh thực trạng và tính chất nguồn thu đơn vị được trích quỹ vốn có ý nghĩa rất tích cực đảm bảo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người trong đơn vị.

Đối với nguồn thu đơn vị được để lại chi bổ sung kinh phí, theo thống kê từ năm 2005 đến năm 2009 là: 2.319.713 triệu đồng, hàng năm đều có sự tăng trưởng. Đây là nguồn được bổ sung kinh phí khá lớn trong quân đội thời gian qua, thể hiện vai trò tham mưu và hoạch định chính sách của Bộ Quốc phòng trong việc điều tiết và sử dụng nguồn thu trong quân đội, góp phần bù đắp một số nội dung nhu cầu chi tiêu tại đơn vị khi ngân sách nhà nước đảm bảo cho Quân đội còn thấp, đáp ứng chưa kịp thời. Ở góc độ quản lý nhà nước về tài chính nội dung trích nộp này và việc chi tiêu thanh quyết toán cần xem xét.

Trước hết tỷ lệ trích nộp từ phần chênh lệch thu chi đối với một số loại hình còn cao, một số khoản đơn vị trích nộp trên thì số trích nộp lên cấp trên tiếp tục được bổ sung kinh phí 100%. Tổng hợp kết quả thu được từ phiếu điều tra cho thấy số ý kiến cho rằng tỷ lệ trích nộp lên trên đến cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng là cao, kết quả tổng hợp từ phiếu điều tra câu hỏi số: 15.1; 15.2; 15.3 [Phụ lục 3.3]. Nếu tỷ lệ bổ sung kinh phí chiếm tỷ trọng cao, thì tỷ lệ trích nộp quỹ vốn đơn vị sẽ ít đi; thông qua tỷ lệ phân bổ, góc nhìn quản lý vĩ mô về tài chính, điều đó cũng phần nào phản ánh người hoạch định chính sách cũng thừa nhận việc đơn vị triển khai hoạt động có thu, trong quá trình quản lý chưa tính đúng tính đủ các khoản chi phí đáng ra phải hoàn trả ngân sách, như tiền lương, tiền điện, khấu hao tài sản máy móc thiết bị tham gia vào quá trình đơn vị tổ chức làm kinh tế; như vậy tỷ lệ đơn vị được để lại bổ sung vào kinh phí chi tiêu cho các nhiệm vụ quốc phòng là sự điều tiết hoàn trả cho một số khoản thuộc ngân sách quốc phòng.

Khoản chi tiêu bổ sung kinh phí đơn vị coi như một nguồn ngân sách trên cấp bổ sung. Quá trình tổ chức chi tiêu đơn vị phải lập dự toán chi có sự xác nhận của cấp trên; việc thanh quyết toán chưa hoàn chỉnh như chi tiêu thanh quyết toán các khoản chi thuộc ngân sách nhà nước và ngân sách quốc phòng. Những đơn vị có nguồn thu được để lại lớn, bổ sung vào kinh phí với việc hình thành tài sản như máy móc thiết bị, ô tô, thiết bị y tế khám chữa bệnh thì việc quản lý các tài sản đó cũng còn nhiều bất cập liên qua đến xác định tài sản công, quản lý quá trình khai thác và sử dụng gắn

với các quy định hiện hành. Ví dụ nguồn hoạt động có thu đơn vị sử dụng mua ô tô xe máy thì biên đăng ký là biên dân sự hay quân sự, ngân sách hàng năm cho việc bảo quản sửa chữa, phí đường bộ hàng năm, biên chế tổ chức sử dụng khai thác sử dụng và việc xác định sở hữu tài sản đó.

3.3.5. Kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Trước yêu cầu hướng về đơn vị cơ sở, duy trì kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả chi ngân sách cũng như các nguồn kinh phí khác... duy trì, tăng cường kỷ cương, kỷ luật quản lý tài chính. Các cấp tiếp tục quán triệt đúng, đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội về phòng, chống tham nhũng, về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm toán.

Xây dựng kế hoạch công tác trong đó có kế hoạch kiểm tra, kiểm toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quá trình tổ chức thực hiện nghiêm túc và chấp hành đúng quy định Điều lệ công tác tài chính QĐNDVN cũng như Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán và các quy định liên quan khác của Nhà nước, xây dựng kế hoạch hợp lý và phù hợp với các kế hoạch của các cơ quan khác có liên quan, không chồng chéo, không gây rối bận cho đơn vị. Thực trạng kiểm tra, kiểm toán hoạt động có thu được thể hiện trên các mặt:

(i) Ưu điểm

Công tác kiểm tra, kiểm toán tài chính hoạt động có thu đã phát huy tác dụng tích cực, trên cơ sở những kết quả đạt được đã giúp cho việc đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, các đơn vị được đầy đủ, chính xác và toàn diện hơn. Qua thanh tra, kiểm toán đã gắn chặt nhiệm vụ quản lý tài chính với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, góp phần hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra, kiểm toán đã phát hiện, đề xuất việc nghiên cứu, sửa đổi chế độ quản lý tài chính, tài sản; báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ký ban hành các Chỉ thị tăng cường quản lý tài chính về hoạt động có thu và quản lý nguồn thu, tạo ra động lực có tác dụng thúc đẩy việc sử dụng, nuôi dưỡng nguồn thu đúng pháp luật góp phần tăng khả năng cân đối ngân sách đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ. Giúp chỉ huy

các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán thấy rõ các ưu, khuyết điểm trong quản lý tài chính, quản lý sử dụng nguồn thu và những sai sót trong việc ban hành một số quy định nội bộ trái với các quy định của Bộ Quốc phòng, chấn chỉnh, khắc phục nhanh chóng các sai sót.

Góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng việc triển khai thực hiện các Chương trình hành động của Chính phủ và Bộ Quốc phòng về phòng chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị. Sau các cuộc kiểm tra, kiểm toán đều có kết luận chỉ ra các thiếu sót trong sử dụng ngân sách; những điểm còn hạn chế, chưa đủ thủ tục ở chứng từ, nội dung chi ngân sách và các thủ tục pháp lý cần thiết khác... kiến nghị và thực hiện thu các khoản thu, chi sai chế độ, các khoản quyết toán trùng, các khoản nộp chưa đủ về cho ngân sách. Chỉ tính năm 2010, kết quả thanh tra, theo kế hoạch Bộ Quốc phòng duyệt đã thu nộp về ngân sách nhiều tỷ đồng, Kiểm toán đã xuất toán hàng trăm triệu đồng tiền lương.

Kiểm tra nội bộ tại các đơn vị được duy trì thường xuyên đối với cấp dưới của mình theo quy định tại Điều lệ công tác tài chính Quân đội. Năm 2010, theo báo cáo của các đơn vị 70% số đầu mỗi đơn vị cấp 3 và 100% đầu mỗi các đơn vị cấp 4 đã được kiểm tra, những sai sót trong quản lý tài chính, tài sản đã được chỉ ra và có kế hoạch khắc phục dứt điểm.

Về kiểm toán nội bộ, phối hợp với Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính tại 13 đơn vị quân đội (Quân khu 1; Quân khu 3; Quân khu 7; Tổng cục Kỹ thuật; Quân đoàn 1; Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga; Viện y học cổ truyền Quân đội, Học viện Quân y, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108...). Sau kiểm toán đã chấn chỉnh các sai sót, kiến nghị hoàn tất các thủ tục hồ sơ, thực hiện đúng quy trình quản lý, đôn đốc các báo cáo kịp thời việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Qua công tác kiểm tra, kiểm toán đã trực tiếp bồi dưỡng nghiệp vụ, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên trong ngành tài chính tăng cường hiệu lực kiểm tra, giám sát của hệ thống kiểm soát nội bộ trên cơ sở đó thúc đẩy công tác tự kiểm tra tại các đơn vị bằng nhiều biện pháp thích hợp.

Kết quả của công tác kiểm tra, kiểm toán trong các đơn vị đã góp phần chuyển biến tích cực việc hạch toán các hoạt động có thu và sử dụng nguồn thu, một số đơn vị hạch toán tương đối đủ các chi phí có nguồn gốc từ ngân sách để nộp trên theo chế độ, việc phân phối sử dụng đúng các quy định hướng dẫn của trên, tỉ lệ chi bổ sung

ngân sách có đơn vị còn cao hơn cả quy định. Các căn cứ pháp lý được quan tâm đúng mức và có quy chế cụ thể nhằm tăng cường quản lý việc sử dụng nguồn thu, thực hiện tổng hợp, báo cáo thu và sử dụng nguồn thu tại các ngành, các đơn vị.

(ii) Khuyết điểm

Kiểm tra, kiểm toán tài chính hoạt động có thu đã đạt được nhiều kết quả, nhưng việc ngăn ngừa, phòng chống các sai phạm chưa được thường xuyên, liên tục và kịp thời.

Việc tăng cường quản lý nguồn thu luôn được quan tâm chỉ đạo nhưng tổ chức thực hiện nhiều đơn vị vẫn chưa chú ý đúng mức, trong đó nổi bật là nguồn thu từ liên doanh, liên kết sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế chưa thành nền nếp, chưa được giải quyết xử lý kịp thời. Một số đơn vị còn dấu nguồn thu; hạch toán các chi phí có nguồn gốc từ ngân sách không đầy đủ, phân phối, sử dụng nguồn thu không đúng chế độ, ban hành những quy định trái với quy định của Bộ Quốc phòng, không nộp kịp thời. Các đơn vị việc hạch toán các khoản thu, chi phí cũng như trích nộp, phân phối chênh lệch đối với các hoạt động có thu đều chưa đúng với Quyết định của Bộ, hướng dẫn của Cục Tài chính, nhất là các chi phí đã được ngân sách đảm bảo hoặc có nguồn gốc từ ngân sách, không hạch toán đầy đủ nên không thu, nộp kịp thời. Việc tận dụng mặt bằng, bến bãi, nhà cửa để liên doanh, liên kết tận dụng nguồn thu của các đơn vị hầu hết chưa có phép của Thủ trưởng Bộ, không nộp đúng, đủ số phải nộp theo quy định về Bộ Quốc phòng.

Việc xây dựng các định mức, chế độ, tiêu chuẩn để làm cơ sở cho kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, kiểm soát chi tài chính vẫn chưa theo kịp yêu cầu của thực tế, cá biệt có những định mức đã lạc hậu nhưng chưa được sửa đổi (định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật còn nhiều bất cập cần sửa đổi làm tiền đề sửa định mức tài chính).

Chưa quan tâm đầy đủ, đúng mức đến kiểm tra việc chi tiêu các khoản thu từ hoạt động kinh tế bổ sung vào kinh phí chi cho các nhiệm vụ quân đội. Cục Tài chính đã hướng dẫn các ngành, các đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra tài chính, kế toán nhưng trên thực tế các ngành, đơn vị triển khai thực hiện kết quả còn hạn chế; việc tổ chức kiểm tra theo quy định của Điều lệ công tác tài chính QĐNDVN ở một số đơn vị chưa được duy trì thường xuyên.

Về vai trò tham mưu của cơ quan tài chính ở một số đơn vị còn hạn chế. Tham gia vào quá trình phân phối và quản lý ngân sách chưa sâu, chưa triệt để. Việc đấu

tranh với các hiện tượng chi sai nội dung cũng như tăng tỷ lệ phân cấp cho dưới chưa tích cực. Chưa thật sự chủ động trong việc triển khai các chế độ quản lý mới, công tác chỉ đạo chưa sâu dẫn đến tính thống nhất chưa cao, công tác kiểm tra, kiểm tra còn dàn trải, chưa có trọng tâm, trọng điểm và chưa bám sát vào thực tế của đơn vị cơ sở cấp mình. Chưa tham mưu tích cực để việc thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được triệt để và kịp thời.

Công tác kiểm tra, kiểm toán chưa được chú trọng đúng mức, nhất là khâu thanh tra lập kế hoạch tài chính hoạt động có thu. Hàng năm công tác kiểm tra kiểm toán thường tập trung kiểm tra phần chênh lệch của kết quả hoạt động có thu, chưa đi sâu kiểm tra công tác hạch toán kế toán, việc phân bổ chi phí khấu hao và định mức vật tư, lao động hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

3.4. Đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội

3.4.1. Đánh giá kết quả trong việc thực hiện mục tiêu

Tổng hợp nội dung tài chính của hoạt động có thu thời gian qua, quá trình quản lý tài chính có những chuyển biến tích cực trên nhiều mặt nhằm thực hiện mục tiêu gắn với việc chấp hành chủ trương đường lối, chế độ quy định, kỷ luật trong quản lý tài chính.

(i) Đánh giá việc chấp hành Nghị quyết và quy chế quản lý hoạt động có thu

Ở hầu hết các đơn vị đã xây dựng, ban hành Quy chế lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tài chính, việc nghiên cứu quán triệt các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định của cấp trên có đơn vị còn chưa sâu sắc, biện pháp tổ chức thiếu đồng bộ, chưa phát hiện những vướng mắc, khó khăn để giải quyết kịp thời. Có đơn vị vẫn chưa có quy chế Đảng ủy lãnh đạo công tác tài chính theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị - Quân đội Nhân dân Việt Nam, một số đơn vị thực hiện quy chế chưa có nề nếp; quy chế chưa cụ thể hóa nội dung quản lý và sử dụng nguồn thu.

Một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng về sử dụng đất quốc phòng, có đơn vị sử dụng mặt bằng (nhà xưởng, kho tàng, bến bãi, đất đai) để cho thuê, liên doanh, liên kết nhưng chưa được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho phép. Về thực hiện quy định quản lý: chấp hành các quy định của

Bộ Quốc phòng về sử dụng đất quốc phòng chưa nghiêm. Công tác quản lý và sử dụng nguồn thu tài sản trên đất chưa chặt chẽ, có trường hợp sử dụng sai mục đích, khi chưa được Bộ Quốc phòng cho phép một số đơn vị đã thực hiện không đúng trình tự, nguyên tắc, thủ tục pháp lý; thực hiện nghĩa vụ thu, nộp về Bộ Quốc phòng không đầy đủ và chưa kịp thời.

Các đơn vị đã chấp hành các chế độ về quản lý, phân phối và sử dụng nguồn thu theo quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng; tuy nhiên, vẫn còn đơn vị chấp hành chưa nghiêm nguyên tắc và chế độ quản lý, phân phối và sử dụng nguồn thu, tự định ra chế độ thu nộp trái thẩm quyền. Công tác tham mưu cho chỉ huy về công tác tài chính, quản lý và sử dụng nguồn thu của cơ quan tài chính các cấp của một số đơn vị trong toàn quân còn hạn chế.

(ii) Đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện, quản lý và sử dụng nguồn thu

Các đơn vị đã tích cực chủ động trong việc huy động, tổ chức bộ đội tham gia lao động sản xuất, liên doanh liên kết, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có; phát huy, tận dụng những lợi thế về vị trí đóng quân, lợi thế kinh doanh, khả năng chuyên môn để tổ chức các hoạt động tạo nguồn thu.

Nguồn kinh phí thu được, các đơn vị đã tập trung cơ bản cho việc đầu tư xây dựng, cải tạo doanh trại, mua sắm doanh cụ, bổ sung cho một số nội dung chi thuộc ngân sách nghiệp vụ hành chính khi ngân sách quốc phòng chưa đảm bảo đầy đủ và kịp thời; góp phần nâng cao điều kiện làm việc và sinh hoạt cho bộ đội. Nhiều đơn vị ở các quân khu, quân đoàn, quân binh chủng, tổng cục, học viện, nhà trường; nhà cửa, nơi làm việc của cán bộ, chiến sĩ khang trang, phương tiện làm việc, từng bước được cải thiện một phần do được bổ sung kinh phí từ kết quả hoạt động có thu tại đơn vị.

Các đơn vị mở đủ hệ thống sổ sách kế toán để theo dõi hoạt động có thu, quản lý và sử dụng nguồn thu. Chứng từ thu, chi cơ bản hợp lệ, lưu trữ đúng quy định. Thực hiện thu, nộp ngân sách nhà nước, ngân sách quốc phòng cơ bản đúng quy định.

Các đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến cơ sở pháp lý của việc cho thuê, liên doanh, liên kết, khai thác sử dụng mặt bằng, thể hiện qua số tiền thu từ diện tích được Bộ Quốc phòng cho phép chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng số tiền thu được từ việc cho thuê, liên doanh liên kết, khai thác sử dụng mặt bằng.

Một số đơn vị tự quy định chế độ thu nộp đối với các đơn vị cấp dưới thuộc quyền không đúng với qui định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, còn thực hiện khoán thu cho các đơn vị, bộ phận trực thuộc. Cá biệt có đơn vị còn định ra chế độ thu, nộp quá mức quy định đối với các đơn vị thuộc quyền; ví dụ: Quân khu 7 thu của các đơn vị dự toán cao hơn qui định Bộ Quốc phòng từ 5%- 30%, có đơn vị lên đến 50% số chênh lệch thu chi. Quân khu 9 thu của một số đơn vị thuộc quyền là 60% số chênh lệch thu chi. Quân khu 3 quy định chỉ tiêu giao nộp hàng năm cho các đơn vị trực thuộc. Có đơn vị tự định ra chế độ bồi dưỡng không đúng thẩm quyền (*Nguồn Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng*).

Nhiều đơn vị chưa thực hiện đúng Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ Quốc phòng: chưa tính đúng, tính đủ chi phí và hoàn trả ngân sách quốc phòng những khoản chi đã được ngân sách bảo đảm (tiền lương, khấu hao tài sản, tiền điện quốc doanh, nước quốc doanh); phân phối và sử dụng nguồn thu không đúng quy định (tỷ lệ trích nộp cấp trên, bổ sung kinh phí, trích lập quỹ); số được để bổ sung kinh phí còn chi sai nội dung; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước và ngân sách còn chậm.

(iii) Đánh giá việc chấp hành chế độ kế toán, thống kê gắn với mục tiêu quản lý tài chính

* Để tổ chức, quản lý có hiệu quả các quá trình hoạt động kế toán hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội thực hiện nhiệm vụ:

- Tính toán, ghi chép, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ những chi phí thực tế phát sinh cho các hoạt động có thu. Tính toán chính xác giá thành sản phẩm, chi phí thực tế cho kết quả công tác nghiên cứu, thử nghiệm.

- Phản ánh chính xác, kịp thời số thực thu về sản xuất, thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, phát huy cao độ hiệu quả của vốn vay. Phân phối và sử dụng hợp lý đúng chế độ theo kết quả lao động sản xuất.

Hoạt động có thu tại đơn vị dự toán được kế toán phản ánh trên hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo tài chính theo Quyết định của Cục trưởng Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng.[25]

Nhằm cụ thể hoá hơn đối với các loại hình hoạt động có thu, tạo điều kiện để công tác kế toán phản ánh chính xác các chi phí, thu nhập, phân phối thu nhập và bổ

sung kinh phí, Cục trưởng Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong Quân đội. [26]

* Công tác kế toán các hoạt động có thu giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2009 được đánh giá trên các nội dung như sau:

- Tổ chức bộ máy kế toán ở các đơn vị đã từng bước được kiện toàn. Việc sắp xếp, lựa chọn, bố trí người làm công tác kế toán, tổ chức bồi dưỡng, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác kế toán đã được quan tâm đúng mức. Cho đến nay đã có trên 87,4% cán bộ, nhân viên làm công tác kế toán đã có trình độ đại học; một số đơn vị các đồng chí là Trưởng ban kế toán, một số các đồng chí là cán bộ kế toán, tại quân khu, quân đoàn... có trình độ sau đại học. Hầu hết các đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên đã thực hiện công tác kế toán trên máy vi tính. Chính vì vậy, việc khai thác, sử dụng số liệu kế toán đạt hiệu quả cao, đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin về tình hình công tác tài chính đầy đủ, chính xác, kịp thời. Kế toán các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội đã đi vào nền nếp.

- Công tác kế toán hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội đã thường xuyên tham mưu, giúp cho chỉ huy đơn vị có những quyết sách kịp thời, mang hiệu quả kinh tế trong các hoạt động. Những nội dung bổ sung kinh phí theo quy định đã được hạch toán đầy đủ, chính xác; công tác kiểm soát chi từ nguồn ngân sách được cấp và nguồn bổ sung kinh phí từ hoạt động có thu đã được thực hiện tương đối chặt chẽ, đúng quy trình và được coi như nguồn kinh phí được cấp.

- Hệ thống các tài khoản kế toán sử dụng để phản ánh, theo dõi tình hình hoạt động có thu ngày càng khoa học, xác lập được quy trình theo dõi chặt chẽ từ khâu ứng vốn, các chi phí, đến doanh thu, kết quả, kết chuyển doanh thu và chi phí, phân phối lợi nhuận.

- Quy trình hạch toán kế toán cùng với chế độ tài chính đã đáp ứng được những lợi ích căn bản của các bên tham gia hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán quân đội.

- Những số liệu thu được, [Phụ lục 1] phần nào đã phản ánh thực trạng công tác kế toán các hoạt động có thu của từng loại hình hoạt động có thu và của từng đơn vị: tổng số thu tương ứng với số liệu phản ánh trên Tài khoản 531(Thu hoạt động sản xuất kinh doanh), tài khoản 511 (Các khoản thu); tổng số chi tương ứng với số liệu

phản ánh trên tài khoản 631 (Chi hoạt động sản xuất kinh doanh); số chưa phân phối tương ứng với số dư trên tài khoản 421 (Chênh lệch thu, chi chưa xử lý); số tiền bổ sung kinh phí tương ứng với số liệu trên tài khoản 46128 (Kinh phí khác); số tiền đưa vào quỹ vốn đơn vị tương ứng với số liệu phản ánh, hạch toán vào tài khoản 431 (Các quỹ).

- Hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống báo cáo tài chính phản ánh, theo dõi tình hình hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội ngày càng được hoàn thiện và đầy đủ. Công tác kiểm soát chi ngày càng được các đơn vị coi trọng, báo giá, các hợp đồng mua sắm hàng hóa, thanh lý hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính; việc quản lý hiện vật bước hai từng bước được thực hiện đầy đủ và chặt chẽ thông qua những hóa đơn nhập kho, xuất kho vật tư, hàng hóa sử dụng. Các báo cáo tài chính đảm bảo ý nghĩa cung cấp những thông tin cần thiết, đầy đủ và khoa học cho các đối tượng quản lý.

Tuy nhiên, công tác kế toán hoạt động có thu còn một số hạn chế như chưa thực hiện tốt chứng từ kế toán, sử dụng tài khoản kế toán, ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.

Thứ nhất, về thực hiện chế độ chứng từ kế toán: một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ; còn thiếu những thủ tục hành chính như chữ ký, con dấu, ghi chép trên chứng từ còn chưa chuẩn xác với nội dung; tổng hợp nhiều nguồn kinh phí trên cùng một thông tri cấp - thu quyết toán; chứng từ ghi sổ lập cho nhiều nội dung không cùng tính chất, hoặc không đánh số ghi sổ trên chứng từ kế toán, việc lưu trữ chứng từ kế toán còn chưa khoa học, không thuận lợi cho kiểm tra.

Thứ hai, hệ thống sổ kế toán, nhất là sổ kế toán chi tiết chưa mở đầy đủ để theo dõi các hoạt động kinh tế phát sinh; việc mở sổ, theo dõi những nội dung về hoạt động có thu còn chưa khoa học, chưa đầy đủ. Thực hiện kế toán trên máy vi tính chưa thực hiện tốt thủ tục mở sổ, ký kết sổ cuối tháng; còn có đơn vị nhiều tháng chưa in sổ kế toán.

Thứ ba, hệ thống tài khoản kế toán theo dõi các hoạt động có thu tại đơn vị nhiều khi còn nhầm lẫn giữa các hoạt động kinh tế phát sinh; nhiều hoạt động đã được xác định là doanh thu nhưng vẫn hạch toán tạm thu; doanh thu trong hoạt động có thu chưa hạch toán vào tài khoản 531 (Thu hoạt động sản xuất kinh doanh) mà lại

hạch toán vào tài khoản 511(Các khoản thu); nhiều đơn vị không mở tài khoản 421 (Chênh lệch thu, chi chưa xử lý) mà sử dụng và hạch toán luôn vào tài khoản 431 (Các quỹ). Công tác ghi sổ kế toán có đơn vị chưa kịp thời; việc chữa sổ, điều chỉnh ghi sổ sau khi phát hiện sai sót còn chưa đúng quy định; việc đôn đốc thanh quyết toán cuối năm, kết sổ chưa kịp thời, còn nhiều sai sót.

Thứ tư, chế độ báo cáo tài chính có đơn vị thực hiện chưa nghiêm về thời gian, đọc và nghiên cứu báo cáo kế toán còn yếu kém, chưa thấy hết ý nghĩa phục vụ việc nắm tình hình thông quan số liệu báo cáo kế toán; chưa khai thác, sử dụng hết vai trò, ý nghĩa của báo cáo kế toán, chưa gắn kết giữa số liệu kế toán với tình hình đảm bảo cấp phát, thanh quyết toán kinh phí trong năm ngân sách.

* Ở góc độ quản lý vĩ mô công tác kế toán có những hạn chế cơ bản đó là: Quá trình tiếp nhận kinh phí xuất phát từ mối quan hệ chưa được chặt chẽ giữa kế toán và ngân sách, kế toán có nội dung không gắn được với chỉ tiêu ngân sách nên số liệu giữa kế toán và ngân sách có những chênh lệch, từ đó làm hạn chế vai trò giám đốc quá trình cấp phát, chỉ tiêu ngân sách; việc xử lý các khoản tạm ứng, tạm thu còn kéo dài. Kế toán vật tư tài sản ít được chú trọng tại các đơn vị, chưa thực hiện tốt chức năng phản ánh nhập, xuất kho vật tư hàng hoá, tài sản cố định khi sử dụng vào hoạt động làm kinh tế, kế toán chưa được thực hiện đầy đủ trong việc trích khấu hao. Tình trạng mở chưa đầy đủ các tài khoản kế toán để phản ánh tình hình phân phối nguồn thu theo quy định, tính toán và hạch toán chưa chính xác chi phí đối với các hoạt động dịch vụ, làm ảnh hưởng đến tính chính xác số liệu về kết quả hoạt động dịch vụ, hạch toán nhầm lẫn giữa chi phí bằng nguồn ngân sách với chi phí thuộc hoạt động có thu. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống lưu trữ chứng từ kế toán chưa thực sự khoa học, dẫn đến đáp ứng không kịp thời cho công tác theo dõi quản lý và thanh tra kiểm toán.

3.4.2. Đánh giá việc thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

3.4.2.1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, tác giả xin đề cập một số yếu tố chủ yếu liên quan đến

hoạt động có thu gắn với nội dung quản lý. Định hướng của Bộ quốc phòng gắn với yếu tố đặc thù hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, các văn bản pháp quy là những yếu tố có ảnh hưởng và chi phối đến hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính, hệ thống tổ chức nhân sự, tổ chức lực lượng, năng lực và trình độ nghiệp vụ của cán bộ tài chính các cấp gắn với công tác tham mưu và quản lý tài chính hoạt động có thu.

(i) Định hướng của Bộ Quốc phòng gắn với tính đặc thù của hoạt động có thu

Trong thời gian qua và hiện nay, Bộ Quốc phòng thể hiện quan điểm và định hướng đối với loại hình hoạt động có thu, bằng việc ra các văn bản pháp quy, quy định với nội dung chủ đạo là cho phép các đơn vị tận dụng năng lực dồi dào triển khai hoạt động có thu. Những quy định cụ thể và cần thiết đối với hoạt động có thu các đơn vị dự toán quân đội là hoạt động có thu chỉ tận dụng năng lực dồi dào sẵn có trong quân đội đối với từng đơn vị, từng loại hình hoạt động, không mở rộng, không thu hẹp trong thời gian hiện tại và thời gian tiếp theo là chưa mạch lạc. Dẫn đến một số đơn vị vì lợi ích cục bộ, đã tận dụng quá mức năng lực dồi dào và mở rộng hoạt động có thu bằng đầu tư mở rộng hoạt động có thu cả về chiều sâu và loại hình hoạt động.

Mặt khác với tính đặc thù của các đơn vị dự toán, tính đặc thù của hoạt động có thu trong quân đội cũng chi phối không nhỏ đến hướng hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội hiện nay.

Các hoạt động có thu (về cơ bản) gắn với tính chất, nhiệm vụ của đơn vị: hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán thời gian qua chủ yếu là khai thác các tiềm năng sẵn có về lao động, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật... nên các hoạt động này thường gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị. Trên cơ sở đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị đã kết hợp khai thác về lao động phổ thông, lao động kỹ thuật, tận dụng trang thiết bị, phương tiện hay tài sản (trong điều kiện cho phép) tổ chức các loại hình hoạt động có thu thích hợp, nhằm tạo nguồn cân đối tài chính. Mặt khác, do có sự khác nhau về nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, địa bàn đóng quân... nên việc tiến hành các hoạt động có thu tại đơn vị dự toán cũng khác nhau về nội dung, loại hình hoạt động, sự khác nhau đó có thể diễn ra ngay trong phạm vi một đơn vị ở những thời điểm khác nhau. Đặc điểm này đòi hỏi người chỉ huy đơn vị và cơ quan chức năng khi tổ chức hoạt động có thu phải tính toán chính xác, cụ thể, xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng các tiềm năng sẵn có, đặc điểm nhiệm vụ của đơn vị để có quyết định tổ chức

hoạt động có thu thích hợp, vừa bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị, vừa phát huy tính chủ động trong tổ chức các hoạt động có thu, khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có, đồng thời phải nắm vững đặc điểm và yêu cầu quản lý của từng nội dung, loại hình hoạt động để có biện pháp quản lý thích hợp.

Việc phân loại hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội thành một số loại hình như hiện nay đã từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính. Tuy nhiên khảo sát thực tế tại nhiều đơn vị cho thấy, hoạt động có thu rất đa dạng và phong phú; chỉ tính một số khoản thu thanh xử lý, phá hủy vũ khí đạn dược do giảm chất lượng không đáp ứng nhiệm vụ huấn luyện và chiến đấu của quân đội, và việc nhượng bán các khoản vật tư hóa chất do chất lượng hàng hóa bị suy giảm cũng cần phân định nhiều loại thanh xử lý, trong nhượng bán để gắn với các mức thu cho phù hợp trong thanh xử lý và nhượng bán, khai thác hàng tồn kho chất lượng giảm. Khi phân định rõ về loại hình hoạt động có thu tránh được tính chủ quan của người ra quyết định thanh xử lý với các mức thu nộp khác nhau, hạn chế tiêu cực cơ chế xin cho có thể diễn ra. Một số khoản thu dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy của đơn vị có lưu lượng xe ra vào lớn gắn với các hoạt động dịch vụ y tế, hay dịch vụ văn hóa nghệ thuật, thể thao; nếu đơn vị gắn các khoản thu phí trông giữ ô tô, xe máy trên vào các hoạt động dịch vụ y tế, khám chữa bệnh hay hoạt động biểu diễn văn hóa, thể thao. Hoặc là nhiều đơn vị có khoảng trống sân vườn cho thuê làm nơi để chậu cây cảnh hay trồng hoa, trồng cây cảnh thì không thể xếp vào loại tăng gia sản xuất quanh bếp, quanh vườn được, nếu tính vào loại hình hoạt động liên doanh liên kết thì cũng còn nhiều nội dung cần bàn cho thỏa đáng.

Tổng hợp theo phiếu điều tra câu hỏi điều tra số 14 thuộc phiếu điều tra [Phụ lục 3.3] có 92/112 ý kiến bằng 81,14 % phiếu điều tra xác nhận: ngoài loại hình hoạt động có thu đã được trên phân loại còn có các loại hình hoạt động dịch vụ khác; nhiều loại hình được xếp vào loại hình khác của hoạt động có thu cũng rất bất cập đối với việc giám sát và quản lý phân bổ nguồn thu. Câu hỏi mở số 22 thuộc phiếu điều tra, tác giả tổng hợp có 32 % người được điều tra có tham gia trả lời câu hỏi phụ, tác giả tổng hợp có nhiều đề nghị cần bổ sung thêm một số loại hình hoạt động có thu, giúp cho đơn vị thuận lợi cho việc phân bổ kết quả thu được.

Làm tốt việc định hướng và phân loại loại hình hoạt động có thu giúp cho quản lý tài chính được tăng cường, minh bạch và thích ứng với tình hình thực tiễn đặt ra.

(ii) Bộ máy quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Cục Quân lực tham mưu báo cáo Tổng Tham Mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ký quyết định ban hành biểu biên chế tổ chức lực lượng áp dụng cho từng đơn vị. Cán bộ làm công tác tài chính đơn vị thực hiện theo chức trách nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Tài chính Quân đội nhân dân Việt nam.[16] Các đối tượng là cán bộ tài chính tham gia hoạch định chính sách và cán bộ thực thi chính sách là những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

Việc ban hành tổ chức lực lượng những người làm công tác tài chính trong toàn quân là chưa tính đến nhân lực cho đội ngũ làm tài chính khi đơn vị tổ chức triển khai làm kinh tế, ngoại trừ một số trường nghề trong quân đội, chức trách nhiệm vụ của cán bộ tài chính được quy định tương đối rõ về nhiệm vụ trong việc thực hiện quản lý tài chính hoạt động làm kinh tế của các trường nghề. Đối với các đơn vị dự toán khi đơn vị tiến hành triển khai làm kinh tế thì đội ngũ làm công tác tài chính thường là kiêm nhiệm. Một số đơn vị cán bộ làm quản lý tài chính hoạt động có thu được thủ trưởng đơn vị bổ sung ngoài biên chế được duyệt nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý các hoạt động tài chính đơn vị.

Để đánh giá khách quan hệ thống tổ chức nhân sự, bộ máy quản lý tài chính hoạt động có thu, tác giả điều tra bằng tổ hợp 3 câu hỏi trong phiếu điều tra [Phụ lục 3.4], tổng hợp kết quả điều tra phân tích [Phụ lục 3.3] cho thấy:

Sử dụng phần mềm SPSS để tính toán các giá trị trung bình, dùng phương pháp thống kê mô tả để xử lý số liệu điều tra. Các câu hỏi tương ứng với các X của bảng Descriptive Statistics, tổng hợp kết quả điều tra phân tích cho thấy: [phụ lục 7]

Đi sâu phân tích kết quả phiếu điều tra đối tượng là cán bộ tham gia thực thi chính sách (các trường phòng, ban, kế toán, tài chính đơn vị dự toán quân đội), tương ứng với các câu hỏi điều tra kết quả cho thấy:

Câu 5: X_5 ; Tổ chức, biên chế của Phòng (Ban) tài chính hiện nay phù hợp và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. X_5 nhận 113 giá trị (113 quan sát) tương ứng với 113 phiếu điều tra cho thấy \bar{X}_5 : Giá trị trung bình của X_5 , thể hiện % số ý

kiến cho rằng tổ chức và biên chế phòng (ban) tài chính hiện nay là phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của đơn vị. $\overline{X_5}$ lớn là tốt. $\text{Var}(X_5)$: Phương sai của X_5 , thể hiện sự phân tán (sự khác nhau) trong các ý kiến về mức độ phù hợp của tổ chức và biên chế phòng (ban) tài chính hiện nay tại các đơn vị.

(iii) Năng lực cán bộ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Những năm qua, việc quy hoạch và đánh giá đội ngũ cán bộ làm tài chính trong toàn quân có chuyển biến tích cực song chưa toàn diện, kế hoạch tạo nguồn lực xây dựng đội ngũ làm tài chính cho tương lai chưa rõ ràng, chính vì vậy đội ngũ cán bộ tham gia hoạch định chính sách có nguy cơ thiếu hụt lực lượng trong thời gian tới (sau 2 đến 3 năm) cán bộ làm tài chính một số đơn vị còn dư thừa lực lượng (chủ yếu là nhân viên tài chính chưa được đào tạo cơ bản), nhiều đơn vị cấp trung đoàn, cấp sư đoàn và tương đương thiếu lực lượng nhất là đội ngũ lãnh đạo công tác tài chính có trình độ và năng lực chỉ huy điều hành về tài chính; điều đó ảnh hưởng ít nhiều đến quản lý nhà nước về tài chính trong đó có quản lý tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Để đánh giá thực trạng cán bộ quản lý tài chính, ngoài phân tích các số liệu về tình hình cán bộ, tác giả cũng thực hiện điều tra để có những đánh giá đầy đủ hơn về thực trạng cán bộ quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán:

Câu 6: X_6 , nhu cầu bổ sung cán bộ quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị. X_6 nhận 112 giá trị (112 quan sát) tương ứng với 112 phiếu điều tra, $\overline{X_6}$: Giá trị trung bình của X_6 , thể hiện % số ý kiến cho rằng cần bổ sung cán bộ tham gia quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị. $\overline{X_6}$ nhỏ là tốt. $\text{Var}(X_6)$: Phương sai của X_6 , thể hiện sự phân tán (sự khác nhau) trong các ý kiến về nhu cầu bổ sung cán bộ tham gia quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị.

Câu 7: X_7 , Cán bộ quản lý tài chính đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính hiện nay ở đơn vị có triển khai hoạt động có thu. X_7 nhận 113 giá trị (113 quan sát) tương ứng với 113 phiếu điều tra, $\overline{X_7}$: Giá trị trung bình của X_7 , thể hiện % số ý kiến cho rằng cán bộ quản lý tài chính hiện nay đã đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính ở đơn vị có triển khai hoạt động có thu $\overline{X_7}$ lớn là tốt. $\text{Var}(X_7)$: Phương sai của X_7 , thể

hiện sự phân tán (sự khác nhau) trong các ý kiến về cán bộ quản lý tài chính đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính hiện nay ở đơn vị có triển khai hoạt động có thu.

Tương tự ta có kết quả phân tích phiếu điều tra đối tượng là cán bộ tham gia hoạch định chính sách ứng với (X5; X6; X7) với giá trị là 112; 108; 105 quan sát.

Từ việc phân tích trên ta có nhận xét: tổ chức biên chế của phòng (ban) tài chính hiện nay cơ bản phù hợp và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, tuy vậy việc rà soát lại tổ chức biên chế các phòng, ban Tài chính trong các đơn vị dự toán là cần thiết, trên cơ sở đó tổng hợp báo cáo với cấp trên ra quyết định hoàn thiện tổ chức biên chế. Đối với bổ sung cán bộ tham gia quản lý tài chính hoạt động có thu; nó xuất phát từ thực tế đơn vị cơ sở đặt ra. Việc hoàn thiện biên chế tổ chức, từng bước áp dụng nội dung quản lý tài chính cho phù hợp với một số đơn vị sẽ tạo điều kiện hoàn thiện về nhân sự liên quan đến cán bộ quản lý tài chính. Chú trọng quy hoạch, xây dựng nguồn lực cán bộ quản lý tài chính là cần thiết, đây là điều kiện tốt cho quá trình triển khai điều hành, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về tài chính toàn quân.

3.4.2.2. Ưu điểm và nguyên nhân

Trước khi chưa có Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội, các đơn vị cũng đã tiến hành tận dụng năng lực dồi dào, những lợi thế về cơ sở vật chất kỹ thuật, về chuyên môn, mặt bằng bến bãi... tiến hành sản xuất và dịch vụ. Tuy mức độ và phạm vi không rộng, song nhiều đơn vị tiến hành xin chủ trương của cấp trên, nhiều đơn vị tiến hành làm kinh tế chui, trái với Điều lệnh Quản lý Bộ đội, việc làm kinh tế được coi là đúng, sai được đưa ra bàn luận và đề cập ở nhiều cấp nhiều ngành, nhiều đơn vị. Khi có chủ trương của Đảng ủy Quân sự Trung ương, của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và việc Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng, tham mưu, đề xuất, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội” đã mở ra một hành lang pháp lý, một quy chế để thực hiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong quân đội, góp phần ổn định từng bước về mặt tư tưởng, tổ chức, trật tự kỷ cương, trật tự trong quản lý tài chính và tổ chức các hoạt động có thu trong toàn quân.

Khi đã thành chủ trương, có các cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động có thu, các đơn vị đã tích cực triển khai các hoạt động có thu, nhiều đơn vị triển khai thành nghị quyết, nhiệm vụ không ngừng tăng trưởng, đem lại hiệu quả kinh tế đáng kể, góp phần từng bước cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ, chiến sĩ, bổ sung kinh phí chi tiêu cho các nhiệm vụ đơn vị.

Qua quá trình triển khai hoạt động có thu, đội ngũ cán bộ chiến sĩ được nâng cao về mặt chuyên môn, tay nghề năng lực trong tổ chức quản lý các hoạt động dịch vụ, các hoạt động làm kinh tế, đây cũng là quá trình tự đào tạo và đào tạo lại đội ngũ làm công tác chuyên môn kỹ thuật, góp phần ổn định tổ chức, ổn định đội ngũ cán bộ, gắn kết các bộ phận công tác, đoàn kết nội bộ.

Tính chuyên môn hóa trong tổ chức các hoạt động có thu ngày càng được nâng cao, tiềm năng thế mạnh các đơn vị từng bước được phát huy, sự phối kết hợp được gắn kết, việc liên doanh, liên kết không ngừng được hợp tác.

Hệ thống quản lý nhà nước về tài chính các hoạt động có thu được hình thành, quá trình quản lý được người chỉ huy từng bước quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội, sự buông lỏng công tác quản lý tài chính dần được khắc phục.

Tham gia lao động sản xuất và làm kinh tế kết hợp với quốc phòng là một nhiệm vụ của quân đội. Quân đội tham gia vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế ngày càng có hiệu quả, phục vụ tốt sự nghiệp quốc phòng, nâng cao sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, từng bước bố trí lực lượng và tạo thế chủ động trên các địa bàn chiến lược, đồng thời cải thiện và nâng cao đời sống bộ đội. Ngoài ra còn giữ vững và phát triển năng lực sản xuất, góp phần cân đối ngân sách hàng năm cho quốc phòng, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ giáo dục - huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và chính sách hậu phương quân đội.

Hiện nay trong thời bình, nhiệm vụ chủ yếu của quân đội là sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, nhưng lao động sản xuất, tham gia xây dựng kinh tế cũng là một nhiệm vụ quan trọng. Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là sự tiếp nối truyền thống của cha ông ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Hơn 65 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân đội ta đã làm tròn nhiệm vụ của một đội quân công tác, đội quân chiến đấu luôn tích cực tham gia lao động tăng gia sản xuất. Hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ trong ký ức mỗi người dân Việt Nam không chỉ là người chiến sĩ

ngoan cường, dũng cảm chiến đấu ngoài mặt trận, mà còn là một cán bộ tuyên truyền, người thầy thuốc, thầy giáo, người lao động sản xuất, tham gia vận động quần chúng, diệt giặc dốt, diệt giặc đói. Chính vì vậy, dù trong chiến tranh hay thời bình, bên cạnh việc thực hiện tốt nhiệm vụ chiến đấu, quân đội đã luôn luôn phát huy tốt vai trò của mình trong lao động sản xuất, tham gia xây dựng kinh tế.

Những ưu điểm góc nhìn từ quản lý nguồn thu: Việc xác định nguồn thu từ các hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội có ý nghĩa rất quan trọng, giúp cho sự quyết định, định hướng triển khai hoạt động có thu, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và thế mạnh của đơn vị, nhằm giữ vững ổn định nguồn thu và không ngừng được tăng trưởng bền vững. Nhìn hiện tượng bên ngoài, hoạt động có thu được biểu hiện như là sự hình thành nên một quỹ tiền tệ nhất định; thông qua hình thức phân phối theo lao động, trong đó các lợi ích được đảm bảo: lợi ích của cá nhân người trực tiếp tham gia lao động sản xuất làm kinh tế, lợi ích của đơn vị dự toán quân đội và lợi ích xã hội; đã hình thành nên những quỹ tiền tệ, quỹ tiền tệ phục vụ tiêu dùng cho cá nhân người lao động, quỹ cho đơn vị để bổ sung kinh phí, chi tiêu cho đơn vị tham gia hoạt động có thu; và quỹ về sản phẩm tiêu dùng cho xã hội thông qua hoạt động sản xuất làm kinh tế của các đơn vị dự toán quân đội. Về mặt xã hội, hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội đã góp một phần cung ứng sản phẩm cho xã hội, góp phần tham gia phân phối quỹ tiền tệ, góp phần bình ổn giá trên thị trường. Quá trình phân phối và sử dụng thông qua các chế tài và quy định của Nhà nước. Những người quản lý tham gia quá trình phân phối và sử dụng theo đúng nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính và theo đúng các quy định của pháp luật. Ẩn chứa đằng sau những biểu hiện bên ngoài là quan hệ xã hội, quan hệ con người với con người, con người với tổ chức thông qua hoạt động sản xuất, hoạt động có thu.

Sau hơn hai năm thực hiện quản lý tài chính các hoạt động có thu theo Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thông qua thực hiện thẩm định số liệu quyết toán; báo cáo quyết toán của một số đơn vị, những kết quả đạt được trong việc hoạch định chính sách đó là bổ sung sửa đổi văn bản quy định về quản lý tài chính hoạt động có thu, là rất khả quan, [Phụ lục 1.4; Phụ lục 1.5] công tác quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội có những chuyển biến tích cực:

Hầu hết các đơn vị đã tận dụng khả năng, tiềm năng, công suất của đơn vị để tham gia các hoạt động sản xuất làm kinh tế nhằm tạo nguồn thu cho đơn vị. Các đơn vị phản ánh đầy đủ, chi tiết các hoạt động có thu trên hệ thống sổ kế toán của đơn vị; thực hiện lập báo cáo quyết toán quý, năm, báo cáo Thủ trưởng đơn vị và cơ quan tài chính cấp trên đầy đủ; số liệu trên các báo cáo trung thực với sổ kế toán; thực hiện phân phối đúng theo quy định về chế độ thu nộp, trích quỹ và bổ sung kinh phí. Có đơn vị đã thực hiện chế độ quyết toán nguồn thu được để lại theo quý (Bệnh viện Trung ương Quân đội 108). Các đơn vị đã lập báo cáo tình hình và kết quả hoạt động có thu, báo cáo quyết toán số thu được để lại chi theo chế độ và đề nghị cấp trên xác nhận quyết toán vào dịp quyết toán ngân sách năm theo quy định về quyết toán ngân sách năm của Cục Tài chính.

Có thể khái quát những ưu điểm hoạt động có thu của các đơn vị dự toán trong thời gian qua đã đem lại ý nghĩa thiết thực: thông qua tận dụng thời gian, năng lực dôi dư của đơn vị dự toán quân đội tham gia vào hoạt động có thu đã quản lý được bộ đội, rèn luyện nghề nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn làm kinh tế cho bộ đội. Về ý nghĩa kinh tế: các đơn vị dự toán quân đội tham gia hoạt động có thu thông qua nhiều hình thức như tăng gia sản xuất quanh bếp quanh vườn, tăng gia sản xuất tập trung, tận dụng năng lực dôi dư về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tay nghề, cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, cơ sở khám, chữa bệnh đã tạo nên một khối lượng sản phẩm cho xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống bộ đội, rèn luyện kỹ năng, nâng cao tay nghề, v.v... từ đó, nhằm phục vụ tốt hơn cho nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.

3.5.2.3. Hạn chế và nguyên nhân

(i) Góc độ quản lý vĩ mô

Việc không lường trước hết đến tính chất đa dạng, phức tạp về các loại hình sản xuất dịch vụ của các hoạt động có thu, sự tổ chức thực hiện thái quá của một số đơn vị, sự nhạy cảm về các vấn đề triển khai hoạt động có thu, nên hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội còn có một số hạn chế cơ bản. Hệ thống các văn bản pháp lý quy định các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội còn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ cho các loại hình, chưa đáp ứng giải quyết các yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính, bộc lộ qua thực tế triển khai trong thời gian vừa qua đó là:

Một là: Các chế tài pháp lý cho hệ thống tổ chức quản lý chưa đủ mạnh, hệ thống quản lý tài chính ở các cấp cả về mặt tổ chức và con người chưa đáp ứng trong việc quản lý tài chính các hoạt động có thu, đặc biệt trong việc quản lý đầu vào của quá trình đó là: chưa tính đúng, tính đủ chi phí nhân công, công sức bộ đội, khấu hao máy móc thiết bị, nhà xưởng, chi phí vật tư, điện năng, nhiên liệu, các khoản thuế phải thu nộp... dẫn đến lãi giả, lỗ thật hoặc tạo lợi nhuận quá mức từ các hoạt động sản xuất, dịch vụ đó ở một số đơn vị, phần lợi thuộc về các bộ phận triển khai hoạt động có thu, phần thiệt thuộc về đơn vị và ngân sách quốc phòng phải gánh vác.

Hai là: Tư tưởng cục bộ, trọng việc triển khai làm kinh tế, xem nhẹ nhiệm vụ quốc phòng xuất hiện ở một số ít đơn vị, việc khai thác quá mức năng lực dôi dư không đúng với quy định tổ chức triển khai các hoạt động có thu. Tư tưởng chăm lo quá mức cho bộ phận làm kinh tế, đặt lợi ích kinh tế của đơn vị mình lên trên lợi ích quốc phòng và trên lợi ích toàn quân đã xuất hiện ở một bộ phận cán bộ. Một số cán bộ ở đơn vị có điều kiện triển khai hoạt động có thu muốn mình được xác định là lực lượng dôi dư để được tham gia vào bộ phận hoạt động có thu, trong khi các chế độ đãi ngộ của quốc phòng thì vẫn được hưởng.

Ba là: Việc xác định các nội dung công việc giữa nhiệm vụ quốc phòng và hoạt động dịch vụ, sản xuất hoạt động có thu chưa rạch ròi, nhiều công việc, kế hoạch sản lượng quốc phòng giao cho đơn vị quân đội này là nhiệm vụ quốc phòng được chi bằng ngân sách quốc phòng (chủ yếu một phần của ngân sách bảo đảm thuộc ngân sách quốc phòng), đơn vị tiến hành ký hợp đồng triển khai nhiệm vụ dưới hình thức như: hợp đồng kinh tế, hợp đồng sản xuất, hợp đồng cung ứng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ... với đơn vị quân đội, và đơn vị đó coi đây là các hoạt động làm kinh tế, hoạt động có thu. Loại hình có thu này chiếm một tỷ trọng đáng kể trong toàn quân, xét về mặt quản lý vĩ mô về công tác quản lý ngân sách quốc phòng là chưa đáp ứng trong việc thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Bốn là: Nguồn thu được từ hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán quân đội, sau khi trừ phần chi phí, số dư ra chưa có sự điều tiết tích cực đối với các đơn vị trong toàn quân. Nhiều đơn vị có lợi thế về chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhà xưởng, bến bãi... được hình thành và phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước, ngân sách quốc phòng, có nguồn thu chênh lệch hoạt động có thu khá lớn, nhưng cơ chế

trích nộp đối với Bộ Quốc phòng chưa lường hết tính chất đa dạng và phức tạp của hoạt động có thu nhằm hoạch định các chế độ thu nộp được toàn diện. Việc giải quyết mối quan hệ giữa trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi ở các đơn vị này chưa thỏa đáng trong nguyên tắc phân phối các nguồn thu. Phần nguồn thu được bổ sung vào kinh phí chưa được quản lý theo Luật Ngân sách nhà nước, hạch toán kế toán còn chưa đầy đủ. Chính vì vậy trong quá trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước năm 2005 với một số đơn vị dự toán quân đội, các nguồn thu từ hoạt động có thu được trích lại bổ sung kinh phí đến vài chục tỷ đồng, được xem là quỹ đen (*kết luận Kiểm toán Nhà nước năm 2005 tại một số đơn vị dự toán quân đội được kiểm toán*) phần nào ảnh hưởng đến uy tín về công tác quản lý kinh tế, quản lý tài chính trong lực lượng vũ trang. Tài sản, phương tiện hình thành từ hoạt động có thu nhất là ô tô, máy móc thiết bị y tế, máy móc nghiên cứu... đang bị buông lỏng quản lý ở cấp vĩ mô, việc khai thác sử dụng chưa đúng với quy định của quân đội.

Nhận xét: Nhận thức của công tác thanh tra, kiểm toán đối với công tác quản lý tài chính các hoạt động có thu còn chưa được đầy đủ và có phần xem nhẹ, cả đối tượng và cơ quan đơn vị, bộ phận được kiểm tra, kiểm toán. Nhiều nội dung chi phí thuộc nội dung chi ngân sách nếu được kiểm tra, kiểm toán được coi là sai, là không phù hợp, khi cũng các chi phí đó tập hợp chi phí trong các hoạt động có thu khi được kiểm tra, kiểm toán, thì được chấp nhận, và được bỏ qua.

(ii) Góc độ chỉ đạo triển khai hoạt động có thu

Qua trình tổ chức thực hiện và triển khai hoạt động có thu còn bộc lộ những hạn chế: các đơn vị triển khai làm kinh tế, việc hạch toán chi phí chưa đúng theo chế độ, chưa thống nhất; từ hạch toán chi phí sai dẫn đến số chênh lệch sai và số phân phối theo chế độ chưa đúng (hạch toán chi phí cao lên để số thu nộp thấp, số bổ sung kinh phí thấp); hạch toán kế toán chưa đúng vào các tài khoản theo chế độ kế toán, nhầm lẫn giữa TK 511 (Các khoản thu) với TK 531 (Thu hoạt động sản xuất kinh doanh); giữa TK 511 với TK 331 (Các khoản phải trả), v.v... Số liệu phản ánh vào các biểu 02/N, 09/N, 20/N [Phụ lục 5.1; Phụ lục 5.2; Phụ lục 5.3] chưa phù hợp, nhiều đơn vị sử dụng số liệu thống kê để lập báo cáo quyết toán. Hầu hết các đơn vị chưa thực hiện nghiêm quy định về lập dự toán, quyết toán số thu được để lại chi theo chế độ. Có nhiều đơn vị chưa tính đúng, tính đủ chi phí và chưa hoàn trả ngân

sách quốc phòng những khoản đã chi từ ngân sách quốc phòng (tiền lương, khấu hao tài sản cố định, chi phí tiêu hao điện, nước, nhiên liệu, v,v...). Một số đơn vị vi phạm chế độ quản lý tài chính, để nguồn thu ngoài sổ kế toán, không công khai trong sử dụng nguồn thu. Tình trạng chi sai nội dung, chi tiêu không có hoá đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ vẫn còn phổ biến. Có những đơn vị tự đặt ra chế độ thu, chế độ bồi dưỡng, phân phối không đúng thẩm quyền; có đơn vị giao khoán có tính chất khoán trắng cho cấp dưới phải nộp lên cấp trên. Một số đơn vị chưa chấp hành nghiêm quy định của Nhà nước về chính sách thuế, không đăng ký nộp thuế với địa phương, không thực hiện mua, phát hành hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính; Quy định hiện hành không quy định việc điều tiết kết quả thu cho ngân sách quốc phòng. Trong thực tế, nội dung và mức thu của các đơn vị rất khác nhau. Có những hoạt động thu là do lợi thế hoạt động đặc thù của đơn vị.

(iii) *Nguyên nhân của những nhược điểm*: Một số quy định quản lý về tài chính hoạt động có thu còn một số điểm chưa phù hợp, nhưng chủ yếu là do yếu tố chủ quan của đơn vị, có những đơn vị có tình hạch toán chi phí sai để giảm chênh lệch phần phải thu nộp, tăng cho hoạt động dịch vụ khác để phân phối về đơn vị được cao hơn; có đơn vị chưa hiểu đúng về tài khoản phản ánh, về biểu phản ánh nên bị nhầm. Công tác phổ biến chế độ quản lý tài chính còn có lúc chưa được chú trọng, còn có cán bộ tham gia chỉ đạo hướng dẫn, quản lý tài chính còn chưa hiểu sâu và nắm được đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ quản lý về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán.

Việc hạch toán các khoản thu, nộp không thống nhất: có đơn vị hạch toán khoản nộp cấp trên vào lợi nhuận sau thuế, có đơn vị hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chứng từ chi tiêu, sử dụng các nguồn thu ở nhiều đơn vị chưa hợp pháp, hợp lệ (thiếu hóa đơn theo quy định của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính, ngày tháng ghi không phù hợp, chứng từ là hóa đơn bán lẻ, bảng kê, kế hoạch chi tiêu được thủ trưởng phê duyệt, ký hợp đồng với các đối tác này nhưng chứng từ lại là đối tác khác...); một số đơn vị có khoản chi lớn nhưng không có dự toán, hoặc dự toán chưa được cấp trên duyệt vẫn thực hiện.

Phân phối nguồn thu ở một số đơn vị chưa hợp lý, không công bằng, chưa có ý thức trách nhiệm đóng góp với Bộ Quốc phòng, với cơ quan chủ quản trực tiếp và cơ quan cấp trên; còn một số ít đơn vị che dấu nguồn thu tạo lập quỹ trái phép.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội dựa trên tổng quan hoạt động có thu trong quân đội; kết quả hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội; khảo sát bằng hình thức phỏng vấn và phiếu điều tra gắn với nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Phân tích nội dung, thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; đánh giá thực trạng quản lý nhà nước, kết quả trong việc thực hiện mục tiêu, ưu điểm, hạn chế là nhiệm vụ chính tác giả thực hiện tại chương 3 của luận án.

Để có số liệu liên quan đến kết quả hoạt động có thu, tại chương 3 tác giả thống kê tổng hợp được số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu đơn vị dự toán quân đội; tổng hợp số liệu hoạt động của 4 đơn vị từ báo cáo hoạt động có thu trong 5 năm.

Với cách tiếp cận từ việc thống kê số liệu, điều tra phỏng vấn phân tích số liệu toàn quân và một số đơn vị, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy và biểu đồ, đã đánh giá khách quan và khái quát tổng quan hoạt động có thu toàn quân và một số đơn vị. Mô tả được xu hướng của một số chỉ tiêu kinh tế tài chính mà nhà hoạch định chính sách và đơn vị tổ chức thực hiện đều quan tâm.

Hình thành và áp dụng mô hình xác định đối tượng và nội dung khảo sát quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, trên cơ sở xác định các đối tượng liên quan đến quản lý hoạt động có thu; xây dựng các câu hỏi điều tra và câu hỏi phỏng vấn theo nhóm các câu hỏi hướng tới các nội dung và mục đích tìm hiểu thông tin phục vụ nghiên cứu, dùng phương pháp phân tích để xác định thực trạng quản lý tài chính ở các cấp trong hệ thống quản lý tài chính quân đội.

Thông qua khảo sát, thu thập số liệu điều tra, phỏng vấn để làm rõ thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Để có các thông tin phục vụ đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, quá trình khảo sát điều tra và phỏng vấn 3 nhóm đối tượng liên quan đến hoạt động có thu và hoạch định chính sách quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu bao gồm: nhóm đối tượng tham gia hoạch định chính sách;

nhóm đối tượng tham gia thực thi chính sách, nhóm đối tượng trực tiếp tham gia hoạt động có thu. Qua phân nhóm các câu hỏi phục vụ các tiêu thức cần nghiên cứu điều tra đã cho thấy các xu hướng, quan điểm với các mức độ khác nhau phục vụ đánh giá, hướng giải pháp và đề xuất hoạch định chính sách của cấp có thẩm quyền.

Việc phân tích quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội dựa trên kết quả khảo sát thực trạng, từ số liệu tác giả tổng hợp và xử lý, từ kết quả phiếu điều tra, phiếu phỏng vấn, qua phân tích góc độ quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, đồng thời khảo sát thực tế ở nhiều đơn vị, để đánh giá những nội dung gắn với quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu.

Thông qua đánh giá các kế hoạch tài chính, hệ thống mẫu biểu đang sử dụng, các văn bản quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội được ban hành, hệ thống công cụ quản lý tài chính hoạt động có thu; cho thấy hệ thống mẫu biểu này, hệ thống công cụ đã từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính, giúp cho cơ quan các cấp sử dụng phục vụ công tác điều hành, để giám sát và quản lý. Tuy vậy tác giả đã chỉ ra một nội dung của hệ thống còn có điểm bất cập dẫn đến nhà quản lý chưa phát huy hết chức năng của hệ thống công cụ.

Với việc đánh giá thực trạng quá trình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu với các nguyên tắc phân bổ kết quả hoạt động thông qua các loại hình hoạt động, nhiệm vụ của chương 3 đã chỉ được sự đổi mới và không ngừng hoàn thiện của Bộ Quốc phòng trong lĩnh vực quản lý tài chính hoạt động có thu. Thông qua các số liệu tổng hợp và xử lý của tác giả đã phản ánh được sự đóng góp của hoạt động có thu đối với nhiều lĩnh vực cho quốc phòng nhất là nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho bộ đội, hỗ trợ nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách nhà nước chưa đáp ứng kịp thời.

Việc phân tích và đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu thông qua việc quản lý điều hành của cơ quan cấp trên với việc tổ chức triển khai thực hiện của đơn vị dự toán, đây là cơ sở quan trọng và vững chắc cho việc đề xuất các giải pháp đối với các nội dung và mục tiêu nghiên cứu đề tài đặt ra.

Chương 3 của có những điểm mới: (i) Trên cơ sở đánh giá nguyên tắc phân bổ nguồn thu, quản lý nguồn thu, luận án nêu được bản chất của khoản chênh lệch thu -

chi được BQP quy định bổ sung kinh phí và khẳng định việc chưa tính đúng, tính đủ các khoản trong chi phí của hoạt động có thu. Theo Bộ Quốc phòng quy định, bổ sung kinh phí chi tiêu cho nhiệm vụ quốc phòng chưa hẳn là toàn bộ phần thu nhập thuần từ hoạt động có thu được bổ sung cho nhiệm vụ của quốc phòng. (ii) Luận án phân tích quá trình phân bổ ngân sách bảo đảm hiện nay được BQP giao phân cấp theo nhu cầu và nhiệm vụ, và chỉ ra nguồn thu trong hoạt động có thu từ nguồn ngân sách quốc phòng là nội dung cần hoàn thiện trong quản lý phân bổ ngân sách quốc phòng hiện nay.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI GIAI ĐOẠN (2011 - 2020)

Thời gian qua, nhất là những năm gần đây (năm 2009, năm 2010) toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự nghiệp đổi mới của đất nước đã đem lại những thành tựu quan trọng đó là: nền kinh tế tiếp tục phát triển duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chính trị xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững và đảm bảo, quan hệ đối ngoại được mở rộng, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện... Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, còn không ít những hạn chế, yếu kém mà Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã chỉ ra: Chất lượng tăng trưởng, năng suất hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chậm được cải thiện và cân đối vĩ mô chưa được vững chắc, tăng trưởng kinh tế chậm lại, nguy cơ tụt hậu xa hơn các nước trong khu vực chậm được khắc phục... Huy động và sử dụng các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực, cho phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, hiệu quả thấp (Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín, Khoá X về kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng (từ năm 2006 đến năm 2008).

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang suy thoái do khủng hoảng tài chính, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, thiên tai, dịch bệnh, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn ra ở nhiều nơi, nhiều cấp, một bộ phận cán bộ suy thoái về tư tưởng, đạo đức, chính trị, lối sống; trước tình hình đó, trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng nửa đầu nhiệm kỳ (2006-2008) Đảng ta đã xác định mục tiêu đến hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng là: chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Tiếp tục phấn đấu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh

cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... (Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín, Khoá X về kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng (năm 2006 đến năm 2008).

Để đạt được mục tiêu trên Đảng ta đề ra các giải pháp lớn đó là: đổi mới chính sách tài chính để tăng thêm vốn đầu tư của nhà nước, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội để phát triển... Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. (Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ chín, Khoá X về kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng (2006-2008).

Những thành công trong hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã tạo ra tiền đề chính trị và xã hội, vật chất tinh thần, cũng như tích lũy thêm được kinh nghiệm quản lý điều hành vĩ mô và vi mô. Tiến trình đổi mới kinh tế đang đi dần vào quỹ đạo, nền kinh tế ổn định phát triển. Tất cả những điều đó đang tạo thêm niềm tin để Đảng ta tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa đường lối đổi mới kinh tế với nhiệm vụ chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam quyết nghị: “Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI).[44]

Hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là một bộ phận của hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính trong Quân đội Nhân dân Việt Nam cũng là yêu cầu khách quan của nền kinh tế quốc dân trong đổi mới và cải cách hiện nay, có liên quan mật thiết với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cũng là yêu cầu bắt buộc với các nước khi tham gia vào các tổ chức kinh tế tài chính quốc tế. Hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội vừa đáp ứng yêu cầu hoàn thiện các thể chế về quản lý tài chính trong quân đội và yêu cầu của nền kinh tế quốc dân, tạo và tăng nguồn thu cho quân đội, góp phần cân đối tích cực trong phân bổ ngân sách, hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng tài chính trong làm kinh tế và quản lý nguồn thu. [49]

Với tinh thần đó, định hướng trong lĩnh vực tài chính quân đội thời gian tới đó là: Nâng cao khả năng khai thác, đa dạng hoá các nguồn lực để đảm bảo cho các nhiệm vụ, gắn kết giữa khả năng cân đối nguồn lực với khả năng thực hiện. Cùng với ngân sách đảm bảo của nhà nước, cần tích cực khai thác các nguồn thu, huy động đến mức cao nhất nguồn vật tư, hàng hoá tồn kho phục vụ cân đối... Tăng cường nghiên cứu vận dụng, thực hiện tốt cơ chế xã hội hoá, chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ của các cơ sở dạy nghề, xưởng in, các đơn vị đảm bảo kỹ thuật có tính lưỡng dụng vừa hoạt động cho nền kinh tế vừa phục vụ quốc phòng (cơ khí, sửa chữa xe ô tô, tàu thủy, hoá chất...); tận dụng năng lực dôi dư của các bệnh viện, nhà trường, viện nghiên cứu, các đoàn nghệ thuật, đoàn thể thao, đoàn an điều dưỡng quốc phòng, các bảo tàng, nhà văn hoá để huy động thêm nguồn lực từ hoạt động kinh tế. Cùng với tăng khả năng cân đối ngân sách cần chú ý đúng mức đến yêu cầu, để các yêu cầu đưa vào cân đối là có cơ sở thực tiễn, khoa học, có cân nhắc và tính đến khả năng. Như vậy việc cân đối mới thực sự nghiêm túc và phù hợp giữa khả năng và yêu cầu [78]. Thông qua chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, Quân đội, các kế hoạch và chương trình đặt ra cho công tác tài chính những nhiệm vụ hết sức nặng nề, do vậy việc hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính tại đơn vị dự toán quân là một yêu cầu tất yếu đặt ra cho các cấp và toàn hệ thống.

4.1. Định hướng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

4.1.1. Những quan điểm chỉ đạo quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

(i) Hoạt động có thu không làm giảm khả năng chiến đấu của các đơn vị dự toán quân đội

Hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội thực chất là hoạt động làm kinh tế và một số hoạt động có tính chất như là làm kinh tế (nhượng bán vật tư, thanh lý trang bị, thanh lý vật liệu thu hồi...). Thông qua khảo sát thực tế trong và ngoài quân đội, ý kiến của một số các chuyên gia về kinh tế, xã hội, tác giả nhận được những thông tin liên quan đến câu hỏi: Quân đội hiện nay có nên làm kinh tế hay không?

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, thông qua trình bày thực trạng và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội ở chương 3 của luận án, ở góc độ đánh giá kết quả kinh tế thu được từ hoạt động có thu đối với các đơn vị qua 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009), nguồn thu từ hoạt

động có thu và số chênh lệch từ kết quả hoạt động có thu đã góp phần tăng nguồn chi cho đơn vị, tạo thêm nguồn ngân sách phục vụ chi cho nhiệm vụ quốc phòng, từ nguồn thu đó đã đóng góp và có ý nghĩa rất lớn về kinh tế, chính trị, xã hội... trước hết là đối với Quân đội sau đó cũng rất có ý nghĩa với Nhà nước và xã hội.

Qua phân tích đánh giá thực trạng hoạt động có thu tại đơn vị dự toán, phần nào phản ánh hiệu quả của hoạt động có thu đem lại và những điểm còn bất cập đối với việc đơn vị dự toán quân đội tham gia làm kinh tế. Hiệu quả mang lại từ hoạt động có thu là rất lớn, có ý nghĩa về mặt kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ chiến sĩ quân đội, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề..., tăng sức chiến đấu cho bộ đội. Những điểm còn bất cập đó là nội dung quản lý còn có điểm chưa thật phù hợp, công tác quản lý, phân cấp, phân bổ chi phí trong hoạt động có thu còn có điểm chưa hợp lý... Những điểm hạn chế này; với tinh thần đổi mới trong quân đội, với xu thế hội nhập sâu rộng cùng với nền kinh tế của đất nước, sẽ sớm được khắc phục. Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị dự toán quân đội không phải là làm kinh tế, do vậy khi tổ chức hoạt động có thu, khó tránh khỏi những điểm bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện. Tuy nhiên qua phân tích đánh giá, ta đi đến nhận định: đơn vị dự toán có tổ chức hoạt động có thu không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị và sức chiến đấu của bộ đội.

Ở góc độ điều tra các đối tượng tham gia hoạch định chính sách và các đối tượng tham gia thực thi chính sách liên quan tới quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội tại câu hỏi số 18 của phiếu điều tra [Phụ lục 3.4]; tác giả đề cập nội dung: Đơn vị triển khai hoạt động có thu ít nhiều có ảnh hưởng (làm giảm đi) đến nhiệm vụ chính trị (nhiệm vụ quân sự, các mặt công tác, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu...) của đơn vị ở 3 nội dung cần thu thập thông tin phản hồi (1) không ảnh hưởng, (2) ít ảnh hưởng, (3) ảnh hưởng. Số liệu tổng hợp điều tra cả hai đối tượng là cán bộ thực thi chính sách và cán bộ tham gia hoạch định chính sách, kết quả điều tra thu được số người có quan điểm (1): 172/222 bằng 77,47%; số người có quan điểm (2): 40/222 bằng 18,01 %; số người có quan điểm (3): 10/222 bằng 4,50%. Như vậy có thể nhận thấy với quan điểm của những người tham gia hoạch định chính sách và những người tham gia thực thi chính sách liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong quân đội nhận định: đơn vị triển khai hoạt động có thu hầu như không làm giảm đi nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Tuy nhiên việc Quân đội triển khai hoạt động có thu cũng chỉ trong một giai đoạn lịch sử và điều kiện cụ thể của đất nước. Hiện nay quân đội các nước (kể cả Quân đội Trung Quốc), quân đội ít tham gia vào hoạt động làm kinh tế vì quan điểm chung là quân đội chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính trị là chủ yếu. Với cách tiếp cận nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, tác giả đề cập việc phân loại hoạt động có thu; thông qua việc nghiên cứu loại hình hoạt động, với những loại hình có thu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động có thu gắn với các đơn vị cụ thể, từ đó nảy sinh cho tác giả hướng nghiên cứu trong phần đề xuất và giải pháp đó là: đề xuất loại hình hoạt động có thu nào cần khuyến khích tận dụng năng lực dồi dư, loại hình nào không khuyến khích tận dụng năng lực dồi dư, loại hình nào đã phù hợp với quy định quản lý nhà nước về tài chính hiện nay, loại hình nào cần gắn với quy định quản lý tài chính khác, để có cơ sở cho hoạch định chính sách và các chế tài, đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Như đã trình bày trong phần đặc điểm của hoạt động có thu của đơn vị dự toán, các đơn vị dự toán quân đội tham gia làm kinh tế với đặc điểm không phải là đơn vị kinh tế độc lập. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu..., các đơn vị dự toán ngoài nhiệm vụ này mới là nhiệm vụ khai thác tiềm năng về lao động, tận dụng năng lực dồi dư chuyên môn để tiến hành hoạt động có thu. Các hoạt động này về cơ bản gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị nên quản lý thường gọn nhẹ, không hoàn chỉnh, quy mô không lớn. Cho nên trong định hướng quản lý đối với hoạt động có thu của các đơn vị dự toán trong quân đội, phải quán triệt sâu sắc quan điểm: các đơn vị dự toán triển khai hoạt động có thu phải đảm bảo đơn vị hoàn thành tốt các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của cấp trên giao cho.

Đây là một quan điểm mang tính chủ đạo và làm sáng tỏ quan điểm thứ nhất đó là vấn đề đơn vị dự toán quân đội tham gia làm kinh tế. Thấu suốt quan điểm này là định hướng cho những quan điểm tiếp theo.

Quán triệt quan điểm trên nhìn ở góc độ đơn vị dự toán quân đội tham gia hoạt động có thu phải gắn với nhiệm vụ quốc phòng. Thông qua hoạt động phải góp phần nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ chiến thuật trong công tác, huấn luyện

và trong chiến đấu. Khi đơn vị việc triển khai hoạt động có thu phải góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các bộ chiến sĩ, tạo cho họ yêu mến Quân đội hơn, gắn bó với đơn vị hơn. Minh giải cho nội dung này, tổng hợp từ phiếu điều tra tại điểm 3 câu hỏi điều tra số 19 [Phụ lục 3.4] thuộc hệ thống câu hỏi phiếu điều tra, đề nghị đánh giá về kết quả hoạt động có thu trong thời gian qua góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các bộ chiến sĩ, với 3 cấp độ: (1) cao; (2) trung bình; (3) thấp. Kết quả thu được từ những người được điều tra: cấp độ cao có 105/225 bằng 46,67%; trung bình: 111/225 bằng 49,33%; thấp: 9/225 bằng 4%.

Tại Hội nghị Quân chính các cấp mà tác giả tìm hiểu và được dự từ trước tới nay chưa có bất cứ một ý kiến nào cho rằng: hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội lại làm giảm khả năng chiến đấu của quân đội. Tuy nhiên hoạt động có thu cũng chỉ duy trì ở một mức độ kết hợp và dừng ở phạm vi tận dụng năng lực dôi dư chứ không thể phát triển quá mức.

Qua phân tích từ các nội dung đề cập ở trên, điều đó chứng tỏ quan điểm: hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội không làm giảm khả năng chiến đấu của các đơn vị quân đội, được quán triệt sâu, rộng tại các cấp, các đơn vị trong toàn quân.

(ii) Hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội phải làm giảm gánh nặng ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng

Hoạt động có thu của đơn vị dự toán trong quân đội chủ yếu là khai thác tiềm năng sẵn có về lao động, cơ sở vật chất, chuyên môn, nghiệp vụ..., gắn liền với nhiệm vụ của đơn vị. Với đặc điểm này, trong hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội phải theo quan điểm: hoạt động có thu phải làm giảm gánh nặng ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng.

Đơn vị dự toán có tổ chức các hoạt động có thu phải quán triệt và tuân thủ quan điểm trên đó là: phải tự lo nguồn vốn để hoạt động (bằng nguồn vốn tự có hoặc đi vay); không được dùng kinh phí do ngân sách cấp hoặc các khoản phải thu nộp ngân sách để làm vốn hoặc bù lỗ cho các hoạt động lao động sản xuất, làm kinh tế (trừ khoản được ngân sách dành cho theo kế hoạch mang tính chất như khoản kinh phí chi cho xã hội như: hỗ trợ xúc tiến việc làm, nâng cao năng lực của trường dạy nghề...).

Quá trình đơn vị dự toán có tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phải chú trọng tới hiệu quả kinh tế, thực hiện lấy thu bù chi và có lãi, tính đúng tính đủ các chi phí; đồng thời phải tính đến hiệu quả về xã hội như: quản lý bộ đội, trang

bị nghề nghiệp, xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân dân, giữ gìn an ninh chính trị trật tự - an toàn xã hội...

Nhìn nhận ở góc độ tạo nguồn bổ sung vào kinh phí thực tế cho thấy, với việc các đơn vị tổ chức hoạt động có thu trong thời gian vừa qua với các quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các đơn vị đã trích từ hoạt động có thu bổ sung vào kinh phí tác giả tổng hợp trong 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009) là: 2.319.695 triệu đồng, và số trích nộp lên cấp trên từ hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán là 536.675 triệu đồng, nguồn kinh phí này phần lớn theo quy định của Bộ Quốc phòng cũng được bổ sung vào kinh phí. Tuy nhiên bản chất của sự tạo nguồn, quan điểm của việc sử dụng nguồn thu này, nội dung phân bổ và quyết toán các khoản chi coi như ngân sách tác giả xin đề cập tại các mục khác của luận án.

(iii) Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội phải thực hiện trên cơ sở chính sách đổi mới chung của nền kinh tế - xã hội

Chính sách và cơ chế quản lý tài chính trong quân đội phải phù hợp với khuôn khổ của chính sách và cơ chế quản lý kinh tế nhà nước để theo kịp với tiến trình của công cuộc đổi mới của đất nước. Đổi mới quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu phải đặt trong mối liên hệ và đảm bảo sự tác động tích cực đối với các chính sách quản lý tài chính của nhà nước và trong quân đội.

Yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về tài chính tại đơn vị dự toán phải đáp ứng nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và có sự phân công trách nhiệm, phân cấp quản lý giữa các cấp trong hệ thống các đơn vị quân đội; phải tập trung nguồn thu vào ngân sách quốc phòng để Bộ Quốc phòng phân bổ điều tiết tích cực đối với các khoản chi, việc hoạch định chính sách quản lý cũng cần tính đến tiêu thức đảm bảo hài hòa các lợi ích khi các bên tham gia làm kinh tế.

(iv) Từng bước đáp ứng xu hướng áp dụng quản lý chi tiêu công hiện đại

Quốc phòng là một trường hợp điển hình của hàng hoá công cộng vì biến động dân số hàng ngày không làm giảm lợi ích an ninh mà những người công dân hiện tại đang hưởng. Hàng hoá công cộng không ngăn cản những cá nhân không đóng góp tài chính để tiêu dùng chúng. Ngay cả khi cá nhân từ chối không đóng góp tiền cho ngân sách quốc phòng thì họ vẫn được hưởng sự bảo vệ chừng nào hệ thống quốc phòng quốc gia đang còn hoạt động. [97] Hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội hàng

năm tạo ra một nguồn lực tài chính đáng kể [Phụ lục 1] việc sử dụng và chi tiêu nguồn lực này phần lớn đảm bảo chi cho lĩnh vực quốc phòng (chi tiêu công).

Quản lý chi tiêu công hiện đại là cách tiếp cận mới trong việc phân bổ tiền của công cộng qua sự lựa chọn tập thể. Mục tiêu cơ bản của quản lý chi tiêu công hiện đại là nhằm đảm bảo kỷ luật tài khóa tổng thể, hiệu quả phân bổ và hiệu quả hoạt động. Đối với đơn vị dự toán quân đội việc phân định đơn vị dự toán thụ hưởng ngân sách với bộ phận tham gia hoạt động có thu làm kinh tế có hai chế độ quản lý tài chính riêng cho hai lĩnh vực này là bước đi đầu tiên trong quá trình đó. Nó tạo ra những thay đổi căn bản trong quản lý chi, giúp các đơn vị chi tiêu có quyền chủ động hơn và tự chịu trách nhiệm trong sử dụng nguồn lực công cộng. Đây là xu hướng và yêu cầu quản lý chi tiêu công hiện đại được đề cập.

4.1.2. Yêu cầu hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

(i) Hoạch định chính sách quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu hướng tới mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị dự toán quân đội trong việc tạo nguồn thu và phân bổ nguồn thu

Trong công cuộc cải cách hành chính hiện nay, xu hướng là Nhà nước tăng quyền tự chủ cho các đơn vị hành chính sự nghiệp. Các đơn vị dự toán có thu trong quân đội cũng có những nội dung và hình thức, tính chất thu gần giống với các đơn vị sự nghiệp có thu. Cho nên trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội cũng sẽ hoàn thiện theo hướng quản lý theo đầu ra, mở rộng quyền hạn của thủ trưởng đơn vị trong việc lựa chọn các loại hình hoạt động có thu, tự chủ trong việc sử dụng ngân sách cho hoạt động có thu, sử dụng và phân bổ nguồn thu từ hoạt động có thu của đơn vị.

Tuy nhiên, đối với các đơn vị dự toán quân đội, hoạt động có thu thường có một số nghiệp vụ có liên quan đến ngân sách quốc phòng, hoặc liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng. Cho nên đi đôi với việc tăng tự chủ cho các đơn vị này là gia tăng trách nhiệm giải trình bằng cách yêu cầu thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về hiệu quả đối với hoạt động có thu của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm phân bổ nguồn lực, sử dụng các cơ sở vật chất để tạo ra sản phẩm và dịch vụ đem lại hiệu quả kinh tế chứ không chỉ đơn thuần dựa vào định mức phân bổ các yếu

tổ đầu vào như hiện nay (các định mức hiện nay là rất thiếu, chưa đáp ứng với việc áp dụng cho nhiều loại hình hoạt động có thu).

Đây là yêu cầu đổi mới, hướng tới xây dựng một nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, từng bước phù hợp với xu thế hiện nay trong đó việc sử dụng cơ chế quản lý tài chính để hội nhập sâu rộng với các loại hình kinh tế khác. Thực hiện tốt yêu cầu trên là sự mở đường thực hiện giải pháp cho một số hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội hiện nay với quá trình quản lý còn có một số nội dung chưa thật phù hợp.

(ii) Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội phải đảm bảo tính hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Tính hiệu quả là mục đích cuối cùng của quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội, quá trình tổ chức thực hiện trong kiểm soát cần chú trọng kiểm soát đầu ra. Bởi vì cho dù các cách thức kiểm soát đầu vào rất đa dạng, chặt chẽ nhưng chủ yếu được thực hiện bởi hệ thống ở khâu thanh toán, khâu thanh tra, kiểm toán... Việc kiểm soát này không khuyến khích các đơn vị chi tiêu tiết kiệm; hơn nữa mối liên hệ mờ hồ giữa tiền chi với đầu ra, với kết quả cuối cùng sẽ làm suy yếu hiệu quả phân bổ. Đó cũng là lý do cần chuyển dịch sự tập trung kiểm soát tài chính hoạt động có thu, việc chi tiêu từ đầu vào sang đầu ra. Kiểm soát đầu ra sẽ tránh được sự giảm sút giấu mặt về số lượng và chất lượng dịch vụ mà các đơn vị cung ứng. Tuy nhiên nếu chỉ tập trung duy nhất vào kết quả, hiệu quả mà bỏ qua quy trình thì không những quy trình bị phá hủy mà kết quả, hiệu quả cuối cùng cũng khó đạt được như mong muốn.

Yêu cầu này xuất phát từ thực tiễn hoạt động có thu của một số loại hình hoạt động hiệu quả không cao, lưu ý hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, mà đúng ra hoạt động này phải đem lại hiệu quả cao. Vấn đề ở đây là cơ chế quản lý nhà nước về tài chính thuộc lĩnh vực này. Điều tra tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự cho thấy: Tổng thu 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009) từ hoạt động có thu là 567.494.603 nghìn đồng, chi phí 532.023.777 nghìn đồng, chênh lệch thu – chi là: 35.470.826 nghìn đồng. Số chênh lệch thu - chi / tổng thu phản ánh hiệu quả hoạt động có thu, năm cao nhất (năm 2009) đạt 8,09%; năm thấp nhất (năm 2006) đạt 4,57%.

(iii) Quá trình quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn thu phải hợp lý, tránh hiện tượng sử dụng cơ sở vật chất của nhà nước phục vụ cho lợi ích cá nhân và lợi ích riêng của đơn vị

Đơn vị dự toán quân đội phải tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động có thu; bảo đảm mọi khoản thu, chi đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; phải tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký, ghi chép đầy đủ, đúng quy định, kịp thời mọi khoản thu, chi đối với từng hoạt động có thu; phải sử dụng hoá đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành.

Đơn vị dự toán có các khoản thu phải báo cáo kết quả, phân phối và sử dụng các khoản thu, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách theo đúng quy định của Nhà nước và của Quân đội. Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, đơn vị phải lập dự toán, báo cáo đơn vị cấp trên duyệt mới được thực hiện. Định kỳ và hết năm phải báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

Đi vào thực tế đánh giá quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu trong thời gian qua, qua số liệu thu thập từ việc trích nộp các khoản phải hoàn trả lại ngân sách ta thấy: đơn vị triển khai hoạt động có thu chưa quán triệt tốt quan điểm này. Theo tác giả có 3 nguyên nhân chính như sau:

+ Sự phân tán trong hoạt động có thu ở nhiều đơn vị, với nhiều loại hình, hoạt động có thu đan xen với các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

+ Cơ chế quản lý ở một số loại hình hoạt động gắn với các đơn vị cụ thể còn chưa phù hợp, các định mức phân bổ chi phí chưa đầy đủ, các chế tài chưa đủ mạnh và chưa nghiêm.

+ Sự nhận thức về việc tính đúng tính đủ các khoản chi phí đáng ra phải hoàn trả lại ngân sách còn chưa đầy đủ kể cả cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị tổ chức thực hiện.

Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm trên tới các cấp quản lý và đơn vị, theo tác giả cần tăng cường giáo dục nhận thức sử dụng tài sản công, xây dựng định mức chi phí, xử lý tốt mối quan hệ trong phân chia kết quả hoạt động có thu nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích các bên tham gia, tăng cường các chế tài trong thời gian tới.

(iv) Tăng cường sử dụng các công cụ, hệ thống thông tin quản lý cùng với biện pháp kinh tế trong việc hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

* Các công cụ quản lý bao gồm hệ thống quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, các văn bản quyết định chế tài quản lý và hệ thống trực tiếp tham gia tổ chức quản lý tài

chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán bao gồm: bộ máy về quản lý tài chính là hệ thống chế độ kế toán gắn với các mẫu biểu quy định thống nhất trong quản lý tài chính hoạt động có thu toàn quân.

* Hệ thống thông tin quản lý tài chính đối với hoạt động có thu:

- Phương hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước; các chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và của người chỉ huy; các nhiệm vụ của đơn vị.

- Các Nghị quyết lãnh đạo của Đảng ủy Cục Tài chính và các Quyết định của Cục trưởng Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng.

- Hệ thống các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn tài chính, định mức và giá cả.

- Số liệu kế toán tài chính về tình hình thực hiện hoạt động có thu của đơn vị trong các năm trước.

- Số liệu về thực trạng cán bộ, biên chế, trang thiết bị, phương tiện dôi dư của đơn vị được huy động vào hoạt động có thu.

Tăng cường sử dụng công cụ tài chính và hệ thống thông tin quản lý sẽ giúp công tác quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu việc hoạch định chính sách ra được quyết định tốt nhất trong quá trình quản lý tài chính; gắn kết quyền hạn và trách nhiệm, thực hiện công khai hóa trong quản lý tài chính.

4.2. Giải pháp hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

4.2.1. Định hướng chiến lược quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính tại đơn vị dự toán quân đội, tác giả đề cập hoàn thiện về trình tự quản lý, kỹ thuật quản lý với việc vận dụng phù hợp: Về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, và Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. [34] Đối với đơn vị dự toán quân đội triển khai hoạt động có thu với một số loại hình như hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh, hoạt động liên doanh liên kết giáo dục và đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ...; nhưng phải tuân thủ và chấp hành nghiêm Quy chế lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tài chính quân đội, với quan điểm chủ đạo là: Công tác tài chính quân đội là công tác quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong quân đội theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

và quy định của Bộ Quốc phòng; nhằm khai thác, sử dụng và quản lý chặt chẽ, tiết kiệm đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn lực tài chính của mọi cấp để xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ Quốc xã hội chủ nghĩa... [49]

Với tinh thần trên quá trình từng bước hoàn thiện và áp dụng một cách thận trọng, với việc chuẩn bị các yêu cầu cần thiết cho việc áp dụng nội dung quản lý đối với giao quyền tự chủ tài chính theo nghị định 10/2002/NĐCP là bước quan trọng nhằm phân biệt rõ chức năng nhiệm vụ của đơn vị dự toán quân đội với đơn vị dự toán quân đội gắn với hoạt động có thu thuộc một số loại hình dịch vụ như: hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh; hoạt động liên kết giáo dục và đào tạo; hoạt động dịch vụ nghiên cứu khoa học kỹ thuật. [34]

Chính sách gắn với các chế tài quy định quản lý tự chủ tài chính với việc áp dụng từng bước cho từng bộ phận đối với đơn vị dự toán có thu thuộc một số loại hình như: hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh; hoạt động liên kết giáo dục và đào tạo. Khi đơn vị được giao một phần ngân sách trên cấp, số còn lại đơn vị tự cân đối sẽ tác động tích cực việc khai thác các nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động cung ứng dịch vụ và được chủ động sử dụng nguồn kinh phí thu được theo yêu cầu hoạt động của đơn vị. Trên cơ sở đó đơn vị được phép triển khai hoạt động có thu của mình trong phạm vi năng lực dồi dư, được phép khai thác nguồn thu thông qua việc thu phí, lệ phí theo khung nhà nước quy định, quá trình chi tiêu đảm bảo hiệu quả tiết kiệm, trên cơ sở quy định của Bộ Quốc phòng được cụ thể hoá bằng quy chế nội bộ do đơn vị xây dựng. Đơn vị phải thực hiện nghiêm báo cáo với Bộ Quốc phòng. Đối với bộ phận được áp dụng quy định quản lý tài chính này từng bước sắp xếp bộ máy, biên chế tổ chức hợp lý, thực hiện hợp đồng lao động theo hướng tinh gọn.

Những định hướng đổi mới nội dung quản lý tài chính trên đây, để việc hoàn thiện quy định quản lý theo phương thức mới cần có những bước đi thích hợp đảm bảo vững chắc; tác giả xin đề xuất một số yêu cầu (mang tính chất định hướng) như sau:

- Đổi mới nội dung quản lý nhà nước về tài chính đối với đơn vị dự toán triển khai hoạt động có thu gắn với một số loại hình như hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh, hoạt động liên kết giáo dục và đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ..., phải gắn với tiến trình cải cách hành chính của Nhà nước và Quân đội,

tạo động lực thúc đẩy tích chủ động, tích cực, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng nguồn thu của đơn vị.

- Đổi mới nội dung quản lý nhà nước về tài chính phải hướng tới nâng cao năng lực chuyên môn và nâng cao trình độ kỹ thuật của những người tham gia vào lĩnh vực hoạt động có thu, hướng tới thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đơn vị được giao trong mọi tình huống.

- Chính sách tài chính phải gắn với hiệu quả hoạt động của đơn vị tổ chức hoạt động có thu, kích thích mọi người tích cực tham gia lao động, lấy nhiệm vụ chính trị của đơn vị là mục tiêu đảm bảo sự thông nhất và bảo đảm hài hòa các lợi ích.

- Đối với một số loại hình hoạt động có ảnh hưởng nhiều đến xã hội như y tế, giáo dục đào tạo..., có thể trong từng trường hợp được tăng cường công tác xã hội hoá bằng cách đa dạng việc huy động các nguồn lực tài chính nhằm đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo nguồn thu.

Phát huy dân chủ, đảm bảo công khai trong quản lý tài chính tại đơn vị, tăng cường kiểm tra, kiểm toán, phát huy và đề cao nhiệm vụ tự kiểm tra tại đơn vị, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí cần duy trì thường xuyên trong chi tiêu sử dụng các nguồn lực tài chính huy động cho hoạt động có thu và sử dụng các nguồn lực tài chính từ kết quả hoạt động có thu.

4.2.2. Bổ sung hoàn thiện chính sách, chế độ và văn bản pháp luật

Các chế tài, quyết định, quy định, quy chế quản lý..., có ý nghĩa rất quan trọng, vừa là phương tiện, vừa là hành lang pháp lý để nhà quản lý sử dụng như một công cụ hữu hiệu trong quản lý nhà nước về tài chính.

Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội thực hiện theo các chế tài quy định hiện hành của quân đội, trong đó có Quyết định: về việc sửa đổi bổ sung một số điều quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Các quyết định này như là hành lang pháp lý để đơn vị tổ chức thực hiện, cũng là hành lang pháp lý, là công cụ quản lý của cơ quan quản lý cấp trên đối với cấp dưới và các cấp quản lý trong quân đội, nhằm duy trì trật tự kỷ cương trong đó có kỷ cương quản lý nhà nước về tài chính. [18]

Hệ thống văn bản, quyết định này là công cụ đặc lực cho cơ quan quản lý các cấp, cho cả đối tượng hoạch định chính sách và đối tượng thực thi chính sách, gắn với hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội đã được trình bày phân tích tại chương 3 của luận án. Tác giả xin đề cập những nội dung chủ yếu cần hoàn thiện trong việc ban hành chính sách và văn bản pháp luật, viện dẫn những căn cứ để có cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện văn bản pháp quy.

(i) Điều chỉnh tỉ lệ phân bổ nguồn thu theo hướng: tăng tỷ lệ trích quỹ đơn vị, giảm tỷ lệ bổ sung vào kinh phí đơn vị

- Theo quy định của Bộ Quốc phòng tại Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007; thu nhập còn lại được phân phối như sau: Từ 35% đến 65% tỷ lệ bổ sung kinh phí đơn vị theo từng loại hình hoạt động có thu, tùy theo từng loại hình để áp dụng cụ thể, chưa kể số thu đơn vị cấp dưới nộp lên cấp trên được bổ sung cho các nhu cầu thiết yếu của đơn vị được quy định tại Điều 15 tại Quyết định trên: sử dụng nguồn thu bổ sung kinh phí, như vậy tỷ lệ % bổ sung kinh phí là khá cao. Tổng hợp thông kê kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán toàn quân (năm 2005 đến năm 2009) số được trích quỹ đơn vị, số bổ sung kinh phí; số nộp lên cấp trên tiếp tục bổ sung kinh phí. Theo tác giả đây là nội dung bất cập nó xuất phát từ quá trình quản lý thể hiện:

- Việc chưa tính đúng, tính đủ các khoản tiền lương ngân sách đã đảm bảo cho đối tượng tham gia hoạt động có thu, các khoản chi về điện quốc doanh, nước quốc doanh, khấu hao máy móc thiết bị..., chưa được quản lý rạch ròi để phân bổ chi phí hoạt động có thu ở các loại hình tại đơn vị dự toán để hoàn trả cho ngân sách, phải chăng việc bổ sung kinh phí đơn vị là sự hoàn trả lại ngân sách các khoản nêu trên, sự thừa nhận của quá trình quản lý là chưa kiểm soát hết các khoản chi phí có nguồn gốc từ ngân sách cho hoạt động có thu.

- Bản chất khoản chi bổ sung kinh phí phải quản lý, sử dụng như đối với khoản kinh phí do ngân sách cấp, rõ ràng khâu hợp thức thông báo chỉ tiêu ngân sách khoản này, khâu thanh quyết toán phải thực hiện đúng trình tự và đầy đủ các bước như là một khoản chi thuộc ngân sách nhà nước đảm bảo cho quốc phòng. Khâu lập dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm, số dự toán thu, khoản hoạt động có thu được bổ sung cho ngân sách phải được thể hiện trong dự toán thu hàng năm với Bộ Tài chính.

Thực hiện đầy đủ các bước, các khâu trong quản lý nguồn bổ sung kinh phí nêu trên sẽ tránh được sự hiểu lầm và đánh giá không đúng của Cơ quan quản lý cấp trên và Kiểm toán Nhà nước đối với các khoản chi này thuộc lĩnh vực quốc phòng.

- Bản chất của phần dư ra từ hoạt động có thu (lãi, lợi nhuận) được bổ sung kinh phí được coi là chưa thật phù hợp với bản chất của hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Thể hiện đó là: nếu coi hoạt động có thu là việc đơn vị tận dụng năng lực dôi dư, lợi thế đơn vị đóng quân, tổ chức tăng gia sản xuất quanh bếp, quanh vườn thì phần dư ra phải được phân phối cho người tham gia lao động sản xuất và bổ sung vào quỹ đơn vị là chủ yếu. Phần dôi dư đó, nếu bổ sung vào tăng cường cơ sở vật chất, mở rộng sản xuất dịch vụ thì chưa thật phù hợp với quan điểm và định hướng của cấp trên, vì đây không phải là hoạt động sản xuất kinh doanh giống như doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận để mở rộng sản xuất. Việc bổ sung cho kinh đơn vị chỉ thực hiện một số nhiệm vụ quốc phòng coi như một khoản chi ngân sách, đó là sự điều tiết của cơ quan hoạch định chính sách cho phù hợp với thực tế quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán hiện nay.

- Thông qua phiếu điều tra tại câu hỏi số 15.3 phụ lục 3.3, kết quả thu được từ người được điều tra còn có nhiều ý kiến cho rằng quy định bổ sung kinh phí còn cao. Điều đó phần nào phản ánh cần nghiên cứu đề xuất với Bộ Quốc phòng điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ khoản bổ sung kinh phí hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

Tóm lại: Với một số nội dung được đề cập trên đây, việc nghiên cứu ra văn bản, quy định tỉ lệ phân bổ nguồn thu theo hướng tăng tỷ lệ trích quỹ đơn vị, giảm tỷ lệ bổ sung vào kinh phí đơn vị là giải pháp có tính lôgic trong quá trình từng bước hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

(ii) Bổ sung một số loại hình hoạt động có thu

Nghiên cứu xây dựng bổ sung thêm một số loại hình hoạt động có thu, không nên nhiều loại hình hoạt động có thu được xếp vào loại hình hoạt động có thu khác, như phân loại loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội hiện nay. Trong loại hình hoạt động đặc thù nên tách ra loại hình hoạt động đặc thù có gắn với một số chuyên ngành tạo nguồn thu lớn trong thời gian qua, thành các hoạt động đặc thù riêng biệt như hoạt động đặc thù tại Quân chủng Phòng không Không quân; hoạt động đặc thù tại Quân chủng Hải quân và Cục Cảnh sát Biên; hoạt động đặc thù với nhiệm vụ rà phá bom mìn; hoạt động đặc thu đo đạc, khảo sát, can vẽ bản đồ...

Hoạt động tăng gia sản xuất tại đơn vị có liên kết với với các đối tượng khác như đơn vị liên doanh liên kết chăn nuôi gia cầm hay sản xuất lương thực thực phẩm tập trung có liên kết với nhà khoa học để áp dụng các tiến bộ kỹ thuật; liên kết trồng hoa cây cảnh xung quanh đơn vị, hiện nay được xếp vào loại hình hoạt động có thu khác, có đơn vị coi đây là hoạt động liên doanh liên kết. Nay đề nghị bổ sung các loại hình hoạt động kiểu này là loại hình hoạt động tăng gia sản xuất tại đơn vị có gắn với việc liên doanh liên kết.

Nên thêm loại hình trông giữ ô tô, xe máy và trông giữ các phương tiện tài sản trong một thời gian vào một loại hình hoạt động có thu là loại hình trông giữ ô tô, xe máy và các phương tiện, tài sản. Hiện nay hoạt động trông giữ ô tô, xe máy phương tiện tài sản được xếp vào loại hình hoạt động có thu khác.

Việc bổ sung thêm một số loại hình sẽ từng bước giải quyết những bất cập trong phân bổ kết quả hoạt động có thu, quá trình phân bổ kết quả hoạt động có thu sẽ chính xác hơn và thuận lợi trong khâu kiểm soát phân bổ của cơ quan quản lý cấp trên, khắc phục tình trạng cùng một loại hình hoạt động có thu, đơn vị phân bổ vào loại hình trong đó tỷ lệ phân bổ nộp cấp trên thấp hoặc không phải trích nộp cấp trên, cấp trên thẩm định, kiểm tra kiểm soát lại xác định là loại hình phải trích nộp trên cao giảm tỷ lệ trích quỹ đơn vị. Xuất phát từ yêu cầu khách quan trong quản lý nhà nước về tài chính nhất là các hoạt động đặc thù phải tính đúng, tính đủ, định mức vật tư tiêu hao, các khoản khấu hao, tiền lương cán bộ tham gia vào từng hoạt động đặc thù đó..., phải hoàn trả lại các khoản đó cho ngân sách. Phân loại loại hình hoạt động có thu càng rạch ròi sẽ phục vụ cho khâu kiểm soát quá trình hoạt động tại đơn vị, là cơ sở cho cấp trên trong việc hoạch định các chính sách và nội dung quản lý nhà nước về tài chính, loại hình nào cần khuyến khích, loại hình nào không khuyến khích hoạt động.

Thông qua phiếu điều tra tại câu hỏi số 14 điều tra đối với cán bộ tham gia thực thi chính sách tại các đơn vị dự toán quân đội, từ kết quả phiếu điều tra thu được là 93/112 phiếu điều tra bằng 83,03 % số người được điều tra trả lời: cho kết quả đơn vị có các hoạt động dịch vụ khác. Điều đó phần nào phản ánh việc phân loại không hết các loại hình hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội dẫn đến kết quả trên, và đơn vị mặc nhiên xếp các loại hoạt động có thu đó vào loại hình hoạt động có thu

khác. Tập hợp câu hỏi 22 thuộc phiếu điều tra (câu hỏi mở) tác giả thu được thông tin cho vấn đề này: có nhiều kiến nghị đề nghị bổ sung thêm một số loại hình hoạt động có thu cho phù hợp với thực tế hoạt động có thu của các đơn vị hiện nay.

(iii) Hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí tiêu hao nhân công, vật tư trang thiết bị trong việc thanh xử lý vật tư, trang thiết bị, vật liệu thu hồi, hàng tồn kho kém phẩm chất không còn đáp ứng cho nhiệm vụ quốc phòng

Yêu cầu hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí tiêu hao nhân công, vật tư trang thiết bị trong việc thanh xử lý vật tư, trang thiết bị, vật liệu thu hồi, hàng tồn kho kém phẩm chất không còn đáp ứng cho nhiệm vụ quốc phòng gắn với yêu cầu quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Những định mức này không những là căn cứ lập kế hoạch cho các nhiệm vụ chi tiêu mà còn là cơ sở vững chắc để tiến hành công tác kiểm tra, kiểm soát trong toàn bộ quá trình từ khâu hoạch định chính sách, lập dự toán, triển khai thực hiện và công tác thanh quyết toán.

Hệ thống định mức được xây dựng phải dựa trên những căn cứ tính toán khoa học, những tiêu chuẩn, định mức cụ thể gắn với nhiệm vụ cụ thể bảo đảm tính toàn diện và tính thực tiễn, thuận lợi cho đơn vị áp dụng, có như vậy định mức đó mới có tính thuyết phục đảm bảo tính pháp lý cho công tác quản lý về mặt nhà nước.

Với đặc thù của hoạt động có thu tại đơn vị dự toán là đa dạng, việc xây dựng hệ thống định mức tiêu chuẩn, chế độ phù hợp là cần thiết. Tuy nhiên gắn với chức năng nhiệm vụ, đối với một số tiêu chuẩn định mức chưa được xây dựng thì phải căn cứ vào tình hình chi phí thực tế trong các năm trước, lưu ý phải kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu, nhân công..., gắn với việc kiểm soát và xác nhận của cấp có thẩm quyền. Hoàn thiện việc xây dựng định mức hướng tới tiếp cận áp dụng các định mức giống như đối với các đơn vị là doanh nghiệp hạch toán kinh tế.

(iv) Hoàn thiện các mẫu biểu quy định trong báo cáo tài chính hoạt động có thu

Mẫu biểu báo cáo tài chính: Với cách tiếp cận nghiên cứu trực tiếp các mẫu biểu liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội và đánh giá thực trạng về hệ thống mẫu biểu hiện nay, để đảm bảo tính chính xác và khoa học của mẫu biểu báo cáo cần hoàn chỉnh và không nên ghép nội dung báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí số thu được để lại chi theo chế độ gắn với mẫu báo cáo tình hình nhận và quyết toán kinh phí tại biểu B02/N.[Phụ lục 5.1]

Trong hệ thống báo cáo tài chính hiện hành chưa có văn bản hoặc chế tài nào để kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu hoặc phân bổ tiếp theo số chưa phân phối vào các năm ngân sách tiếp theo, do đó cần hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết theo dõi và hạch toán khoản chưa phân bổ này, cùng với các quy định khoản nào đơn vị được phép để lại chưa phân bổ, khoản nào đơn vị thực hiện phân bổ trước khi kết thúc năm ngân sách.

Hoàn thiện hệ thống mẫu biểu quản lý tài sản công gắn với việc quản lý tài sản được hình thành từ nguồn thu từ hoạt động có thu. Đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc: Nhà nước quản lý mọi tài sản, giữ vững nguyên tắc tách biệt giữa quyền sở hữu với quyền sử dụng, thực hiện chế độ quản lý nhà nước do Nhà nước nắm quyền sở hữu thống nhất, các cơ quan giám sát quản lý theo từng cấp, đơn vị được quyền chiếm hữu và sử dụng tài sản này.

4.2.3. Chỉ đạo lập và quyết định kế hoạch tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán

(i) Quyết định kế hoạch trong chỉ đạo tài chính hoạt động có thu

Một là, các đơn vị dự toán cần chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu và quy trình lập dự toán ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Dự toán chi của các đơn vị phải có phần sử dụng nguồn thu có khả năng thực hiện, nhiệm vụ chi theo phân cấp, các định mức tiêu chuẩn của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Hai là, ban hành đồng bộ hệ thống định mức, tiêu chuẩn phân bổ ngân sách dành cho hoạt động có thu làm căn cứ cho việc lập dự toán, kiểm soát thanh toán và kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các khoản chi tiêu ngân sách cho hoạt động có thu của các đơn vị dự toán. rà soát lại các định mức, tiêu chuẩn hiện có, kịp thời bổ sung các định mức còn thiếu, hoặc điều chỉnh các định mức không còn phù hợp. Trong quản lý chi, đối với các khoản chi đã có định mức, đơn giá yêu cầu đơn vị phải tuân thủ tuyệt đối định mức, đơn giá từ khâu lập dự toán đến khâu kiểm soát, thanh toán các khoản chi phí. Đối với các khoản chi chưa có định mức, đơn giá và đối với một số đơn vị thực hiện khoán chi (như hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật, thực tế cấp trên chưa cho phép khoán chi nhưng đã xảy ra ở một số đơn vị) thực hiện quản lý theo đầu ra thông qua việc xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá về số lượng và chất lượng dịch vụ đối với đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ đó.

Ba là, chuyển đổi lập dự toán có thu gắn với lập dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm sang lập dự toán ngân sách theo khuôn khổ chi tiêu trung hạn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn của Chính phủ. Hiện nay kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn của Chính phủ được xây dựng cho khoảng thời gian 5 năm, nếu dự toán ngân sách quốc phòng gắn với dự toán hoạt động có thu được xây dựng tương ứng về mặt thời gian với kế hoạch phát triển này sẽ tạo điều kiện cho Nhà nước thực thi có hiệu quả các mục tiêu phát triển đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện cụ thể của nước ta, gắn với tình hình thực tiễn đặc thù của xây dựng dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm hiện nay, việc triển khai xây dựng ngay một dự toán chi tiêu như vậy sẽ khó có tính khả thi, do trình độ kế hoạch hóa của nền kinh tế chưa cao. Bên cạnh đó, hiện nay, Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ: “Về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu” cũng thể hiện tư tưởng lập khuôn khổ chi tiêu trung hạn cho các đơn vị sự nghiệp có thu đối với các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, với thời hạn 3 năm và phân bổ theo đầu vào.

Bốn là, chấp hành thời gian phân bổ dự toán chi ngân sách quốc phòng theo Luật Ngân sách Nhà nước. Dự toán ngân sách quốc phòng là căn cứ để các đơn vị thực hiện chi tiêu và cũng là căn cứ để Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi ngân sách. Để quá trình chấp hành ngân sách được thực hiện thuận lợi thì việc phân bổ ngân sách đến từng đơn vị thụ hưởng phải được thực hiện một cách kịp thời, đảm bảo các đơn vị sử dụng ngân sách phải có dự toán ngay từ đầu năm.

(ii) *Chỉ đạo quy trình lập dự toán*: Chỉ đạo quy trình lập dự toán như hiện nay cũng tương đối phù hợp, tuy nhiên cũng cần tiến hành một số điều chỉnh, quá trình lập dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán có triển khai hoạt động có thu nên theo quy trình sau:

- Các đơn vị dự toán xác định kế hoạch thu, chi của các hoạt động có thu của đơn vị mình trong thời kỳ trung hạn (từ 3 đến 5 năm). Như vậy các đơn vị đều phải đánh giá lại chiến lược cho hoạt động có thu của mình, rà soát lại mục tiêu trước mắt và lâu dài, nguồn thu dự kiến trong cùng thời kỳ và kế hoạch thực hiện.

- Trên cơ sở đó, các đơn vị dự toán có thu sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các hoạt động có thu đó và dự toán kinh phí để thực hiện. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên là rất

cần thiết, nó cho phép các đơn vị thấy rõ hoạt động có thu nào cần được phát huy hết năng lực dồi dư, giữ nguyên hoặc thu hẹp. Trong trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị này vượt quá dự toán thu đối với hoạt động có thu thì buộc các đơn vị phải cắt giảm chi tiêu của mình. Đơn vị phải coi dự toán thu đối với hoạt động có thu như là một công cụ hữu hiệu phục vụ quản lý và kiểm soát tình hình hoạt động có thu. Việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các hoạt động có thu cho phép đơn vị biết sẽ cắt giảm hoạt động nào trước, tránh tùy tiện như hiện nay.

- Sau khi đã thống nhất về hạn mức kinh phí chung, các đơn vị dự toán sẽ xây dựng dự toán thống nhất và chi tiết cho từng năm trong khuôn khổ 3 năm đến 5 năm của mình.

- Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng, trên cơ sở dự toán kinh phí của các đơn vị dự toán cho hoạt động có thu, căn cứ vào ngân sách được phân bổ hàng năm cho Quân đội sẽ tổng hợp, cân đối nhu cầu chi và thông qua dự toán cho từng năm trong đó có dự toán hoạt động có thu trên cơ sở nắm được nhu cầu chi của đơn vị trong 3 năm đến 5 năm tiếp theo.

- Khi các năm dự toán trở thành năm ngân sách thì các số liệu của dự toán chi tiêu sẽ được điều chỉnh khi có những thay đổi sau: (1) khi phát hiện thấy những sai sót trong tính toán cần điều chỉnh; (2) khi có những thay đổi trong tham số như tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng trưởng GDP,... làm thay đổi dự toán; (3) thay đổi trong các tham số chung khác (khủng hoảng kinh tế, thiên tai, lũ lụt,...). Tất cả những thay đổi này sẽ được ước tính thành sự thay đổi trong hạn mức chi tiêu của các năm và nhu cầu tăng, giảm, kinh phí cho từng đơn vị, từ đó những thay đổi này sẽ được phản ánh và cập nhật trong các dự toán của khung khổ trung hạn mới.

- Việc xây dựng dự toán cho hoạt động có thu gắn với kế hoạch trung hạn có các ưu điểm so với quy trình lập ngân sách hiện nay, cụ thể:

+ Ngân sách hàng năm cho hoạt động có thu luôn được đặt trong bối cảnh trung hạn, do đó khi thông qua dự toán hàng năm nói chung và dự toán hàng năm cho hoạt động có thu nói riêng, Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng sẽ nắm được nhu cầu chi trong những năm tiếp theo để có kế hoạch cân đối ngân sách.

+ Nguồn lực tài chính nhà nước dành cho quốc phòng cho phép được chi đầu tư hỗ trợ đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ, các đối tượng chính sách, hỗ trợ nghiên cứu sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới sau này phục vụ cho quốc phòng, sẽ được phân bổ cho những hoạt động có thu theo đúng các quyết định của trên với các nội dung chi và

mục tiêu được xác định. Việc tái phân bổ ngân sách cho hoạt động có thu cũng sẽ được thực hiện minh bạch, có luận chứng và tránh được sự tùy tiện.

+ Các đơn vị dự toán có thu chỉ được cấp ngân sách để thực hiện các hoạt động dự kiến. Vì thế quản lý ngân sách sẽ chuyển từ kiểm soát đầu vào sang kiểm soát đầu ra và kết quả hoạt động của các đơn vị dự toán có thu. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của từng đơn vị.

+ Việc phân bổ ngân sách sẽ căn cứ vào chiến lược và kế hoạch hoạt động cụ thể của các đơn vị dự toán cho hoạt động có thu.

4.2.4. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

4.2.4.1. Hoàn thiện phân bổ ngân sách

Ngân sách nhà nước phân bổ cho quốc phòng là nguồn chủ yếu và rất quan trọng luôn gắn với nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ quốc phòng hàng năm. Ngân sách nhà nước chi cho quốc phòng có vai trò và ý nghĩa lớn, đảm bảo nâng cao tiềm lực quốc phòng, tăng khả năng cho sức mạnh xây dựng bảo vệ Tổ Quốc. Trong cơ cấu phân bổ ngân sách quốc phòng cho các mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu thông qua dự toán chi ngân sách hàng năm, được Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng tổng hợp từ các ngành, các đơn vị, cũng như căn cứ vào chủ trương của Đảng, Nhà nước, khả năng và nguồn lực nền tài chính quốc gia, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt gửi Bộ Tài chính và Chính phủ phê duyệt dự toán ngân sách năm. Từ nội dung chi ngân sách ngành, công tác phân bổ ngân sách ngành dẫn đến xác định các nội dung công việc giữa nhiệm vụ quốc phòng khi triển khai liên quan đến hoạt động có thu thể hiện việc sử dụng và quản lý ngân sách ngành thông qua các hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị.

Trong dự toán ngân sách quốc phòng hàng năm, việc phân bổ Ngân sách Bảo đảm thuộc ngân sách quốc phòng chủ yếu thông qua các chuyên ngành như: Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật,... bằng dự toán chi ngân sách năm cho các đơn vị gắn với kế hoạch sản lượng năm. Nhiều nội dung chi cho sản xuất vật tư, trang thiết bị, chi nghiên cứu, chi rà phá bom mìn, chi cải tiến trang thiết bị,... đơn vị được phân bổ dự toán ngân sách gắn với kế hoạch sản lượng, không thực hiện được, tiến hành hợp tác với các đơn vị bạn trong toàn quân thông qua thực hiện các nhiệm vụ đó bằng hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị với nhau. Đơn vị tham gia ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng sản xuất dịch vụ, hợp đồng hợp tác nghiên cứu,...(bên B), giá trị hợp

đồng được ký kết là doanh số của hoạt động có thu, hình thành nguồn thu của hoạt động có thu tại đơn vị dự toán từ nguồn ngân sách quốc phòng.

Việc xác định các nội dung công việc giữa nhiệm vụ quốc phòng và hoạt động dịch vụ, sản xuất làm kinh tế chưa rạch ròi, nhiều công việc thuộc loại hình có thu này chiếm một tỷ trọng khá lớn trong các đơn vị làm nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu quân đội, các trung tâm nghiên cứu khoa học quân sự, các nhà trường quân đội). Góc độ quản lý vĩ mô thuộc lĩnh vực quản lý ngân sách quốc phòng với việc phân bổ ngân sách quốc phòng theo nhu cầu nhiệm vụ, chưa tính đến khả năng thực hiện dẫn đến có một số nội dung phân bổ chưa đáp ứng việc thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó đặt ra cho các nhà quản lý cấp trên, tham mưu đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc giao nhiệm vụ, giao kế hoạch sản lượng, phân bổ ngân sách quốc phòng thường xuyên hàng năm.

Doanh nghiệp quân đội với nhiệm vụ chủ yếu sản xuất, chế tạo, cải tiến vũ khí, trang thiết bị quốc phòng, các doanh nghiệp này chủ yếu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Đối với doanh nghiệp tham gia nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh gắn với nền kinh tế quốc dân và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng giao, trong những năm qua các doanh nghiệp này hoạt động sản xuất kinh doanh không ngừng được mở rộng và phát triển.

Các doanh nghiệp kinh doanh của quân đội tham gia trên thị trường với những lợi thế nhất định như uy tín của quân đội, sử dụng một phần vốn, tài sản của quân đội, sử dụng đất đai, tài nguyên của nhà nước giao cho quân đội quản lý và sử dụng. Trên cơ sở những lợi thế kinh doanh nêu trên khi tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh phần lớn đem lại hiệu quả. Để có nguồn kinh phí bảo quản, duy trì dây chuyền sản xuất, công tác quy hoạch đối với các doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng; ngoài các khoản nộp thuế theo quy định của pháp luật và các khoản nộp khác theo quy định của Bộ Quốc phòng, các doanh nghiệp và cơ quan chủ quản cấp trên doanh nghiệp có trách nhiệm nộp điều tiết về Bộ Quốc phòng các khoản sau: (1) Thu tiền sử dụng tài sản và nhà xưởng, mặt bằng; (2) Thu điều tiết lợi nhuận từ hoạt động liên doanh, liên kết với nước ngoài; (3) Thu điều tiết quỹ đầu tư tập trung. Các doanh nghiệp quân đội nộp về cho Bộ Quốc phòng các khoản thu trên được gọi là nguồn thu điều tiết từ các doanh nghiệp quốc phòng. [8]

Nguồn từ điều tiết thu tại các doanh nghiệp quốc phòng đã góp một phần nhỏ trong cân đối ngân sách quốc phòng. Nguồn thu này, Bộ Quốc phòng lại chi đầu tư

lại cho các doanh nghiệp, điều tiết cho các doanh nghiệp khác hoặc tạo ra một quỹ đảm bảo các nhu cầu cân đối chung thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất của Bộ Quốc phòng.

Đối với nguồn thu từ thu điều tiết một phần lợi nhuận của các doanh nghiệp quốc phòng góp một phần nhỏ trong cân đối ngân sách quốc phòng; nguồn ngân sách nhà nước giao cho quốc phòng thực hiện các nội dung công việc có mục tiêu (việc nhà nước giao), dưới góc độ chi tiêu sử dụng, đó cũng là nguồn hình thành chi thực hiện nhiệm vụ trong quốc phòng. Nguồn kinh phí được hình thành từ nguồn này, theo đề xuất của các ngành, đơn vị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phân bổ cho các nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, sản xuất vật tư phụ tùng, huấn luyện đào tạo... Việc phân bổ ngân sách hiện nay cho đơn vị thụ hưởng cơ bản căn cứ vào nhu cầu chi tiêu, mục tiêu nhiệm vụ nhà nước giao; một số nội dung ngân sách phân bổ chưa tính đến khả năng triển khai mua sắm, sản xuất, huấn luyện đào tạo của đơn vị được phân bổ ngân sách, dẫn đến đơn vị được phân bổ nguồn ngân sách ký kết hợp đồng với đơn vị dự toán có năng lực chuyên môn kỹ thuật (bên B) để sản xuất, mua sắm, liên kết đào tạo, và mặc nhiên đơn vị đó cũng coi đây là nguồn thu từ hoạt động có thu.

Như vậy, qua phân tích đánh giá các nội dung nêu trên cho thấy việc minh bạch nguồn thu từ hoạt động có thu cũng góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

4.2.4.2. Chỉ đạo thực hiện các dự toán thu-chi: Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các dự toán thu, chi liên quan đến hoạt động có thu, cung cấp tài liệu, số liệu phục vụ việc lập báo cáo quyết toán và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch lao động sản xuất của đơn vị.

Có thể khái quát nguồn thu từ các hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội bao gồm thu từ phí, lệ phí gồm các hoạt động có thu từ phí đào tạo đối với đào tạo theo đề án đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; học phí đào tạo hệ B của một số trường, cơ sở đào tạo được phép của Bộ Giáo dục đào tạo và Bộ Quốc phòng cho phép tận dụng năng lực đôi dự để đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học; thu từ thực hiện chế độ thu một phần viện phí tại các bệnh viện quân đội tham gia khám, chữa bệnh cho nhân dân, bảo hiểm xã hội có thu một phần viện phí; thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị dự toán quân đội; và các khoản thu khác như thanh xử lý...

Đánh giá về nguyên tắc quản lý nguồn thu; hiệu quả quản lý nhà nước đối với kết quả hoạt động có thu. Nguyên tắc quản lý nguồn thu từ hoạt động có thu thông qua Điều lệ công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam xác lập những quy định quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán trong quân đội, mọi hoạt động có thu phải tuân theo các quy định chung sau đây:

- Việc thành lập các tổ chức lao động sản xuất, làm kinh tế, tiến hành các hoạt động có thu, đều phải được cấp có thẩm quyền cho phép và phải chấp hành đúng “Quy chế quản lý lao động sản xuất và làm kinh tế của quân đội” và những quy định khác có liên quan của Nhà nước và Quân đội.

- Đơn vị có tổ chức các hoạt động có thu phải tự lo nguồn vốn để hoạt động (bằng nguồn vốn tự có hoặc đi vay), không được dùng kinh phí do ngân sách cấp hoặc các khoản phải thu nộp ngân sách để làm vốn hoặc bù lỗ cho các hoạt động lao động sản xuất, làm kinh tế (trừ những khoản được ngân sách bố trí theo kế hoạch, như hỗ trợ xúc tiến việc làm).

- Đơn vị có tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phải đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện lấy thu bù chi và có lãi; đồng thời phải tính đến hiệu quả về xã hội như quản lý bộ đội, quản lý trang bị, nâng cao tay nghề, xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân dân, giữ gìn an ninh chính trị trật tự - an toàn xã hội...

- Đơn vị phải tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động có thu; bảo đảm mọi khoản thu, chi đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; phải tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký, ghi chép đầy đủ, đúng quy định, kịp thời mọi khoản thu, chi đối với từng hoạt động có thu; phải sử dụng hoá đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành.

- Đơn vị có các khoản thu phải báo cáo kết quả, phân phối và sử dụng các khoản thu; nộp kịp thời, đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách theo đúng quy định của Nhà nước và của Quân đội.

- Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, đơn vị phải lập dự toán, báo cáo đơn vị cấp trên duyệt mới được thực hiện. Định kỳ và hết năm phải báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

Các nguyên tắc và quy định chung về quản lý hoạt động có thu, thông qua tổ chức thực hiện là cơ sở cho việc đánh giá hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội.

4.2.4.3. Chỉ đạo công tác kế toán trong quản lý tài chính hoạt động có thu

Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, phương thức cấp phát ngân sách cơ bản theo dự toán ngân sách năm kết hợp với cấp bằng ngoại tệ và lệnh chi tiền. Mặc dù thay đổi hình thức cấp phát, nhưng công tác kế toán với hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trên xuống dưới nên phải phản ánh đầy đủ nguồn kinh phí do ngân sách cấp cho đơn vị và các nguồn kinh phí khác, yêu cầu thường xuyên được đối chiếu thông qua hệ thống báo cáo tài chính với cấp trên và Kho bạc Nhà nước để phản ánh chính xác tình hình tiếp nhận kinh phí. Yêu cầu đối với công tác kế toán trong quản lý tài chính hoạt động có thu: (i) Kế toán phản ánh và giám đốc chặt chẽ tình hình quản lý, sử dụng vật tư, hàng hoá tình hình thanh quyết toán kinh phí đối với tất cả các nguồn thu về tăng gia sản xuất, nguồn hình thành từ hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. (ii) Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán cần được nâng lên một bước về chất lượng chứng từ chi tiêu thanh quyết toán, đảm bảo chứng từ kế toán phải hợp pháp, hợp lệ.

Công tác hạch toán kế toán là công cụ quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước về tài chính, nhằm tăng cường quản lý và kiểm soát quá trình chấp hành kỷ luật tài chính, chu trình tài chính là phản ánh, đánh giá kiểm tra lại quá trình lập và chấp hành tài chính. Đối với các đơn vị dự toán hiện nay là phải đưa công tác kế toán của đơn vị đi vào nền nếp, theo đúng các quy định của Pháp lệnh Kế toán và các quy định quản lý tài chính của Bộ Quốc phòng.

Với trình độ của cán bộ tài chính của các đơn vị dự toán như hiện nay, bên cạnh việc rà soát, sắp xếp lại tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng, Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng cần phải nghiên cứu, lựa chọn phương pháp hạch toán và hệ thống sổ sách kế toán, sử dụng hệ thống tài khoản kế toán đáp ứng và phù hợp với đặc điểm của các đơn vị dự toán có thu, tiện lợi và không đòi hỏi nhiều biểu mẫu.

Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán trước hết cần phải tiêu chuẩn hoá chứng từ kể cả chứng từ viết tay và chứng từ trên máy tính; tiêu chuẩn hoá chứng từ bao gồm tiêu đề, nội dung; mô hình hoá nghiệp vụ; thiết kế mẫu biểu chứng từ hợp lý, cung cấp đầy đủ thông tin.

Nghiên cứu lựa chọn phương pháp hạch toán hoạt động có thu gắn kết với hệ thống sổ sách kế toán đơn vị và sử dụng hệ thống tài khoản kế toán đáp ứng được những yêu cầu của quản lý tại đơn vị.

Củng cố thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ đủ mạnh về trình độ thao tác nghiệp vụ và nhân lực thực thi nhiệm vụ, nhằm sớm phát hiện và ngăn chặn các hành vi gian lận trong quản lý tài chính và quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị.

4.2.4.4. Hoàn thiện chỉ đạo quyết toán tài chính hoạt động có thu

- Thay đổi từ nhận thức đến buộc phải tuân thủ nhiệm vụ thanh quyết toán loại ngân sách được bổ sung từ nguồn thu hoạt động có thu, chỉ cho các nhiệm vụ quốc phòng là nội dung hoàn thiện trong quản lý tài chính. Trong thời gian qua ở nhiều đơn vị nhu cầu chi thường xuyên là rất lớn (sửa chữa công trình phổ thông, sửa chữa điện nước, chi mua sắm loa đài, ti vi, bàn ghế làm việc) ngân sách nhà nước và quốc phòng đảm bảo chưa đáp ứng được yêu cầu, vì vậy đơn vị được trên cho trích lại nguồn từ hoạt động bổ sung kinh phí khi chi tiêu sử dụng chưa chấp hành nghiêm các chế độ quản lý về tài chính. Đơn vị sử dụng nguồn thu được để lại theo chế độ quy định bổ sung kinh phí phải quản lý và quyết toán như ngân sách được cấp.

- Các nguồn hoạt động có thu được bổ sung kinh phí cấp trên nhất thiết phải thực hiện việc thông báo chỉ tiêu ngân sách hoặc thông qua kế hoạch giao dự toán hàng năm đối với đơn vị thụ hưởng ngân sách.

- Các đơn vị dự toán phải thực sự coi trọng công tác quyết toán ngân sách, đánh giá đúng công tác quyết toán là hoạt động kiểm soát sau cùng của quá trình quản lý tài chính của các đơn vị dự toán. Phải thực hiện khâu thanh quyết toán hoạt động có thu tại đơn vị dự toán đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tài chính định kỳ với đầy đủ các báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Quốc phòng. Kiên quyết đình chỉ việc cấp phát kinh phí cho các đơn vị không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tài chính, chế độ thanh quyết toán theo quy định.

- Cải tiến công tác thẩm tra, xét duyệt quyết toán hàng năm của các đơn vị dự toán quân đội. Để khắc phục hạn chế về thời gian kiểm tra quyết toán năm, cần thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên trong năm. Việc kiểm tra, kiểm toán phải được tiến hành nghiêm túc đến từng đơn vị dự toán có thu.

- Yêu cầu việc hoàn thiện công tác quyết toán ngân sách là một khách quan với việc nâng cao công tác quản lý nhà nước về tài chính, làm tốt nội dung trên sẽ nâng cao tính pháp lý đối với việc chi tiêu kinh phí, dù khoản kinh phí đó được hình thành từ nguồn nào. Tổng hợp phiếu điều tra tại câu hỏi phiếu điều tra số 20 hướng tới trao

đổi với đối tượng được điều tra là: 112/217 bằng 51,61% cho rằng cần tăng cường quản lý, kiểm soát khâu lập dự toán, khâu chi và thanh quyết toán đối với phần bổ sung vào kinh phí được trích từ kết quả hoạt động có thu, số còn lại chiếm 48,39% có quan điểm quản lý như hiện nay. Với câu hỏi điều tra câu số 21, về công tác thanh tra, kiểm toán hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội có cần được chú trọng không: có 151/226 phiếu bằng 66,81% cho rằng rất cần thiết, có 75/226 phiếu bằng 33,19% cho rằng cần thiết, số có quan điểm không cần thiết là 0.[Phụ lục 3.3; 3.4]

4.2.5. Kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Nội dung kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, đây là nhiệm vụ thường xuyên, cần chủ động phối hợp chặt chẽ có kế hoạch phù hợp, kết hợp chặt chẽ trên dưới thống nhất về nội dung và phương pháp, làm theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, tăng cường kiểm tra những nội dung trọng điểm.

Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị trong việc duy trì và thực hiện nghiêm các chế độ, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý tài chính, đến thu và sử dụng nguồn thu tại ngành, đơn vị mình cũng như việc chấp hành quy định về tự kiểm tra.

Duy trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính hoạt động có thu của các đơn vị nhằm tạo sự chuyên biến căn bản, thiết thực trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống thất thoát trong quản lý, sử dụng trang bị, vật tư, tài sản; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn huy động, quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng có hiệu quả các nguồn thu tập trung. Chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chú ý tới các kế hoạch của các cơ quan liên quan không chồng chéo.

Phối kết hợp tốt hơn nữa với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng (UBKTĐU các cấp, Thanh tra Quốc phòng...) cũng như của Nhà nước (Kiểm toán Nhà nước, Kho bạc Nhà nước...) trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, duy trì nghiêm hiệu lực của pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản đồng thời qua đó nâng cao chất lượng quản lý tài chính, ngân sách. Tiếp tục cùng các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng phối hợp với Kiểm toán Nhà nước nghiên cứu sửa đổi Luật Kiểm toán trong đó chú ý các nội dung liên quan đến hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Kiểm toán Nhà nước với các đơn vị trong quân đội.

Coi trọng công tác kiểm toán, tăng cường kiểm toán nội bộ các hoạt động có thu, gắn báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm trong quyết toán ngân sách với các nội dung hoạt động có thu đem lại doanh thu lớn, sử dụng nhiều vật tư, tài sản, ngày công lao động của bộ đội để tạo ra nguồn thu.

Rà soát lại hệ thống định mức, chế độ tiêu chuẩn. Kịp thời phát hiện các vấn đề bất cập để tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng các chế độ chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật; các chế độ quản lý từ khâu lập dự toán đến phân bổ, quản lý thu, chi, quan tâm quản lý hiện vật sau mua sắm từ các nguồn kinh phí hình thành từ kết quả hoạt động có thu.

Các ngành, các đơn vị cần quan tâm đúng mức đến công tác thanh tra, kiểm tra tài chính, thực hiện đầy đủ các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiểm toán; tích cực kiện toàn bộ máy, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên ngành tài chính các cấp, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức cán bộ thanh tra tài chính.

4.2.6. Áp dụng thử nghiệm nội dung quản lý tài chính mới cho một số loại hình

4.2.6.1. Loại hình liên kết giáo dục và đào tạo, dịch vụ y tế khám chữa bệnh

Trước hết lựa chọn một đơn vị dự toán gắn với loại hình hoạt động liên kết giáo dục và đào tạo, một đơn vị gắn với loại hình hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh (tác giả đề xuất lựa chọn: Trường Trung cấp kỹ thuật Xe Máy /Tổng cục Kỹ thuật và Viện Quân y 7 /Quân khu 3). Yêu cầu trước khi thực hiện áp dụng quản lý mới cần soát xét lại biên chế tổ chức, soát xét lại chức năng nhiệm vụ trên giao, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, đánh giá lại tình hình hoạt động có thu trong thời gian qua...; những công việc này là rất quan trọng, giúp cho cấp trên xác định và xây dựng được dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo cho nhiệm vụ trên giao thuộc ngân sách phải đảm bảo; phần hoạt động có thu đơn vị triển khai trong thời gian qua, trên cơ sở đó để có thêm căn cứ vững chắc cho việc áp dụng thử nội dung và phương thức quản lý mới.

- Đối với Trường Trung cấp kỹ thuật Xe Máy /Tổng cục Kỹ thuật là trường đào tạo nghề cho quân đội có kết hợp đào tạo nghề cung cấp cho nền kinh tế và cho xã hội. Từ việc soát xét các nội dung liên quan, trên cơ sở đó Bộ Quốc phòng thống nhất với lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục Kỹ thuật; lãnh đạo, chỉ đạo Nhà trường, giao quyền và trách nhiệm cho Trường Trung cấp kỹ thuật Xe Máy sử dụng phần năng lực dôi dư về biên chế tổ chức, cơ sở vật chất hiện có; cho phép đơn vị tiến hành tổ

chức đào tạo nghề với nội dung phương thức quản lý nhà nước về tài chính áp dụng như đơn vị sự nghiệp có thu hiện nay đối với hoạt động đào tạo lái xe ô tô và xe máy đối với các đối tượng học nghề không thuộc chỉ tiêu nhiệm vụ trên giao đào tạo hàng năm. Về tài chính, Trường được chủ động trong sử dụng các khoản chi như chi lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản khác cho các thành viên trong trường và các cộng tác viên theo thỏa thuận và chế độ quy định hiện hành. Các khoản chi cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, các dịch vụ công cộng, vật tư thiết bị tài liệu in ấn, sách giáo khoa, tham khảo trong và ngoài nước. Chi cho hoạt động thông tin, tuyên truyền, hội nghị, công tác phí, chi hợp tác quốc tế. Chi cho mua sắm, sửa chữa thường xuyên và cố định, chi khen thưởng...

- Đối với Viện Quân y 7 /Quân khu 3, với chức năng và nhiệm vụ là khám và chữa bệnh cho các đối tượng chính sách theo tuyến do Bộ Quốc phòng và Quân khu 3 giao; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo liên quan đến ngành y; thực hiện khám và chữa bệnh cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; tận dụng năng lực dồi dào, lợi thế của đơn vị đó là đóng quân trên địa bàn Thành phố Hải Dương và Thành phố Hải Phòng, thực hiện hoạt động dịch vụ khám và chữa bệnh đối với nhân dân. Từ việc soát xét các nội dung liên quan, trên cơ sở đó Bộ Quốc phòng thống nhất với lãnh đạo, chỉ huy Quân khu 3, lãnh đạo chỉ huy Viện Quân y 7, giao quyền và trách nhiệm cho Viện Quân y 7, sử dụng năng lực dồi dào về biên chế tổ chức, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, với nội dung phương thức quản lý nhà nước về tài chính áp dụng như đơn vị sự nghiệp có thu hiện nay về hoạt động khám và chữa bệnh đối với các đối tượng tự nguyện tham gia dịch vụ y tế khám chữa bệnh.

Để thực hiện việc áp dụng thí điểm nội dung quản lý tài chính mới đối với hoạt động có thu thuộc loại hình giáo dục và đào tạo, hoạt động dịch vụ y tế khám và chữa bệnh đi vào nề nếp, ổn định, hiệu quả, thành công và không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị trên giao cần có một số biện pháp cụ thể:

- Đối với cơ quan cấp trên, cấp có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng cần hoàn thiện các văn bản pháp quy báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, phục vụ hướng dẫn chỉ đạo đơn vị thực hiện; chỉ đạo sâu sát, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng ra quyết định thu dung lực lượng hoạt động theo nội dung quản lý tài chính áp dụng như đơn vị sự nghiệp có thu để thực hiện nội dung quản lý như đơn vị dự toán hiện nay nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị khi có các yêu cầu cần huy động lực lượng này thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, hoặc việc đơn vị được áp dụng nội dung quản lý

tài chính áp dụng như đơn vị sự nghiệp có thu nhưng vượt quá tầm kiểm soát của cấp trên đối với lĩnh vực hoạt động về tài chính và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị đó.

- Đối với đơn vị được áp dụng nội dung quản lý tài chính áp dụng như đơn vị sự nghiệp có thu, phải chủ động tích cực phát huy nội lực, phát huy nội dung, phương thức quản lý mới trong điều kiện và quy định của quân đội. Đảm bảo chế độ tiêu chuẩn, thu nhập cho đối tượng quản lý theo hướng tự chủ về tài chính gắn với nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp có thu, lưu ý quản lý theo nội dung mới với điều kiện không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị hàng năm trên giao đối với đơn vị.

4.2.6.2. Loại hình dịch vụ nghiên cứu khoa học

Tại một số viện nghiên cứu, tác giả đề xuất chọn Viện Hóa Vật liệu là đơn vị trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự /BQP. Cần đánh giá toàn diện các nguồn lực của đơn vị, chú trọng đến việc đánh giá đúng năng lực, chất xám của đội ngũ nghiên cứu, trình độ công nghệ, trang thiết bị nghiên cứu quá trình triển khai và ứng dụng, sự phát huy khai thác nguồn lực dồi dào, để thực hiện các hoạt động làm kinh tế trong các năm. Xác định khả năng tận dụng nguồn lực dồi dào, phát huy trí tuệ và chất xám của các nhà khoa học, thống nhất và giao nhiệm vụ bằng khoán chỉ tiêu thu trên cơ sở việc xây dựng dự toán của đơn vị theo kết quả đầu ra đối với hoạt động đó sao cho phù hợp mà không ảnh hưởng đến nhiệm vụ nghiên cứu, nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Nguồn thu được giao trong nhiệm vụ từ việc khoán thu được xác định, để lại đơn vị và được trừ vào chỉ tiêu ngân sách trên phải bảo đảm hàng năm cho nội dung chi đổi mới trang thiết bị, chi đổi mới công nghệ, chi củng cố phòng thí nghiệm. Việc quản lý chi tiêu các nội dung thu được như quản lý ngân sách trên cấp. Quản lý các hoạt động có thu được thực hiện theo các chế độ hiện hành. Việc hoàn thiện quản lý tài chính hoạt động có thu đồng thời với việc khoán ngân sách cho các đơn vị đòi hỏi các đơn vị này phải tiết kiệm việc chi tiêu để đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ đã được qui định. Các cơ quan sẽ phải tổ chức việc huấn luyện, chiến đấu và sản xuất để đảm bảo cho việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả trong việc quản lý cán bộ, chiến sĩ đạt chất lượng cao nhất.

Khi tổ chức khoán thu, các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng cần báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định áp dụng thử, lưu ý việc chọn đơn vị để tiến hành khoán thu, xây dựng hình thức và phương pháp tổ chức khoán, các hướng dẫn

tổ chức thực hiện, cụ thể hóa công việc thành chủ trương quan điểm, chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên. Quá trình thực thi chính sách có cần tổ chức kiểm tra giám sát, báo cáo kịp thời với Thủ trưởng Bộ Quốc phòng những bất cập cần điều chỉnh, nhất là chi tiêu thu nộp và những tác động xấu từ việc khoán thu ảnh hưởng đến nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Cần có sự tổng kết đánh giá sau từng năm của việc thử nghiệm hình thức khoán thu, báo cáo Bộ Quốc phòng điều chỉnh các chính sách thực thi, nên tiếp tục, hay mở rộng khoán thu, hoặc thôi thực hiện hình thức khoán thu.

4.3. Điều kiện chủ yếu để thực hiện các giải pháp quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội

4.3.1. Thử chế hoá các quy định về tài chính trong hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội

Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ hai thông qua, được Chủ tịch Quốc hội phê chuẩn ngày 16 tháng 12 năm 2002. Tại điểm 1 điều 39 quy định: “Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong việc thu, chi ngân sách phải tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan cấp trên; cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp”. Như vậy những điều kiện pháp lý cao nhất là Luật Ngân sách nhà nước, quy định những nội dung liên quan đến ngân sách, thu, chi ngân sách và các nội dung về quản lý ngân sách, tài chính, là điều kiện pháp lý quan trọng để các Bộ, các Ngành... trong cả nước, trong đó có Bộ Quốc phòng căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước ra các văn bản dưới luật áp dụng trong quân đội.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra chỉ thị về việc tăng cường quản lý và sử dụng ngân sách quốc phòng trong tình hình hiện nay [6]: Căn cứ vào các quy định của nhà nước và yêu cầu quản lý, Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng cùng với các ngành liên quan nghiên cứu báo cáo Bộ sửa đổi, bổ sung quyết định số 782/QĐ- BQP ngày 24 tháng 6 năm 1998 của Bộ Quốc phòng về “Quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán quân đội” cho phù hợp với tình hình hiện nay. Các đơn vị phải tổ chức chặt chẽ các nguồn thu, thực hiện thu nộp ngân sách quốc phòng đúng, đủ, kịp thời các khoản phải nộp; không được giữ lại các khoản nộp ngân sách để chi; nếu có

nhu cầu chi tiêu thật cần thiết thì phải lập dự toán (hoặc dự án) báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt mới được chi và phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về quản lý, cấp phát thanh quyết toán tài chính. Sau đó Bộ Quốc phòng ra quyết định về việc ban hành ban hành Quy chế quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội.

Điều lệ công tác tài chính Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 27/2007/QĐ-BQP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng, tại mục 6: Quản lý tài chính đối với hoạt động sản xuất, làm kinh tế và các khoản thu khác tại đơn vị dự toán quy định:

Một là: Các đơn vị dự toán ngoài nhiệm vụ chính (huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu ...), được tận dụng thời gian lao động, năng lực chuyên môn để tổ chức sản xuất, làm kinh tế, trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, không trái với pháp luật và Điều lệnh Quản lý bộ đội; tạo nguồn thu tài chính bổ sung kinh phí cải thiện đời sống bộ đội đóng góp một phần cho ngân sách. Thực hiện lấy thu bù chi và có lãi, ngân sách không bù lỗ cho bất kỳ trường hợp nào.

Hai là: Mọi hoạt động sản xuất, làm kinh tế, đơn vị phải xây dựng kế hoạch và được cấp trên phê duyệt mới tiến hành. Hàng năm đơn vị phải lập kế hoạch tài chính cùng với kế hoạch sản xuất, làm kinh tế.

Ba là: Nguồn vốn dùng để cho vay, sản xuất, làm kinh tế có thể sử dụng từ nguồn “các quỹ” của đơn vị, hoặc từ các nguồn khác không phải do ngân sách nhà nước cấp, nguồn vốn liên doanh, liên kết.

Bốn là: Trong quá trình sản xuất làm kinh tế đơn vị phải:

- Quản lý chặt chẽ mọi khoản thu, chi và tính đúng tính đủ các chi phí.
- Tính toán và phản ánh kịp thời, đầy đủ các khoản thu, chi vào sổ kết toán.

Năm là: Doanh thu từ các hoạt động sản xuất, làm kinh tế phải:

- Bù đắp chi phí sản xuất, làm kinh tế, trường hợp có sử dụng tài sản quốc phòng, nhân lực tham gia quá trình sản xuất, làm kinh tế thì phải hoàn trả ngân sách các khoản chi như: khấu hao cơ bản tài sản cố định, tiền lương, phụ cấp, tiền ăn quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng tham gia vào quá trình sản xuất, làm kinh tế.
- Nộp thuế theo quy định.
- Trả vốn và lãi cho các khoản vốn vay.
- Trả các khoản bồi thường, nộp phạt, tổn thất do nguyên nhân khách quan.

- Số còn lại (nếu thu lớn hơn chi) được sử dụng như sau:
- Chia lãi cho các đơn vị góp vốn liên doanh, liên kết ...
- Nộp cấp trên theo quy định.
- + Bổ sung kinh phí.

+ Trích quỹ đơn vị.

Nếu thu nhỏ hơn chi (lỗ), phải lấy quỹ đơn vị hoặc kết quả sản xuất, làm kinh tế của kỳ sau để bù đắp.

Sáu là: Kết thúc chu kỳ sản xuất, làm kinh tế, hoặc định kỳ (quý, năm) các đơn vị phải xác định kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, làm kinh tế, báo cáo đơn vị cấp trên và công khai đối với đơn vị.

Bảy là: Ngoài nguồn thu từ sản xuất, làm kinh tế, các khoản thu khác tại đơn vị phải được quản lý, phân phối, sử dụng và thu nộp theo đúng các quy định của Bộ Quốc phòng.

Nghiêm cấm các đơn vị tự ý giữ lại số thu để sử dụng dưới mọi hình thức.

Tám là: Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, đơn vị phải lập dự toán, báo cáo đơn vị cấp trên phê duyệt mới được thực hiện. Định kỳ hết năm, phải báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

Hàng năm các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng trong kế hoạch công tác, có các nội dung tham gia xây dựng văn bản, trong đó có nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu; nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy áp dụng trong toàn quân.

* Thể chế hóa các quy định quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội phải dựa trên sự chỉ đạo và định hướng của Bộ Quốc phòng về tổ chức và biên chế cũng như quy định về việc sử dụng tài sản của quân đội cho hoạt động có thu đó là:

- Hàng năm, Bộ Quốc phòng có soát xét hệ thống biên chế, tổ chức trong toàn quân, và soát xét về biên chế, tổ chức đến từng đầu mỗi đơn vị; trên cơ sở đó chỉ ra được các lực lượng dôi dư tại các đơn vị, các lực lượng thiếu hụt, trên cơ sở đó có sự đánh giá đầy đủ về bức tranh quân số, về biên chế, tổ chức, trình độ chuyên môn các bộ, chiến sỹ.

- Sự tăng cường công tác phối kết hợp giữa các cơ quan: cán bộ, tổ chức, quân lực, tài chính, thực hiện công tác liên thâm quân số. Chủ động và tích cực đề xuất

báo cáo với Bộ Quốc phòng các biên pháp, các giải pháp về quản lý quân số, quản lý về biên chế... luôn được chú trọng.

- Khuyến khích đơn vị tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giảm biên chế một cách hợp lý nhất trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo nộp đủ thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách, cho cấp trên theo quy định.

- Yêu cầu của đơn vị đặt ra có quyền chủ động tổ chức, sắp xếp, phân công lao động, được giao biên chế ổn định trong 3 năm, được chủ động sử dụng biên chế được giao và quản lý lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ các hoạt động có thu của mình, trên cơ sở nhu cầu và khả năng tài chính, được thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và không trái với Pháp luật quy định, Điều Lệnh Quản lý Bộ đội. Trường hợp nhu cầu sử dụng lao động thay đổi hoặc nguồn thu từ hoạt động có thu của đơn vị không đảm bảo, đơn vị kịp thời điều chỉnh số lao động theo hợp đồng cho phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm kê tài sản, đánh giá đúng thực lực trang bị tài sản hiện có của Quân đội về chất lượng, số lượng, tính năng kỹ thuật và công nghệ: tài sản trong kho, tài sản hiện có đơn vị đang khai thác sử dụng. Tổng hợp và chủ động đề xuất báo cáo Bộ Quốc phòng loại bỏ, hoặc điều chuyển các tài sản cũ, lạc hậu, máy móc vật tư kỹ thuật không còn sử dụng được cho công tác huấn luyện, nghiên cứu và sẵn sàng chiến đấu trong quân đội, nhằm tận dụng nguồn thu, giải phóng mặt bằng, tiết kiệm chi phí bảo quản, bảo dưỡng không cần thiết.

- Quản lý chặt chẽ, tính khấu hao đầy đủ các loại trang thiết bị đưa vào sản xuất dịch vụ, xây dựng kế hoạch về việc khai thác và sử dụng tài sản cụ thể chi tiết báo cáo với cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phương châm: tận dụng tốt nhất năng lực dồi dư, tạm thời nhàn rỗi, không ảnh hưởng tới sức chiến đấu của quân đội.

4.3.2. Tuân thủ các nguyên tắc quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội theo nguyên tắc và theo xu thế chung những năm tới, chúng ta cần một số điểm chủ yếu sau:

4.3.2.1. Về phía nhà nước

Cần đa dạng hóa hình thức quản lý đối với từng loại hình hoạt động có thu cho phù hợp với thực tế và trình độ quản lý của các cấp. Cần sớm hoàn chỉnh hệ thống pháp luật

quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, đảm bảo đồng bộ, thống nhất khung pháp lý nhất là chế độ phân bổ, định mức thu chi, chế độ thanh quyết toán.

Nâng cao chất lượng hoạch định, định hướng chiến lược hoạt động có thu trong thời gian tới, bắt đầu từ việc soát xét đánh giá lại năng lực dôi dư hiện có trong các đơn vị dự toán bao gồm lực lượng cán bộ chiến sỹ ngoài thời gian thực hiện các nhiệm vụ chính trị (nhiệm vụ chính), trình độ năng lực có thể tham gia vào hoạt động có thu, cơ sở vật chất kỹ thuật dôi dư, nhà cửa bên bãi...

Cần hoàn thiện bộ máy quản lý tài chính, đề cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khi tham gia hoạch định chính sách, tham gia quản lý tài chính hoạt động có thu, đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý tài chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và đáp ứng sự tuân thủ theo pháp luật hiện hành.

Tạo cơ chế thực thi nghiêm pháp luật ở mọi cấp đơn vị, thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm toán, kiểm tra việc thực thi pháp luật và xử nghiêm các trường hợp vi phạm.

4.3.2.2. Về phía đơn vị dự toán tổ chức hoạt động có thu

Đơn vị có tổ chức các hoạt động có thu phải tự lo nguồn vốn để hoạt động (bằng nguồn vốn tự có hoặc đi vay nhưng phải tính đến khả năng hoàn trả vốn vay); không được dùng kinh phí do ngân sách cấp hoặc các khoản phải thu nộp ngân sách để làm vốn hoặc bù lỗ cho các hoạt động lao động sản xuất, làm kinh tế (trừ những khoản được ngân sách bố trí theo kế hoạch, như hỗ trợ xúc tiến việc làm, nâng cao năng lực dạy nghề của các trường nghề trong quân đội).

Hạch toán tài chính hoạt động có thu phải độc lập với hạch toán hoạt động chính (hạch toán độc lập không có nghĩa là mở hai sổ kết toán tổng hợp phản ánh thu chi tài chính trong một đơn vị để theo dõi riêng).

Đơn vị có tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phải đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện lấy thu bù chi và có lãi; đồng thời phải tính đến hiệu quả về xã hội như quản lý bộ đội, quản lý trang bị, nâng cao chuyên môn nghề nghiệp, xây dựng mối quan hệ đoàn kết quân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

Đơn vị phải tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động có thu; bảo đảm mọi khoản thu, chi đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; phải tổ chức công tác kế toán, mở sổ sách đăng ký, ghi chép đầy đủ, đúng quy định, kịp thời mọi khoản thu, chi đối với từng hoạt động có thu; phải sử dụng hóa đơn, chứng từ khi mua, bán

hàng hóa và cung ứng dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành. Chỉ huy và tài chính đơn vị có triển khai hoạt động có thu phải quản lý chặt chẽ mọi khoản thu, chi phí, tính đúng, tính đủ các chi phí; tính toán và phân phối kịp thời, đầy đủ các khoản chi, vào sổ kế toán, mọi khoản trích nộp, phân phối phải kịp thời đúng quy định của Bộ Quốc phòng ban hành.

Đơn vị có các khoản thu phải báo cáo kết quả, phân phối và sử dụng các khoản thu, nộp kịp thời, đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách theo đúng quy định của Nhà nước và Quân đội.

Đối với số thu để lại bổ sung kinh phí, đơn vị phải lập dự toán, báo cáo đơn vị cấp trên phê duyệt mới được thực hiện. Định kỳ và hết năm phải báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

Cơ quan tài chính cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động có thu của đơn vị cấp dưới, theo dõi việc thu nộp và quyết toán cho cấp dưới các khoản thu được để lại theo chế độ nhất là khoản bổ sung vào kinh phí chi cho các nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách quốc phòng, ngân sách nhà nước chưa đảm bảo được kịp thời.

4.3.3. Nâng cao trình độ cán bộ và tăng cường đưa công nghệ thông tin vào quản lý

(i) Nâng cao trình độ cán bộ tài chính

Đối với người làm về công tác tài chính Bác Hồ từng dạy: Cán bộ kinh tế tài chính phải trau dồi đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục sự Tổ Quốc, phụng sự nhân dân. (Trích thư của Chủ tịch Hồ Chính Minh gửi Hội nghị cán bộ tài chính toàn quân ngày 20 tháng 12 năm 1952). Trong việc xây dựng lực lượng kỹ thuật ban đầu Bác Hồ từng nói: “người trước súng sau”; con người là nhân tố trung tâm của bộ máy quản lý, là khâu trọng yếu trong việc xử lý các thông tin đề ra các quyết định quản lý. Trình độ cán bộ quản lý là nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý, quyết định sự thành bại của công tác quản lý nói chung cũng như công tác quản lý tài chính nói riêng.

Để thực hiện các giải pháp trên, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý tài chính quân đội phải được nâng lên để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Đối với cơ quan quản lý cấp trên, nếu cán bộ quản lý tài chính có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, sẽ đưa ra được những biện pháp quản lý phù hợp, xử lý thông tin quản lý kịp thời, chính xác làm cho hoạt động quản lý ngày càng đạt kết

quả tốt. Đối với các đơn vị dự toán quân đội, một đội ngũ cán bộ kế toán tài chính có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm công tác, có bản lĩnh công tác, có tâm huyết trong chuyên môn nghề nghiệp là điều kiện quan trọng và cần thiết đưa công tác quản lý tài chính kế toán của các đơn vị cơ sở ngày càng đi vào nề nếp, tuân thủ các chế độ quy định về tài chính, kế toán của nhà nước, góp phần vào hiệu quả của công tác quản lý tài chính trong toàn ngành. Hoàn thiện quản lý tài chính hoạt động có thu sẽ giúp cho các đơn vị tích cực sắp xếp lại biên chế, quân số và phân công lao động hợp lý hơn, từ đó tận dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lực cán bộ, chiến sĩ trong khi vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Đi đôi với việc nâng cao trình độ, phẩm chất đạo đức, tạo nguồn đội ngũ các đồng chí làm công tác tài chính, kế toán..., Bộ Quốc phòng cần hoàn chỉnh quy hoạch biên chế tổ chức, bộ máy làm công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế và đáp ứng quy hoạch chung.

(ii) Tăng cường đưa công nghệ tin học trong quản lý tài chính hoạt động có thu

Để góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội việc tăng cường đưa công nghệ tin học trong quản lý là rất cần thiết. Tin học hóa dưới góc độ phương tiện hiện đại trang bị phù hợp, sẽ là công cụ đắc lực cho công tác phản ánh ghi chép lưu trữ thông tin, giảm bớt thời gian và công sức của các bộ quản lý tài chính, đáp ứng tốt hơn việc cung cấp các số liệu liên quan đến công tác quản lý tài chính về hoạt động có thu.

Tin học hóa phải đáp ứng được các yêu cầu bảo mật của Bộ Quốc phòng quy định, nghiên cứu và xây dựng và đưa vào thực hiện thống nhất phần mềm quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội với các tiêu chí, các nội dung phục vụ cho người lãnh đạo, người chỉ huy, người quản lý công tác tài chính và cơ quan cấp trên nắm được tình hình quản lý về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị.

Minh giải cho nội dung đề xuất giải pháp cần tăng cường công nghệ tin học trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội. Thông qua nắm tình hình quản lý tài chính đơn vị trong đó có quản lý tài chính hoạt động có thu, các đơn vị đều có nhu cầu được tăng cường đưa công nghệ tin học trong quản lý tài chính. Kết quả từ phiếu điều tra tại câu hỏi số 12 thuộc phiếu điều tra, tác giả tổng hợp cho thấy có 153/226 phiếu điều tra bằng: 67,69% cho rằng rất cần thiết; có 69/226 phiếu điều tra bằng: 30,53% cho rằng cần thiết; có 4/226 phiếu điều tra

bằng: 1,76% cho rằng không cần thiết. Tác giả hình thành ý tưởng đề xuất xây dựng phần mềm mô phỏng thực hiện quá trình quản lý, giúp người chỉ huy đơn vị và cơ quan cấp trên kiểm soát nắm được tình hình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu một cách thuận lợi. Từ ý tưởng xây dựng số liệu kết quả hoạt động có thu làm dữ liệu đầu vào; yêu cầu đầu ra là phần mềm tin học phải kiểm soát, xử lý và phân tích được quá trình quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, người chỉ huy sử dụng thông qua phần mềm quản lý này đánh giá được tình trạng quản lý về tài chính hoạt động có thu, từ đó đưa ra các quyết định về quản lý với các cơ quan chức năng thuộc quyền.

4.3.4. Công khai minh bạch về cơ chế chính sách trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu

Nguồn gốc của tệ tham nhũng về tài chính trước hết là do cơ chế, nguyên tắc tài chính còn nhiều khe hở và khiếm khuyết, quản lý thiếu công khai minh bạch. Chính phủ đã ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 vấn đề “công khai, minh bạch” được đưa lên hàng đầu, yêu cầu phải công khai, minh bạch trong nhiều lĩnh vực trong đó yêu cầu công khai minh bạch trong quản lý tài chính và chi tiêu công, quy định quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức và của cá nhân...; Luật Phòng, chống tham nhũng quy định là khá đủ, vấn đề quan trọng là ở khâu tổ chức thực hiện như thế nào. Để làm tốt nội dung này, công tác quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội cần thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

(i) Cơ chế vận hành minh bạch

Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo cho việc quản lý tài chính được thực hiện thống nhất và hiệu quả. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý sẽ tạo điều kiện cho người tham gia trực tiếp vào các công việc của hoạt động có thu có thể tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động thu chi tài chính, hạn chế những thất thoát, lãng phí, giảm thiểu sự nghi ngờ về phân bổ thu chi tài chính và đảm bảo tính hiệu quả của quản lý, chi tiêu tài chính trong lĩnh vực này.

Yêu cầu công khai trong quản lý tài chính hoạt động có thu phải thực hiện các vấn đề chủ yếu như: Công khai về pháp luật, chế độ, quy chế; công khai chế độ tài

chính khai thác nguồn lực dồi dư; công khai sử dụng tài sản công phục vụ cho các nhiệm vụ hoạt động có thu. Việc công khai này cho phép hạn chế tình trạng tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi của cán bộ có chức có quyền khi tham gia chỉ đạo điều hành hoạt động có thu. Yêu cầu công khai trong quản lý tài chính hoạt động có thu cho phép được thực hiện cơ chế “bộ đội biết, bộ đội kiểm tra” trong lĩnh vực quản lý tài chính. Đây cũng là yếu tố đảm bảo dân chủ trong công tác quản lý nhà nước nói chung và quản lý tài chính hoạt động có thu nói riêng.

(ii) Sử dụng hệ thống giám sát, đánh giá

Hệ thống giám sát và đánh giá là công cụ hữu hiệu giúp Chính phủ có thể thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu theo các quy định của luật pháp. Nếu không giám sát, đánh giá và kèm theo đó là khen thưởng và chế tài, thì chủ trương, chính sách rất dễ chỉ nằm suông trên giấy. Công khai, minh bạch là công cụ tốt giúp hoạt động có thu đạt được hiệu quả trên các mặt chi phí, chất lượng công việc và tiến độ trong từng nhiệm vụ. Vì vậy, cần luôn luôn nắm vững mục đích của nó, nếu không thì chỉ làm tăng chi phí giao dịch một cách vô ích. Hiển nhiên, đó không phải là công cụ duy nhất, mà chỉ là một công cụ quan trọng trong tập hợp công cụ mà Chính phủ sử dụng phối hợp.

Nhưng, công cụ chỉ là công cụ, nếu các cơ quan Nhà nước ta không đủ quyết tâm và sự khéo léo để sử dụng nó một cách hiệu quả nhất trong quản lý nhà nước về nguồn thu. Vấn đề còn là phải có quyết tâm từ chính phủ những người thực hiện trong đó có đơn vị triển khai hoạt động có thu.

Kết quả hoạt động có thu phần bổ sung chi cho các nhiệm vụ quốc phòng (chi tiêu công), đánh giá chi tiêu công nhằm xác định và thực hiện chiến lược phân tích chi tiêu công. Phân tích chi tiêu công nhằm xác định khả năng có thể thúc đẩy cải thiện tình hình quản lý chi ngân sách hiện tại, mặt khác nó hỗ trợ công tác đánh giá độc lập từ bên ngoài hệ thống để duy trì và cải thiện yêu cầu thông tin và kết quả đạt được từ hoạt động có thu được bổ sung vào ngân sách. Giữa chi cho các nhiệm vụ quốc phòng và thể chế ngân sách có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, cần đánh giá việc chi tiêu trên cả ba cấp độ là kỷ luật tài chính tổng thể; xác định các ưu tiên chiến lược; và hiệu quả chi phí. Đánh giá chi tiêu nhằm củng cố phương pháp hoạch định

và điều hành ngân sách, sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực công để thúc đẩy hoàn thành các nhiệm vụ chính trị quân đội đặt ra đối với các đơn vị.

4.3.5. Thực hiện tiết kiệm, phòng chống tham nhũng

Thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả công tác kế toán, thanh tra giám sát và thực hiện công khai minh bạch tài chính.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ theo Chương trình hành động của Chính phủ đã đề ra; trong đó tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy trình, nghiệp vụ, chính sách, chế độ quản lý tài chính. Tăng cường thực hiện tốt chế độ công khai tài chính, đầy đủ với tất cả các cấp, các cơ quan, đơn vị. Xây dựng quy tắc, chuẩn mực ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngành tài chính trong thi hành công vụ; xây dựng quy chế kiểm tra giám sát nội bộ,... Hoàn thiện chế độ kế toán, thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các khoản chi tiêu công và đơn vị triển khai hoạt động có thu có doanh thu lớn và có liên quan đến ngân sách nhà nước, ngân sách quốc phòng, phát triển kiểm toán nội bộ. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ, chú trọng giám sát của các đoàn thể quần chúng và hoạt động tự giám sát. Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm để kịp thời ngăn chặn những nguy cơ làm mất an ninh trong hệ thống tài chính; áp dụng chế độ báo cáo tài chính bắt buộc, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính, bổ sung lực lượng và điều kiện vật chất để từng bước thực hiện thanh tra tài chính và kiểm toán với các nội dung chi tiêu lớn gắn với quản lý tài chính, ngân sách.. Thực hiện công khai kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tài chính, chú trọng công tác xử lý kỷ luật về tài chính.

Việc hoàn thiện quản lý tài chính hoạt động có thu sẽ giúp cho các đơn vị tăng nguồn thu từ các hoạt động và hợp lý hóa các khoản chi tiêu từ hoạt động có thu. Việc cho phép các đơn vị giữ lại một phần nguồn thu và có quyền quyết định việc sử dụng phần kinh phí này sẽ giúp cho các đơn vị tăng cường ý thức tiết kiệm trong sử dụng kinh phí, việc sử dụng kinh phí cũng sẽ phù hợp hơn với thực tế của mỗi đơn vị và tiết kiệm cho ngân sách quốc phòng.

**** Cơ sở cho việc thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng***

Hệ thống thanh tra trong quân đội tổ chức và hình thành ở các cấp, đó là: Thanh tra Bộ Quốc phòng, tại các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng về hệ

thống tổ chức có các phòng hoặc ban thanh tra, tùy theo nhu cầu và quy mô của tổ chức. Đối với thanh tra tài chính chuyên ngành, Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng có Phòng Thanh tra Tài chính, Phòng Kiểm toán, các phòng quản lý tài chính theo chức năng nhiệm vụ: Phòng Quản lý Giá, Phòng Quản lý Ngân sách Bảo đảm, Phòng Quản lý Ngân sách Sử dụng... chú trọng duy trì và xây dựng cơ chế hoạt động, phát huy chức năng, nhiệm vụ của hệ thống.

Cục Tài chính /Bộ Quốc phòng có hướng dẫn 2036/TC4 ngày 01 tháng 12 năm 2004, về việc tự kiểm tra tài chính, kế toán các cơ quan, đơn vị dự toán trong quân đội. Tại nội dung kiểm tra các nguồn kinh phí, các khoản thu của đơn vị chỉ rõ: kiểm tra việc thực hiện thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị, bao gồm mức thu từng loại phí, lệ phí, tổng số thu phí, lệ phí được để lại đơn vị, các khoản thu từ hoạt động có thu khác; nguyên tắc phân phối, sử dụng...

Trong công tác quyết toán và tổng kết ngân sách năm, công tác kiểm tra kiểm soát các hoạt động có thu được coi trọng. Việc thẩm định số liệu về kết quả hoạt động có thu là một nội dung của công tác quyết toán và tổng kết ngân sách ở các cấp.

Hàng năm Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Cục Tài chính, phòng, ban thanh tra các đơn vị, các phòng quản lý ngân sách, tổ chức thanh tra thường xuyên, thanh tra đột xuất, thanh tra theo nội dung công việc (theo chuyên đề), thanh tra theo đơn thư tố cáo, khiếu nại.

Tóm lại: Bộ Quốc phòng luôn chú trọng tăng cường hệ thống tổ chức thanh tra ở các cấp, lực lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ thanh tra, đổi mới cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong thanh tra, là điều kiện và là cơ sở thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả công tác kiểm toán, thanh tra, giám sát và thực hiện công khai minh bạch về tài chính hoạt động có thu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội có ý nghĩa quan trọng đối với từng đơn vị nói riêng và lực lượng vũ trang nói chung, thể hiện trên nhiều mặt cụ thể: Định hướng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, bao gồm quan điểm chỉ đạo và nội dung định hướng quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu. Đề ra các giải pháp chủ yếu gắn với điều kiện thực hiện giải pháp theo nội dung quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Nội dung hoàn thiện chủ yếu được đề cập của luận án: Định hướng chiến lược quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội; xây dựng hoàn thiện chính sách, chế độ và văn bản pháp luật; chỉ đạo lập và quyết định kế hoạch tài chính hoạt động có thu; chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội; kiểm tra và kiểm toán tài chính hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội.

Việc hoàn thiện quản lý tài chính hoạt động có thu không những tạo điều kiện để các đơn vị sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị quân đội một cách hợp lý để tăng nguồn thu cho quân đội, nâng cao đời sống của cán bộ, chiến sĩ mà còn góp phần sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí trong việc tận dụng các cơ sở vật chất và trang thiết bị này. Bởi vì đặc thù trong quân đội là có cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ cho chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, các máy móc thiết bị đó đáp ứng cho nhiệm vụ quốc phòng, một số loại mang tính lưỡng dụng phục vụ cho sản xuất, dịch vụ mà không ảnh hưởng tới sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, khi các máy móc thiết bị này được tận dụng và khai thác. Việc tăng các hoạt động có thu và có cơ chế quản lý tài chính hợp lý đối với hoạt động này góp phần sử dụng có hiệu quả hơn máy móc, trang thiết bị và cơ sở vật chất mà không ảnh hưởng đến khả năng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

Việc hoàn thiện quản lý tài chính hoạt động có thu là cơ sở trong khâu phân phối, điều tiết tích cực ở mặt vĩ mô và vi mô, là cơ sở cho sự gắn kết giữa các cấp quản lý, tăng cường và củng cố mối đoàn kết trong các cơ quan và đơn vị. Đồng thời cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu hợp lý sẽ giúp cho các đơn vị tăng cường

tính chủ động, nâng cao năng lực của quân nhân, giúp cho cán bộ, chiến sĩ có điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Tác giả trên góc độ thực tế nghiên cứu về chế độ quản lý tài chính đơn vị dự toán quân đội, đã đưa ra những quan điểm, định hướng hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với hoạt động có thu các đơn vị dự toán trong quân đội, đề xuất những giải pháp để từng bước hoàn thiện trong quản lý tài chính. Hệ thống hóa các quan điểm liên quan đến đơn vị dự toán tổ chức hoạt động có thu, phân tích, đề cập lý giải nội dung liên quan đến hoạt động có thu của quân đội, dựa vào chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ. Luận án đánh giá quá trình QLNN về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội dưới góc độ hiệu quả mang lại gắn với vấn đề xã hội và xu thế chung của thời đại. Đưa ra quan điểm liên quan đến việc phân bổ từ kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội được bổ sung kinh phí dựa trên việc phân tích bản chất của hoạt động kinh tế.

Điểm mới của chương 4: (i) Luận án đưa ra quan điểm chủ đạo QLNN về tài chính hoạt động có thu đó là hoạt động có thu không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính và không làm giảm khả năng chiến đấu của đơn vị dự toán, ngược lại cho phép đáp ứng nhu cầu hội nhập và xu hướng từng bước áp dụng quản lý chi tiêu công hiện đại. (ii) Luận án đề xuất 4 nhóm giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội; đề xuất việc áp dụng thí điểm nội dung quản lý mới cho một số đơn vị triển khai hoạt động có thu: gắn với loại hình liên kết giáo dục và đào tạo (Trường Trung cấp kỹ thuật Xe Máy - Tổng cục Kỹ thuật), loại hình dịch vụ y tế khám chữa bệnh (Viện Quân y 7 - Quân khu 3) và loại hình nghiên cứu khoa học và dịch vụ kỹ thuật (Viện hóa Vật liệu - Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự).

KẾT LUẬN

Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân (tiềm lực kinh tế quốc phòng) gắn liền với thịnh - suy, an - nguy của một quốc gia. Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân trở thành một nội dung quan trọng trong xây dựng các tiềm lực của sức mạnh quốc gia, là nền tảng vật chất cho xây dựng các tiềm lực khác. Hoạt động có thu trong các đơn vị dự toán quân đội thời gian qua và hiện nay đã đóng góp một phần nhỏ trong xây dựng tiềm lực kinh tế quốc phòng. Vì vậy nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là nội dung nghiên cứu tìm và đề xuất giải pháp có tính đột phá trong các nội dung nghiên cứu về hoạt động có thu của đơn vị dự toán quân đội, góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng tiềm lực kinh tế quốc phòng trong đó có việc tạo lập nguồn thu bổ sung kinh phí cho các nhiệm vụ quốc phòng khi ngân sách nhà nước chi cho quốc phòng còn eo hẹp và đảm bảo chưa kịp thời, tạo nguồn thu, chi góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ chiến sỹ trong quân đội.

Được Đảng và Chính phủ cho phép, Quân đội triển khai hoạt động có thu tại các đơn vị quân đội thời gian qua đã gặt hái được những thành công nhất định. Tạo thêm nhiều của cải vật chất cho xã hội, trước hết là góp phần phục vụ quân đội, tạo lập bổ sung nguồn kinh phí chi cho nhiệm vụ quốc phòng. Tận dụng năng lực dồi dào, phát huy công năng nhân đôi, phát huy trình độ nghiệp vụ tay nghề của đội ngũ khoa học kỹ thuật là chủ trương đúng, thiết thực thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, thực hành tiết kiệm bằng chính nguồn lực trong quân đội.

Qua nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội còn tồn tại những hạn chế trong quản lý: Quản lý tài chính hoạt động có thu còn chưa rạch ròi nhất là hạch toán chi phí giữa một số nội dung chi cho nhiệm vụ quốc phòng và hoạt động làm kinh tế; một số đơn vị còn khai thác công năng nhân đôi quá mức, còn yếu kém trong quản lý dẫn đến thất thoát tài chính, tài sản ở một vài đơn vị. Quân đội đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp toàn diện của Quân ủy Trung ương và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, với truyền thống sẵn có và tính kỷ luật cao trong quân đội, luôn tiếp thu và thích ứng với sự chuyển đổi quản lý của nền kinh tế hiện nay, văn hóa thực thi công việc trong quân đội được đề cao và phát

huy; những hạn chế nêu trên sớm được khắc phục; quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu, tính hiệu quả và tính hiệu lực nhanh chóng được thiết lập hoàn thiện.

Nghiên cứu quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội là vấn đề mới với nghiên cứu sinh. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những nội dung lý luận quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, những thành quả của các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan, nghiên cứu sinh đã lựa chọn cho mình một hướng tiếp cận riêng cho nhiệm vụ mình nghiên cứu. Với mong muốn đóng góp một phần công sức của mình vào việc xây dựng cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc hoạch định chính sách, không ngừng hoàn thiện quản lý nhà nước về tài chính thuộc lĩnh vực này nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý tài chính hoạt động có thu nói riêng và quản lý tài chính trong quân đội nói chung. Nghiên cứu sinh đã cố gắng nỗ lực nghiên cứu, song đây là vấn đề rất mới trong khi khả năng nghiên cứu của tác giả có hạn, nên không tránh khỏi những hạn chế. Mong nhận được sự chân thành của các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo tham gia hoạch định chính sách tài chính, đóng góp cho tác giả và cho bản luận án này.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

I. Các bài đăng trên Tạp chí Tài chính Quân đội (mục nghiên cứu)

1. Nguyễn Huy Tranh (2007) “Về quản lý tài chính hoạt động có thu”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 1 (63) năm 2007, Hà Nội, tr. 36-37.
2. Nguyễn Huy Tranh (2009) “Quản lý tài chính trong nhượng bán vũ khí, vật tư, trang thiết bị, thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 1 năm 2009, Hà Nội tr. 22- 23.
3. Nguyễn Huy Tranh (2009) “Một số ý kiến trao đổi về quản lý hoạt động có thu”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 2 (195), Hà Nội, tr. 22- 23.
4. Nguyễn Huy Tranh (2005) “Về công tác phân bổ ngân sách kỹ thuật thường xuyên”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 2 (54) năm 2005, Hà Nội, tr. 25.
5. Nguyễn Huy Tranh (2007) “Chuyển chỉ tiêu ngân sách sang năm sau ở Tổng cục Kỹ thuật nhìn từ góc độ quản lý”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 4 (66) năm 2007, Hà Nội, tr. 40- 41 và 61.

II. Đề tài nghiên cứu khoa học

1. Nguyễn Huy Tranh - Chủ nhiệm đề tài “Xác định nội dung chi ngân sách một số chuyên ngành kỹ thuật”, được nghiệm thu ngày 13 tháng 12 năm 2005; đề tài phục vụ giải thích mục lục ngân sách nhà nước áp dụng trong Quân đội.
2. Nguyễn Huy Tranh - Chủ nhiệm đề tài “Quản lý tài chính trong nhượng bán vũ khí, vật tư, trang thiết bị”, được nghiệm thu ngày 25 tháng 12 năm 2008; đề tài được ứng dụng đưa vào quy trình thực hiện nghiệp vụ của Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2004), *Từ điển Bách khoa Việt nam*, NXB Hội Nhà Văn Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (1995), *Thông tư số 804/TT-QP*, ngày 06 tháng 5 năm 1995 về thu một phần viện phí đối với dịch vụ khám, chữa bệnh tại các bệnh viện quân đội.
3. Bộ Quốc phòng (1995), *Thông tư số 1590/TT-QP*, ngày 19 tháng 8 năm 1995 về thu một phần viện phí đối với dịch vụ khám, chữa bệnh tại các bệnh viện quân đội.
4. Bộ Quốc phòng (1997), *Quyết định số 1440/QĐ-QP*, ngày 28 tháng 10 năm 1997.
5. Bộ Quốc phòng (1998), *Quyết định số 782/1998/QĐ-BQP* ngày 24 tháng 6 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội.
6. Bộ Quốc phòng (2001), *Chỉ thị số 3300/2001/CT-BQP* ngày 10 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tăng cường quản lý và sử dụng ngân sách quốc phòng trong tình hình hiện nay.
7. Bộ Quốc phòng (2001), *Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP* ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy định quản lý các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội.
8. Bộ Quốc phòng (2004), *Quyết định số 159/2004/QĐ-BQP* ngày 2/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy định điều tiết thu nộp đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Hà Nội .
9. Bộ Quốc phòng (2005), *Báo cáo số 11/BCKT* ngày 23 tháng 12 năm 2005 về kiểm tra quản lý và sử dụng nguồn thu Tổng cục Kỹ thuật, Hà Nội.
10. Bộ Quốc phòng (2005), *Quyết định số 59/2005/QĐ-BQP* về phương thức xử lý và quy định tỷ lệ thu nộp đối với xử lý vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, trang thiết bị, vật tư trong quân đội, Hà Nội.
11. Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư số 156/2005/TT-BQP* hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách trong quân đội, Hà Nội.
12. Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư số 157/2005/TT-BQP* hướng dẫn thực hiện quy chế công khai phân bổ vốn đầu tư xây dựng trong các đơn vị quân đội, Hà Nội.

13. Bộ Quốc phòng (2006), *Quyết định số 1497/2006/QĐ-BQP ngày 23/ 6 năm 2006, Hà Nội về áp dụng chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với quân đội*, Hà Nội.
14. Bộ Quốc phòng (2006), *Thông báo số 3259/BQP ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Bộ Quốc phòng về Kết luận kiểm tra tài chính các đơn vị*, Hà Nội.
15. Bộ Quốc phòng (2007), *Chỉ thị số 83/2007/CT-BQP, ngày 12 tháng 5 năm 2007 về việc tăng cường quản lý tài chính, tài sản trong tình hình hiện nay*, Hà Nội.
16. Bộ Quốc phòng (2007), *Điều lệ Công tác tài chính Quân đội Nhân dân Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BQP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng*, Hà Nội. tr. 19, 20, 22.
17. Bộ Quốc phòng (2008), *Quyết định số 59/2008/QĐ-BQP về việc sửa đổi một số nội dung của quy chế xử lý vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, trang thiết bị, vật tư trong quân đội*, Hà Nội.
18. Bộ Quốc phòng (2009), *Quyết định số 178/2009/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2009 sửa đổi một số Điều tại Quy định quản lý các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội ban hành theo Quyết định số 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
19. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (1996), *Lịch sử tài chính quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
20. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (1996), *Lịch sử tài chính quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
21. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (1996), *Lịch sử tài chính quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 3, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
22. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (2001), *Hướng dẫn số 1773/TC4 ngày 24 tháng 12 năm 2001 về thực hiện Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội*, Hà Nội.
23. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (2003), *Tài chí dự toán quân đội*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội. Tr.184, 185, 188, 205, 206, 207.
24. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (2005), *Báo cáo kết quả kiểm tra và sử dụng nguồn thu của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong quân đội 12/2005*, Hà Nội.

25. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (2006), *Quyết định số 1754/QĐ-CTC ngày 17/7/2006 về ban hành chế độ kế toán trong các đơn vị dự toán quân đội*, Hà Nội.
26. Bộ Quốc phòng. Cục Tài chính (2008), *Hướng dẫn số 338/CTC-CDQLHL ngày 28 tháng 02 năm 2008 về thực hiện Quy định quản lý tài chính các hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong quân đội*, Hà Nội.
27. Bộ Tài chính (2003), *Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và Quyết định số 192/2010/QĐ-TTg về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước*, Hà Nội.
28. Bộ Tài chính (2003), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán cho giám đốc đơn vị sự nghiệp có thu, tháng 8 năm 2003*, Hà Nội.
29. Bộ Tài chính (2006), *Báo cáo số 8694/BTC-CDKT ngày 17/7/2006*, Hà Nội.
30. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp*, Hà Nội.
31. Mai Văn Bru và Phan Kim Chiên (2001), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, Giáo trình sau đại học, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
32. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1994), *Nghị định 95 – NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 1994*, Hà Nội.
33. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), *Nghị định số 33-NĐ-CP, ngày 23 tháng 5 năm 1995*, Hà Nội.
34. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 - Quy định về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu*, Hà Nội.
35. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị định số 115/2005/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập*, Hà Nội.
36. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 - Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.

37. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Nghị định 104/2008/NĐ-CP Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
38. Đặng Kim Chung (2007), “Công bằng xã hội gắn với tăng trưởng kinh tế trong chính sách giảm nghèo”, *Tạp chí cộng sản*, số 5 tháng 5-2007, tr. 38-41.
39. Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 4, NXB Sử học, Hà Nội.
40. Nguyễn Quang Dong (2002), *Giáo trình kinh tế lượng*, sách điện tử, Hà Nội.
41. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, (Trang 320), Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận (2005), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (1998), *Nghị quyết số 150/ĐUQSTW về việc quân đội tham gia lao động sản xuất, làm kinh tế, phát huy vai trò nòng cốt tham gia xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng an ninh trên các địa bàn chiến lược*, Hà Nội.
47. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (2002), *Nghị quyết số 71/ĐUQSTW về nhiệm vụ sản xuất xây dựng kinh tế của quân đội trong thời kỳ mới- tiếp tục sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội*, Hà Nội.
48. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (2005), *Nghị quyết số 39/NQ-ĐU của Thường vụ đảng uỷ QSTW về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức Đảng đối với công tác tài chính quân đội, nhiệm kỳ 2006-2010*, Hà Nội.
49. Đảng uỷ Quân sự Trung ương (2005), *Nghị quyết số 529/NQ-ĐU ngày 21/11/2005*.

50. Đảng ủy Quân sự Trung ương (2005), *Quy chế số 145/QC-ĐUQTW ngày 01 tháng 8 năm 2000 về Quy chế lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác tài chính quân đội*.
51. Nguyễn Văn Được (2008), “Nâng cao chất lượng điều hành ngân sách, đáp ứng yêu cầu hoàn thành các nhiệm vụ quân đội”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 5 (73) năm 2008, Hà Nội. tr. 7.
52. Trần Giao (2008), “Xử lý bội chi ngân sách nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát hiện nay”, *Tạp chí cộng sản*, số 791, Hà Nội.
53. Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2000), *Chính sách kinh tế - xã hội*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
54. Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2004), *Khoa học quản lý*, tập 1, tập 2, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
55. Vũ Ngọc Hải (2007), “Về quyền tự chủ và tính trách nhiệm xã hội của các trường đại học nước ta”, *Tạp chí Cộng sản*, số 781 năm 2007, Hà Nội. tr. 93.
56. Đỗ Mạnh Hùng (2008), *Đầu tư phát triển các khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
57. Ngô Hương (2006), “Cải cách nền tài chính để đáp ứng nhu cầu hội nhập”, *Tạp chí Cộng sản*, số 767 năm 2006, Hà Nội. tr. 47- 49, 54.
58. Trần Khánh (2008), “Các nước ASEAN 5 với vấn đề an ninh con người”, *Tạp chí cộng sản*, số 791 năm 2008, Hà Nội. tr. 106-111.
59. Phan Ngọc Liên, Nghiêm Đình Vỳ và Nguyễn Minh Đức (2004), *Quân đội nhân dân Việt Nam – Truyền thống và hiện đại*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội .
60. Liên Cục Tài chính - Nhà trường - Bộ Quốc phòng (2006), *Hướng dẫn số 227/TC4-NT7 của về thực hiện quản lý thu, chi học phí cho các Học viện, Trường quân đội được Chính phủ giao nhiệm vụ tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước*, Hà Nội.
61. Liên Bộ: Bộ Khoa học Công nghệ - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ (2006), *Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2006*, Hà Nội.
62. Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Thông tư liên tịch số 46/2001/TTLT-BTC-BGD&ĐT ngày 20/6/2001*, Hà Nội.

63. Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Khoa học công nghệ (2006), *Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 về hướng dẫn khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
64. Liên Bộ: Bộ Tài chính - Bộ Quốc phòng (2004), *Thông tư số 23/2004/TTLT-BTC-BQP ngày 26 tháng 3 năm 2004 hướng dẫn lập, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước và quản lý tài sản nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng*, Hà Nội.
65. Liên Bộ: Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh và xã hội - Ban Vật giá Chính phủ (1994), *Thông tư liên tịch số 20/TTLT ngày 20/11/1994*, Hà Nội.
66. Lê Đức Liệu (2007), “Một số vấn đề quản lý tài chính hoạt động có thu đối với bệnh viên quân đội”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 5 (67) năm 2007, Hà Nội. tr. 30-31.
67. Phạm Tiến Luật (2004), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế tạo tiềm lực hậu cần trên địa bàn quân khu 3*, Luận án tiến sỹ quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
68. Dương Thị Bình Minh và Sử Đình Thành (2005), “Đổi mới chính sách quản lý chi tiêu công phục vụ tăng trưởng bền vững”, *Tạp chí Cộng sản*, số 744 năm 2005, Hà Nội. tr. 29-32.
69. Ngân hàng Thế giới (2005), *Việt Nam quản lý chi tiêu công để tăng trưởng và giảm nghèo*, NXB Tài chính, Hà Nội.
70. Lê Hữu Nghĩa (2007), “Tiếp tục đổi mới tư duy trong xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Cộng sản*, số 782 năm 2007, Hà Nội. tr.8.
71. Vũ Thị Nhài (2008), *Quản lý tài chính công ở Việt Nam*, NXB Tài chính, Hà Nội.
72. Phạm Quang Phiếu (2006), *Báo cáo nhận rõ khó khăn xây dựng dự toán ngân sách cân đối, toàn diện, vững chắc đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 2007* (tại hội nghị ngành tài chính toàn quân năm 2006), TP Hồ Chí Minh.
73. Phạm Quang Phiếu (2006), *Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn thu của các đơn vị trong toàn quân hiện nay* (tại hội nghị ngành tài chính toàn quân năm 13/7/2006), TP Hồ Chí Minh.

74. Phạm Quang Phiếu (2007), “Triển khai dự toán ngân sách năm 2008, tăng cường kỷ luật tài chính, triệt để thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 6 (68) năm 2007, Hà Nội. tr. 3-6.
75. Phạm Quang Phiếu (2007), “Triển khai đồng bộ cơ chế quản lý, phát huy các nguồn lực tài chính, xây dựng và bảo đảm dự toán ngân sách 2008 toàn diện vững chắc”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 3 (65) năm 2007, Hà Nội. tr.5-8.
76. Phạm Quang Phiếu (2008), “Khai thác đa dạng các nguồn lực tài chính, xây dựng và đảm bảo dự toán ngân sách năm 2009 hiệu quả, tích cực”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 4 (72) năm 2008, Hà Nội. tr. 5-6.
77. Phạm Quang Phiếu (2010), “Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “đơn vị quản lý tài chính tốt” hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 2 (195) năm 2010, Hà Nội. tr. 4.
78. Phạm Quang Phiếu (2010), “Xây dựng và phân bổ ngân sách năm 2011 cân đối, toàn diện, tạo đà thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng 5 năm 2011-2015”, *Tạp chí tài chính quân đội*, số tháng 7+8 năm 2010, Hà Nội.
79. Nguyễn Vĩnh Phú (2008), “Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh sau một năm Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới”, *Tạp chí khoa học quân sự*, số 105 năm 2008, Hà Nội. tr. 14-16.
80. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), *Luật dân sự Việt Nam*, Điều 94, Hà Nội.
81. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật Ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
82. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật Kế toán*, Hà Nội.
83. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật Ngân sách Nhà nước*, NXB Tài chính, Hà Nội.
84. Nguyễn Văn Rinh (2003). *Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
85. Đỗ Quốc Sam (2007), “Bàn về lãnh đạo và quản lý trong công cuộc cải cách hành chính”, *Tạp chí Cộng sản*, số 776 năm 2007, Hà Nội. tr. 48-52.
86. Trần Văn Tá (2006), “Tiếp tục đổi mới hoạt động tài chính – ngân sách thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội X của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 767 năm 2006, Hà Nội. tr. 12.

87. Phùng Quang Thanh (2008), “Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tài chính góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 2008”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 1 (69) năm 2008, Hà Nội.
88. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2001 - Quyết định về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước*, Hà Nội.
89. Đặng Việt Thủy (2009), Nhân vật lịch sử, *Tạp chí Văn hoá Quân sự*, Số 51, tháng 11 năm 2009, Hà Nội. Tr. 21, 22.
90. Mai Phúc Thừa (2004), “Nội dung cơ bản cần lưu ý khi thực hiện các văn bản mới quy định về lập, chấp hành và quyết toán NSNN trong quốc phòng”, *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 2 năm 2004, Hà Nội.
91. Dương Văn Tiên (2006), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
92. Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu (2001), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
93. Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu (2005), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
94. Nguyễn Huy Tranh (2007), “Về quản lý tài chính hoạt động có thu”. *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 1 năm 2007, Hà Nội.
95. Nguyễn Huy Tranh (2010), “Một số ý kiến trao đổi về quản lý hoạt động có thu”. *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 2 (195) năm 2010, Hà Nội. tr. 22, 23.
96. Phạm Văn Trà (2004), *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng, chiến đấu, trưởng thành dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
97. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2006), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, NXB Thống kê, Hà Nội. tr. 38-39.
98. Trường Đại học kinh tế quốc dân (2001), *Giáo trình Khoa học quản lý*, tập 1, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
99. Trường Đại học kinh tế quốc dân (2001), *Giáo trình Khoa học quản lý*, tập 2, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

100. Nguyễn Văn Tuấn (2008), “Những lưu ý trong hạch toán hoạt động có thu của các đơn vị dự toán quân đội”. *Tạp chí Tài chính Quân đội*, số 6 (74) năm 2008, Hà Nội. tr. 18-19.
101. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2006), *Nghị quyết số 1101/2006/NQ-UBTVQH11 về kiểm toán theo quy trình riêng đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.
102. Phạm Văn Vận và Vũ Vương (2006), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, NXB Thống kê, Hà Nội.
103. Nguyễn Bảo Vệ và Nguyễn Huy Tài (2006). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*, Hà Nội.
104. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2001), *Bác Hồ với lực lượng vũ trang*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
105. Viện nghiên cứu đào tạo về quản lý (2007), *Nguyên lý quản lý*, NXB Lao động và Xã hội, Hà Nội.
106. Nguyễn Thế Vy (1999), *Nhân tố văn hóa trong truyền thống quân sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. tr. 40-46.

Phụ lục 1. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10/BCQTNS

Phụ lục 1.1. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội**Năm 2005**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số thứ tự	Đơn vị	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa phân phối
			Tổng số chi phí	Trong đó: đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
				KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	BTL Thủ Đức	20.215.361	14.552.147				5.663.214			658.221	1.005.699	3.999.294	-
2	Quân khu 1	20.777.197	15.654.741				5.122.456			623.140	1.250.660	3.005.660	242.996
3	Quân khu 2	27.511.095	20.354.410				7.156.685		140.000	1.233.650	2.156.650	3.626.385	-
4	Quân khu 3	133.691.771	98.566.250				35.125.521		1.560.250	2.560.444	3.965.236	23.699.874	3.339.717
5	Quân khu 4	47.215.724	35.645.874				11.569.850		954.460	2.655.410	3.966.588	3.993.392	-
6	Quân khu 5	78.158.624	41.569.874	2.150.255			36.588.750	100.250		4.156.852	10.569.321	15.124.110	6.638.217
7	Quân khu 7	230.741.798	70.487.562				160.254.236	230.221	6.879.556	28.540.220	64.558.962	40.566.985	19.478.292
8	Quân khu 9	215.868.244	150.456.988				65.411.256	1.400.566	1.865.477	1.542.369	24.569.852	24.558.950	11.474.042
9	Quân đoàn 1	6.106.660	4.156.220				1.950.440				120.500	1.829.940	-
10	Quân đoàn 2	10.677.095	4.256.985	150.445	96.000		6.420.110		250.000		3.100.250	3.069.860	-
11	Quân đoàn 3	65.103.109	32.555.699				32.547.410	65.000	250.000	285.654	14.569.321	9.547.896	7.829.539
12	Quân đoàn 4	104.715.199	50.478.214				54.236.985	185.000	562.444	1.578.456	14.699.520	34.569.852	2.641.713
13	Quân chủng PK - KQ	85.111.641	28.569.541	230.200	14.500		56.542.100	200.550	4.236.255	2.366.595	22.456.985	24.540.002	2.741.713
14	Quân chủng Hải quân	148.817.650	98.563.240	110.500	350.000		50.254.410	1.100.058		4.856.236	17.556.320	26.741.796	-
15	Binh chủng Thông tin	26.049.656	13.695.456				12.354.200	55.221	1.456.214	2.354.695	4.056.220	4.431.850	-

16	Bình chủng Thiết giáp	4.274.585	3.654.025			620.560			120.225	200.000	300.335	-
17	Bình chủng Pháo binh	2.538.148	1.652.456			885.692			50.000	350.000	485.692	-
18	Bình chủng Công Binh	79.025.318	56.478.215			22.547.103		1.899.574	1.750.456	6.588.750	7.850.221	4.458.102
19	Bình chủng Đặc công	3.100.558				3.100.558				300.000	2.800.558	-
20	Bình chủng Hoá học	20.468.362	18.201.410			2.266.952			185.000	369.555	1.712.397	-
21	BTL Biên Phòng	41.821.499	14.365.258			27.456.241	955.420		2.156.985	5.693.214	18.650.622	-
22	Học viện Q/ phòng	900.500				900.500					900.500	-
23	Học viện Chính trị- QS	850.467				850.467					850.467	-
24	Trường SQ Lục quân 1	774.569				774.569					774.569	-
25	Học viện KTQS	41.873.894	20.988.789			20.885.105		3.604			6.022.813	14.858.688
26	Học viện Hậu cần	3.608.906	2.658.456			950.450					950.450	-
27	Học viện Quân Y	116.526.063	78.956.542			37.569.521	75.000		2.854.110	14.336.520	18.965.423	1.338.468
28	Học viện Lục quân	5.075.864	950.452			4.125.412					4.125.412	-
29	Trường SQ lục quân 2	9.157.847	182.000			8.975.847				2.800.000	6.175.847	-
30	Bộ Tổng Tham mưu	235.737.502	175.489.652			60.247.850	9.522.004	15.000.650		7.423.005	24.569.853	3.732.338
31	Tổng cục Chính trị	58.900.043	38.574.147			20.325.896	1.005.240		2.856.957	1.500.654	14.963.045	-
32	Tổng Cục Hậu cần	110.712.770	30.254.110			80.458.660	2.005.440	8.569.565	4.958.687	35.687.952	25.698.547	3.538.469
33	Tổng cục Kỹ thuật	91.150.053	65.053.707	88.400		26.096.346	255.249	2.388.062	1.141.377	9.464.187	12.591.138	256.333
34	Tổng Cục II	7.971.670	846.223			7.125.447			1.854.758	500.000	4.770.689	-
35	Bộ tư lệnh Lãng	2.596.852	140.000			2.456.852				870.000	1.586.852	-
36	Tổng Cục CNQP	85.747.302	75.892.546			9.854.756	740.245	2.100.366	420.113	2.241.002	4.125.000	228.030
37	TT- KHKT QS	83.150.519	78.313.995			4.836.524	740.036	15.242	387.372	1.203.966	2.235.577	254.331
38	TTND Việt Nga	15.207.429	14.356.985			850.444				150.000	700.444	-
39	Bệnh viện TƯQĐ 108	87.138.944	41.915.100			45.223.844			2.090.222	30.459.905	12.673.717	-

40	Viện quân Y 175	48.556.756					48.556.756				32.568.471	11.477.215	4.511.070
41	Viện YH cổ truyền QĐ	10.392.687	8.542.100				1.850.587				354.000	1.496.587	-
	Cộng	2.388.019.931	1.407.029.369	2.641.400	548.900	-	980.990.562	18.635.500	48.131.719	74.238.204	341.663.265	410.759.816	87.562.058

Phụ lục 1.2. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội
Năm 2006

Trích biểu số 10/BCQTNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số thứ tự	Đơn vị	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa phân phối
			Tổng số chi phí	Trong đó: đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
				KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	
1	BTL Thủ Đô	21.612.725	15.456.489				6.156.236			750.550	1.126.225	4.115.023	164.438
2	Quân khu 1	22.529.714	16.899.456				5.630.258		123.266	650.555	1.320.254	2.654.567	881.616
3	Quân khu 2	28.992.301	21.006.741				7.985.560		256.000	1.356.558	2.312.005	4.060.997	-
4	Quân khu 3	137.754.316	100.213.058				37.541.258		2.530.236	2.155.644	4.005.633	24.985.456	3.864.289
5	Quân khu 4	50.400.127	37.645.558				12.754.569		900.569	2.750.256	4.256.002	4.652.447	195.295
6	Quân khu 5	83.026.066	44.569.589	2.456.556			38.456.477	90.556	130.005	4.325.560	11.856.880	15.987.756	6.065.720
7	Quân khu 7	241.119.343	75.562.456				165.556.887	250.445	7.852.554	30.445.623	66.654.125	43.256.458	17.097.682
8	Quân khu 9	227.152.399	158.693.658				68.458.741	1.500.456	1.988.566	1.766.554	25.456.852	23.566.998	14.179.315
9	Quân đoàn 1	6.723.804	4.569.348				2.154.456				150.000	2.004.456	-
10	Quân đoàn 2	11.612.341	4.756.895	220.147	150.222		6.855.446		325.444		3.225.554	3.304.448	-
11	Quân đoàn 3	70.371.012	35.112.456				35.258.556	75.000	308.222	356.963	15.456.521	10.556.899	8.504.951
	Quân đoàn 4	109.035.018	52.369.541				56.665.477	210.000	350.444	1.856.633	15.665.375	35.998.778	2.584.247

12													
13	Quân chủng PK - KQ	89.002.344	30.556.921	254.456	15.444		58.445.423	220.333	4.562.478	2.458.774	24.452.140	23.558.770	3.192.928
14	Quân chủng Hải quân	152.557.543	100.556.788	120.336	422.300		52.000.755	1.200.255		5.123.665	18.556.411	26.555.422	565.002
15	Binh chủng Thông tin	28.126.109	14.569.632				13.556.477	66.500	1.540.111	2.544.687	4.111.588	5.293.591	-
16	Binh chủng Thiết giáp	4.653.589	4.003.145				650.444			150.222	250.444	249.778	-
17	Binh chủng Pháo binh	2.849.211	1.850.456				998.755			60.000	400.500	538.255	-
18	Binh chủng Công Binh	84.003.010	60.556.125				23.446.885		2.114.522	1.955.660	5.669.990	8.003.655	5.703.058
19	Binh chủng Đặc công	3.212.110					3.212.110			250.000		2.962.110	-
20	Binh chủng Hoá học	22.912.412	20.556.990				2.355.422			210.000	400.500	1.744.922	-
21	BTL Biên Phòng	44.976.356	15.410.100				29.566.256	1.112.330		2.544.100	6.123.554	18.995.663	790.609
22	Học viện Q/ phòng	1.100.250					1.100.250					1.100.250	-
23	Học viện Chính trị- QS	995.500					995.500					995.500	-
24	Trường SQ Lục quân I	950.327					950.327					950.327	-
25	Học viện KTQS	50.845.676	25.905.482				24.940.194		48.755			4.371.604	20.519.835
26	Học viện Hậu cần	4.079.094	2.956.554				1.122.540					1.122.540	-
27	Học viện Quân Y	120.776.425	81.220.200				39.556.225	80.000		3.114.556	15.663.220	19.554.200	1.144.249
28	Học viện Lục quân	5.465.448	1.005.223				4.460.225					4.460.225	-
29	Trường SQ lục quân 2	9.756.440	200.000				9.556.440				3.100.250	6.456.190	-
30	Bộ Tổng Tham mưu	243.110.480	181.556.330				61.554.150	10.250.550	18.556.450		8.550.600	22.568.740	1.627.810
31	Tổng cục Chính trị	63.122.688	40.566.211				22.556.477	1.200.300		3.125.144	1.658.995	16.572.038	-
32	Tổng Cục Hậu cần	115.044.847	32.477.852				82.566.995	2.255.632	10.556.899	5.123.100	38.556.998	23.669.410	2.404.956
33	Tổng cục Kỹ thuật	106.707.493	64.575.877		97.007		42.131.616	5.741.333	16.587.898	1.720.251	7.306.031	10.745.083	31.020

34	Tổng Cục II	8.906.921	950.500				7.956.421			2.111.546	650.000	5.194.875	-
35	Bộ tư lệnh Lãng	3.006.300	250.000				2.756.300				1.250.144	1.506.156	-
36	Tổng Cục CNQP	91.044.497	80.455.698				10.588.799	850.000	2.300.466	500.250	2.350.550	4.587.533	-
37	TT- KHKT QS	99.662.271	95.112.427				4.549.844	708.722	25.806	364.907	1.141.345	2.097.719	211.345
38	TTND Việt Nga	16.659.678	15.699.321				960.357				250.000	710.357	-
39	Bệnh viện TUQĐ 108	124.662.759	58.858.871				65.803.888		68.893	3.048.651	41.220.989	18.344.560	3.120.795
40	Viện quân Y 175	53.699.852					53.699.852		1.500.450		38.560.420	13.638.982	-
41	Viện YH cổ truyền QĐ	11.064.546	9.114.100				1.950.446				500.000	1.450.446	-
	Cộng	2.573.283.342	1.505.820.048	3.051.495	684.973	-	1.067.463.294	25.812.412	72.628.034	80.820.409	372.210.095	423.143.184	92.849.160

**Phụ lục 1.3. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội
Năm 2007**

Trích biểu số 10/BCQTNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số thứ tự	Đơn vị	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa phân phối
			Tổng số chi phí	Trong đó: đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
				KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	
1	BTL Thủ Đô	24.127.245	17.331.954				6.795.291	17.220		877.127	1.227.754	4.211.736	461.454
2	Quân khu 1	23.973.473	17.993.807				5.979.666		144.238	782.296	1.499.417	2.904.307	649.408
3	Quân khu 2	30.259.042	22.090.733				8.168.309	1.363	343.383	1.470.287	2.411.953	3.941.323	-
4	Quân khu 3	144.752.434	105.300.922				39.451.512	2.763.363	2.237.740	4.207.035	5.176.266	24.631.155	435.953
5	Quân khu 4	53.341.921	39.537.786				13.804.135		1.106.883	2.893.521	4.761.974	4.342.945	698.812
6	Quân khu 5	86.108.371	46.651.354	2.684.990			39.457.017	101.538	140.290	4.491.657	12.909.582	17.634.907	4.179.043

7	Quân khu 7	250.620.193	78.562.489				172.057.704	266.874	8.932.409	36.003.900	71.510.318	44.859.365	10.484.838
8	Quân khu 9	233.232.331	161.898.005				71.334.326	1.715.019	2.067.656	1.983.638	26.030.295	24.366.934	15.170.784
9	Quân đoàn 1	8.243.081	5.847.546				2.395.535				174.681	1.093.909	1.126.945
10	Quân đoàn 2	12.814.933	5.441.996	234.767	191.750		7.372.937		414.554		3.514.097	3.444.286	-
11	Quân đoàn 3	77.102.420	36.613.962				40.488.458	82.753	324.128	450.475	16.686.260	11.865.189	11.079.653
12	Quân đoàn 4	112.842.088	54.615.171				58.226.917	221.999	367.018	1.978.009	17.813.512	37.846.379	-
13	Quân chủng PK - KQ	91.460.891	31.082.880	287.840	18.044		60.378.011	238.539	4.987.740	2.548.948	25.680.397	23.581.776	3.340.611
14	Quân chủng Hải quân	155.844.211	102.477.497	148.812	430.691		53.366.714	1.323.447		5.657.082	19.473.191	26.665.616	247.378
15	Binh chủng Thông tin	30.350.229	15.894.057				14.456.172	76.208	1.640.419	2.767.847	4.330.651	5.629.190	11.857
16	Binh chủng Thiết giáp	5.069.827	4.319.805				750.022			200.000	262.507	287.515	-
17	Binh chủng Pháo binh	3.020.255	1.966.312		23.924		1.053.943			55.549	499.668	453.122	45.604
18	Binh chủng Công Binh	87.836.738	62.841.838				24.994.900		2.465.048	2.216.612	6.652.067	9.112.087	4.549.086
19	Binh chủng Đặc công	3.593.868					3.593.868			262.100		3.331.768	-
20	Binh chủng Hoá học	25.061.631	22.601.051				2.460.580			246.582	489.055	1.724.943	-
21	BTL Biên Phòng	47.532.769	16.452.081				31.080.688	1.333.824		2.766.509	6.654.140	19.625.084	701.131
22	Học viện Q/ phòng	1.202.361					1.202.361					1.202.361	-
23	Học viện Chính trị- QS	1.074.859					1.074.859		3.379			1.071.480	-
24	Trường SQ Lục quân 1	1.027.437					1.027.437					1.027.437	-
25	Học viện KTQS	60.374.456	35.448.875				24.925.581		106			3.469.157	21.456.318
26	Học viện Hậu cần	4.367.395	3.100.393		3.968		1.267.002	31.716			1.237	1.234.049	-

27	Học viện Quân Y	128.329.029	85.074.968				43.254.061	98.000		3.378.906	17.361.488	21.153.974	1.261.693
28	Học viện Lục quân	5.756.517	1.057.940	892.000			4.698.577					4.698.577	-
29	Trường SQ lục quân 2	10.357.531	229.786				10.127.745				3.544.710	6.583.035	-
30	Bộ Tổng Tham mưu	255.955.315	190.105.200				65.850.115	11.423.566	20.569.540		10.256.007	22.469.420	1.131.582
31	Tổng cục Chính trị	69.015.030	43.170.408				25.844.622	1.372.358		3.233.405	1.866.140	19.372.719	-
32	Tổng Cục Hậu cần	122.016.669	34.456.213				87.560.456	2.475.325	11.236.598	5.420.223	40.456.478	23.569.896	4.401.936
33	Tổng cục Kỹ thuật	97.339.590	68.440.247			3.000	28.899.343	915.242	3.852.090	1.735.054	9.585.164	12.811.793	-
34	Tổng Cục II	9.401.465	1.022.057				8.379.408		3.900	2.344.000	800.600	4.399.273	831.635
35	Bộ tư lệnh Lãng	3.269.035	281.401				2.987.634				1.195.072	1.792.562	-
36	Tổng Cục CNQP	94.409.707	82.608.120				11.801.587	936.120	2.766.177	608.919	2.723.950	4.766.421	-
37	TT- KHKT QS	111.866.143	104.876.794				6.989.349	1.211.129	1.137.171	452.539	1.524.042	2.647.825	16.643
38	TTND Việt Nga	17.752.541	16.738.787				1.013.754	5.886		693.450	178.943	135.475	-
39	Bệnh viện TƯQĐ 108	159.829.348	73.814.869				86.014.479			4.161.645	58.195.338	23.622.496	35.000
40	Viện quân Y 175	57.613.149					57.613.149		1.713.305		40.152.464	15.747.380	-
41	Viện YH cổ truyền QĐ	11.786.804	9.620.213				2.166.591			253.416	681.481	1.231.694	-
	Cộng	2.729.932.332	1.599.567.517	4.248.409	668.377	3.000	1.130.364.815	26.611.489	66.453.772	94.140.731	416.280.899	444.560.560	82.317.364

**Phụ lục 1.4. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội
Năm 2008**

Trích biểu số 10/BCQTNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số thứ tự	Đơn vị	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa phân phối
			Tổng số chi phí	Trong đó: đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
				KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	
1	BTL Thủ Đức	31.383.562	23.387.266				7.996.296	20.072	228.094	977.206	813.913	5.957.011	
2	Quân khu 1	47.488.440	38.833.174				8.655.266		744.620	1.393.800	3.104.099	3.325.602	87.145
3	Quân khu 2	47.405.791	34.120.607				13.285.184	246.515	1.314.643	1.332.108	5.295.572	5.096.346	-
4	Quân khu 3	173.174.938	131.251.341				41.923.597		2.798.463	6.692.358	6.193.235	25.062.042	1.177.499
5	Quân khu 4	64.276.765	47.615.909				16.660.856		1.264.114	4.513.037	4.913.499	5.779.231	190.975
6	Quân khu 5	123.497.012	45.135.267				78.361.745	76.290	1.679.469	2.662.864	17.515.154	27.047.267	29.380.701
7	Quân khu 7	248.193.375	119.936.729				128.256.646	396.540	3.406.558	40.287.003	6.837.903	76.205.608	1.123.034
8	Quân khu 9	135.346.390	91.093.169				44.253.221	164.114	2.597.752	2.296.825	17.934.505	19.969.121	1.290.904
9	Quân đoàn 1	21.484.285	16.227.851				5.256.434		827.983		106.590	2.817.802	1.504.059
10	Quân đoàn 2	21.908.525	14.811.561				7.096.964		180.638		2.355.708	4.389.288	171.330
11	Quân đoàn 3	94.094.219	49.956.891				44.137.328	70.168	1.330.451	1.031.165	13.475.089	7.884.230	20.346.225
12	Quân đoàn 4	173.447.642	86.154.249			770.809	87.293.393	780.709	2.135.597	6.736.366	26.116.563	48.200.297	3.323.861
13	Quân chủng PK - KQ	70.545.629	23.601.876	206.240			46.943.753	392.665	8.190.529	3.272.672	19.616.422	15.471.363	102
14	Quân chủng Hải quân	185.425.060	124.765.481	362.313	41.066		60.659.579	797.507	6.408.519	7.320.864	24.324.106	21.456.619	351.964
15	Binh chủng Thông tin	26.777.127	11.944.397				14.832.730	34.698	1.073.373	3.596.529	4.386.066	5.742.064	-
16	Binh chủng Thiết giáp	4.027.927	3.316.144				711.783		60.151	250.000	299.810	101.822	-
17	Binh chủng Pháo binh	2.673.197	1.601.806	15.268	32.860		1.071.391	5.814	79.616	786.914	10.681	139.624	48.742
18	Binh chủng Công Binh	216.688.492	179.340.900				37.347.592		10.006.917	4.217.104	11.128.969	8.297.192	3.697.410
19	Binh chủng Đặc công	619.240	309.620				309.620		220.779			88.841	-
20	Binh chủng Hoá học	26.405.926	24.488.177				1.917.749	76.275	430.131	132.971	476.689	801.683	-

21	BTL Biên Phòng	42.504.684	11.472.665	140.072	255.079		31.032.019		1.383.262	1.156.900	13.589.770	14.802.248	99.839
22	Học viện Q/ phòng	200.000					200.000					200.000	-
23	Học viện Chính trị- QS	1.330.772	6.990				1.323.782		13.723			1.310.059	-
24	Trường SQ Lục quân 1	8.097.405	3.085.526				5.011.879		104.454	426.000	48.031	4.433.394	-
25	Học viện KTQS	81.234.852	36.917.674				44.317.178		304.144			6.035.219	37.977.815
26	Học viện Hậu cần	4.443.103	2.388.087				2.055.016	4.190	1.280	5.000	1.790.860		253.686
27	Học viện Quân Y	153.649.497	99.076.450				54.573.047	98.000	211.130	4.335.885	17.445.031	25.931.405	6.551.596
28	Học viện Lục quân	6.545.921	198.180				6.347.741		39.075		2.221.388	4.087.278	-
29	Cục Cảnh sát biển	3.064.282	1.155.620				1.908.662		373.383		960.553	517.221	57.505
30	Trường SQ lục quân 2	6.854.571	211.148				6.643.423		32.091		2.549.069	4.062.263	-
31	Bộ Tổng Tham mưu	277.434.845	198.706.113				78.728.732	12.562.615	21.477.576		13.426.852	31.261.689	-
32	Tổng cục Chính trị	60.107.797	45.146.313				14.961.484	1.225.634	4.538.127	3.619.062	1.779.066	3.799.595	-
33	Tổng Cục Hậu cần	126.744.739	35.023.713				91.721.026	2.579.219	12.113.499	6.129.114	43.131.921	24.527.875	3.239.398
34	Tổng cục Kỹ thuật	93.099.564	59.938.654				33.160.910	503.407	4.149.367	2.683.382	12.201.150	13.623.604	-
35	Tổng Cục II	11.378.087	1.338.517				10.039.570		29.696	2.309.500	943.699	4.892.682	1.863.993
36	Bộ tư lệnh Lãng	3.205.225	279.543				2.925.682		224.706		1.051.841	1.649.135	-
37	Tổng Cục CNQP	136.127.266	117.640.203				18.487.063	2.121.581	5.424.018	1.300.389	3.927.686	5.713.389	-
38	TT- KHKT QS	163.539.093	153.282.133				10.256.960	1.505.904	1.503.959	1.055.028	2.577.547	3.614.522	-
39	TTND Việt Nga	24.020.072	21.340.256				2.679.816		153.032	417.920	785.946	1.322.918	-
40	Bệnh viện TƯQĐ 108	201.272.396	77.344.941				123.927.455			5.166.509	100.189.837	4.345.051	14.226.058
41	Viện quân Y 175	83.809.930					83.809.930		3.825.756		57.275.312	22.708.862	-
42	Viện YH cổ truyền QĐ	18.944.664	15.024.271				3.920.393		413.374		1.161.934	1.796.194	548.891
	Cộng	3.222.472.307	1.947.469.412	723.893	1.099.814	-	1.275.002.895	23.661.917	101.294.049	116.104.475	441.962.066	464.467.656	127.512.732

Phụ lục 1.5. Tổng hợp kết quả hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội
Năm 2009

Trích biểu số 10/BCQTNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số thứ tự	Đơn vị	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa phân phối
			Tổng số chi phí	Trong đó: đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
				KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	BTL Thủ Đô	52.414.331	29.287.076				23.127.255	74.301	803.624	6.347.763	457.450	8.761.985	6.682.132
2	Quân khu 1	47.453.786	36.102.945				11.350.841		2.110.731	1.673.519	2.023.723	4.514.218	1.028.650
3	Quân khu 2	79.935.788	57.454.747	83.333			22.481.041	35.514	3.370.650	2.122.177	9.521.538	7.431.162	-
4	Quân khu 3	179.605.117	132.420.043				47.185.074		1.331.259	8.108.433	8.483.415	27.907.384	1.354.583
5	Quân khu 4	138.612.376	112.974.828	1.726.053	3.492.188		25.637.548	623.722	2.526.611	6.132.124	6.425.170	7.203.426	2.726.495
6	Quân khu 5	124.408.667	62.742.612				61.666.055	105.718	579.147	3.448.670	14.157.471	23.074.694	20.300.355
7	Quân khu 7	498.514.766	149.048.502				349.466.264	1.006.574	6.955.394	53.079.758	154.744.595	128.096.996	5.582.947
8	Quân khu 9	176.007.811	93.914.746				82.093.065	2.600.000	1.730.797	4.981.789	27.073.853	42.469.199	3.237.427
9	Quân đoàn 1	23.013.565	16.128.937				6.884.628		293.470	524.910	193.556	1.802.921	4.069.771
10	Quân đoàn 2	23.798.991	14.785.620				9.013.371		54.420	156.371	3.656.163	5.146.417	-
11	Quân đoàn 3	107.450.742	62.635.736				44.815.006	48.580	563.327	2.677.928	23.624.856	10.413.676	7.486.639
12	Quân đoàn 4	217.823.196	95.486.264				122.336.932	2.230.642	4.179.576	4.447.827	71.835.307	38.615.506	1.028.074
13	Quân chủng PK - KQ	105.089.819	43.750.911	81.080			61.338.908	500.316	10.135.701	3.752.913	26.750.864	19.561.570	637.544
14	Quân chủng Hải quân	259.572.718	188.110.552	349.112	448.695		71.462.166	966.225	5.014.626	8.633.820	26.714.781	27.149.757	2.982.957
15	Binh chủng Thông tin	29.398.668	11.673.799				17.724.869		4.256.248	2.614.850	3.994.359	5.974.379	885.033
16	Binh chủng Thiết giáp	9.788.481	4.326.165				5.462.316			570.000	139.000	4.753.316	-
17	B. chủng Pháo binh	4.193.954	2.673.578	18.379	31.575		1.520.376	7.771	452.473	254.707	547.018	247.200	11.207
18	B. chủng Công Binh	211.267.266	142.440.546				68.826.720	509.364	16.482.172	7.744.568	29.315.600	13.863.250	911.766
19	Binh chủng Đặc công	3.878.537	797.283				3.081.254		194.790			2.784.261	102.203

20	Bình chủng Hoá học	28.984.681	27.266.827				1.717.854	305.096	21.961	139.433	437.977	813.387	-
21	BTL Biên Phòng	105.225.285	33.103.207	202.315			72.122.078	29.248.416	1.911.826	2.397.137	21.175.950	17.122.037	266.712
22	Học viện Q/ phòng	202.048					202.048					202.048	-
23	Học viện C. trị- QS	1.111.925	5.870				1.106.055		63.631			1.042.424	-
24	Trường SQ Lục quân 1	8.322.787	2.309.715				6.013.072			553.400		5.459.672	-
25	Học viện KTQS	93.253.730	65.040.476				28.213.254		368.532			5.538.616	22.306.106
26	Học viện Hậu cần	6.203.475	3.241.560				2.961.915	4.137				2.292.882	664.896
27	Học viện Quân Y	235.841.174	155.021.945				80.819.229	98.000		7.216.914	32.402.468	36.544.770	4.557.077
28	Học viện lục quân	4.937.007	380.073				4.556.934				1.625.427	2.931.507	-
29	Cục Cảnh sát biển	11.269.623	4.429.068				6.840.555		1.019.720		2.651.272	1.846.809	1.322.754
30	Trường SQ lục quân 2	7.572.877	202.859	159.698			7.370.018		14.003		2.668.505	4.687.510	-
31	Trường SQ Chính trị	1.569.698					1.569.698					1.569.698	-
32	Bộ Tổng Tham mưu	304.272.157	215.697.791	6.309.210	1.488.074	566.809	88.574.366	12.190.553	23.752.200	24.853.215	12.217.015	15.561.383	-
33	Tổng cục Chính trị	78.758.764	43.568.631				35.190.133	3.041.711	12.325.269	3.693.950	6.207.988	9.921.215	-
34	Tổng Cục Hậu cần	141.626.131	32.873.410	102.000	292.769		108.752.721	513.800	15.275.336		55.709.581	37.254.004	-
35	Tổng cục Kỹ thuật	105.210.696	70.539.751				34.670.945	547.364	5.554.681	2.840.815	10.741.009	14.987.076	-
36	Tổng Cục II	16.507.261	1.790.685				14.716.576		65.610	2.528.750	2.342.679	7.262.274	2.517.263
37	Bộ tư lệnh Lãng	3.498.156	473.805				3.024.351		2.692		1.369.715	1.651.867	77
38	Tổng Cục CNQP	160.680.396	136.254.884				24.425.512	1.765.172	13.155.182	1.175.420	3.094.237	5.098.917	136.584
39	Viện KH và CNQS	109.276.577	100.438.428				8.838.149	1.649.252	351.787	950.079	2.570.513	3.316.518	-
40	TTND Việt Nga	28.339.967	24.707.760				3.632.207	342.629	1.056.015	318.415	1.015.911	899.237	-
41	Bệnh viện TƯQĐ 108	265.861.331	110.996.778				154.864.553			7.433.366	104.428.306	43.002.881	-
42	Viện quân Y 175	115.088.045	1.542.433				113.545.612		6.136.338		75.532.156	30.179.642	1.697.476
43	Viện YH cổ truyền QĐ	26.739.605	21.670.758				5.068.847		722.898		1.729.703	2.616.246	-

Cộng	97.339.590	68.440.247	-	-	3.000	28.899.343	915.242	3.852.090	1.735.054	9.585.164	12.811.793	-
-------------	------------	------------	---	---	-------	------------	---------	-----------	-----------	-----------	------------	---

**Phụ lục 2.1. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật
Năm 2008**

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
I. Hoạt động đã hoàn thành	93.099.564	59.938.654	-	-	-	33.160.910	503.407	4.149.367	2.683.382	12.201.150	13.623.604	-
Tại các đơn vị trực thuộc	91.118.024	58.870.384	-	-	-	32.247.640	503.407	4.149.367	2.683.382	11.806.234	13.105.250	-
1. Thu phí, lệ phí	4.060.868	290.133				3.770.735		33.603	110.012	3.003.714	623.406	-
2. Thu hoạt động SX, CU, DV	81.180.715	58.234.016				22.946.699	450.885	955.757	1.971.670	7.531.727	12.036.660	-
3. Thu thanh xử lý	4.788.076	92.451				4.695.625		3.160.007	497.487	1.038.131		-
4. Thu khác	1.088.365	253.784				834.581	52.522		104.213	232.662	445.184	-
Tại Cơ quan	1.981.540	1.068.270	-	-	-	913.270	-	-	-	394.916	518.354	-
1. Thu phí, lệ phí	-											-
2. Thu hoạt động SX, CU, DV	1.138.629	1.002.876				135.753				47.513	88.240	-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	842.911	65.394				777.517				347.403	430.114	-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
2. Thu hoạt động SX, CU, DV												-
Cộng	93.099.564	59.938.654	-	-	-	33.160.910	503.407	4.149.367	2.683.382	12.201.150	13.623.604	-

**Phụ lục 2.1. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu đơn vị Tổng cục Kỹ thuật
Năm 2009**

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	105.210.696	70.539.751	-	-	-	34.670.945	547.364	5.554.681	2.840.815	10.741.009	14.987.076	-
Tại các đơn vị trực thuộc	102.643.094	68.437.706	-	-	-	34.205.388	547.364	5.554.681	2.840.815	10.578.065	14.684.463	-
1. Phí lệ phí, Đào tạo hệ B	29.278.616	26.576.011				2.702.605	201.050		391.401	738.553	1.371.601	-
2. Thu hoạt động SX, DV, CU	62.982.156	40.301.079				22.681.077	306.689	357.440	1.665.719	7.834.266	12.516.963	-
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	364.529	124.400				240.129	18.246	6.341	32.147	67.989	115.406	-
4. Liên doanh liên kết	5.128.028	1.436.216				3.691.812	21.379	1.070.799	729.031	1.190.110	680.493	-
5. Thu thanh xử lý	4.889.765					4.889.765		4.120.101	22.517	747.147		-
Tại Cơ quan	2.567.602	2.102.045	-	-	-	465.557	-	-	-	162.944	302.613	-
1. Thu phí, lệ phí	-											-
2. Thu hoạt động SX, CU, DV	1.846.150	1.639.282				206.868				72.403	134.465	-
4. Thu khác	721.452	462.763				258.689				90.541	168.148	-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
2. Thu hoạt động SX, CU, DV												-
Cộng	105.210.696	70.539.751	-	-	-	34.670.945	547.364	5.554.681	2.840.815	10.741.009	14.987.076	-

Phụ lục 2.2. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Năm 2005

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	87.138.944	41.915.100	-	-	-	45.223.844	-	-	2.090.222	30.459.905	12.673.717	-
Tại các đơn vị trực thuộc	47.475.007	5.670.551	-	-	-	41.804.456	-	-	2.090.222	29.263.120	10.451.114	-
1. Dịch vụ y tế	33.888.033	5.665.351				28.222.682			1.411.134	19.755.877	7.055.671	-
2. Bảo hiểm y tế	13.586.974	5.200				13.581.774			679.088	9.507.243	3.395.443	-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	39.663.937	36.244.549	-	-	-	3.419.388	-	-	-	1.196.785	2.222.603	-
1. Sử dụng máy quý hiếm	-											-
2. Bảo đảm vật t y tế, thuốc	37.439.442	34.822.854				2.616.588				915.805	1.700.783	-
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	-											-
4. Dịch vụ trông xe (khác)	2.224.495	1.421.695				802.800				280.980	521.820	-
5. Thu khác (thanh xử lý)	-											-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
Cộng	87.138.944	41.915.100	-	-	-	45.223.844	-	-	2.090.222	30.459.905	12.673.717	-

Phụ lục 2.2. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Năm 2006

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
			QT với NS	KHTSCĐ	T.long							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	124.662.759	58.858.871	-	-	-	65.803.888	-	68.893	3.048.651	41.220.989	18.344.560	3.120.795
Tại các đơn vị trực thuộc	70.012.546	9.039.509	-	-	-	60.973.037	-	-	3.048.651	39.560.332	15.243.259	3.120.795
1. Dịch vụ y tế	47.770.211	9.022.994				38.747.217			1.937.360	24.483.878	9.686.804	2.639.175
2. Bảo hiểm y tế	22.242.335	16.515				22.225.820			1.111.291	15.076.454	5.556.455	481.620
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	54.650.213	49.819.362	-	-	-	4.830.851	-	68.893	-	1.660.657	3.101.301	-
1. Sử dụng máy quý hiếm	-											-
2. Bảo đảm vật t y tế, thuốc	53.706.131	49.813.662				3.892.469				1.362.364	2.530.105	-
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	-											-
4. Dịch vụ trông xe	852.266					852.266				298.293	553.973	-
4. Thu khác (thanh xử lý)	91.816	5.700				86.116		68.893			17.223	-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
Cộng	124.662.759	58.858.871	-	-	-	65.803.888	-	68.893	3.048.651	41.220.989	18.344.560	3.120.795

Phụ lục 2.2. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Năm 2007

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	158.829.348	72.814.869	-	-	-	86.014.479	-	-	4.161.645	58.195.338	23.622.496	35.000
Tại các đơn vị trực thuộc	92.698.931	12.266.019	-	-	-	80.432.912	-	-	4.021.645	56.303.040	20.108.227	-
1. Dịch vụ y tế	53.875.232	12.166.785				41.708.447			2.085.422	29.195.914	10.427.111	-
2. Bảo hiểm y tế	38.823.699	99.234				38.724.465			1.936.223	27.107.126	9.681.116	-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	66.130.417	60.548.850	-	-	-	5.581.567	-	-	140.000	1.892.298	3.514.269	35.000
1. Sử dụng máy quý hiếm	-											-
2. Bảo đảm vật t y tế, thuốc	65.103.117	60.548.850				4.554.267				1.593.993	2.960.274	-
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	-											-
4. Dịch vụ trông xe	852.300					852.300				298.305	553.995	-
4. Thu khác (thanh xử lý)	175.000					175.000			140.000			35.000
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
Cộng	158.829.348	72.814.869	-	-	-	86.014.479	-	-	4.161.645	58.195.338	23.622.496	35.000

**Phụ lục 2.2. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Năm 2008**

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu ch a
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	201.272.396	77.344.941	-	-	-	123.927.455	-	-	5.166.509	100.189.837	4.345.051	14.226.058
Tại các đơn vị trực thuộc	109.656.295	6.326.093	-	-	-	103.330.202	-	-	5.166.509	98.163.693	-	-
1. Dịch vụ y tế	49.383.167	2.575.592				46.807.575			2.340.378	44.467.197		-
2. Bảo hiểm y tế	60.273.128	3.750.501				56.522.627			2.826.131	53.696.496		-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	91.616.101	71.018.848	-	-	-	20.597.253	-	-	-	2.026.144	4.345.051	14.226.058
1. Sử dụng máy quý hiếm	12.583.364					12.583.364						12.583.364
2. Bảo đảm vật t y tế, thuốc	76.733.999	71.018.848				5.715.151				1.710.304	3.714.849	289.998
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	1.309.053					1.309.053						1.309.053
4. Dịch vụ trông xe	902.400					902.400				315.840	586.560	-
5. Thu khác (thanh xử lý)	87.285					87.285					43.642	43.643
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
Cộng	201.272.396	77.344.941	-	-	-	123.927.455	-	-	5.166.509	100.189.837	4.345.051	14.226.058

**Phụ lục 2.2. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Năm 2009**

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu ch- ưa
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
			KHTSCĐ	T.I- ong	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	265.861.331	110.996.778	-	-	-	154.864.553	-	-	7.433.366	104.428.306	43.002.881	-
Tại các đơn vị trực thuộc	161.137.588	16.223.892	-	-	-	144.913.696	-	-	7.245.684	101.439.587	36.228.425	-
1. Dịch vụ y tế	68.809.493	16.223.892				52.585.601			2.629.280	36.809.921	13.146.400	-
2. Bảo hiểm y tế	92.328.095					92.328.095			4.616.404	64.629.666	23.082.025	-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	104.723.743	94.772.886	-	-	-	9.950.857	-	-	187.682	2.988.719	6.774.456	-
1. Dịch vụ y tế	-											-
2. Đảm bảo thuốc, vật t y tế	102.208.214	94.732.547				7.475.667				2.616.483	4.859.184	-
3. Lãi tiền gửi ngân hàng	1.264.313	40.339				1.223.974					1.223.974	-
4. Dịch vụ trông xe	1.798.514					1.798.514				629.545	1.168.969	-
5. Thu khác dịch vụ ki ốt	1.251.216					1.251.216			187.682	372.236	691.298	-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Thu phí, lệ phí												-
Cộng	265.861.331	110.996.778	-	-	-	154.864.553	-	-	7.433.366	104.428.306	43.002.881	-

**Phụ lục 2.3. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự
Năm 2005**

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

		Chi phí		Phân phối thu nhập thu chi	Số thu ch- ưa
--	--	---------	--	----------------------------	------------------

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí không	Các khoản đã QT với NS			Chênh lệch thu, chi	Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
		QT với NS	KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	83.150.519	78.313.995	-	-	-	4.836.524	740.036	15.242	387.372	1.203.966	2.235.577	254.331
Tại các đơn vị trực thuộc	83.135.277	78.313.995	-	-	-	4.821.282	740.036	-	387.372	1.203.966	2.235.577	254.331
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	33.835.492	32.513.342				1.322.150	14.977		131.183	409.505	760.599	5.886
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	49.299.785	45.800.653				3.499.132	725.059		256.189	794.461	1.474.978	248.445
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	15.242	-	-	-	-	15.242	-	15.242	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	15.242					15.242		15.242				-
4. Thu khác	-											-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Cộng	83.150.519	78.313.995	-	-	-	4.836.524	740.036	15.242	387.372	1.203.966	2.235.577	254.331

Phụ lục 2.3. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự

Năm 2006

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long								

					Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	99.662.271	95.112.427	-	-	-	4.549.844	708.722	25.806	364.907	1.141.345	2.097.719	211.345
Tại các đơn vị trực thuộc	99.636.465	95.112.427	-	-	-	4.524.038	708.722	-	364.907	1.141.345	2.097.719	211.345
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	39.324.699	37.939.171				1.385.528	8.694		136.625	427.267	793.497	19.445
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	60.311.766	57.173.256				3.138.510	700.028		228.282	714.078	1.304.222	191.900
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Tại Cơ quan	25.806	-	-	-	-	25.806	-	25.806	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	25.806					25.806		25.806				-
4. Thu khác	-											-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	-											-
4. Thu khác	-											-
Cộng	99.662.271	95.112.427	-	-	-	4.549.844	708.722	25.806	364.907	1.141.345	2.097.719	211.345

Phụ lục 2.3. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự

Năm 2007

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí		Chênh lệch	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa
		Chi phí không	Các khoản đã QT với NS		Nộp	Nộp	Nộp cấp	Bổ sung	Trích quỹ	Phân phối

		QT với NS	KHTSCĐ	T.long	Khác	thu, chi	NSNN	NSQP	trên	kinh phí	đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	111.866.143	104.876.794	-	-	-	6.989.349	1.211.129	1.137.171	452.539	1.524.042	2.647.825	16.643
Tại các đơn vị trực thuộc	109.787.453	103.014.700	-	-	-	6.772.753	1.211.129	1.012.761	452.539	1.431.856	2.647.825	16.643
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	32.758.646	31.789.756				968.890	37.399		94.318	293.009	544.164	-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	75.736.211	71.153.715				4.582.496	1.144.010		344.185	1.094.632	1.983.026	16.643
3. Thu thanh xử lý	1.012.761					1.012.761		1.012.761				-
4. Thu khác	279.835	71.229				208.606	29.720		14.036	44.215	120.635	-
Tại Cơ quan	2.078.690	1.862.094	-	-	-	216.596	-	124.410	-	92.186	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	1.784.183	1.784.183				-						-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	294.507	77.911				216.596		124.410		92.186		-
4. Thu khác	-											-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Bình chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	-											-
Cộng	111.866.143	104.876.794	-	-	-	6.989.349	1.211.129	1.137.171	452.539	1.524.042	2.647.825	16.643

Phụ lục 2.3. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự

Năm 2008

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí		Chênh lệch	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa
		Chi phí không	Các khoản đã QT với NS		Nộp	Nộp	Nộp cấp	Bổ sung	Trích quỹ	Phân phối

		QT với NS	KHTSCĐ	T.long	Khác	thu, chi	NSNN	NSQP	trên	kinh phí	đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	163.539.093	153.282.133	-	-	-	10.256.960	1.505.904	1.503.959	1.055.028	2.577.547	3.614.522	-
Tại các đơn vị trực thuộc	159.541.766	149.570.760	-	-	-	9.971.006	1.505.904	1.459.932	1.055.028	2.388.431	3.561.711	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	70.094.328	67.728.298				2.366.030	86.906	78.148	305.634	693.078	1.202.264	-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	78.383.556	72.590.954				5.792.602	1.324.824	331.329	665.996	1.340.999	2.129.454	-
3. Thu thanh xử lý	67.400					67.400		9.950	9.950		47.500	-
4. Thu khác (ra pha bom mìn)	10.405.066	9.086.747				1.318.319		1.040.505	33.542	91.782	152.490	-
5. Thu từ hoạt động tài chính	591.416	164.761				426.655	94.174		39.906	262.572	30.003	-
Tại Cơ quan	3.997.327	3.711.373	-	-	-	285.954	-	44.027	-	189.116	52.811	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	3.789.653	3.708.136				81.517		4.075		28.531	48.911	-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	7.500	1.000				6.500		325		2.275	3.900	-
3. Thu thanh xử lý	75.635	1.800				73.835		39.627		34.208		-
4. Thu khác	-											-
5. Thu từ hoạt động tài chính	124.539	437				124.102				124.102		-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
3. Thu thanh xử lý	-											-
Cộng	163.539.093	153.282.133	-	-	-	10.256.960	1.505.904	1.503.959	1.055.028	2.577.547	3.614.522	-

**Phụ lục 2.3. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự
Năm 2009**

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Chi phí	Phân phối thu nhập thu chi	Số thu chưa
--	---------	----------------------------	-------------

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS			Chênh lệch thu, chi	Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Phân phối
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	109.276.577	100.438.428	-	-	-	8.838.149	1.649.250	351.787	950.079	2.570.513	3.316.520	-
Tại các đơn vị trực thuộc	105.089.268	96.530.531	-	-	-	8.558.737	1.649.250	336.497	950.079	2.361.364	3.261.547	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	37.320.058	35.847.389				1.472.669	39.389	64.861	208.189	422.851	737.379	-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	67.135.045	60.669.828				6.465.217	1.515.672	247.296	741.890	1.436.191	2.524.168	-
3. Thu thanh xử lý	32.000					32.000		16.000		16.000		-
4. Thu khác (ra pha bom mìn)	-											-
5. Thu từ hoạt động tài chính	602.165	13.314				588.851	94.189	8.340		486.322		-
Tại Cơ quan	4.187.309	3.907.897	-	-	-	279.412	-	15.290	-	209.149	54.973	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	3.981.043	3.901.424				79.619		3.980		27.866	47.773	-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	18.000	6.000				12.000		600		4.200	7.200	-
3. Thu thanh xử lý	16.900					16.900		9.025		7.875		-
4. Thu khác	-											-
5. Thu từ hoạt động tài chính	171.366	473				170.893		1.685		169.208		-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Hợp đồng với Quân Binh chủng	-											-
2. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
Cộng	109.276.577	100.438.428	-	-	-	8.838.149	1.649.250	351.787	950.079	2.570.513	3.316.520	-

Phụ lục 2.4. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị Học Viện Kỹ thuật Quân sự

Năm 2005

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu chưa Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.lơng	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	41.873.894	20.988.789	-	-	-	20.885.105	-	3.604	-	-	6.022.813	14.858.688
Tại các đơn vị trực thuộc	41.870.290	20.988.789	-	-	-	20.881.501	-	-	-	-	6.022.813	14.858.688
1. Đào tạo liên kết	4.095.109	1.084.348				3.010.761					452.572	2.558.189
2. Đào tạo dân sự	16.217.815	9.300.165				6.917.650					1.314.795	5.602.855
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	19.855.897	10.604.276				9.251.621					2.553.977	6.697.644
4. Thu khác	1.701.469					1.701.469					1.701.469	-
Tại Cơ quan	3.604	-	-	-	-	3.604	-	3.604	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
4. Thu khác (Thu tiền nhà)	3.604					3.604		3.604				-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
Cộng	41.873.894	20.988.789	-	-	-	20.885.105	-	3.604	-	-	6.022.813	14.858.688

Phụ lục 2.4. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Học Viện Kỹ thuật Quân sự
Năm 2006

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu cha Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	50.845.676	25.905.482	-	-	-	24.940.194	-	48.755	-	-	4.371.604	20.519.835
Tại các đơn vị trực thuộc	50.796.921	25.905.482	-	-	-	24.891.439	-	-	-	-	4.371.604	20.519.835
1. Đào tạo liên kết	4.978.670	1.648.637				3.330.033						3.330.033
2. Đào tạo dân sự	20.514.799	10.817.711				9.697.088					813.942	8.883.146
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	24.648.957	13.439.134				11.209.823					2.903.167	8.306.656
4. Thu khác	654.495					654.495					654.495	-
Tại Cơ quan	48.755	-	-	-	-	48.755	-	48.755	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
4. Thu khác (Thu tiền nhà)	48.755					48.755		48.755				-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
Cộng	50.845.676	25.905.482	-	-	-	24.940.194	-	48.755	-	-	4.371.604	20.519.835

Phụ lục 2.4. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Học viện Kỹ thuật Quân sự
Năm 2007

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu cha Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	60.374.456	35.448.875	-	-	-	24.925.581	-	106	-	-	3.469.157	21.456.318
Tại các đơn vị trực thuộc	60.374.350	35.448.875	-	-	-	24.925.475	-	-	-	-	3.469.157	21.456.318
1. Đào tạo liên kết	6.144.209	2.032.850				4.111.359					472.154	3.639.205
2. Đào tạo dân sự	25.667.798	12.332.226				13.335.572					1.755.347	11.580.225
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	28.396.118	20.917.574				7.478.544					1.241.656	6.236.888
4. Thu khác	166.225	166.225										-
Tại Cơ quan	106	-	-	-	-	106	-	106	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
4. Thu khác (Thu tiền nhà)	106					106		106				-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
Cộng	60.374.456	35.448.875	-	-	-	24.925.581	-	106	-	-	3.469.157	21.456.318

Phụ lục 2.4. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Học Viện Kỹ thuật Quân sự
Năm 2008

Trích biểu số 10/BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu cha Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	81.234.852	36.917.674	-	-	-	44.317.178	-	304.144	-	-	6.035.218	37.977.816
Tại các đơn vị trực thuộc	78.058.810	35.195.263	-	-	-	42.863.547	-	83.280	-	-	6.035.218	36.745.049
1. Đào tạo liên kết	5.837.314	786.857				5.050.457					3.078.006	1.972.451
2. Đào tạo dân sự	26.585.265	10.950.139				15.635.126					379.264	15.255.862
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	45.244.931	23.458.267				21.786.664		83.280			2.538.948	19.164.436
4. Thu khác	391.300					391.300					39.000	352.300
Tại Cơ quan	3.176.042	1.722.411	-	-	-	1.453.631	-	220.864	-	-	-	1.232.767
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Thanh lý, và các khoản nộp NS	220.864					220.864		220.864				-
4. Thu khác	2.955.178	1.722.411				1.232.767						1.232.767
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
4. Thu khác	-											-
Cộng	81.234.852	36.917.674	-	-	-	44.317.178	-	304.144	-	-	6.035.218	37.977.816

Phụ lục 2.4. Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động có thu
Đơn vị Học Viện Kỹ thuật Quân sự
Năm 2009

Trích biểu số 10 /BCQTTKNS

Đơn vị tính: 1000 đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu	Chi phí				Chênh lệch thu, chi	Phân phối thu nhập thu chi					Số thu cha Phân phối
		Chi phí không QT với NS	Các khoản đã QT với NS				Nộp NSNN	Nộp NSQP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	
			KHTSCĐ	T.long	Khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. Hoạt động đã hoàn thành	93.253.730	65.040.476	-	-	-	28.213.254	-	368.532	-	-	5.538.616	22.306.106
Tại các đơn vị trực thuộc	93.253.730	65.040.476	-	-	-	28.213.254	-	368.532	-	-	5.538.616	22.306.106
1. Đào tạo liên kết	4.905.759	2.243.865				2.661.894					158.083	2.503.811
2. Đào tạo dân sự	32.793.870	18.689.574				14.104.296					1.729.216	12.375.080
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	55.271.101	44.107.037				11.164.064		85.532			3.651.317	7.427.215
4. Thu khác (thanh xử lý)	283.000					283.000		283.000				-
Tại Cơ quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Thanh lý, và các khoản nộp NS	-											-
4. Thu khác	-											-
II. Hoạt động chưa hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đào tạo liên kết	-											-
2. Đào tạo dân sự	-											-
3. Dịch vụ khoa học kỹ thuật	-											-
Cộng	93.253.730	65.040.476	-	-	-	28.213.254	-	368.532	-	-	5.538.616	22.306.106

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA**Phụ lục 3.1. Đối tượng điều tra**

TT	Đối tượng điều tra	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ tham gia hoạch định chính sách	130	50
2	Cán bộ tham gia thực thi chính sách	130	50
	Cộng	260	100

Phụ lục 3.2. Cơ cấu các câu hỏi

TT	Loại câu hỏi	Số ượng	Tỷ lệ%
1	Các câu hỏi điều tra về vai trò của lãnh đạo, chỉ huy trong việc chỉ đạo thực hiện các quy chế quản lý tài chính hoạt động có thu	4	18,18
2	Các câu hỏi điều tra về tổ chức nhân sự thực hiện quản lý tài chính hoạt động có thu	3	13,64
3	Các câu hỏi điều tra về sự phân công trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động kinh tế và loại hình hoạt động kinh tế	3	13,64
4	Các câu hỏi điều tra về việc sử dụng các công cụ trong quản lý tài chính hoạt động có thu	4	18,18
5	Các câu hỏi điều tra về tính hợp lý của cơ chế phân bổ nguồn thu từ hoạt động có thu	3	13,64
6	Các câu hỏi điều tra về hiệu quả của hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán	2	9,09
7	Các câu hỏi điều tra về việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát trong quản lý tài chính hoạt động có thu	2	9,09
8	Câu hỏi mở để thu thập ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về tài chính hoạt động có thu	1	4,54
9	Cộng	22	100

Phụ lục 3.3. Kết quả phiếu điều tra

Câu hỏi số	Ý kiến trả lời theo cấp độ từng loại câu hỏi (câu hỏi trả lời 2 cấp độ: phiên hiệu là 1; 2, câu hỏi trả lời 3 cấp độ: phiên hiệu là 1; 2; 3)							
	Cán bộ tham gia hoạch định chính sách (HĐCS1)			Tổng số ý kiến	Cán bộ tham gia thực thi chính sách (TTCS2)			Tổng số ý kiến
	Tổng hợp trong 115 phiếu				Tổng hợp trong 113 phiếu			
	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)		
1	114	0		114	113	0		113
2	108	6		114	110	3		113
3	114	0		114	113	0		113
4	1	35	77	113	2	78	33	113
5	80	15	17	112	77	8	28	113
6	43	65		108	72	40		112
7	83	22		105	93	20		113
8	40	20	49	109	55	35	23	113
9	72	30	7	109	75	38	2	113
11	65	50	6	111	76	35	1	112
12	75	35	3	113	78	34	1	113
13	88	15		113	89	14		113
15	22	38	50	110	26	44	43	113
15.1	32	69	8	109	31	79	2	112
15.2	6	73	30	109	0	87	26	113
15.3	11	76	22	109	15	88	10	113
16	44	31	34	109	35	57	21	113
17	30	81	2	113	31	79	3	113
18	80	24	5	109	92	16	5	113
19.1	30	81	2	113	28	82	2	112
19.2	25	85	3	113	20	81	12	113
19.3	55	50	7	112	50	61	2	113
20	65	40		105	40	72		112
21	71	42	0	113	80	33	0	113

Câu số 10: tổng hợp thông tin tại câu hỏi 10.3 của đối tượng điều tra (TTCS2) có 31/112 phiếu xác nhận đơn vị có lập dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm.

Câu hỏi số 14: tổng hợp thông tin của đối tượng điều tra (TTCS2) có 93/112 phiếu xác nhận đơn vị có loại hình hoạt động có thu khác.

Câu hỏi số 22: câu hỏi mở thu lượm thêm thông tin về quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị.

Phụ lục 3.4. Mẫu phiếu điều tra**PHIẾU ĐIỀU TRA**

Phục vụ làm Luận án tiến sĩ: “*Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội*”. Tác giả chỉ sử dụng kết quả điều tra phục vụ Luận án này, không sử dụng cho các mục đích khác.

Ký hiệu bảng khảo sát: Cán bộ tham gia hoạch định chính sách (HĐCS1); cán bộ tham gia thực thi chính sách (TTCS2).....(1)

Ngày khảo sát:(2)

Họ tên người được điều tra cung cấp thông tin:.....(3)

Vị trí công tác:(4)

Địa chỉ đóng quân:(5)

(Các thông tin ở điểm (3); (4) và (5); người được điều tra có thể cung cấp thông tin hoặc không cung cấp thông tin).

Xin đồng chí vui lòng trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu (X) vào các ô của bảng xin cung cấp thông tin:

1. Lãnh đạo, Chỉ huy Cơ quan, Đơn vị (*gọi chung là: đơn vị*) có thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công tác quản lý tài chính hoạt động có thu không?

Có (1) Không (2)

2. Lãnh đạo, Chỉ huy đơn vị có yêu cầu các cơ quan phải xây dựng quy chế quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị không?

Có (1) Không (2)

3. Lãnh đạo, Chỉ huy đơn vị có thường xuyên quán triệt các cơ quan phải tuân thủ các quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý tài chính hoạt động có thu không?

Có (1) Không (2)

4. Trách nhiệm trong việc tham mưu với Bộ Quốc phòng về xây dựng văn bản pháp quy liên quan đến quản lý tài chính hoạt động có thu trong quân đội:

Thuộc về Lãnh đạo, Chỉ huy, Cơ quan tài chính đơn vị trong toàn quân (1)	<input type="checkbox"/>
Thuộc về các Cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng (2)	<input type="checkbox"/>
Cả ý 1; 2, (3)	<input type="checkbox"/>

5. Tổ chức, biên chế của Phòng (*Ban*) Tài chính hiện nay có phù hợp và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị không?

Rất phù hợp (1) Tương đối phù hợp (2) Còn chưa phù hợp (3)

6. Đồng chí có kiến nghị bổ sung cán bộ tham gia quản lý tài chính trong quản lý hoạt động có thu tại đơn vị không?

Có (1) Không (2)

7. Nguồn nhân lực (*số lượng và chất lượng*) cán bộ quản lý tài chính có đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính hiện nay ở đơn vị có triển khai hoạt động có thu?

Có (1) Không (2)

8. Trách nhiệm được giao giữa các bộ phận làm công tác chuyên môn và các bộ phận tham gia hoạt động có thu (*làm kinh tế*) trong đơn vị có rõ ràng hay không?

Rất rõ ràng (1) Rõ ràng (2) Còn chưa rõ ràng (3)

9. Việc đơn vị triển khai tổ chức nhiệm vụ hoạt động có thu (*làm kinh tế*) có phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thế mạnh của đơn vị không?

Rất phù hợp (1) Tương đối phù hợp (2) Còn chưa phù hợp (3)

10. Hệ thống kế hoạch của đơn vị đồng chí gồm những kế hoạch nào sau đây: (*có thể chọn nhiều câu hỏi*).

10.1. Dự toán thu, chi ngân sách hàng năm	<input type="checkbox"/>
10.2. Dự toán thu, chi hoạt động có thu hàng năm	<input type="checkbox"/>
10.3. Kế hoạch Công tác Quân sự năm	<input type="checkbox"/>
10.4. Kế hoạch Công tác Đảng, Công tác Chính trị năm	<input type="checkbox"/>
10.5. Kế hoạch khác	<input type="checkbox"/>

11. Tổ chức công tác kế toán của đơn vị có đáp ứng việc hạch toán thu chi và quản lý các hoạt động có thu theo các chuẩn mực kế toán được ban hành?

Đáp ứng tốt (1) Cơ bản đáp ứng (2) Chưa đáp ứng (3)

12. Theo đồng chí có cần tăng cường đưa Công nghệ Tin học trong quản lý về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội?

Rất cần thiết (1) Cần thiết (2) Không cần thiết (3)

13. Định kỳ người Chỉ huy có yêu cầu cơ quan tài chính phải báo cáo tình hình công tác quản lý tài chính hoạt động có thu tại đơn vị?

- Định kỳ trong 6 tháng ít nhất 1 lần (1)	<input type="checkbox"/>
- Định kỳ trong 1 năm ít nhất 1 lần (2)	<input type="checkbox"/>
- Cả năm không yêu cầu báo cáo (3)	<input type="checkbox"/>

14. Các loại hình chủ yếu hoạt động có thu đơn vị đang thực hiện? (*Có thể chọn nhiều câu trả lời; Cán bộ tham gia hoạch định chính sách cấp Bộ Quốc phòng không trả lời câu hỏi này*).

Các loại hình	Có	Không
- Hoạt động lao động tăng gia sản xuất tại đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động làm dịch vụ khoa học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động dịch vụ y tế, khám chữa bệnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động từ liên kết đào tạo, giảng dạy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động dịch vụ của nhà khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Các hoạt động dịch vụ khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

15. Tỷ lệ phân phối kết quả hoạt động có thu theo Quyết định 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 và Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Quốc phòng đã hợp lý chưa?

Rất hợp lý (1) Hợp lý (2) Còn chưa hợp lý (3)

- 1.5.1. Tỷ lệ trích nộp trên, đến cấp trực thuộc bộ?
Cao (1) Hợp lý (2) Thấp (3)
- 15.2. Tỷ lệ trích quỹ đơn vị?
Cao (1) Hợp lý (2) Thấp (3)
- 15.3. Tỷ lệ bổ sung kinh phí?
Cao (1) Hợp lý (2) Thấp (3)
16. Chế độ và quyền lợi (*việc đãi ngộ đối với người làm kinh tế*) trong đơn vị có thỏa đáng hay không?
Rất thỏa đáng (1) Thỏa đáng (2) Chưa thỏa đáng (3)
17. Theo đồng chí có cần thay đổi các quy định tại tại Quyết định 3365/2001/QĐ-BQP ngày 17 tháng 12 năm 2001 và Quyết định số 178/2007/QĐ-BQP ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Quốc phòng cho phù hợp với thực tế các hoạt động có thu hiện nay trong quân đội?
Thay đổi (1) Bổ sung (2) Không cần thay đổi (3)
18. Có ý kiến cho rằng: Đơn vị triển khai hoạt động có thu ít nhiều có ảnh hưởng (*làm giảm đi*) đến nhiệm vụ “*Chính trị*” (*nhiệm vụ quân sự, các mặt công tác, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu...*) của đơn vị?
Không ảnh hưởng (1) Ít ảnh hưởng (2) Ảnh hưởng (3)
19. Đánh giá về kết quả hoạt động có thu của đơn vị trong thời gian qua:
- | | Cao(1) | TB(2) | Thấp(3) |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 19.1. Hiệu quả kinh tế đem lại từ hoạt động có thu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 19.2. Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 19.3. Góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
20. Kết quả hoạt động có thu; phần bổ sung kinh phí, cần tăng cường quản lý kiểm soát nhất là khâu lập dự toán thu, chi và khâu thanh quyết toán?
Quản lý như hiện nay (1) Cần tăng cường quản lý (2)
21. Theo đồng chí, Công tác Thanh tra, Kiểm toán hoạt động có thu tại đơn vị có cần được chú trọng không?
Rất cần thiết (1) Cần thiết (2) Không cần thiết (3)
22. Để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính nói chung, quản lý tài chính hoạt động có thu nói riêng, đồng chí có ý kiến đề xuất gì với cấp trên trong việc hoạch định chính sách chế độ và cơ chế quản lý nói chung?
-
-

PHỤ LỤC 4. KẾT QUẢ PHỎNG VẤN

Phụ lục 4.1. Đối tượng phỏng vấn

TT	Các cán bộ tham gia trực tiếp các nhiệm vụ hoạt động có thu (làm kinh tế) tại 4 đơn vị dự toán quân đội	Số người	Tỷ lệ %
1	Đơn vị: Tổng cục Kỹ thuật	25	25
2	Đơn vị: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	25	25
3	Đơn vị: Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	25	25
4	Đơn vị: Học Viện Kỹ thuật Quân sự	25	25
	Cộng	100	100

Phụ lục 4.2. Cơ cấu các câu hỏi

TT	Nhóm câu hỏi	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhóm câu hỏi hướng tới quan điểm và nhận thức quân đội có nên duy trì hoạt động có thu (làm kinh tế) không ?	3	27,27
2	Nhóm câu hỏi hướng tới tính hợp lý của cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu, và việc phát huy thể mạnh	3	27,27
3	Nhóm câu hỏi hướng tới các quyền lợi và chế độ có đáp ứng thỏa đáng cho người tham gia làm kinh tế	2	18,18
4	Nhóm câu hỏi hướng tới tính công khai và dân chủ trong quản lý tài chính hoạt động có thu	2	18,18
5	Câu hỏi mở để thu lượm thêm thông tin	1	10,10
	Cộng	11	100

Phụ lục 4.3. Kết quả phiếu phỏng vấn

Câu hỏi số	Ý kiến trả lời theo cấp độ từng loại câu hỏi (câu hỏi trả lời 2 cấp độ: phiên hiệu là 1; 2, câu hỏi trả lời 3 cấp độ: phiên hiệu là 1; 2; 3.			Tổng số ý kiến
	1	2	3	
1	60	31	9	100
2	75	25	0	100
3.1	40	42	18	100
3.2	41	45	14	100
3.3	45	54	1	100
4	51	48	1	100
5	58	37	5	100
6	11	69	20	100
7	15	68	17	100
8	5	95	0	100
9	71	22	7	100

10	25	67	8	100
11	Câu hỏi mở để thu lượm thêm thông tin			

Phụ lục 4.4. Mẫu phiếu phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN

Phục vụ làm Luận án tiến sĩ: “*Quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị dự toán quân đội*”. Tác giả chỉ sử dụng kết quả phỏng vấn phục vụ Luận án này, không sử dụng cho các mục đích khác.

- Ký hiệu bảng khảo sát phỏng vấn.....(1)
 Thời gian khảo sát phỏng vấn(2)
 Họ tên người được phỏng vấn cung cấp thông tin:.....(3)
 Cơ quan làm việc(4)
 Địa chỉ đóng quân:(5)

Rất cảm ơn đồng chí đã bớt chút thời gian tham gia sự trao đổi thông tin liên quan đến quản lý nhà nước về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị.

Nhóm câu hỏi hướng tới quan điểm và nhận thức quân đội có nên duy trì hoạt động có thu (làm kinh tế) không

1. Việc đơn vị triển khai tổ chức nhiệm vụ hoạt động có thu (*làm kinh tế*) có phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thế mạnh của đơn vị không?

Rất phù hợp (1) Tương đối phù hợp (2) Còn chưa phù hợp (3)

2. Có ý kiến cho rằng: Đơn vị triển khai hoạt động có thu ít nhiều có ảnh hưởng (*làm giảm đi*) đến nhiệm vụ “*Chính trị*” (*nhiệm vụ quân sự, các mặt công tác, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu...*) của đơn vị?

Không ảnh hưởng(1) Ít ảnh hưởng (2) Ảnh hưởng (3)

3. Đánh giá về kết quả hoạt động có thu của đơn vị trong thời gian qua:

	Cao(1)	TB(2)	Thấp(3)
3.1. Hiệu quả kinh tế đem lại từ hoạt động có thu			
3.2. Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
3.3. Góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần			

Nhóm câu hỏi hướng tới tính hợp lý của cơ chế quản lý tài chính hoạt động có thu, và việc phát huy thế mạnh

4. Trách nhiệm được giao giữa các bộ phận làm công tác chuyên môn và các bộ phận tham gia hoạt động có thu (*làm kinh tế*) trong đơn vị có rõ ràng hay không?

Rất rõ ràng (1) Rõ ràng (2) Còn chưa rõ ràng (3)

5. Vai trò của người Lãnh đạo, Chỉ huy đơn vị trong việc triển khai làm kinh tế tại đơn vị?

Có vai trò quan trọng(1) Có vai trò nhất định (2) Ý kiến khác (3)

6. Theo đồng chí cơ chế quản lý hiện nay có đáp ứng tốt các khâu đảm bảo cho hoạt động có thu tại đơn vị?

Đáp ứng tốt (1) Đáp ứng được (2) Chưa đáp ứng (3)

Nhóm câu hỏi hướng tới các quyền lợi và chế độ có đáp ứng thỏa đáng cho người tham gia làm kinh tế

7. Chế độ và quyền lợi (*việc đãi ngộ đối với người làm kinh tế*) trong đơn vị có thỏa đáng hay không?

Rất thỏa đáng (1) Thỏa đáng (2) Chưa thỏa đáng (3)

8. Từ khi đơn vị triển khai hoạt động có thu (làm kinh tế) đời sống vật chất tinh thần của cán bộ chiến sĩ trong đơn vị có được nâng lên rõ ràng?

Rất tốt(1) Tốt (2) Không thay đổi (3)

Nhóm câu hỏi hướng tới tính công khai và dân chủ trong quản lý tài chính hoạt động có thu

9. Đồng chí có hiểu và nắm được quy chế quản lý về tài chính hoạt động có thu tại đơn vị nơi mình đang công tác và làm việc?

Nắm rõ (1) Chưa nắm rõ (2) Ý kiến khác (3)

10. Việc phân phối kết quả thu được từ việc đơn vị làm kinh tế có công khai và rõ ràng trong thời gian qua?

Rất rõ ràng (1) Tương đối rõ ràng (2) Không rõ ràng (3)

11. Xin đồng chí có ý kiến gì thêm? Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

.....

Phụ lục 5: Một số biểu mẫu liên quan đến nhận và quyết toán kinh phí**Phụ lục 5.1. Báo cáo tình hình và quyết toán kinh phí**

Đơn vị cấp trên:.....

Đơn vị:.....

Mẫu số 02/N

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬN VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Năm

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Chỉ tiêu NS năm	Số được cấp	Số đề nghị quyết toán cả năm	Số được cấp - Số đề nghị quyết toán cả năm	
				Thừa	Thiếu
1	2	3	4	5=3-4	6=4-3
A. Ngân sách sử dụng					
1. Kinh phí năm trước chuyển sang					
2. Kinh phí năm nay					
a. Tiền					
-Thường xuyên					
- Nghiệp vụ					
b. SDMN					
B. Ngân sách bảo đảm					
1. Kinh phí năm trước chuyển sang					
a. Chi gián tiếp (tự chi ở ngành)					
b. Chi mua sắm hiện vật trong nước					
c. Chi nhập ngoại					
2. Kinh phí năm nay					
a. Chi gián tiếp (tự chi ở ngành)					
b. Chi mua sắm hiện vật trong nước					
c. Chi nhập ngoại					
C. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản					
1. Kinh phí năm trước chuyển sang					
2. Kinh phí năm nay					
D. Kinh phí Nhà nước giao (nếu có)					
1. Kinh phí năm trước chuyển sang					
a. Chi đặc biệt					
b. Các chương trình, dự án, mục tiêu quốc gia					
c. Đầu tư xây dựng cơ bản					
d. Kinh phí người có công					
e. Kinh phí doanh nghiệp					
...					
2. Kinh phí năm nay					
a. Chi đặc biệt					
b. Các chương trình, dự án, mục tiêu quốc gia					

c. Đầu tư xây dựng cơ bản					
d. Kinh phí người có công					
e. Kinh phí doanh nghiệp					
...					
E. Kinh phí BHXH					
...					
F. Kinh phí khác được cấp (nếu có)					
(các loại quỹ được cấp)					
...					
I. Số thu được để lại chi theo chế độ					
1. Thu phí, lệ phí					
...					
2. Thu thanh xử lý					
...					
3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ					
a- Năm trước chuyển sang					
...					
b. Năm nay					
...					
4. Thu khác					
a- Năm trước chuyển sang					
...					
b. Năm nay					
...					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng (ban) tài chính
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 5.2. Báo cáo kết quả hoạt động có thu và các khoản thu nộp ngân sách

Đơn vị cấp trên:.....

Đơn vị:.....

Mẫu số B09/N

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÓ THU VÀ CÁC KHOẢN THU NỘP NGÂN SÁCH

Năm:.....

A. Kết quả các hoạt động có thu:

I. Hoạt động làm kinh tế

Đơn vị tính: đồng

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu trong năm	Chi phí					Chênh lệch thu, chi	Phân phối chênh lệch thu chi					
		Tổng số	Các khoản đã QT ngân sách			Khác		Nộp thuế thu nhập DN	Nộp ngân sách QP	Nộp cấp trên	Bổ sung kinh phí	Trích quỹ đơn vị	Số chưa phân phối
			Khấu hao TSCĐ	Tiền lương	...								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Các đơn vị:													
1. Loại hình ...													
2. Loại hình ...													
...													
B. Bản thân													
1. Hoạt động													
...													
Tổng cộng													

II. Hoạt động thu phí, lệ phí

Loại hình hoạt động có thu	Tổng số thu trong năm	Chi phí	Chênh lệch thu, chi	Phân phối							Số chưa phân phối
				Nộp thuế thu nhập DN	Nộp ngân sách QP	Nộp cấp trên	Bổ sung ...	Bổ sung ...	Bổ sung ...	Trích quỹ đơn vị	

B. Thu nộp ngân sách:

Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp ngân sách	Số đã nộp	Số còn phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A. Nộp ngân sách QP					
1. Thanh xử lý					
2. Quyết toán trùng					
B. Nộp ngân sách Nhà nước					
1. Nộp thuế thu nhập cá nhân					
Tổng cộng					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng (ban) tài chính
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 5.3. Báo cáo quyết toán các khoản từ nguồn thu để lại theo chế độ

Đơn vị cấp trên:
 Đơn vị:

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN THU
 ĐỂ LẠI THEO CHẾ ĐỘ
 Năm 20**

Mẫu số B20
 /N

Đơn vị tính: đồng

M ụ c	Ti ể m ụ c	Ti ế t m ụ c	Ng à n h	N ộ i d u n g	D ự t o á n đ ư ợ c đ u y ệ t	T h ự c h i ệ n	X á c n h ậ t q u y ế t t o á n
				Cộng			

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Trưởng phòng (ban) tài chính
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 20

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ Lục 6. Kết quả phân tích hồi quy

I. Kết quả hồi quy năm 2005

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	-340671	3678934							
	Tongthu2005	.595	.043	.912	13.864	.000				

a Dependent Variable: Chiphi2005

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (năm 2005 - toàn quân) như sau:

$$\text{Chiphi2005} = -340671 + 0,595 \times \text{Tongthu2005}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,595$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2005, chi phí chiếm 59,5% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của năm 2005 nằm trong khoảng (50,8% - 68,2%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	340671	3678934							
	Tongthu2005	.405	.043	.834	9.435	.000				

a Dependent Variable: Chenhlechthuchi2005

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (năm 2005- toàn quân) như sau:

$$\text{Chenhlechthuchi2005} = 340671 + 0,405 \times \text{Tongthu2005}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,405$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2005, chênh lệch thu chi chiếm 40,5% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của năm 2005 nằm trong khoảng (31,8% - 49,2%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	-299582	593077							
	Chenhlechthuchi2005	.102	.015	.729	6.658	.000				

a Dependent Variable: Chuaphanphoi2005

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (năm 2005-toàn quân) như sau:

$$\text{Chuaphanphoi2005} = -299582 + 0,102 \times \text{chenhlechthuchi2005}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,015$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,102$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2005, số chưa phân phối chiếm 10,2% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2005 nằm trong khoảng (7,1% - 13,3%)

II. Kết quả hồi quy năm 2006

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	-552800	3901046							
	Tongthu2006	.594	.043	.912	-1.142	13.881	.888	.000	-8443412	7337811

a Dependent Variable: Chiphitongthu2006

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (năm 2006-toàn quân) như sau:

$$\text{Chiphitongthu2006} = -552800 + 0,594 \times \text{Tongthu2006}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,594$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2006, chi phí chiếm 59,4% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của năm 2006 nằm trong khoảng (50,7% - 68,1%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	552800	3901046							
	Tongthu2006	.406	.043	.835	.142	9.489	.888	.000	-7337811	8443412

a Dependent Variable: Chenhlechthuchi2006

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (năm 2006-toàn quân) như sau:

$$\text{Chenhlechthuchi2006} = 552800 + 0,406 \times \text{Tongthu2006}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,406$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2006, chênh lệch thu chi chiếm 40,6% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của năm 2006 nằm trong khoảng (31,9% - 49,3%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound
1	(Constant)	18660	777600		.024	.981	-1554184	1591505
	Chenhlechthuchi2006	.086	.019	.592	4.589	.000	.048	.124

a Dependent Variable: Chuaphanphoi2006

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (năm 2006-toàn quân) như sau:

$$\text{Chuaphanphoi2006} = 18660 + 0,086 \times \text{chenhlechthuchi2006}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,019$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,086$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2006, số chưa phân phối chiếm 8,6% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2006 nằm trong khoảng (4,8% - 12,4%)

III. Kết quả hồi quy năm 2007

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound
1	(Constant)	1123119	4725671		.238	.814	-8480600	10726840
	Tongthu2007	.585	.046	.908	12.651	.000	.491	.679

a Dependent Variable: Chiphi2007

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (năm 2007-toàn quân) như sau:

$$\text{Chiphi2007} = 1123119 + 0,585 \times \text{Tongthu2007}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,046$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,585$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2007, chi phí chiếm 58,5% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của năm 2007 nằm trong khoảng (49,1% - 67,9%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound

1	(Constant)	224924	4125036		.055	.957	-8118748	8568598
	Tongthu2007	.411	.043	.838	9.577	.000	.324	.497

a Dependent Variable: Chenhlechthuchi2007

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (năm 2007-toàn quân) như sau:

$$\text{Chenhlechthuchi2007} = 224924 + 0,411 \times \text{Tongthu2007}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,411$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2007, chênh lệch thu chi chiếm 41,1% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của năm 2007 nằm trong khoảng (32,4% - 49,7%)

Coefficients(a)

Mo del	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B		
	B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound	B
1	(Constant)	454185	840743		.540	.592	-1246378	2154750
	Chenhlechthuchi2007	.056	.019	.425	2.936	.006	.018	.095

a Dependent Variable: Chuaphanphoi2007

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (năm 2007-toàn quân) như sau:

$$\text{Chuaphanphoi2005} = 454185 + 0,056 \times \text{chenhlechthuchi2007}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,019$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,056$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2007, số chưa phân phối chiếm 5,6% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2005 nằm trong khoảng (1,8% - 9,5%)

IV. Kết quả hồi quy năm 2008

Coefficients(a)

Mo del	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B		
	B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound	B
1	(Constant)	-1511746	4509271		-.335	.739	-10640289	7616796
	Tongthu2008	.640	.041	.930	15.652	.000	.557	.723

a Dependent Variable: Chiphi2008

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (năm 2008-toàn quân) như sau:

$$\text{Chiphi2008} = -1511746 + 0,64 \times \text{Tongthu2008}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,041$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,64$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2008, chi phí chiếm 64% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của năm 2008 nằm trong khoảng (55,7% - 72,3%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	2571652	4622923		.556	.581			-6771623	11914928
	Tongthu2008	.362	.043	.802	8.494	.000			.276	.448

a Dependent Variable: Chenhlechthuchi2008

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (năm 2008-toàn quân) như sau:

$$\text{Chenhlechthuchi2008} = 2571652 + 0,362 \times \text{Tongthu2008}$$

Se (β_2) = 0,043

=> Hệ số $\beta_2 = 0,362$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2008, chênh lệch thu chi chiếm 36,2% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của năm 2008 nằm trong khoảng (27,6% - 44,8%)

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		
1	(Constant)	2080547	3129815		.665	.513			-4428260	8589355
	Chenhlechthuchi2008	.082	.055	.307	1.480	.154			-.033	.197

a Dependent Variable: Chuaphanphoi2008

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (năm 2008-toàn quân) như sau:

$$\text{Chuaphanphoi2008} = 2080547 + 0,082 \times \text{chenhlechthuchi2008}$$

Se (β_2) = 0,055

=> Hệ số $\beta_2 = 0,082$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2008, số chưa phân phối chiếm 8,2% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2008 nằm trong khoảng (-3,3% - 19,7%)

V. Kết quả hồi quy năm 2009

Coefficients(a)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error		

1	(Constant)	7092877	6077752		1.167	.250	-5181392	19367148
	Tongthu2009	.482	.043	.870	11.303	.000	.396	.569

a Dependent Variable: Chiphithu2009

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (năm 2009 - toàn quân) như sau:

$$\text{Chiphithu2009} = 7092877 + 0,482 \times \text{Tongthu2009}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,482$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2009, chi phí chiếm 48,2% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của năm 2009 nằm trong khoảng (39,6% - 56,9%)

Coefficients(a)

Mo del	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
	B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error	B	Std. Error
1 (Constant)	-7092877	6077752		-1.167	.250	-19367148	5181392		
Tongthu2009	.518	.043	.884	12.126	.000	.431	.604		

a Dependent Variable: Chênh lệch thu chi

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (năm 2009 - toàn quân) như sau:

$$\text{Chênh lệch thu chi} = 7092877 + 0,518 \times \text{Tongthu2009}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,043$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,518$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2009, chênh lệch thu chi chiếm 51,8% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của năm 2009 nằm trong khoảng (43,1% - 60,4%)

Coefficients(a)

Mo del	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t		Sig.		95% Confidence Interval for B	
	B	Std. Error	Beta	Lower Bound	Upper Bound	B	Std. Error	B	Std. Error
1 (Constant)	1650481	873317		1.890	.066	-113219	3414182		
Chênh lệch thu chi	.012	.012	.154	.999	.323	-.012	.035		

a Dependent Variable: Chưa phân phối

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (năm 2009 - toàn quân) như sau:

$$\text{Chưa phân phối} = 1650481 + 0,012 \times \text{Chênh lệch thu chi}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,012$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,012$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy năm 2009, số chưa phân phối chiếm 1,2% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2009 nằm trong khoảng (-1,2% - 3,5%)

VI. Kết quả hồi quy 5 năm

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound
1	(Constant)	1668613	2053320		.813	.417	-2379720	5716947
	Tongthu	.559	.019	.898	29.224	.000	.521	.597

a Dependent Variable: Chipheri

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chi phí theo tổng thu (5 năm - toàn quân) như sau:

$$\text{Chipheri} = 1668613 + 0,559 \times \text{Tongthu}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,019$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,559$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy trung bình trong 5 năm, chi phí chiếm 55,9% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chi phí trong tổng thu của 5 năm nằm trong khoảng (52,1% - 59,7%)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound
1	(Constant)	-1668613	2053320		-.813	.417	-5716947	2379720
	Tongthu	.441	.019	.850	23.071	.000	.403	.479

a Dependent Variable: Chênh lệch thu chi

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của chênh lệch thu chi theo tổng thu (5 năm - toàn quân) như sau:

$$\text{Chênh lệch thu chi} = -1668613 + 0,441 \times \text{Tongthu}$$

$$\text{Se}(\beta_2) = 0,019$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,441$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy trung bình trong 5 năm, chênh lệch thu chi chiếm 44,1% tổng thu.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chênh lệch thu chi trong tổng thu của 5 năm nằm trong khoảng (40,3% - 47,9%)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	95% Confidence Interval for B	
		B	Std. Error	Beta			Lower Bound	Upper Bound
1	(Constant)	917793	439510		2.088	.038	51252	1784334
	Chênh lệch thu chi	.047	.009	.353	5.406	.000	.030	.063

a Dependent Variable: Chuaphanphoi

Từ kết quả hồi quy, ta có phương trình hồi quy của số chưa phân phối theo chênh lệch thu chi (5 năm - toàn quân) như sau:

$$\text{Chuaphanphoi} = 917793 + 0,047 \times \text{chenhlechthuchi}$$

$$Se(\beta_2) = 0,009$$

=> Hệ số $\beta_2 = 0,047$ có ý nghĩa ở mức 0,05 (kết quả ước lượng là có ý nghĩa)

Từ phương trình hồi quy trên, ta thấy trung bình trong 5 năm, số chưa phân phối chiếm 4,7% chênh lệch thu chi.

Với khoảng tin cậy 95%, tỷ lệ chưa phân phối trong chênh lệch thu chi của năm 2009 nằm trong khoảng (3% - 6,3%)

Phụ Lục 7. Kết quả phân tích phiếu điều tra

Phụ lục 7.1. Kết quả phân tích phiếu điều tra cán bộ thực thi chính sách

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X1	113	1	1	1.00	.000
X2	113	0	1	.97	.161
X3	113	1	1	1.00	.000
X5	113	0	1	.75	.434
X6	112	0	1	.64	.481
X7	113	0	1	.82	.383
X8	113	0	1	.80	.404
X9	113	0	1	.98	.132
X11	112	0	1	.99	.094
X15	113	0	1	.62	.488
X15.1	112	0	2	1.26	.479
X15.2	113	0	1	.77	.423
X15.3	113	0	2	1.04	.470
X16	113	0	1	.81	.391
X18	113	0	1	.04	.207
X21	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	111				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X1	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X2	113	0	1	.97	.161
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X3	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X5	113	0	1	.75	.434
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X6	112	0	1	.64	.481
Valid N (listwise)	112				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X7	113	0	1	.82	.383
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X8	113	0	1	.80	.404
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X9	113	0	1	.98	.132
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X11	112	0	1	.99	.094
Valid N (listwise)	112				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15	113	0	1	.62	.488
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.1	112	0	2	1.26	.479
Valid N (listwise)	112				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.2	113	0	1	.77	.423
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.3	113	0	2	1.04	.470
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X16	113	0	1	.81	.391
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X18	113	0	1	.04	.207
Valid N (listwise)	113				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X21	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	113				

Phụ lục 7.2. Kết quả phân tích phiếu điều tra cán bộ tham gia hoạch định hình sách

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X1	114	1	1	1.00	.000
X2	114	0	1	.95	.224
X3	114	1	1	1.00	.000
X5	112	0	1	.84	.369
X6	108	0	1	.40	.492
X7	105	0	1	.79	.409
X8	109	0	1	.55	.500
X9	109	0	1	.94	.229
X11	111	0	1	.95	.227
X15	110	0	1	.55	.500
X15.1	109	0	2	1.21	.562
X15.2	109	0	2	.76	.525
X15.3	109	0	2	.90	.543
X16	109	0	1	.69	.465
X18	109	0	1	.05	.210
X21	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	94				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X1	114	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	114				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X2	114	0	1	.95	.224
Valid N (listwise)	114				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X3	114	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	114				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X5	112	0	1	.84	.369
Valid N (listwise)	112				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X6	108	0	1	.40	.492
Valid N (listwise)	108				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X7	105	0	1	.79	.409
Valid N (listwise)	105				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X8	109	0	1	.55	.500
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X9	109	0	1	.94	.229
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X11	111	0	1	.95	.227
Valid N (listwise)	111				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15	110	0	1	.55	.500
Valid N (listwise)	110				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.1	109	0	2	1.21	.562
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.2	109	0	2	.76	.525
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X15.3	109	0	2	1.1	.543
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X16	109	0	1	.69	.465
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X18	109	0	1	.05	.210
Valid N (listwise)	109				

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
X21	113	1	1	1.00	.000
Valid N (listwise)	113				